

KHUYẾN CÁO

Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (“**VBF**”) là một cơ chế đối thoại liên tục và chặt chẽ giữa Chính phủ Việt Nam với cộng đồng các doanh nghiệp trong nước và quốc tế, nhằm cải thiện các điều kiện kinh doanh cần thiết để thúc đẩy sự phát triển của khối doanh nghiệp tư nhân, thuận lợi hóa môi trường đầu tư, đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế bền vững của Việt Nam.

Tài liệu này được phát hành để phục vụ Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam Thường niên 2018 được tổ chức vào ngày 4/12/2018 tại Hà Nội.

Các kết luận và nhận định đưa ra trong tài liệu này, cũng như trong các bài thuyết trình của đại diện các doanh nghiệp tại Diễn đàn, không thể hiện quan điểm của Hội đồng Quản trị Liên minh VBF, của Ban Thư ký VBF, cũng như của các tổ chức đồng chủ tọa VBF bao gồm Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam, Ngân hàng Thế giới, và Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) - thành viên của Nhóm Ngân hàng Thế giới. Hội đồng Quản trị Liên minh VBF, Ban Thư ký VBF, và các tổ chức đồng chủ tọa VBF không đảm bảo tính chính xác của các dữ liệu được sử dụng trong tài liệu này, cũng như trong các bài thuyết trình nói trên, và không chịu trách nhiệm đối với các hậu quả do việc sử dụng các dữ liệu này gây ra.

Tài liệu này không được cho thuê, bán lại hoặc phát hành cho mục đích thương mại.



MỤC LỤC

CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ DỰ KIẾN

I. PHIÊN KHAI MẠC: PHÁT BIỂU KHAI MẠC VÀ PHÁT BIỂU CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

- 1.1. Báo cáo của Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam – VCCI
- 1.2.1 Bài phát biểu của Hiệp hội Doanh nghiệp Châu Âu - EuroCham
- 1.2.2. Báo cáo của Hiệp hội Doanh nghiệp Châu Âu – EuroCham
- 1.3. Báo cáo của Hiệp hội Doanh nghiệp Hoa Kỳ - AmCham
- 1.4. Báo cáo của Hiệp hội Doanh nghiệp Anh quốc – BBGV
- 1.5. Báo cáo của Hiệp hội Hàn quốc – KoCham
- 1.6.1 Bài phát biểu của Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản – JCCI
- 1.6.2 Báo cáo của Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản – JCCI
- 1.7 Báo cáo của Hiệp hội Doanh nghiệp Ấn Độ - InCham

II. PHIÊN 1: NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ CHO CƠ SỞ HẠ TẦNG

- 2.1.1 Bài phát biểu của Nhóm Công tác Hạ tầng
- 2.1.2 Báo cáo của Nhóm Công tác Hạ tầng
- 2.2 Báo cáo của Nhóm Công tác Điện & Năng lượng
- 2.3 Báo cáo của Nhóm Công tác Thị trường Vốn
- 2.4 Báo cáo của Nhóm Công tác Ngân hàng

III. PHIÊN 2: NÂNG CAO KIẾN THỨC PHỤC VỤ NGÀNH CÔNG NGHIỆP HIỆN ĐẠI

- 3.1.1 Bài phát biểu Nhóm Công tác Giáo dục và Đào tạo
- 3.1.2 Báo cáo của Nhóm Công tác Giáo dục và Đào tạo
- 3.2.1 Bài phát biểu của Nhóm Công tác Nông nghiệp
- 3.2.2 Báo cáo của Nhóm Công tác Nông nghiệp
- 3.3.1 Bài phát biểu của Nhóm Công tác Du lịch
- 3.3.2 Báo cáo của Nhóm Công tác Du lịch

IV. PHIÊN 3: KHẮC PHỤC NHỮNG TRỞ NGẠI ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

- 4.1 Báo cáo của Nhóm Công tác Đầu tư & Thương mại
- 4.2 Báo cáo của Nhóm Công tác Thuế & Hải quan

V. CÁC BÁO CÁO KHÁC

- 5.1. Báo cáo của Nhóm Công tác Ô tô/Xe máy
- 5.2. Báo cáo của Nhóm Công tác Quản trị và Liêm chính
- 5.3.1 Báo cáo của Nhóm Công tác Nhân sự

- 5.3.2. Phụ lục Báo cáo của Nhóm Công tác Nhân sự
- 5.4. Báo cáo của Nhóm Công tác Khoáng sản
- 5.5. Nhóm công tác Thuế/Hải quan – Biên bản họp với Tổng cục Thuế 30/8/2018
- 5.6. Nhóm công tác Thuế/Hải quan – Biên bản họp với Tổng cục Hải quan 27/9/2018
- 5.7. VBF – Biên bản cuộc họp liên bộ về Luật an ninh mạng 13/9/2018
- 5.8. Nhóm công tác Điện và Năng lượng – Biên bản họp với Cục điều tiết Điện lực 15/11/2018
- 5.9. Tóm tắt nội dung Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam Giữa kỳ 2018

DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THƯỜNG NIÊN 2018

CHIA SẺ CƠ HỘI TRONG XU THẾ CHUYÊN DỊCH THƯƠNG MẠI TOÀN CẦU

Thời gian: 7h00 – 13h30 , Thứ Ba, ngày 4 tháng 12 năm 2018

Địa điểm: Khách sạn Lotte Hà Nội, 54 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ DỰ KIẾN

7:00 – 8:00	Đăng ký đại biểu
8:00 – 8:50	Phát biểu khai mạc: - Bộ Kế hoạch và Đầu tư – Ông Nguyễn Chí Dũng, Bộ trưởng (5') - Tổ chức Tài Chính Quốc tế – Ông Kyle F. Kelhofer, Giám đốc Quốc gia cấp cao, Việt Nam, Lào, Campuchia (5') - Liên minh Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF) – Ông Tomaso Andreatta, Đồng Chủ tịch (5') Phát biểu của 6 Hiệp hội Doanh nghiệp Thương mại: - Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam – Ông Vũ Tiến Lộc, Chủ tịch (5') - Hiệp hội Doanh nghiệp Châu Âu – Ông Nicolas Audier, Đồng Chủ tịch và Ông Denis Brunetti, Đồng Chủ tịch (5') - Hiệp hội Doanh nghiệp Hoa Kỳ – Ông Michael Kelly, Chủ tịch (5') - Hiệp hội Doanh nghiệp Anh Quốc tại Việt Nam – Ông Kenneth Atkinson, Chủ tịch (5') - Hiệp hội Doanh nghiệp Hàn Quốc – Ông Ryu Hang Ha, Chủ tịch (5') - Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản – Ông Koji Ito, Chủ tịch (5')
PHIÊN 1 NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ CHO CƠ SỞ HẠ TẦNG	
8:50 – 9:10	- Nhóm Công tác Hạ tầng (5'): “Thúc đẩy hợp tác công tư” - Nhóm công tác Điện & Năng lượng (5'): “Cải cách Hợp đồng mua bán điện trực tiếp (DPPA) và Hợp đồng mua bán điện có khả năng thanh toán - xây dựng Sơ đồ điện VIII mang tính khả thi” - Nhóm Công tác Thị trường Vốn (5'): “Tài chính cho thị trường” - Nhóm Công tác Ngân hàng (5'): “Tín dụng chất lượng cao - nguồn lực quan trọng để đổi mới” 4 Diễn giả: Ông Tony Foster (Trưởng Nhóm Công tác Hạ tầng) Ông John Rockhold (Trưởng Nhóm Công tác Điện & Năng lượng)

	Ông Dominic Scriven (Trưởng Nhóm Công tác Thị trường Vốn) Ông Nirukt Sapru (Trưởng Nhóm Công tác Ngân hàng)
9:10 – 9:30	Phản hồi từ phía Chính phủ (20')
9:30 – 9:45	NGHỈ GIẢI LAO & CHỤP ẢNH (15')
PHIÊN 2 NÂNG CAO KIẾN THỨC PHỤC VỤ NGÀNH CÔNG NGHIỆP HIỆN ĐẠI	
9:45 – 10:00	- Nhóm Công tác Giáo dục (5'): "Kỹ năng mới đáp ứng yêu cầu công việc trong thời kỳ công nghiệp 4.0" - Nhóm Công tác Nông nghiệp (5'): "Nông nghiệp chính xác và cách thức quảng bá sản phẩm trên thị trường thế giới" - Nhóm Công tác Du lịch (5') "Dịch vụ du lịch – nhà hàng – khách sạn cần những cách tiếp cận mới"
10:00 – 10:20	3 Diễn giả: Ông Brian O'Reilly (Trưởng Nhóm Công tác Giáo dục & Đào tạo) Ông David John Whitehead (Trưởng Nhóm Công tác Nông nghiệp) Ông Colin Pine (Trưởng Nhóm Công tác Du lịch)
	Phản hồi từ phía Chính phủ (20')
PHIÊN 3 KHẮC PHỤC NHỮNG TRỞ NGẠI ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP	
10:20 – 10:30	- Nhóm Công tác Đầu tư & Thương mại (5'): "Tăng cường khả năng cạnh tranh và giảm gánh nặng quan liêu để tận dụng các Hiệp định Tự do Thương mại và các cơ hội thương mại khác" - Nhóm công tác Thuế & Hải quan (5'): "Minh bạch về thuế và hải quan tạo điều kiện cho Doanh nghiệp Việt Nam phát triển"
10:30 – 10:50	2 Diễn giả: Ông Fred Burke (Trưởng Nhóm Công tác Đầu tư & Thương mại) Ông Mark Gillin (Trưởng Nhóm Công tác Thuế & Hải quan)
	Phản hồi từ phía Chính phủ (20')
10:50 – 11:10	PHÁT BIỂU CHỈ ĐẠO CỦA NGÀI NGUYỄN XUÂN PHÚC THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ (20')
BẾ MẠC	
11:10 – 11:30	- Ngân hàng Thế giới – Ông Ousmane Dione, Giám đốc Quốc gia (5') - Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam – Ông Vũ Tiến Lộc, Đồng Chủ tịch (5') - Bộ Kế hoạch và Đầu tư – Ông Nguyễn Chí Dũng, Bộ trưởng (5')
11:30 – 13:30	TIỆC TRƯA Khách sạn Lotte Hà Nội

I. PHIÊN KHAI MẠC



BÁO CÁO CỦA PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM (“VCCI”) TẠI DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THƯỜNG NIÊN 2018

*Trình bày bởi
Ông Vũ Tiến Lộc
Chủ tịch*

CÀN TIẾP TỤC NHỮNG NỖ LỰC THỰC CHẤT ĐỂ CẢI THIẾN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP

Tạo lập một môi trường kinh doanh ổn định, vững chắc và khuyến khích tinh thần doanh nghiệp là chủ trương quan trọng mà Chính phủ Việt Nam đang nỗ lực thực hiện. Liên tục trong 5 năm trở lại đây, Chính phủ đã ban hành loạt Nghị quyết 19/NQ-CP về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và Nghị quyết 35/NQ-CP năm 2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, trong đó giao nhiều nhiệm vụ cho các cơ quan nhà nước và chính quyền địa phương trong việc cải thiện môi trường kinh doanh và hỗ trợ các doanh nghiệp.

Sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ với các bộ, ngành và địa phương về cắt giảm điều kiện đầu tư, kinh doanh, cải cách kiểm tra chuyên ngành và đơn giản hoá thủ tục hành chính đã được các doanh nghiệp ghi nhận. Nhìn chung, các doanh nghiệp qua khảo sát của VCCI thời gian qua đều nhận thấy môi trường đầu tư kinh doanh đang chuyển biến mạnh mẽ. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thực hiện một báo cáo ghi nhận đánh giá của cộng đồng doanh nghiệp về việc các bộ ngành, địa phương thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao trong các Nghị quyết 19 và 35, với một số nét chính như sau¹:

- Trong các lĩnh vực của Nghị quyết 19, thành lập doanh nghiệp và tiếp cận điện năng là hai lĩnh vực được doanh nghiệp ghi nhận có nhiều chuyển biến nhất. Ngược lại, các lĩnh vực phá sản doanh nghiệp, bảo vệ nhà đầu tư và thủ tục xuất nhập khẩu được đánh giá chuyển biến chậm hơn;
- Việc cắt giảm điều kiện kinh doanh có nhiều tín hiệu tích cực. Song, điều tra năm 2017 cho thấy, vẫn có 58% doanh nghiệp phải xin Giấy phép kinh doanh có điều kiện, và 42% doanh nghiệp trong số đó cho biết họ gặp khó khăn khi xin giấy phép;
- Việc cải cách kiểm tra chuyên ngành có một số tiến bộ. Điểm sáng lớn nhất là Nghị định 15/2018/NĐ-CP thay thế Nghị định 38/2012/NĐ-CP về hướng dẫn Luật an toàn thực phẩm;
- Thủ tục đăng ký kinh doanh có nhiều chuyển biến tích cực, hiện có 13% doanh nghiệp thực hiện trực tuyến;
- Thủ tục cấp giấy phép xây dựng đã bước đầu liên thông với thủ tục phòng cháy chữa cháy, nhưng mức độ liên thông vẫn cần được cải thiện;

¹ Toàn văn báo cáo được đăng tải trên trang thông tin điện tử của VCCI tại địa chỉ: <http://vibonline.com.vn/chuyen-muc/an-pham>

- Tiếp cận điện năng được doanh nghiệp đánh giá rất tốt, bao gồm cả thủ tục đấu nối điện và độ ổn định điện;
- Việc nộp thuế của doanh nghiệp đạt thuận lợi hơn rất nhiều, chủ yếu do ứng dụng công nghệ thông tin. Tuy nhiên, tình trạng quy định pháp luật thuế gây ra cách hiểu không thống nhất giữa doanh nghiệp và cơ quan thuế vẫn còn nhiều;
- Thủ tục đăng ký bất động sản mặc dù có sự cải thiện, nhưng mang tính đơn lẻ, chưa có sự liên kết, phối hợp với thủ tục về xây dựng, công chứng, nộp thuế;
- Cải cách tư pháp đạt bước tiến trong việc công khai các bản án và công bố án lệ, nhưng chậm trong việc triển khai thủ tục rút gọn và toà án điện tử. Tỷ lệ doanh nghiệp sẵn sàng khởi kiện có xu hướng giảm, với lý do chính là thời gian kéo dài. Các doanh nghiệp đã từng kiện tụng có xu hướng sử dụng các biện pháp giải quyết tranh chấp không chính thức cao hơn so với doanh nghiệp chưa từng kiện tụng;
- Cải cách thủ tục hành chính tại nhiều địa phương có tiến bộ, song việc triển khai thủ tục trực tuyến vẫn chậm và có nhiều trục trặc. Cơ chế một cửa đang phát huy hiệu quả tốt ở nhiều địa phương;
- Các tỉnh, thành phố triển khai xây dựng và công bố Bộ chỉ số đánh giá năng lực điều hành cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI), doanh nghiệp đánh giá cấp sở ngành huyện, mang lại hiệu quả rõ rệt trong việc cải thiện chất lượng điều hành;
- Các tỉnh, thành phố đều đã có cổng thông tin điện tử, song một số thông tin cần thiết và có ích cho doanh nghiệp như quy hoạch, kế hoạch của địa phương, các dự án đầu tư ít khi được đăng tải;
- Công tác tổ chức đối thoại giữa chính quyền tỉnh và doanh nghiệp được phát huy tốt. Trong khi đó, cơ chế tiếp nhận và phản hồi ý kiến qua email và điện thoại đường dây nóng lại chưa phát huy hiệu quả, đặc biệt là đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Mô hình cà phê doanh nhân được nhiều doanh nghiệp hoan nghênh;
- Các tỉnh đều có hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, và tập huấn, đào tạo doanh nghiệp. Tuy nhiên, các hoạt động này do chính quyền tổ chức có hiệu quả thấp hơn so với khi được thực hiện bởi các hiệp hội doanh nghiệp hoặc tổ chức tư nhân;
- Cơ sở hạ tầng đã được cải thiện thời gian qua. Doanh nghiệp hài lòng về chất lượng các dịch vụ cơ sở hạ tầng khá cao như điện thoại (78%), điện lực (74%), nước sạch (67%), internet (62%), khu công nghiệp (46%), giao thông (41%);
- Công tác thanh kiểm tra có sự chuyển biến tích cực, tỷ lệ doanh nghiệp bị thanh kiểm tra từ 2 lần trở lên năm 2016 là 48%, năm 2017 giảm còn 40%. Trong số các doanh nghiệp này, tỷ lệ cho biết có sự trùng lặp về nội dung giữa các cuộc thanh kiểm tra là 26% năm 2016, giảm còn 13% năm 2017;
- Việc ứng dụng quản lý rủi ro mới chỉ được thực hiện trong lĩnh vực thuế và hải quan, các lĩnh vực khác mới trong giai đoạn tìm hiểu.

Rõ ràng, các bộ ngành và địa phương cần có những cải cách thực chất và đồng đều hơn, nhằm tạo lập được môi trường kinh doanh thuận lợi cho cộng đồng kinh doanh. Dưới đây là một số kiến nghị nhằm thúc đẩy cải thiện môi trường kinh doanh và hỗ trợ doanh nghiệp:

Về cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh và kiểm tra chuyên ngành: Trong quá trình cắt giảm hiện đang nảy sinh vấn đề chưa thống nhất về tiêu chí xác định quy định nào cắt bỏ hay giữ lại. Ví dụ, có Nghị định bỏ các điều kiện kinh doanh yêu cầu kinh nghiệm hoặc bằng cấp của nhân lực, nhưng lại có Nghị định khác vẫn duy trì. Một ví dụ khác là có nơi sử dụng tiêu chí về lịch sử tuân thủ của một loại hàng hoá để giữ lại/loại bỏ trong danh mục hàng hoá kiểm tra chuyên ngành, trong khi nơi khác lại không sử dụng biện pháp này. Do đó, *cần sớm có thống nhất về tiêu chuẩn đưa ra các quy định gia nhập ngành để bảo đảm tính thống nhất và thuận tiện trong quá trình rà soát.*

Cải cách thủ tục hành chính: Cần nghiên cứu các phương án liên thông tối đa các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của nhiều cơ quan khác nhau. Theo đó, doanh nghiệp chỉ cần nộp hồ sơ tại một cơ quan rồi cơ quan đó chuyển hồ sơ cho các cơ quan khác. Cho phép doanh nghiệp làm nhiều thủ tục đồng thời, hạn chế tối đa việc phải xong thủ tục này mới được làm thủ tục khác. Các địa phương, thậm chí các bộ, cần sớm thực hiện mô hình trung tâm hành chính công một cửa, tăng cường cơ chế giám sát, theo dõi, đánh giá cán bộ tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính.

Về tổ chức đối thoại: Công tác tổ chức đối thoại cần giao cho các hiệp hội doanh nghiệp chuẩn bị về mặt nội dung cũng như mời doanh nghiệp đến tham dự đối thoại. Cần nghiên cứu để có cơ chế giải quyết vướng mắc của doanh nghiệp một cách hiệu quả hơn, như cần có một cơ quan, tổ chức độc lập khách quan giám sát quá trình giải quyết, đồng thời cần có đánh giá công khai kết quả giải quyết vướng mắc từ các doanh nghiệp.

Về thanh kiểm tra: Các tỉnh cần triệt để giao nhiệm vụ cho cơ quan thanh tra tỉnh trong việc làm đầu mối kiểm soát các hoạt động thanh kiểm tra doanh nghiệp trong tỉnh, kể cả các cuộc thanh kiểm tra của cơ quan trung ương. Theo đó, mọi cuộc thanh tra theo kế hoạch phải được thông báo trước cho cơ quan thanh tra tỉnh để sắp xếp và bố trí nhằm đạt 3 mục tiêu: (1) giảm số lần và thời gian thanh tra; (2) không thanh kiểm tra trùng lặp; (3) tăng tối đa số đoàn liên ngành, thay vì mỗi đơn vị tiến hành riêng lẻ. Áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro cũng cần phải trở thành một mũi đột phá trong việc cải cách môi trường kinh doanh. Đây cần phải được coi là nhiệm vụ trọng tâm của các bộ ngành, chứ không thể chỉ dừng lại ở giai đoạn nghiên cứu, cân nhắc áp dụng như hiện nay.

Về minh bạch thông tin: Các bộ, ngành và địa phương cần tiếp tục tăng cường công khai minh bạch thông tin trên website cơ quan chính quyền, đặc biệt là việc đăng tải đầy đủ các thông tin như các quy hoạch, kế hoạch phát triển của địa phương, các dự án đầu tư công, đấu thầu, các dự án kêu gọi đầu tư, các dự án đối tác công tư. Những thông tin về phản hồi, đánh giá, phản ánh vướng mắc kiến nghị, khiếu nại của doanh nghiệp cũng cần được chú ý đăng tải, ví dụ như đánh giá mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp về các thủ tục hành chính của địa phương. Ngoài ra, danh sách các đối tượng bị thanh kiểm tra theo kế hoạch cũng cần được đăng tải trên website của các cơ quan nhà nước.

Về cải cách tư pháp: Hiện nay, nhiều doanh nghiệp đánh giá rằng tốc độ cải cách tư pháp chậm hơn so với tốc độ cải cách hành chính. Cải cách trong phạm vi quản lý của Toà án đã có nhiều bước tiến, song giai đoạn thi hành án vẫn chưa được chú trọng. Thời gian tới, cần tiếp tục các biện pháp cải cách tư pháp, đặc biệt là triển khai các biện pháp đã được đề ra như thủ tục rút gọn trong tố tụng dân sự, toà án điện tử và chuẩn hoá tiêu chí nhận đơn, thụ lý đơn khởi kiện. Lĩnh vực thi hành án dân sự cũng cần đặt ra những chỉ tiêu rõ ràng hơn như thời gian thi hành án trung bình, tỷ lệ án thi hành thành công trên tổng số đơn thi hành án.

Những kiến nghị này được rút ra từ kết quả nghiên cứu của Báo cáo Thực hiện Nghị quyết 19 và Nghị quyết 35 về cải thiện môi trường kinh doanh và phát triển doanh nghiệp: Góc nhìn từ doanh nghiệp do VCCI thực hiện, với sự hỗ trợ của AusAid, trong Chương trình “Australia hỗ trợ cải cách kinh tế Việt Nam” (Aus4Reform), một chương trình giữa Chính phủ Australia và Chính phủ Việt Nam do Bộ Ngoại giao và Thương mại Australia (DFAT) tài trợ nhằm mục tiêu hỗ trợ các cơ quan Việt Nam đạt được các mục tiêu của Đề án tái cơ cấu kinh tế của Chính phủ Việt Nam.



HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP CHÂU ÂU TẠI VIỆT NAM

BÀI PHÁT BIỂU TẠI DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THƯỜNG NIÊN 2018

*Trình bày bởi
Ông Denis Brunetti
Đồng Chủ tịch*

Kính thưa Ngài Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc,

Kính thưa Quý vị đại biểu,

Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam cam kết hỗ trợ các chương trình, kế hoạch của Chính phủ Việt Nam phát triển Công nghiệp 4.0, được đảm bảo bởi việc xây dựng mạng lưới cơ sở hạ tầng công nghệ 4G, 5G, Internet vạn vật, khi Việt Nam muốn thúc đẩy nhanh việc chuyển đổi kỹ thuật số các ngành nghề công nghiệp Sản xuất, Nông nghiệp, Y tế, Đào tạo, Tài chính và Ngân hàng, Năng lượng.

Chúng tôi hoàn toàn ủng hộ và hỗ trợ Chính phủ và các doanh nghiệp Việt Nam trong việc thành lập các hệ sinh thái đổi mới theo Chương trình “Kết nối Mạng lưới Đổi mới Sáng Việt Nam 2018” được công bố và tham dự bởi Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc vào ngày 19 tháng 8 năm 2018.

Các doanh nghiệp Châu Âu được khích lệ và động viên để đầu tư và chủ động đóng góp chuyên môn của mình về đổi mới sáng tạo và công nghệ cao cho chương trình quan trọng và mang tính chiến lược này, hứa hẹn mang lại cho Việt Nam làn sóng FDI công nghệ cao và thịnh vượng kinh tế-xã hội.

EuroCham ghi nhận vai trò quan trọng của Công nghệ Thông tin và Đổi mới công nghệ cao đã và đang góp phần thúc đẩy hành trình phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam trong 25 năm qua kể từ sự khởi đầu của Truyền thông Di động.

Khả năng tiếp cận thông tin di động trên toàn quốc và Internet thông qua mạng băng thông di động đã góp phần vào sự tăng trưởng toàn diện, theo đó tất cả mọi người, cho dù họ sống ở các thành phố đô thị, nông thôn hay các vùng miền xa xôi, cùng được hưởng lợi từ sự thịnh vượng thể hiện thông qua việc kết nối, giao tiếp và Internet là kênh kết nối phổ biến.

EuroCham xin chúc mừng Chính phủ Việt Nam đã định hướng Công nghệ Thông tin và Đổi mới sáng tạo là nền tảng cho Cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0, công nhận đây là nền tảng cho sự tiến bộ vượt bậc của sự phát triển kinh tế- xã hội của Việt Nam. Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam sẽ hỗ trợ khung pháp lý và chính sách về quyền sở hữu trí tuệ để khuyến khích các công ty châu Âu mở rộng phạm vi hoạt động tại Việt Nam bằng cách đầu tư vào các sáng kiến nghiên cứu, phát triển công nghệ cao, tập trung vào công nghệ 5G và Internet vạn vật vốn là nền tảng cho Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Việc Việt Nam tăng cường áp dụng Công nghiệp 4.0, được tạo dựng bởi việc thiết lập các nền tảng công nghệ 4G và 5G, Internet vạn vật , đi cùng với việc tiếp tục cải cách thể chế, tăng cường tập trung vào giáo dục và đào tạo trong Khoa học Dữ liệu và các mức chuyển giao công nghệ phù hợp sẽ đảm bảo rằng tất cả các ngành công nghiệp sẽ trở nên hiệu quả hơn, có năng suất và tiết kiệm chi phí, đảm bảo khả năng cạnh tranh toàn cầu của Việt Nam và sự thịnh vượng của tất cả các công dân của mình.

Xin trân trọng cảm ơn!



HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP CHÂU ÂU TẠI VIỆT NAM

BÀI PHÁT BIỂU TẠI DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THƯỜNG NIÊN 2018

*Trình bày bởi
Ông Nicolas Audier
Đồng Chủ tịch*

Kính thưa Ngài Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc,

Kính thưa Quý vị đại biểu,

Hôm nay tôi rất vui mừng được có mặt tham dự Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF) lần thứ 2 trong năm 2018. Trong 12 tháng qua, chúng ta đã đạt được những dấu mốc quan trọng trong quan hệ Châu Âu và Việt Nam. Vào tháng 10, EuroCham hân hạnh nhận được Bằng khen của Ngài Thủ tướng Chính phủ, ghi nhận những đóng góp của EuroCham trong Hội nghị 30 năm Đầu tư nước ngoài tại Hà Nội. Trong năm 2018, chúng tôi cũng đạt được cột mốc hơn 1000 thành viên. Đây là những bằng chứng cho thấy nỗ lực đổi mới của Chính phủ tiếp tục giúp Việt Nam trở thành một môi trường đầu tư và kinh doanh hấp dẫn cho các công ty Châu Âu.

Với Hiệp định Thương mại tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam đang trong quá trình phê chuẩn, vai trò cầu nối giữa Việt Nam- Châu Âu của chúng tôi càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết.

Tháng trước, EuroCham đã có chuyến công tác tới Bỉ với phái đoàn gần 20 lãnh đạo doanh nghiệp, nhằm mang thông điệp tích cực về Việt Nam tới Châu Âu, gặp gỡ với Ủy ban Châu Âu, cùng các thành viên chủ chốt của Nghị viện Châu Âu. Tuần tiếp theo đó, EuroCham cùng các doanh nghiệp châu Âu hân hạnh được gặp Ngài Thủ tướng để thảo luận về việc tăng cường đầu tư vào Việt Nam trong bối cảnh Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam sắp tới.

Trong suốt chuyến đi, ngay khi Ngài Thủ tướng vừa tới Bỉ, Ủy ban Châu Âu đã thông báo rằng họ đã trình dự thảo Hiệp định lên Hội đồng và Nghị viện Châu Âu để phê chuẩn. Đây là một bước tiến tích cực nhưng chưa phải là kết thúc. Việc phê chuẩn EVFTA chưa phải là tất cả: những thách thức đang chờ ở phía trước, như chúng ta đã biết qua phiên điều trần trước Ủy ban Thương mại Quốc tế. Cuộc bầu cử Nghị viện Châu Âu sắp tới là rất quan trọng. Đặc biệt khi các vấn đề liên quan tới Luật An ninh mạng sẽ là một trong những thảo luận thiết yếu ở Nghị viện Châu Âu.

Đối với các Thành viên của Nghị viện Châu Âu, Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam không chỉ được đánh giá dựa trên một thỏa thuận về thương mại tự do mà còn trên các tác động xã hội bao quát hơn. Các vấn đề về lao động, quyền con người, đang được Nghị viện Châu Âu quan tâm hàng đầu, và trong chuyến đi tới Bỉ, chúng tôi đã trình bày những chuyển biến tích cực của Việt Nam trong các vấn đề này. EuroCham sẽ tiếp tục nhấn mạnh những cải cách tiến bộ của Chính phủ, và chúng tôi sẵn sàng hỗ trợ Việt Nam để triển khai và đáp ứng những tiêu chuẩn mới.

Một khi Hiệp định Tự do Thương mại giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam được phê chuẩn và có hiệu lực, thách thức tiếp theo là đảm bảo việc triển khai trên thực tế. EuroCham đã và đang hỗ trợ cho lộ trình thực hiện, và chúng tôi sẽ tiếp tục chia sẻ góc nhìn cùng kiến nghị từ 16 Tiểu ban Ngành nghề để giúp Việt Nam tận dụng tối đa tiềm năng của Hiệp định này.

Bên cạnh các vấn đề về gia nhập thị trường, các thành viên của chúng tôi mong muốn Chính phủ cân nhắc những vấn đề sau:

Đầu tiên, trong ngành Dược, các thành viên của chúng tôi nhận thấy hai cơ hội để thúc đẩy đầu tư nước ngoài và phát triển một hệ thống Y tế tốt hơn cho các bệnh nhân Việt Nam. Các thành viên của chúng tôi hoan nghênh những tiến bộ từ phía Chính phủ trong việc mang đến một khung pháp lý khả thi và rõ ràng để hoạt động. Điều này sẽ cho phép khu vực công và tư nhân cùng hợp tác chặt chẽ lâu dài, vì lợi ích bệnh nhân và cộng đồng. Để đảm bảo khung pháp lý được thực thi hiệu quả nhất có thể, các thành viên của chúng tôi kính đề nghị có một giai đoạn chuyển đổi khả thi, có thể đoán định để đảm bảo các công ty có thể tiếp tục hoạt động với những tiêu chuẩn cao và mang đến những giải pháp điều trị tốt nhất.

Bên cạnh những tiêu chuẩn cao trong chăm sóc y tế, các công ty Châu Âu cũng thúc đẩy những tiêu chuẩn đạo đức kinh doanh quốc tế. Diễn đàn Y tế thuộc EuroCham hân hạnh cùng ký Cam kết chung về Hoạt động Liêm chính và Minh bạch tại Việt Nam cùng với nhiều cơ quan, tổ chức về Chăm sóc sức khỏe khác. Chúng tôi hy vọng Chính phủ có thể hỗ trợ quảng bá những tiêu chuẩn đạo đức quốc tế của chúng tôi trong ngành Y tế tại Việt Nam.

Về ngành Trang thiết bị Y tế, Tiểu ban Trang thiết bị Y tế và Chẩn đoán thuộc EuroCham ủng hộ mục tiêu của Chính phủ nhằm cung cấp thiết bị y tế hiện đại tới các bệnh viện. Để làm được điều này, sự tham gia của khu vực tư nhân là rất quan trọng; các thành viên của chúng tôi sẵn sàng hỗ trợ để nâng cao việc khám chữa bệnh cho các bệnh nhân Việt Nam. Tuy nhiên, việc thiếu những quy chế nhất quán rõ ràng giữa các Bộ, cũng như các giải pháp lâu dài và vững bền, liên quan tới mô hình đặt máy tại các bệnh viện, sẽ gây ra những thách thức nhất định. Vấn đề này liên quan tới không chỉ việc đặt các máy móc mới mà còn cả việc quản lý các máy đã được lắp đặt. Để giải quyết vấn đề này, Tiểu ban Trang thiết bị Y tế và Chẩn đoán kính đề nghị Chính phủ nghiên cứu mô hình hợp tác công-tư trong lĩnh vực Y tế, ban hành và phổ biến các hướng dẫn rõ ràng về vấn đề đặt máy ở các bệnh viện.

Thứ ba, Tiểu ban Ô tô- Xe máy của EuroCham hoan nghênh Quyết định 1254/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đề xuất Bộ Giao thông Vận tải cân nhắc sửa đổi quy trình kiểm tra cho ô tô nhập khẩu. Theo đó, chỉ kiểm tra mẫu ô tô đại diện cho từng kiểu loại xe đối với tất cả các lô hàng thay vì áp dụng cho từng lô xe nhập khẩu. Nhằm duy trì quản lý chất lượng và tạo điều kiện cho thương mại, các thành viên của chúng tôi đề nghị Bộ Giao thông Vận tải xác định những công ty nhập khẩu có hồ sơ theo dõi tốt về tuân thủ kỹ thuật; hướng dẫn Cục Đăng kiểm Việt Nam trong năm 2018 chỉ kiểm tra mẫu ô tô đại diện cho từng kiểu loại xe, và kiểm tra ngẫu nhiên, dựa vào mức độ tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật của các nhà nhập khẩu ô tô trong quá trình đăng kiểm.

Đối với Thông tư 41/2018/TT-BGTVT, EuroCham hoan nghênh mục tiêu chung của thông tư này, tuy nhiên, Tiểu ban Ô tô – Xe máy muốn nêu lại những quan ngại của chúng tôi về tính thực thi của thông tư này. Đặc biệt, chúng tôi muốn đề cập tới 4 vấn đề chính như sự khác biệt trong các định nghĩa được sử dụng, việc thiếu các trung tâm kiểm định xe có thẩm quyền, giai đoạn chuyển tiếp chưa đủ, và việc chấp thuận chứng nhận ECA đối với phương tiện giao thông, phụ tùng và linh kiện

Tiểu ban Rượu vang và Rượu mạnh thuộc EuroCham muốn kiến nghị tới Chính phủ để cân nhắc lệnh cấm buôn bán đồ uống có cồn qua mạng. Lệnh cấm này không thống nhất với xu hướng thương mại điện tử, và không giúp giải quyết vấn đề về lạm dụng đồ uống có cồn. Thực tế, việc gỡ bỏ lệnh cấm này sẽ giúp Chính phủ giải quyết việc kiểm soát tiêu thụ rượu bia trên thị trường tốt hơn, hạn chế người chưa đủ tuổi, giáo dục và cung cấp các thông tin về sản phẩm, và ngăn chặn việc kinh doanh các sản phẩm bất hợp pháp, bởi những vấn đề này dễ theo dõi và kiểm soát qua Internet hơn là trên thị trường thực tế

Tiểu ban Nguồn nhân lực và Đào tạo của chúng tôi muốn đề cập tới vấn đề Giấy phép lao động cho người nước ngoài. Mặc dù đã có những chuyển biến tích cực trong chuyển đổi từ quy trình bàn giấy sang hệ thống trực tuyến, đây vẫn là thủ tục mất nhiều thời gian do quy trình hợp pháp hóa giấy tờ phức tạp ở các quốc gia khác nhau. Hơn thế nữa, các công ty đa quốc gia cũng đối mặt với những khó khăn khi chuyển chuyên nhân viên nội bộ từ các công ty con nằm trong cùng tập đoàn tới Việt Nam. Để giải quyết những vấn đề này, Tiểu ban chúng tôi kính đề nghị mở rộng khái niệm chuyển chuyên nội bộ và cho phép quy trình thủ tục nhanh cấp Giấy phép lao động. Về Bảo hiểm xã hội bắt buộc cho người nước ngoài, các thành viên của chúng tôi cho rằng yêu cầu này sẽ gây khó khăn cho các công ty tuyển dụng các chuyên gia tài giỏi quốc tế tới Việt Nam, giúp nâng cao chất lượng của lực lượng lao động. Vì thế, chúng tôi khuyến nghị nên có một giải pháp thay thế giúp cho các lao động nước ngoài có thể được hưởng trợ cấp một lần khi quay về nước.

Cuối cùng, Tiểu ban Công nghệ thông tin và Tiểu ban Quyền Sở hữu Trí tuệ của EuroCham muốn nêu lên hai vấn đề quan trọng, giúp cho Việt Nam trở thành một môi trường kinh doanh và đầu tư hấp dẫn hơn. Vi phạm bản quyền trực tuyến cần được xử lý nghiêm ngặt hơn thông qua sửa đổi Luật sở hữu trí tuệ, tăng tiền phạt hành chính và tăng cường môi trường thực thi. Trong khi đó, Chính phủ nên đánh giá rộng hơn mức độ ảnh hưởng của Luật An ninh Mạng tới giới đầu tư trực tiếp nước ngoài và nền kinh tế. Chính phủ có thể cân nhắc áp dụng một hệ thống phân loại dữ liệu, theo đó chỉ có dữ liệu an ninh quốc gia mới lưu trữ tại Việt Nam, nhằm giúp đất nước duy trì lợi thế cạnh tranh trong khu vực.

Việc giải quyết các vấn đề nêu trên, được trình bày chi tiết trong thư kiến nghị của chúng tôi, và góp phần hỗ trợ Việt Nam tăng thêm động lực cho việc phê chuẩn Hiệp định Thương mại tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam, gửi đi một tín hiệu mạnh mẽ và tích cực đến Nghị viện châu Âu rằng Việt Nam đang mở cửa cho doanh nghiệp, và đang chuyển mình trở thành điểm đến thương mại và đầu tư hấp dẫn hơn cho doanh nghiệp châu Âu.

Trân trọng cảm ơn các Quý vị đã lắng nghe.



HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP CHÂU ÂU TẠI VIỆT NAM

BÁO CÁO TẠI DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THƯỜNG NIÊN 2018

Hiệp hội Doanh nghiệp Châu Âu tại Việt Nam đánh giá cao những nỗ lực của Chính phủ Việt Nam nhằm cải thiện môi trường kinh doanh và tăng cường tính cạnh tranh quốc gia. Nhằm chuẩn bị cho việc phê chuẩn và thi hành Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh Châu Âu và Việt Nam năm 2019 sắp tới, EuroCham mong muốn được trao đổi thêm về những vấn đề, theo chúng tôi, đang là thách thức với Việt Nam trong đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế ở các ngành công nghiệp mũi nhọn. Chúng tôi tin tưởng rằng, thông qua giải quyết những thách thức này, môi trường kinh doanh ở Việt Nam có thể tận dụng được hết những cơ hội phát triển sắp tới.

I. LĨNH VỰC Y TẾ - CHĂM SÓC SỨC KHỎE

1. Diễn đàn Y tế thuộc EuroCham¹: Hợp tác chặt chẽ hướng đến phát triển ngành khoa học đời sống

Việt Nam đang tiếp tục thu hút sự quan tâm từ các công ty hàng đầu thế giới trong lĩnh vực khoa học đời sống. Diễn đàn Y tế thuộc EuroCham – với các thành viên hoạt động trong lĩnh vực Dược phẩm phát minh (Pharma Group), Thuốc Generics chất lượng quốc tế (IQGx), và Trang thiết bị Y tế và Chẩn đoán (MDD) hoan nghênh những nỗ lực không ngừng của Chính phủ nhằm phát triển ngành Y tế Việt Nam. Diễn đàn Y tế thuộc EuroCham mong muốn tiếp tục đối thoại và hợp tác sâu rộng với Chính phủ, hướng đến phát triển môi trường đầu tư và hệ thống y tế hàng đầu vì người bệnh Việt Nam.

Để đạt được tầm nhìn này, Diễn đàn Y tế thuộc EuroCham xác định hai yếu tố tiên quyết như sau:

a. Một khung pháp lý khả thi, bền vững để thu hút đầu tư và tạo điều kiện hợp tác chặt chẽ

Thông qua đối thoại với Chính phủ Việt Nam, ngành dược phẩm và trang thiết bị y tế quốc tế được khích lệ bởi tầm nhìn và chiến lược của Việt Nam để thu hút đầu tư nước ngoài và sự công nhận của Chính phủ về vai trò của chúng tôi trong việc đem đến những giải pháp điều trị chất lượng cao cho người bệnh, đầu tư và hợp tác chuyển giao kiến thức vào Việt Nam. Để đầu tư và hợp tác, các công ty quốc tế sẽ cần những nhân tố tạo điều kiện như sau:

i. Một khung pháp lý rõ ràng và khả thi để hoạt động

Chúng tôi trân trọng cảm ơn Chính phủ đã đưa ra một khung pháp lý chặt chẽ hơn cho các công ty quốc tế hoạt động và hợp tác bền vững tại Việt Nam, đặc biệt là đối

¹ Diễn đàn Y tế của EuroCham là một diễn đàn chung dành cho các Nhóm hoạt động trong lĩnh vực y tế - hiện tại gồm có Nhóm Generics Chất lượng quốc tế (IQGx), Thiết bị y tế và Chẩn đoán (MDD SC) và Nhóm Dược phẩm (Pharma Group). Diễn đàn Y tế là nơi để các đại diện trong ngành thảo luận chia sẻ và thúc đẩy những vấn đề chung. Diễn đàn là nơi trao đổi những vấn đề đa dạng và cũng bao gồm các lợi ích khác nhau của nhiều thành viên trong ngành. EuroCham hỗ trợ tất cả các Nhóm này như nhau.

với ngành dược phẩm. Chúng tôi mong đợi tiếp tục đối thoại với Chính phủ để khung pháp lý này được áp dụng vào thực tế một cách hiệu quả; và

ii. **Một giai đoạn chuyển đổi khả thi, có thể đoán định để đảm bảo hoạt động liên tục**

Điều này sẽ tạo điều kiện cho các công ty tiếp tục hoạt động theo đúng những tiêu chuẩn yêu cầu về chất lượng cao và tính tuân thủ, cũng như hoàn thành nghĩa vụ liên quan đến các giải pháp điều trị chất lượng cao và an toàn. Với sự hỗ trợ của Chính phủ cho giai đoạn chuyển đổi này, các công ty sẽ có thêm niềm tin và sự tự tin để đầu tư sâu rộng hơn tại Việt Nam.

Việt Nam có cơ hội phát triển ngành khoa học đời sống giá trị cao và tự vận hành bền vững, trở thành điểm đến đầu tư hấp dẫn trong khu vực ASEAN. Diễn đàn Y tế thuộc EuroCham luôn sẵn sàng đối thoại với Chính phủ về các nhân tố tạo điều kiện nêu trên, nhằm mục tiêu chung là phát triển một môi trường đầu tư hấp dẫn và một hệ thống chăm sóc y tế bền vững.

b. Tiếp tục xây dựng tiêu chuẩn đạo đức để nâng cao niềm tin và sự liêm chính

Ngành Y tế Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ. Niềm tin cùng sự liêm chính và minh bạch tại Việt Nam đóng vai trò ngày một quan trọng trong việc hình thành mối quan hệ giữa các chuyên gia y tế, ngành dược phẩm và trang thiết bị y tế để phục vụ tốt nhất cho người bệnh. Các thành viên Diễn đàn Y tế thuộc EuroCham tin tưởng rằng chúng tôi, với kinh nghiệm quốc tế, giá trị và thực hành đạo đức vững mạnh, có thể mang đến những đóng góp ý nghĩa trong việc thúc đẩy tiêu chuẩn đạo đức cao, công bằng, liêm chính và minh bạch giữa các chủ thể trong ngành y tế.

Thông qua Bộ Quy tắc Đạo đức trong từng ngành, Pharma Group, IQGx SC và MDD SC đã thiết lập và áp dụng các tiêu chuẩn đạo đức quốc tế làm nền tảng cho các hoạt động của các công ty thành viên chúng tôi tại Việt Nam. Chúng tôi tiếp tục tích cực theo sát những tiêu chuẩn toàn cầu, và trong thời gian qua, có những cập nhật tương ứng, thậm chí chặt chẽ hơn, trong Bộ Quy tắc Đạo đức của chúng tôi. Những Bộ Quy tắc này không chỉ tuân theo các quy định pháp luật và những hướng dẫn đạo đức của Việt Nam, mà còn (i) đặt trọng tâm vào người bệnh, và (ii) thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu khoa học và giáo dục trên cơ sở những tiêu chuẩn đạo đức quốc tế cao nhất. Những Bộ Quy tắc mới này sẽ có hiệu lực vào đầu năm 2019.

Chúng tôi tin tưởng rằng những cam kết về tiêu chuẩn đạo đức cao giữa các chủ thể trong ngành y tế sẽ không chỉ mang lại lợi ích cho người bệnh, mà còn thúc đẩy trách nhiệm và sự cạnh tranh công bằng, hướng đến một môi trường đầu tư hấp dẫn hơn tại Việt Nam. Do đó, Pharma Group, IQGx SC và MDD SC mong đợi được chia sẻ các thực tiễn hoạt động tốt nhất và Bộ Quy tắc Đạo đức mới này với các đối tác trong ngành y tế. Cam kết chung về Hoạt động Liêm chính và Minh bạch tại Việt Nam mà chúng tôi đã ký với Hiệp hội Trang thiết bị Y tế Việt Nam, Hiệp hội Doanh nghiệp Dược Việt Nam, Tổng hội Y học Việt Nam và Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, sẽ là nền tảng hoàn hảo cho nỗ lực chung này.

Chúng tôi trân trọng cảm ơn Bộ Y tế và Chính phủ vì sự quan tâm không ngừng, và mong nhận được sự hỗ trợ của quý vị cho những nỗ lực của chúng tôi trong việc thúc đẩy những tiêu chuẩn đạo đức và tuân thủ cao, hướng đến sự phát triển của hệ thống y tế chất lượng cao tại Việt Nam, thông qua:

- i. Các hiệp hội doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp quốc tế áp dụng những Bộ Quy tắc Đạo đức ngành với cùng tiêu chuẩn đạo đức cao; và

- ii. Tạo điều kiện đối thoại với các bên hữu quan trong ngành y tế, bao gồm cộng đồng y khoa, thông qua diễn đàn Cam kết chung về Hoạt động Liêm chính và Minh bạch

2. Lĩnh vực Trang thiết bị Y tế - Xã hội hóa trang thiết bị y tế và Mô hình đặt máy tại bệnh viện

Chủ trương xã hội hóa trang thiết bị y tế là chủ trương lớn của Đảng và nhà nước Việt Nam nhằm giúp các bệnh viện có máy móc hiện đại nâng cao chất lượng khám và chữa bệnh cho người dân, bằng cách tận dụng các khoản đầu tư từ các khu vực tư nhân, là nhà đầu tư độc lập, nhà phân phối trang thiết bị y tế hoặc các nhà cung cấp. Theo thống kê của Bảo Hiểm Xã Hội Việt Nam, có trên 3420 máy được lắp đặt tại 59 tỉnh thành trên toàn quốc với nhiều hình thức xã hội hóa TTBYT khác nhau.

Với một số lượng lớn các kỹ thuật y tế cần cả hệ thống cài đặt (như máy phân tích và chẩn đoán IVD) và các vật tư tiêu hao (như hóa chất dùng cho máy IVD), việc lắp đặt một hệ thống bởi nhà đầu tư bên thứ ba dưới hình thức "thanh toán theo kết quả" (ví dụ như "thanh toán theo từng xét nghiệm IVD") là một mô hình phổ biến trên toàn thế giới và được nhiều chính phủ (bao gồm cả các nước G7) khuyến khích, như là một cách giúp cắt giảm chi phí cho bệnh viện trong khi vẫn tiếp cận được với các công nghệ kỹ thuật mới.

Tuy nhiên hiện nay, các công ty Trang Thiết Bị Y Tế và chẩn đoán - thành viên của Eurocham ghi nhận được các văn bản hiện nay chưa hướng dẫn cụ thể việc thực hiện cho các mô hình lắp đặt máy theo hình thức cho thuê, xã hội hóa, chi trả theo kết quả.... ngoài ra chúng tôi cũng nhận được rất nhiều phản hồi từ các đối tác trong nước về việc chưa thống nhất chính sách về mô hình đặt máy tại các bệnh viện công lập giữa các cơ quan quản lý bao gồm Bộ Y Tế, Bộ Tài Chính, Bảo Hiểm Xã Hội. Tháng 3, 2018, BHYT đã gửi công văn số 701/BHXX-CSYT về việc 'Thanh Toán Chi Phí Dịch Vụ Kỹ Thuật Thực Hiện bằng máy mượn (hoặc máy đặt)'. Theo đó, bảo hiểm xã hội không có cơ sở để thanh toán chi phí các dịch vụ thực hiện từ các máy mượn (hoặc đặt máy) tại các cơ sở y tế công lập. Tháng 4, 2018, với công văn số 2009/BYT-KHTC, BHYT đề nghị BHXH tiếp tục thanh toán chi phí KCB bảo hiểm y tế của các dịch vụ kỹ thuật thực hiện bằng các máy do các đơn vị trúng thầu vật tư hóa chất cho mượn hoặc đặt để đảm bảo quyền lợi của người có thẻ BHYT. Tuy nhiên đến tháng 5, 2018, BTC có công văn số 6009/BTC – QLTS đề nghị BHXH làm việc với BHYT chỉ đạo các cơ quan, đơn vị khám chữa bệnh không thực hiện việc mượn máy, hoặc cho phép đặt máy... đề nghị BHYT chỉ đạo thực hiện cho thuê tài sản theo phương thức đấu thầu.

Rất nhiều văn bản ban hành khác nhau từ BHXH, BHYT, BTC về mô hình đặt máy tại bệnh viện khiến các doanh nghiệp và các bệnh viện rất khó khăn trong việc lựa chọn mô hình lắp đặt máy phù hợp với nhu cầu hiện nay. Thêm vào đó doanh nghiệp và bệnh viện cũng rất lúng túng không biết phải xử lý như thế nào cho các máy đã được lắp đặt, khiến việc chăm sóc y tế ở các cơ sở này có nguy cơ tạm dừng.

Chúng tôi rất quan ngại việc này sẽ gián đoạn tiến hành các xét nghiệm chuẩn đoán và điều trị cho bệnh nhân, đặc biệt là các xét nghiệm nhanh quan trọng liên quan đến mạng sống của bệnh nhân hoặc chăm sóc sức khỏe ví dụ như sàng lọc máu, thu thập mẫu, phẫu thuật. Cùng với đó, các bệnh viện sẽ mất các cơ hội tiếp nhận các kỹ thuật xét nghiệm tiên tiến, hiện đại đã áp dụng tại các nước tiên tiến và tăng gánh nặng về mặt tài chính, chi tiêu công cho bệnh viện và nhà nước nếu phải đầu tư, mua máy và TTBYT. Về phía doanh nghiệp, vấn đề này gây khó khăn trong việc xử lý và bảo trì các máy đã đặt trước đây tại bệnh viện, các máy mới chuẩn bị đặt tại bệnh viện.

Trong khi, chủ trương xã hội hóa y tế là cần thiết, nhờ đó mà Việt Nam có rất nhiều máy móc hiện đại phục vụ cho việc khám chữa bệnh cho nhân dân, Việc đưa các máy móc vào hoạt động giúp bệnh viện nâng cao hiệu quả chẩn đoán, điều trị và một số kỹ thuật y tế mới làm Việt Nam ngang tầm với các nước trong khu vực.

Vì vậy, chúng tôi kính mong Chính Phủ/ cơ quan quản lý :

- i. Nghiên cứu mô hình công tư cho ngành y tế hiện nay và đưa ra các mô hình xã hội hóa đa dạng và phù hợp với thực tế (ví dụ như mô hình Chi trả theo kết quả....)
- ii. Nhanh chóng ban hành văn bản chính thức thống nhất giữa các bên liên quan (Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bảo hiểm xã hội) về mô hình đặt máy tại bệnh viện công nhằm tạo hành lang pháp lý công khai và minh bạch
- iii. Tiến hành phổ biến các văn bản, huấn luyện các bên liên quan giúp các đơn vị thấu hiểu chính sách rõ ràng để thực hiện đúng và tuân thủ theo pháp luật.

Tiểu ban Trang Thiết bị Y tế và Chẩn đoán cùng EuroCham sẵn sàng hợp tác và đối thoại cùng với Chính phủ Việt Nam để cùng giải quyết vấn đề, tìm ra giải pháp tốt nhất phục vụ cho lợi ích bệnh nhân.

II. LỰA CHỌN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ BẢO VỆ NGƯỜI TIÊU DÙNG

1. Ngành công nghiệp Ô tô

1.1. Quyết định 1254/2018/QĐ-TTg về sửa đổi Nghị định 116/2017/NĐ-CP: Ngành ô tô vui mừng được biết trong Quyết định số 1254/QĐ-TTg ngày 26 tháng 9 năm 2018, Ngài Thủ tướng đã nhấn mạnh rằng:

“Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ô tô chưa qua sử dụng nhập khẩu phải được cơ quan quản lý chất lượng kiểm tra theo quy định đối với từng lô xe nhập khẩu. Mẫu ô tô đại diện cho từng kiểu loại ô tô trong lô xe nhập khẩu phải được kiểm tra, thử nghiệm về khí thải và chất lượng an toàn kỹ thuật theo quy định. Quy định này làm phát sinh thêm thời gian thông quan, tăng chi phí lưu kho, phí kiểm tra chất lượng (phí kiểm tra chất lượng khí thải). Cùng là một mẫu xe nhưng thuộc các lô hàng khác nhau nên vẫn phải kiểm tra”.

Qua đó, Ngài Thủ tướng đã yêu cầu Bộ Giao thông vận tải nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy trình kiểm tra theo hướng áp dụng quản lý trên cơ sở đánh giá mức độ rủi ro của hàng hóa và mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp. Theo đó, chỉ kiểm tra mẫu ô tô đại diện cho từng kiểu loại xe đối với tất cả các lô hàng thay vì áp dụng cho từng lô xe nhập khẩu.

Trong bối cảnh Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam EVFTA chuẩn bị được ký kết, EuroCham và Tiểu ban Ngành công nghiệp Ô tô – xe máy bày tỏ sự ủng hộ của chúng tôi với chỉ đạo của Ngài Thủ tướng. Với mục tiêu vừa duy trì kiểm tra chất lượng đối với phương tiện nhập khẩu, vừa tạo điều kiện cho thương mại trong giai đoạn 2018-2020, Tiểu ban Ngành công nghiệp Ô tô của EuroCham đề xuất Bộ Giao thông vận tải:

- i. Xác định những công ty nhập khẩu có hồ sơ theo dõi tốt về tuân thủ kỹ thuật với Cục Đăng kiểm Việt Nam và có đóng góp thuế tích cực cho ngành Hải quan Việt Nam.

- ii. Hướng dẫn Cục Đăng kiểm Việt Nam trong năm 2018 chỉ kiểm tra mẫu ô tô đại diện cho từng kiểu loại xe đối với tất cả các lô hàng thay vì áp dụng cho từng lô xe nhập khẩu cho đến khi có sự thay đổi về phương pháp kiểm tra.
- iii. Thực hiện phương pháp kiểm tra ngẫu nhiên, dựa vào mức độ tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật của các nhà nhập khẩu ô tô trong quá trình đăng kiểm.

1.2. Thông tư số 41/2018/TT-BGTVT ngày 30/07/2018 của Bộ Giao thông Vận tải về danh mục các mặt hàng có khả năng không an toàn thuộc quyền quản lý của Bộ Giao thông Vận tải

Đảm bảo sự an toàn của các phương tiện được sửa chữa tại Việt Nam là yếu tố then chốt nhằm đạt được sự hài lòng của khách hàng và phát triển mạng lưới đại lý ô tô chuyên nghiệp giữa các nhà cung cấp nội địa ô tô nhập khẩu, ô tô lắp ráp và doanh nghiệp thuộc các ngành công nghiệp phụ trợ. Trên tinh thần này, Tiểu ban Ô tô – Xe máy ủng hộ những nỗ lực của Bộ Giao thông vận tải khi ban hành Thông tư số 41/2018/TT-BGTVT ngày 30/7/2018 về quy định danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải (“Thông tư 41”). Tuy nhiên, khi triển khai thực tế, chúng tôi quan ngại rằng có những thách thức nhất định có thể khiến thị trường ô tô trở nên không ổn định và có tác động tiêu cực trực tiếp đến khách hàng cũng như các bên liên quan khác như các nhà nhập khẩu, đại lý phân phối, trung tâm kiểm định xe và công ty bảo hiểm. Chúng tôi xin trình bày 4 quan ngại chính như sau:

i. Sự khác biệt trong các định nghĩa được sử dụng:

- **Thông tư 41, Phụ lục II, Phần I, Mục E/13** yêu cầu “vật liệu nội thất xe ô tô” với mã HS 8708.99.80 phải tuân theo QCVN 53:2013/BGTVT; tuy nhiên
- QCVN 53:2013/BGTVT (ban hành điều chỉnh theo Thông tư 40/2013/TT-BGTVT) là quy chuẩn “quy định về yêu cầu an toàn chống cháy của vật liệu sử dụng trong kết cấu nội thất ô tô khách có khối lượng toàn bộ lớn hơn 5 tấn và có số người cho phép chở từ 22 người trở lên (kể cả người lái)”.

Theo TCVN 6211, “ô tô con” (“passenger car”) được định nghĩa là “có kết cấu và trang bị chủ yếu dùng để chở người, hành lý mang theo và/hoặc hàng hóa, có số chỗ ngồi bao gồm cả chỗ người lái không nhiều hơn 9”. Dựa trên định nghĩa này và phạm vi điều chỉnh của QCVN 53:2013/BGTVT, nếu hiểu thuật ngữ “ô tô” trong Thông tư 41 là “ô tô con” (“passenger car”) thì “vật liệu nội thất xe ô tô” không được quy định bởi QCVN 53:2013/BGTVT. Hiện tại, các nhà nhập khẩu đang hiểu rằng mục này sẽ được áp dụng cho các loại ô tô khác trừ xe ô tô con và chúng tôi mong nhận được xác nhận từ phía Bộ Giao thông vận tải về cách hiểu này.

- ii. **Thiếu các trung tâm kiểm định xe có thẩm quyền:** Thông tư mới có hiệu lực khoảng 2 tháng. Đến nay, chưa có trung tâm kiểm định nào chính thức được chỉ định hoặc chính thức công nhận là đơn vị có thẩm quyền thực hiện việc khai báo hợp chuẩn đối với các phụ tùng được liệt kê trong Thông tư 41, điều này cản trở quá trình kiểm định và do đó, khiến các phụ tùng không thể được bán ra thị trường.
- iii. Thông tư 41 có nhiều yêu cầu mới đối với nhiều loại phụ tùng. Do đó, chúng tôi cho rằng **giai đoạn chuyển tiếp để ngành công nghiệp chuẩn bị thực hiện các quy định mới là chưa đủ**. Điều này dẫn đến sự gián đoạn trong việc cung cấp dịch vụ sửa chữa xe, triệu hồi xe do lỗi kỹ thuật hoặc dịch vụ bảo hành cho khách hàng. **Chúng tôi xin đề nghị khoảng**

thời gian chuyển tiếp 06 tháng trước khi Thông tư 41 có hiệu lực. Trong thời gian chuyển tiếp này, những phụ tùng và linh kiện liên quan đến an toàn đã được nhập khẩu kể từ ngày 15/9/2018 vẫn có thể tiếp tục cung cấp cho cả đại lý và khách hàng. Bằng cách cho phép thời gian chuyển tiếp, không chỉ Bộ Giao thông vận tải có thể hướng dẫn đầy đủ những vướng mắc của ngành công nghiệp mà các bên liên quan như nhà nhập khẩu, đại lý phân phối, trung tâm kiểm định cũng có đủ thời gian chuẩn bị thực hiện Thông tư 41 mà không làm gián đoạn hoạt động cung cấp phụ tùng, linh kiện để sửa chữa, triệu hồi do lỗi kỹ thuật hay bảo hành.

- iv. Trong bối cảnh EVFTA sắp được ký kết vào năm 2019, kính mong Bộ Giao thông vận tải, khi thực hiện các cam kết trong EVFTA, sẽ chấp thuận chứng nhận ECA đối với phương tiện giao thông, phụ tùng và linh kiện mà không cần kiểm định hay tái kiểm định. Chúng tôi đề xuất rằng việc chứng nhận này chỉ cần tiến hành một lần, vào lần đầu nhập khẩu lô hàng đầu tiên của những sản phẩm này.

2. Cấm kinh doanh rượu vang và rượu mạnh trên internet

Rượu hiện đang được phép kinh doanh mua, bán trên thị trường nhưng rượu từ 15 độ cồn trở lên lại bị cấm bán trên Internet theo quy định tại Nghị định 105/2017/ND-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về Kinh doanh rượu ("**Nghị định 105**"). Hơn thế nữa, quy định cấm bán rượu bia trên internet lại được đề xuất tại Điều 20 của Dự thảo Luật phòng chống tác hại rượu bia ("**Dự thảo Luật**")². Kinh nghiệm quốc tế cho thấy rằng việc cho phép bán rượu, bia trên Internet hoàn toàn không làm tăng tiêu thụ các sản phẩm này, trong khi đó lại giúp cho việc kiểm soát tiêu thụ rượu bia trên thị trường tốt hơn, hạn chế người chưa đủ tuổi, giáo dục và cung cấp các thông tin về sản phẩm, và ngăn chặn việc kinh doanh các sản phẩm bất hợp pháp. Cụ thể là:

- i. **Việc cho phép bán rượu trên Internet giúp hạn chế người mua chưa đủ tuổi:** Việc cho phép mua, bán rượu trên Internet sẽ góp phần hạn chế những người chưa đủ tuổi mua rượu, vì việc mua hàng hoá qua Internet đòi hỏi người mua phải có số tài khoản hoặc thẻ ngân hàng hợp pháp để thanh toán. Người chưa đủ tuổi mua rượu thường không đáp ứng được điều kiện này.
- ii. **Cung cấp thông tin:** Việc cho phép các nhà sản xuất và kinh doanh rượu hợp pháp được sử dụng công cụ Internet để bán hàng sẽ giúp họ người tiêu dùng có thể dễ dàng tiếp cận những thông tin đầy đủ, chính xác về sản phẩm (nguồn gốc xuất xứ, nồng độ cồn, chủng loại, nhà nhập khẩu hoặc phân phối được cấp phép) và những thông tin chỉ dẫn hướng dẫn sử dụng rượu một cách có trách nhiệm (không cung cấp rượu có cồn cho trẻ dưới 18 tuổi) và cho khách hàng sự lựa chọn sản phẩm phù hợp.
- iii. **Ngăn chặn sản phẩm nhập lậu, không rõ nguồn gốc và xuất xứ, chất lượng thấp hoặc hàng giả:** Việc cấm bán rượu trên mạng Internet hiện đang tạo cơ hội cho những sản phẩm không rõ nguồn gốc tiếp cận với người tiêu dùng. Trên thực tế, người tiêu dùng vẫn có thể dễ dàng mua các loại rượu trên mạng. Tuy nhiên, do hoạt động kinh doanh này là không hợp pháp, người tiêu dùng mua các sản phẩm rượu trên Internet sẽ không được đảm bảo về nguồn gốc và xuất xứ của sản phẩm như khi mua tại các nhà phân phối chính thức. Thực tế này khiến cho không ít người tiêu dùng đã mua phải các sản phẩm rượu giả, rượu không có nguồn gốc, xuất xứ, nhập lậu hoặc có chất lượng kém hiện đang bán tràn lan trên mạng

²Tuy nhiên, đã có nhiều ý kiến cho rằng qui định này là không khả thi và tiềm ẩn những nguy cơ đối với sức khỏe người tiêu dùng: <http://www.antv.gov.vn/tin-tuc/kinh-te/quang-cao-buon-ban-ruou-tren-mang-internet-van-tran-lan-219739.html>; <https://baomoi.com/quang-cao-ruou-manh-tran-lan-tren-mang-internet-co-quan-quan-ly-keu-kho/c/23827640.epi>

Internet và có thể gây hại cho sức khỏe người sử dụng. Việc cho phép mua rượu trên mạng Internet sẽ giúp cho người tiêu dùng có được sự lựa chọn tốt hơn và đảm bảo hơn đối với những sản phẩm họ mua.

- iv. **Tăng ngân sách và kiểm soát tiêu thụ.** Một trong những đặc tính có giá trị lớn mà thương mại điện tử mang lại là khả năng lưu giữ dữ liệu giúp cho Chính phủ kiểm soát các hoạt động thương mại và mức độ tiêu thụ. Ví dụ, các giao dịch thương mại điện tử đều để lại những dữ liệu mà không thể dễ dàng thay đổi hay xóa bỏ. Điều này cho phép chính phủ có thể kiểm tra các giao dịch bằng cách truy cập các dữ liệu bán hàng trên các trang thương mại điện tử và giúp các cơ quan quản lý có được bức tranh toàn cảnh về tổng mức tiêu thụ rượu, bia. Ngoài ra, thương mại điện tử cũng giúp cho Chính phủ theo dõi và thu thuế tốt hơn vì dữ liệu các giao dịch thường được lưu lại và thanh toán thường được thực hiện thông qua ngân hàng.

Với những lợi ích trên, nhiều quốc gia trên thế giới, bao gồm cả Anh và Mỹ, đều cho phép bán rượu trên Internet. Tại khu vực châu Á, các nước như Trung Quốc, Cam-Pu-Chia, Hồng-Kông, Nhật Bản, Mã-lai, Philippines, Singapore v.v. đều cho phép bán rượu trên Internet. Việc cấm bán rượu, bia trên Internet sẽ khiến Việt Nam đi ngược lại với xu thế chung trên thế giới và khu vực. **Vì vậy, chúng tôi kính đề nghị Quốc Hội, Chính Phủ bãi bỏ qui định cấm bán rượu trên Internet.**

3. Ngành công nghệ thông tin và truyền thông

Vấn đề An ninh mạng, vốn đang là vấn đề thách thức toàn cầu. Tất cả các quốc gia, kể cả Việt Nam, đều đang phải đối mặt với nhu cầu cấp thiết về một sự cân bằng giữa 3 yếu tố then chốt: An ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội, Bảo mật dữ liệu và thông tin cá nhân, Phát triển kinh tế xã hội thông qua nền kinh tế kỹ thuật số; trong đó, yếu tố thứ ba được thúc đẩy bởi khả năng chuyển tải dữ liệu xuyên biên giới và hệ thống Internet cởi mở và phát triển.

Các doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam đang vận dụng tối đa các cải tiến của công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh và thương mại xuyên biên giới. Nhiều công ty đang sử dụng điện toán đám mây, mạng xã hội, thanh toán trực tuyến và các công nghệ thông minh để vận hành doanh nghiệp. Những công nghệ này được cung cấp bởi các nhà cung cấp nước ngoài, hầu hết không có cơ sở/chỉ nhánh tại Việt Nam; và để làm được điều này, các doanh nghiệp nêu trên cần có khả năng chuyển tải dữ liệu xuyên quốc gia.

Trong bối cảnh của ASEAN, chúng tôi tin rằng Nghị định Hướng dẫn Luật An ninh mạng sẽ có những ảnh hưởng nhất định đến sức hấp dẫn và khả năng cạnh tranh trong tương lai của Việt Nam trong việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài theo hướng công nghệ cao và đổi mới sáng tạo. Lý do là vì quá trình xử lý dữ liệu cũng như khả năng chuyển tải dữ liệu xuyên quốc gia đóng vai trò quan trọng trong các mô hình kinh doanh kiểu mới được áp dụng bởi cộng đồng doanh nghiệp quốc tế. Xem xét đến yếu tố thực tiễn của vấn đề này, chúng tôi đề xuất như sau:

- i. Việt Nam nên nghiên cứu kỹ lưỡng và đánh giá các tác động của dự thảo Nghị định Hướng dẫn Luật An ninh mạng đến nền kinh tế quốc gia và mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.
- ii. Việt Nam sẽ sớm trở thành quốc gia duy nhất trong khu vực Đông Nam Á yêu cầu lưu trữ tất cả dữ liệu trong nội địa. Để đảm bảo khả năng cạnh tranh bền vững của Việt Nam trong khu vực, phù hợp với thực tiễn và các tiêu chuẩn bảo mật ngày càng cao của quốc tế, Việt Nam nên áp dụng hệ thống phân loại dữ liệu mà chỉ những dữ liệu có ảnh hưởng đến an ninh quốc

phòng sẽ phải lưu trữ tại Việt Nam – các quốc gia như Indonesia cũng đang áp dụng cách tiếp cận này:

- **Cấp độ 1: Dữ liệu không nhạy cảm (dữ liệu công khai)** có thể được lưu trữ bên ngoài Việt Nam và không có yêu cầu hạn chế nào. Loại dữ liệu này thường chiếm 90% tổng lượng dữ liệu, bao gồm dữ liệu của các trang web công cộng và các dữ liệu thương mại không nhạy cảm.
- **Cấp độ 2: Dữ liệu bị hạn chế hoặc có yếu tố nhạy cảm (hầu hết là dữ liệu thương mại)** phải được mã hóa (do đó nếu xảy ra sự cố rò rỉ dữ liệu, các dữ liệu này sẽ không thể đọc được) nhưng vẫn có thể được lưu trữ bên ngoài Việt Nam. Loại dữ liệu này thường chiếm 7% tổng lượng dữ liệu, bao gồm dữ liệu kinh doanh, email, hệ thống Quản lý quan hệ khách hàng, dữ liệu tài chính và hồ sơ y tế.
- **Cấp độ 3: Dữ liệu liên quan đến các công tác của Chính phủ và yêu cầu bảo mật tối đa (dữ liệu an ninh quốc gia, dữ liệu quốc phòng và tình báo)** phải được lưu trữ ở Việt Nam. Loại dữ liệu này thường chiếm 3% tổng lượng dữ liệu, bao gồm dữ liệu an ninh quốc gia, dữ liệu quốc phòng và tình báo.
- Các yêu cầu địa phương hóa dữ liệu, có thể làm gián đoạn nền kinh tế kỹ thuật số và ảnh hưởng đến mục tiêu cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 của Việt Nam, trong khi không mang đến những cải thiện đáng kể cho an ninh quốc gia hoặc an ninh mạng. Kết luận được chia sẻ bởi các quốc gia thành viên ASEAN là chính sách nội địa hóa dữ liệu cho thấy làm suy giảm đầu tư nước ngoài và chuyển giao công nghệ giảm.
- Nhiều doanh nghiệp và công ty khởi nghiệp tại Việt Nam đang vận hành dựa vào dịch vụ công nghệ thông tin toàn cầu. Hầu hết hoạt động của các công ty sử dụng thanh toán quốc tế, điện toán đám mây, và dịch vụ quảng cáo sẽ bị gián đoạn hoặc đẩy cao chi phí nếu như dữ liệu phải lưu trữ tại Việt Nam.

Niềm tin của người dân và doanh nghiệp vào bảo mật dữ liệu và thông tin cá nhân là nền tảng căn bản để sử dụng các tiện ích mà công nghệ thông tin mang lại, góp phần thúc đẩy vào sự phát triển kinh tế xã hội và thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào công nghệ cao của Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo. Do đó, dữ liệu cần được phân loại như đã đề cập, nhằm đảm bảo một sự cân bằng thích hợp giữa an ninh quốc gia và an toàn, trật tự xã hội; bảo mật dữ liệu và quyền riêng tư; phát triển kinh tế xã hội thông qua nền kinh tế kỹ thuật số.

4. Thực thi quyền tác giả trực tuyến

Việc thực thi quyền tác giả trực tuyến được coi là một trong những thách thức chính để bảo hộ quyền SHTT một cách hiệu quả. Việc thiếu một khung pháp lý đầy đủ đã dẫn đến sự gia tăng của tình trạng ăn cắp bản quyền và vi phạm tên miền cùng với nhiều hành vi vi phạm bản quyền khác. Thêm vào đó, các thủ tục tố tụng dân sự và hình sự tỏ ra không hiệu quả trong việc thực thi SHTT, trong khi đó năng lực tư pháp trong việc xét xử các vụ án về SHTT cũng cần được cải thiện. Các vấn đề liên quan đến thủ tục pháp lý và minh bạch thông tin chưa được xử lý triệt để trong một thời gian dài cũng làm giảm hiệu quả của hoạt động bảo hộ và thực thi SHTT.

Chúng tôi đề xuất nhiều phương hướng để giải quyết vấn đề này. Đầu tiên, Chính phủ cần sửa đổi Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản dưới luật để quy định các biện pháp thực thi quyền sở hữu trí tuệ trực tuyến; tăng mức phạt vi phạm hành chính đối với các cá nhân vi phạm quyền tác giả và tăng cường nỗ lực xử lý các trang web vi phạm và thực hiện theo Thông tư liên tịch

07/2012/TTLT-BTTTT- BVHTTDL³. Thứ hai, Chính phủ cần áp dụng các biện pháp "thông báo và yêu cầu gỡ xuống", sử dụng cách tiếp cận thực tế thông qua việc thiết lập cơ chế hạn chế và miễn trách nhiệm trách nhiệm đối với vi phạm bản quyền và các quyền liên quan theo yêu cầu của Hiệp định Thương mại tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam và bao gồm những vi phạm quyền sở hữu công nghiệp. Thứ ba, Chính phủ cần áp dụng cơ chế giải quyết theo Chính sách thống nhất giải quyết tranh chấp tên miền (Domain Name Dispute Resolution Policy - UDRP) để giải quyết các tranh chấp và chiếm dụng tên miền ".vn" hoặc sửa đổi pháp luật về Sở hữu trí tuệ hoặc về Công nghệ thông tin để các cơ quan hành chính giải quyết các vụ việc hiệu quả hơn – kể cả trong trường hợp chủ đăng ký tên miền vắng mặt.

Chúng tôi kiến nghị Chính phủ tăng cường năng lực của các Viện Kiểm sát Nhân dân, Tòa án Nhân dân, Bộ Công an trong việc truy tố hình sự các vi phạm sở hữu trí tuệ nghiêm trọng khi mức độ nghiêm trọng đến ngưỡng xử lý. Cần tiến hành sửa đổi Luật Sở hữu trí tuệ (đưa ra các lệnh cấm cụ thể và biện pháp khẩn cấp tạm thời áp dụng cho các vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, đơn giản hóa việc thực thi về bằng chứng về quyền sở hữu, nhất là bằng chứng liên quan đến quyền tác giả và các quyền liên quan), sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự và các quy định liên quan và giao cho tòa án quyền yêu cầu công bố các quyết định tư pháp liên quan đến việc thực thi SHTT.

III. NGÀNH NHÂN SỰ - GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

1. Ngành Nhân sự

Chiến lược phát triển trong thời đại kỹ thuật số này tập trung vào việc thúc đẩy phát triển thông qua công nghệ và giáo dục. Để thực hiện thành công mục tiêu của mình, chiến lược này cần đầu tư nước ngoài và nhân tài ở nước ngoài sẽ mang công nghệ đến và đào tạo lao động của Việt Nam. Theo đó, chúng tôi khuyến nghị Chính phủ nên thực hiện các thay đổi pháp lý sau đây:

Giấy phép lao động.

Hiện nay, các công ty đa quốc gia (“MNCs”) đang gặp khó khăn trong việc chuyển nhân viên từ các công ty con trong cùng một tập đoàn tới Việt Nam. Thuật ngữ "thuyên chuyển nội bộ công ty" được xác định là người quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia hoặc kỹ thuật viên của doanh nghiệp nước ngoài đã thành lập doanh nghiệp thương mại tại Việt Nam và làm việc cho doanh nghiệp ít nhất 12 tháng trước khi chuyển công tác. Trên thực tế, các MNCs có nhiều công ty con trên toàn thế giới và thường xuyên chuyển nhân viên của họ sang các quốc gia khác nhau để tối đa hóa các kỹ năng của lực lượng lao động toàn cầu của họ. Tuy nhiên, tại Việt Nam, những người được thuyên chuyển trong nội bộ công ty chỉ có thể được công nhận nếu họ được chuyển từ các công ty con hoặc trụ sở đăng ký giấy phép kinh doanh tại Việt Nam với tư cách là chủ đầu tư hoặc chủ sở hữu của các pháp nhân tại Việt Nam.

Ngoài ra, do các yêu cầu nghiêm ngặt về việc hợp pháp hóa các giấy tờ cấp ở nước ngoài, **thời gian cần thiết để chuẩn bị hồ sơ xin giấy phép lao động có thể kéo dài từ 2 đến 3 tháng - hoặc thậm chí lâu hơn do các thủ tục pháp lý ở các quốc gia khác nhau phức tạp. Đây là vấn đề cho cả người sử dụng lao động và người lao động nước ngoài.**

Chúng tôi đánh giá cao và công nhận rằng gần đây Chính phủ Việt Nam đã có những nỗ lực lớn trong việc thay thế thủ tục giấy hiện tại bằng cách đăng ký và cấp giấy phép lao động cho lao

³ Thông tư liên tịch 07/2012 / TTLT-BTTTT-BVHTTDL ngày 19 tháng 6 năm 2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, quy định trách nhiệm của các đơn vị cung cấp dịch vụ trung gian về bảo vệ bản quyền và các quyền liên quan trên Internet và trong mạng viễn thông.

động nước ngoài, nộp tờ khai quyết toán thuế và đăng ký thuế theo mã số thuế, bảo hiểm xã hội đăng ký và yêu cầu bảo hiểm xã hội. Bộ LĐTBXH đã ban hành Thông tư 23/2017 / TT-BLĐTBXH ngày 15/8/2017 quy định chi tiết về việc cấp giấy phép lao động trực tuyến cho lao động nước ngoài tại Việt Nam (Thông tư 23), mang đến một quy trình nhanh hơn và đơn giản hơn so với thủ tục hiện tại.

Tuy nhiên, vẫn còn một số vấn đề triển khai ở một số địa phương. Thời gian xử lý để nhận đơn, tiến hành và công bố kết quả giấy phép lao động thông qua quy trình trực tuyến có thể mất nhiều thời gian hơn thủ tục giấy hiện tại do các vấn đề kỹ thuật của hệ thống trực tuyến. Hơn nữa, một số chính quyền địa phương không quen thuộc với hệ thống và thiếu nguồn lực để xử lý đúng các ứng dụng trực tuyến.

Với những khó khăn này, chúng tôi kính đề nghị (i) mở rộng định nghĩa “thuyền chèo nội bộ công ty” để bao gồm các nhân viên làm việc tại một công ty con trong tập đoàn của công ty có đăng ký tại Việt Nam, thay vì giới hạn chỉ nhân viên từ công ty mẹ trực tiếp của pháp nhân tại Việt Nam; (ii) cho phép quy trình nhanh đối với đơn xin cấp giấy phép lao động với các tài liệu có thể được bổ sung sau này; (iii) đảm bảo hệ thống trực tuyến đăng ký giấy phép lao động diễn ra suôn sẻ với nhân viên có kinh nghiệm xử lý các hồ sơ để tránh chậm trễ trong quá trình cấp giấy phép lao động phát hành trực tuyến; và, (iv) đưa ra các hướng dẫn chi tiết về cách người sử dụng lao động nên thu hồi giấy phép lao động từ các nhân viên nước ngoài khi họ kết thúc công việc tại Việt Nam.

Người nước ngoài tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc

Lao động nước ngoài gần đây bị bắt buộc phải tham gia bảo hiểm xã hội theo luật định. Chi phí gia tăng này có thể gây cản trở các nhà tuyển dụng sử dụng lao động nước ngoài và ngăn việc nhân tài từ nhiều quốc gia, những người có thể đào tạo và hỗ trợ phát triển lực lượng lao động Việt Nam, đến làm việc.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội 2014 và Nghị định 43/2018 / ND-CP ngày 15/10/2018 của Chính phủ, từ ngày 1/1/2018, người nước ngoài làm việc tại Việt Nam sẽ phải đóng Bảo hiểm Xã hội theo luật định (“SI”). Lao động nước ngoài sẽ phải tuân theo chương trình bảo hiểm xã hội nếu họ:

- Làm việc theo giấy phép lao động hoặc giấy chứng nhận hành nghề hoặc giấy phép hành nghề; và
- Duy trì hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc có thời hạn từ một năm trở lên với công ty Việt Nam.

Cá nhân được miễn đóng góp SI bắt buộc nếu họ:

- Làm việc tại Việt Nam dưới hình thức thuyền chèo nội bộ công ty theo quy định tại Nghị định 11/2016/NĐ-CP hoặc là
- Đã qua tuổi nghỉ hưu theo Bộ luật Lao động (55 tuổi đối với nữ, 60 tuổi đối với nam).

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2022, nhân viên nước ngoài sẽ phải tuân thủ tất cả các chế độ bảo hiểm xã hội, với mức đóng tương tự như lao động Việt Nam. Điều này có nghĩa là sau ngày 1 tháng 1 năm 2022, người sử dụng lao động phải đóng góp 17,5%, và người lao động phải đóng góp 8%, mức lương với mức trần 20 lần mức lương tối thiểu chung (hiện tại là 27,8 triệu đồng, nhưng có khả năng sẽ tăng lên 2022).

Những khoản phải đóng này sẽ là một chi phí đáng kể cho các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nước ngoài, vốn rất cần thiết cho chiến lược phát triển của Việt Nam, ví dụ như các tổ chức giáo dục và các ngành công nghiệp phụ thuộc vào công nghệ. Theo đó, chúng tôi kính đề nghị Chính phủ và Bộ LĐTBXH không nên áp dụng chế độ bảo hiểm hưu trí này cho lao động nước ngoài và đưa ra các thủ tục đơn giản giúp nhân viên nước ngoài có thể yêu cầu trợ cấp một lần khi hồi hương từ Việt Nam.

2. Giáo dục và Đào tạo

Cuộc Cách mạng Công nghệ đem đến nhiều cơ hội phát triển mạnh mẽ cho nền kinh tế Việt Nam. Trên khắp Việt Nam, ngày càng nhiều các công nghệ sáng tạo kết hợp giữa vi tính và dây chuyền tự động hóa được đưa vào sử dụng tại các nhà máy sản xuất. Các hệ thống dây chuyền, máy móc phức hợp dẫn đến nhu cầu ít hơn về nhân lực lao động được dự đoán sẽ ngày càng trở nên phổ biến. Sự tiến bộ này hứa hẹn sẽ làm tăng hiệu quả sản xuất đồng thời thúc đẩy hơn nữa đào tạo lao động tri thức nhằm xóa bỏ tụt hậu về nhân lực.

Vai trò tối quan trọng của giáo dục và đào tạo là không thể chối cãi. Việc trang bị các kỹ năng cần thiết cho nhân lực hiện thời lẫn trong tương lai nhằm thúc đẩy sự phát triển và lớn mạnh về kinh tế của Việt Nam chính là một sự đầu tư sáng suốt. Việt Nam đã thể hiện những nỗ lực thật sự trong việc đào tạo lao động và tạo điều kiện tiếp cận với giáo dục chất lượng nhằm nâng cao tính hiệu quả của công việc. Giáo dục luôn là ưu tiên hàng đầu của Việt Nam, và ngày nay việc đào tạo và giáo dục chất lượng để trang bị cho lao động trẻ trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Những năm qua, Việt Nam đã có những cải tiến vượt bậc trong lĩnh vực giáo dục chính nhờ việc ban hành Nghị định 86, và Tiểu ban chúng tôi rất lạc quan trông đợi kết quả từ những cải tiến này.

Để chuẩn bị tốt cho tương lai của mình, học sinh/sinh viên Việt Nam có thể nhập học tại các cơ sở giáo dục quốc tế đặt tại nước ngoài hoặc ngay tại Việt Nam. Học tập trong môi trường quốc tế sẽ mở ra cơ hội cho các em học sinh/sinh viên khi muốn nộp hồ sơ du học tại các tổ chức giáo dục hàng đầu, đồng thời tạo điều kiện cho các em được tiếp xúc với môi trường quốc tế và làm quen với các nền văn hóa khác nhau. Đa số các giảng viên/giáo viên làm việc trong các cơ sở giáo dục quốc tế tại Việt Nam là công dân nước ngoài. Do đó, việc thực hiện bảo hiểm xã hội cho người nước ngoài có thể tạo nên gánh nặng cho các trường quốc tế tại Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh Nghị định 86 đang tạo điều kiện cho học sinh Việt Nam vào học ở các cơ sở này. **Chính phủ Việt Nam cần có những biện pháp làm giảm sức ép lên các cơ sở giáo dục quốc tế miễn trừ các khoản đóng góp cho bảo hiểm xã hội của các lao động nước ngoài trong ngành giáo dục.**

Để thúc đẩy hơn nữa đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực đào tạo, các trường công tại Việt Nam nên xem xét hợp tác với các cơ sở giáo dục tư nhân quốc tế trong việc nâng cao nghiệp vụ giảng dạy. Với sự linh hoạt trong chương trình đào tạo kết hợp giữa hình thức qua mạng và truyền thông, các khóa học kỹ năng mềm và tiếng Anh được cung cấp bởi những cơ sở giáo dục quốc tế có thể nâng cao kỹ năng nghiệp vụ của các giáo viên Việt Nam cũng như chuẩn bị cho sinh viên mới tốt nghiệp có thể hòa nhập nhanh chóng vào thị trường lao động. Với 2 trọng tâm (i)tập trung nâng cao năng lực và tự tin của giáo viên trong việc kết hợp công nghệ kỹ thuật vào giảng dạy và (ii) áp dụng mô hình giáo dục biến học sinh làm trung tâm, học sinh/sinh viên Việt Nam sẽ thu được những kỹ năng cần thiết trong công việc tương lai cũng như một thái độ ham học hỏi và khả năng duy trì thói quen tự học đến suốt đời – một kỹ năng hết sức quan trọng trong thời đại luôn thay đổi của cách mạng công nghiệp và kỹ thuật.

IV. KẾT LUẬN

Hiệp hội Doanh nghiệp Châu Âu tại Việt Nam một lần nữa xin cảm ơn Chính phủ đã tạo điều kiện cho chúng tôi chia sẻ góc nhìn của mình. Chúng tôi ủng hộ Chính phủ Việt Nam giải quyết những vấn đề trong thư này –vốn được nêu ra dựa trên quyền lợi chung của cộng đồng doanh nghiệp châu Âu và định hướng phát triển lâu dài của Chính phủ.

EuroCham sẽ tiếp tục hỗ trợ và làm việc với Chính phủ Việt Nam để tìm ra giải pháp cho các vấn đề trên, hướng tới xây dựng một môi trường kinh doanh tốt hơn. Chúng tôi cam kết với sứ mệnh của mình, thúc đẩy đầu tư và thương mại bền vững Châu Âu, dựa trên hợp tác chặt chẽ, chuyển giao công nghệ, xây dựng năng lực, và gắn kết với xã hội Việt Nam. Vì vậy, chúng tôi mong muốn được tiếp tục đối thoại và gặp mặt với chính phủ thông qua Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam, trên tinh thần Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – EU sắp tới, vì một Việt Nam hòa bình và thịnh vượng.



HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP MỸ TẠI VIỆT NAM

BÀI PHÁT BIỂU TẠI DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THƯỜNG NIÊN 2018

NHẬN THỨC VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH TẠI VIỆT NAM

*Trình bày bởi
Ông Michael Kelly
Chủ tịch*

Trong vài tháng tới đây, AmCham sẽ kỷ niệm 25 năm quan hệ hợp tác làm việc với rất nhiều bạn bè của chúng tôi trong chính phủ, nhằm giúp cải thiện các điều kiện kinh doanh, củng cố khu vực tư nhân và thúc đẩy phát triển kinh tế và xã hội tại đây.

Các thành viên của chúng tôi đã có vai trò tạo sự biến đổi tích cực trong sự phát triển của Việt Nam. Từ những thực tiễn quản lý và công nghệ, đến tiêu chuẩn dịch vụ và đạo đức kinh doanh, cộng đồng doanh nghiệp Hoa Kỳ tại đây đã ảnh hưởng đến Việt Nam theo nhiều hướng tích cực. Hoa Kỳ là một trong những nhà đầu tư hàng đầu tại đây và người Mỹ ở Việt Nam đang đầu tư vào sản xuất và cơ sở hạ tầng cũng như cung cấp hàng tiêu dùng chất lượng cao, các sản phẩm nông nghiệp và công nghiệp, công nghệ và dịch vụ. Các công ty Hoa Kỳ đã đầu tư hàng tỷ đô la tại đây, tích hợp Việt Nam vào chuỗi cung ứng toàn cầu, tạo ra những công việc chất lượng và giúp quốc gia trở nên năng suất hơn, hiệu quả, an toàn và sạch hơn. Hoa Kỳ cũng là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, với sự tăng trưởng 14% so với năm trước.

Từ khi thành lập, AmCham đã khẳng định rằng các nhà đầu tư nước ngoài chất lượng cao không chỉ giúp phát triển nền kinh tế Việt Nam mà còn giúp phát triển toàn bộ hệ sinh thái của các công ty địa phương và các doanh nhân tại đây. Chúng tôi hoàn toàn ủng hộ cam kết của chính phủ đối với sự phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam và sự tham gia ngày càng tăng của họ trong chuỗi cung ứng toàn cầu. AmCham hiện đang phối hợp chặt chẽ với chương trình LinkSME trị giá 22 triệu đô la của USAID, chương trình sẽ giúp tích hợp các công ty Việt Nam vào chuỗi giá trị toàn cầu. Các loại hình chương trình này không chỉ giúp các nhà đầu tư nước ngoài tìm được đối tác tốt mà còn giúp phát triển kinh tế Việt Nam một cách toàn diện.

Ngoài ra, chính phủ Hoa Kỳ gần đây đã công bố sự hợp tác giữa các thành phố thông minh trong khu vực Hoa Kỳ-ASEAN. Nỗ lực mới này - bao gồm Đà Nẵng, Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh - sẽ tìm cách để các công ty Hoa Kỳ có thể giúp chống lại các thách thức ngày càng tăng tại khu vực đô thị từ tắc nghẽn giao thông, chất lượng nước và không khí đến an ninh số. Các thành viên của AmCham sẽ tham gia mạnh mẽ vào nỗ lực này.

Có câu nói rằng ngày hôm qua là lịch sử và ngày mai là một bí ẩn. Tuy nhiên, ngay bây giờ, chúng ta đã nhìn thấy được những cơ hội to lớn ở Việt Nam ở cả các lĩnh vực kinh doanh trong và ngoài nước.

Tận dụng sự căng thẳng trong thương mại giữa Hoa Kỳ-Trung Quốc

Căng thẳng đang diễn ra trong thương mại giữa Hoa Kỳ-Trung Quốc đã làm nổi bật rủi ro của các cơ sở sản xuất tập trung ở một quốc gia đơn lẻ và đang kích hoạt việc tái tổ chức chuỗi cung ứng. Một cuộc khảo sát gần đây của AmCham tới các doanh nghiệp Hoa Kỳ ở Trung Quốc cho thấy một phần ba đã di dời hoặc đang cân nhắc di chuyển một số cơ sở sản xuất của họ ra nước ngoài trong bối cảnh căng thẳng trong thương mại. Một cuộc khảo sát riêng biệt của các công ty nước ngoài từ các quốc gia khác cho thấy một nửa đang cân nhắc việc di dời, và Đông Nam Á là lựa chọn hàng đầu của họ.

Trung Quốc vẫn sẽ là một thành viên quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Tuy nhiên, chúng tôi thấy rằng việc các công ty và các nhà cung cấp di chuyển một số hoạt động sản xuất ra khỏi Trung Quốc và Việt Nam đang có được lợi ích từ một số doanh nghiệp đó. Câu hỏi đặt ra là làm thế nào để Việt Nam có thể tận dụng triệt để cơ hội này để tiếp tục giữ vững tốc độ kinh tế tăng trưởng kinh tế nhanh chóng.

Thực tế cho thấy Việt Nam thu hút được nhiều vốn đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, một số nhà chức trách đang đặt câu hỏi rằng liệu việc có nhiều doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam là thật sự tốt cho nền kinh tế Việt Nam hay không. Ví dụ, một đại biểu Quốc hội gần đây đã nói: "Với các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm hơn 70% tổng xuất khẩu, Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng khi những doanh nghiệp này rút khỏi Việt Nam".

Tất cả chúng ta ở đây đều muốn đảm bảo rằng không có lý do gì mà các công ty nên rời khỏi Việt Nam. Đó là lý do tại sao chúng ta cần thấy được sự tiến bộ liên tục và hữu hình về các vấn đề được thảo luận tại các phiên trong Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam. Quan trọng hơn, các thủ tục hành chính ràng buộc phi hiệu quả phải được kiểm soát, và khung pháp lý và thuế của quốc gia phải được ổn định và có thể dự đoán được.

Các nhà đầu tư nước ngoài cần một sân chơi bình đẳng, không chỉ để thu hút vốn đầu tư nhiều hơn trong tương lai mà còn để duy trì vốn đầu tư đã có tại đây. Những thay đổi thường xuyên và hời hợt của các đạo luật và quy định - bao gồm thuế suất và chính sách - là những rủi ro đáng kể đối với các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Những thay đổi này ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư và kinh doanh của các dự án đã được cấp phép. AmCham khuyến cáo rằng chính phủ nên xem xét việc hướng dẫn về bảo vệ đầu tư để ngăn chặn các hiệu ứng ràng buộc tiêu cực và hời hợt của các điều luật và quy định mới đối với các dự án hiện nay.

Các doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp được đầu tư bởi nước ngoài cần một môi trường hỗ trợ và công bằng như nhau để phát triển, và như bạn biết rõ, điều đó có nghĩa là mối quan hệ của họ với các cơ quan hành chính cần phải tương hỗ và minh bạch.

Hôm nay, chúng tôi sẽ tập trung nhận xét về một số lĩnh vực quan trọng có ý nghĩa hết sức to lớn đối với khả năng cạnh tranh của Việt Nam.

Năng lượng để củng cố tương lai của Việt Nam

Chất lượng môi trường hoạt động của Việt Nam và chất lượng cuộc sống của người dân phụ thuộc vào cơ sở hạ tầng chắc chắn và thân thiện với môi trường. Đối với nhu cầu về năng lượng, có một nhu cầu rõ ràng và cấp thiết nhằm hướng tới việc giải quyết sự thiếu hụt ngày càng trầm trọng trong nguồn cung so với nhu cầu về năng lượng điện. Các công ty thành viên của chúng tôi là các nhà lãnh đạo toàn cầu trong lĩnh vực này và muốn giúp đỡ để đảm bảo rằng sự phát triển năng lượng của Việt Nam, đáp ứng các mục tiêu an ninh môi trường, y tế, kinh tế và địa chính trị của đất nước. Chúng tôi tiếp tục khuyến khích chính phủ thúc đẩy nhanh dự án Cá voi Xanh, dự

án khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) Sơn Mỹ và những dự án tái tạo năng lượng ý nghĩa khác. Việt Nam cũng nên cập nhật và cải thiện cơ chế truyền tải năng lượng bằng cách tận dụng công nghệ dây cáp hiệu quả, điều này sẽ giúp thúc đẩy việc sử dụng năng lượng tiết kiệm, an toàn, bớt lãng phí hơn. Các công ty của chúng tôi đã sẵn sàng hợp tác và đầu tư vào các dự án góp phần giải quyết nhu cầu bức thiết về năng lượng một cách bền vững, xét từ góc độ tài chính, môi trường và chuỗi cung ứng.

Những quyết định đã được chính phủ đưa ra về việc định giá việc sản xuất và buôn bán năng lượng không phản ánh được nhu cầu thúc đẩy hiệu suất và năng lượng sạch - chúng tôi hy vọng PDP8 có thể giải quyết triệt để những vấn đề về giá cả này. Đặc biệt, dành được hàng tỷ đô la vào khu vực tư nhân, tạo thêm công ăn việc làm và đầu tư công nghệ là những yếu tố mà Việt Nam rất cần trong lĩnh vực này, chúng tôi cần một thỏa thuận mua bán năng lượng hợp lý hơn, quy trình ra quyết định kịp thời cho các dự án đầu tư, một biểu thuế và chế độ thuế phản ánh các ưu tiên của chính phủ và bản đồ đường giá năng lượng dựa trên thị trường trong năm năm tới.

Tạo thuận lợi cho thương mại và luồng hàng hóa

Việt Nam đã có những cải tiến về thủ tục hải quan và hiệu suất công việc. Tuy nhiên việc kiểm toán sau nhập khẩu – được thực hiện thường xuyên nhưng phần lớn là không cần thiết – đang tạo gánh nặng cho các công ty. Một công ty phải trải qua hơn mười đợt kiểm toán chỉ trong một chu kỳ hai tháng mặc dù gần như không có lý do gì để Hải quan nhận định công ty này là đơn vị nhập khẩu có nguy cơ và rủi ro cao. Chúng tôi khuyến khích Hải quan áp dụng một cách tiếp cận tập trung hơn đối với mục tiêu đánh giá là các đơn vị nhập khẩu có nguy cơ rủi ro cao, thay vì những thương nhân hợp pháp. Điều này bao gồm việc phân biệt rõ ràng hơn trong quá trình thông quan, kiểm tra hải quan, đánh giá giá cả và kiểm toán giữa các nhà nhập khẩu theo tiêu chuẩn AEO và nhà nhập khẩu thông thường.

Ngoài ra, các công ty của chúng tôi đang phải đối mặt với kiểm toán thuế định kỳ với các thủ tục dài dòng. Chúng tôi khuyến khích Chính phủ sử dụng các thủ tục OECD đối với quy định về giá chuyển nhượng và thực hiện các phương pháp thỏa thuận trước về giá tính thuế hay còn gọi là APA, điều này đã được chờ đợi thực hiện từ lâu. Chúng tôi sẵn sàng làm việc, trao đổi thêm về các thủ tục của APA.

Hiện đại hóa giáo dục, đảm bảo chi phí lao động hợp lý

Cơ sở để nâng cao hiệu quả hoạt động và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam là năng suất lao động. Nhiều nghiên cứu cho thấy chương trình giáo dục ở Việt Nam chưa được cập nhật, giáo viên bị quá tải trong khi mức lương chưa tương xứng, sinh viên tốt nghiệp thiếu các kỹ năng làm việc mà khu vực tư nhân kỳ vọng ở họ. Để tiếp tục thu hút đầu tư và nâng cao kỹ năng của lực lượng lao động, chính phủ cần tiếp tục hành động để hiện đại hóa và nâng cấp hệ thống giáo dục quốc gia, nhất là ở cấp độ trường nghề và giáo dục đại học. Hiện đại hóa giáo dục sẽ đảm bảo rằng Việt Nam có một đội ngũ quản lý, kỹ sư, kỹ thuật viên sản xuất và xây dựng có chuyên môn cao, giúp nâng cao chuỗi giá trị khi nền kinh tế phát triển. Thêm vào đó, những công ty đang tìm hướng chuyển đổi sản xuất sang Việt Nam đang xem xét kỹ càng liệu lực lượng lao động có những kỹ năng cần thiết cho doanh nghiệp của họ hay không.

Các sáng kiến phát triển lực lượng sản xuất – đặc biệt là hướng nghiệp – sẽ giúp cải thiện năng suất của người lao động, nhưng tính hiệu quả cũng phụ thuộc vào một yếu tố đầu vào quan trọng: đó là chi phí lao động. Những năm vừa qua, việc tăng lương cùng với chi phí bảo hiểm bắt buộc không hề tương xứng với sự gia tăng trong năng suất lao động. Kết quả là nhiều công ty tại Việt Nam đã bị suy giảm hiệu suất trên mỗi đô la đầu tư vào nguồn nhân lực. Đây là một yếu tố không bền vững. Một mối lo ngại về chi phí là yêu cầu gây tranh cãi rằng công nhân nước ngoài

tại Việt Nam cần đóng góp vào quỹ bảo hiểm xã hội của Việt Nam. Điều này làm dấy lên mối quan ngại sâu sắc trong cộng đồng các doanh nghiệp và người lao động nước ngoài tại Việt Nam vì chi phí tăng nhưng không có gì chứng minh việc lao động nước ngoài sẽ được hưởng lợi từ những đóng góp đó.

Bên cạnh việc hợp tác cùng chúng tôi trong nhiều dự án, AmCham rất trân trọng sự cam kết của Thủ tướng cùng các ban ngành để giảm bớt gánh nặng hành chính.

Khai phá hoàn toàn tiềm năng của nền kinh tế số tại Việt Nam

Chúng tôi nhận được sự khuyến khích nhiệt tình của Ngài Thủ tướng Chính phủ để giúp xây dựng nền kinh tế số của Việt Nam vì trong thế giới ngày nay, nền kinh tế số không thể tách khỏi nền kinh tế thực.

Nền kinh tế số có thể giúp giảm đáng kể chi phí, cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều người tiêu dùng hơn và tăng khả năng tiếp cận các thị trường mới và lớn hơn. Ở Việt Nam, các doanh nghiệp trong mọi lĩnh vực và quy mô ngày càng phụ thuộc vào mạng Internet an toàn, ổn định và đáng tin cậy để thực hiện các hoạt động giao dịch hàng ngày của họ. Đây là lý do tại sao AmCham ủng hộ mạnh mẽ mục tiêu của chính phủ trong việc thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế Internet và kinh tế số tại Việt Nam, đồng thời đảm bảo an ninh dữ liệu và bảo vệ người dùng Internet.

Các lợi ích của nền kinh tế số có thể bị đe dọa bởi tấn công mạng và tội phạm mạng, trừ khi không gian trực tuyến được bảo vệ nghiêm ngặt. Một yêu cầu rõ ràng cho một chiến lược an ninh không gian mạng quốc gia đó là khuyến khích phòng thủ chủ động, thông minh, và có khả năng bảo vệ chống lại một phổ rộng mối đe dọa. Đó là lý do tại sao AmCham đã và đang tiếp tục ủng hộ mạnh mẽ những nỗ lực của Việt Nam trong việc thiết lập một khung pháp lý về an ninh mạng.

Các công ty thành viên của chúng tôi hoạt động trên khắp thế giới và có kinh nghiệm với rất nhiều phương pháp tiếp cận quốc gia nhằm giải quyết rủi ro mạng. Nền tảng này đã giúp các công ty thành viên của chúng tôi hiểu rõ về loại phương pháp tiếp cận luật pháp nào có thể làm giảm nguy cơ đe dọa đến các dịch vụ quan trọng trong một thế giới ngày càng được số hóa.

Chúng tôi tin rằng một khuôn khổ an ninh mạng được thiết lập tốt có thể tạo thuận lợi cho hệ sinh không gian mạng mạnh mẽ và tránh các điều khoản áp đặt gánh nặng không cần thiết mà không có lợi ích tương ứng. Những điều khoản rắc rối không chỉ ngăn cản thương mại và đầu tư mà còn có tác động bất lợi đến an ninh mạng.

Trong nền kinh tế số, các dịch vụ toàn cầu được củng cố bởi luồng dữ liệu tự do. Tất cả mọi hoạt động từ thanh toán đến email vận chuyển đều dựa trên dữ liệu được phép tự do xuyên biên giới. Chúng tôi lo ngại rằng Luật an ninh mạng và triển khai dự thảo nghị định sẽ buộc cục bộ hoá dữ liệu có thể gây ra thiệt hại kinh tế nghiêm trọng cho nền kinh tế Việt Nam qua việc cản trở luồng dữ liệu tự do mà nền kinh tế số toàn cầu xây dựng. Ví dụ, một báo cáo về Cộng đồng Kinh tế ASEAN của Deloitte năm ngoái đã chỉ ra rằng hơn 2/3 nhà đầu tư không thoải mái khi đầu tư vào các quốc gia mà họ bắt buộc phải lưu trữ dữ liệu cục bộ.

Việc ngăn chặn luồng dữ liệu tự do khiến cho sự kết nối trở nên tốn kém hơn cho người dân và doanh nghiệp, tại thời điểm mà việc giảm thiểu chi phí kết nối được coi là thiết yếu để mở rộng cơ hội kinh tế, thúc đẩy nền kinh tế số và tạo thêm phúc lợi ở Việt Nam. Sự ngăn chặn này cũng làm suy yếu khả năng tồn tại và sự tin cậy của các dịch vụ dựa trên các “đám mây” trong một loạt các lĩnh vực kinh doanh cần thiết cho nền kinh tế số hiện đại.

Ngược lại, việc tự do hoá các khuôn khổ về truyền tải dữ liệu xuyên biên giới của Việt Nam sẽ có tác động rất tích cực đến sự tăng trưởng kinh tế. Một báo cáo năm 2016 từ các đối tác của chúng tôi tại Phòng Thương mại Hoa Kỳ cho thấy rằng việc tự do hóa này sẽ giúp:

- Tăng GDP của Việt Nam thêm 3,46 tỷ đô la
- Tăng đầu tư vào Việt Nam thêm 920 triệu đô la
- Tăng thêm 130 triệu đô la vào thu nhập công
- Tăng thêm gần 73.000 việc làm mới tại Việt Nam

Chính phủ các quốc gia trên khắp Châu Á-Thái Bình Dương cùng với những nền kinh tế kỹ thuật số tiên tiến nhất, cũng như các quốc gia đang ưu tiên việc tăng trưởng kinh tế kỹ thuật số, đang hỗ trợ cho việc tự do truyền tải dữ liệu. Chúng ta có thể kể đến Chính phủ các nước Singapore, Malaysia, Thái Lan, Nhật Bản, Úc và Hồng Kông. Có một điều quan trọng rằng Việt Nam vẫn đang phải cạnh tranh với các quốc gia khác trong khu vực và tuân thủ nghiêm ngặt các thông lệ quốc tế.

Chúng tôi rất mong được làm việc với các lãnh đạo của Việt Nam về các chính sách phòng ngừa hiệu quả và tăng cường an ninh mạng thông qua các tiêu chuẩn đặc trưng của ngành, các thông lệ và khung quy chuẩn xác định rủi ro. Chung tay góp sức sẽ giúp chúng ta đạt được một môi trường trực tuyến cởi mở, sáng tạo và an toàn, thúc đẩy thương mại. Việc đảm bảo luồng chảy tự do của dữ liệu là rất quan trọng và chúng tôi hi vọng được làm việc với các lãnh đạo Việt Nam về các tiếp cận chính sách nhằm thúc đẩy các mục tiêu cơ bản của Luật an ninh mạng đồng thời giảm thiểu sự gián đoạn cho các doanh nghiệp, nền kinh tế và sự phát triển của Việt Nam.

Cụ thể, chúng tôi kiến nghị Nghị định giám các dịch vụ được bảo hiểm, thiết lập một quy trình mở rộng trước khi gây ra các chi phí và rủi ro xấu của việc yêu cầu địa phương hóa dữ liệu, và đề nghị Thủ tướng Chính phủ tham gia vào việc đánh giá và xác định đó. Chúng tôi cũng hy vọng rằng chúng tôi có thể hợp tác cùng với Chính phủ lâu dài hơn trong việc soạn thảo dự thảo nghị định trước khi được đưa vào thực hiện, và chúng tôi đề xuất tiếp tục đối thoại với các bộ liên quan về cách chống tội phạm an ninh mạng mà không ảnh hưởng đến nền kinh tế kỹ thuật số. Chúng tôi xin cảm ơn thời gian lấy ý kiến của Bộ Công an và AmCham sẽ đệ trình những đóng góp này trong tháng này. Ngoài ra, có một số điểm trong dự thảo nghị định chưa rõ ràng và chúng tôi sẽ sớm gửi một danh sách các câu hỏi để làm rõ.

Tạo ra môi trường kinh doanh hấp dẫn, minh bạch và ổn định hơn

Với vai trò là các nhà đầu tư lớn tại Việt Nam, các công ty Hoa Kỳ rất quan tâm đến sự thành công tiếp nối của thị trường này. Các vấn đề nêu trên đã làm rõ niềm tin của chúng tôi rằng môi trường kinh doanh có thể được cải thiện bằng các động thái tăng năng suất và giảm chi phí cũng như rủi ro kinh doanh tại Việt Nam. Quan trọng hơn, việc giảm chi phí và rủi ro kinh doanh sẽ mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp Việt Nam – rất nhiều trong số đó là các doanh nghiệp vừa và nhỏ - và đồng thời sẽ thúc đẩy tinh thần kinh doanh- khởi nghiệp, đảm bảo khả năng cạnh tranh và tăng trưởng trong tương lai của Việt Nam. AmCham sẽ tiếp tục đóng vai trò là cầu nối hỗ trợ và mang tính xây dựng, không chỉ để khiếu nại mà còn hoạt động để xác định và thực hiện các giải pháp, và sẽ là tổ chức thúc đẩy môi trường kinh doanh nhằm giúp khu vực tư nhân phát triển mạnh mẽ hơn ở Việt Nam.

Tôi kính chúc các nhà lãnh đạo, các vị khách quý, và các thành viên của AmCham có mặt tại đây sức khỏe, hạnh phúc và thành công và tôi xin cảm ơn cơ hội được chia sẻ quan điểm tại Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam.



**BÀI PHÁT BIỂU CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP ANH QUỐC TẠI VIỆT NAM
(BBGV)
TẠI DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THƯỜNG NIÊN 2018**

Trình bày bởi
Ông Kenneth Atkinson
Chủ tịch

Hiệp hội Doanh nghiệp Anh quốc tại Việt Nam xin gửi lời chào đến các vị Chủ tọa và đồng Chủ tọa Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam cùng toàn thể các quý vị đại biểu.

Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn đến VBF đã đón nhận BBGV với vai trò là thành viên liên minh. Chúng tôi cũng xin gửi lời chúc mừng đến Chính phủ Việt Nam vì những nỗ lực rất đáng khích lệ trong việc cải thiện môi trường kinh doanh ngày càng minh bạch hơn.

Thay mặt cho các thành viên của Hiệp hội, chúng tôi mong muốn nhận được sự quan tâm từ Chính phủ về các vấn đề đã được các thành viên đề cập sau đây:

1. Khai thuế và thanh tra thuế

Như BBGV đã nêu ra trước đây rằng các hình phạt thuế vẫn là một mối quan ngại đối với doanh nghiệp. Cộng đồng doanh nghiệp nước ngoài lo ngại về việc tăng thu thuế và hải quan do những nguyên nhân không phù hợp để bù đắp thâm hụt ngân sách. Phần lớn thành viên của chúng tôi cùng với các doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam đều hiểu rõ tầm quan trọng và lợi ích của việc trả thuế kịp thời và chính xác.

Quan ngại của BBGV, trước tiên là vấn đề này đang gây ra những khó khăn cho các thành viên đang hoạt động tại Việt Nam. Chúng tôi tuyệt đối không chấp nhận việc trốn thuế dưới bất kỳ hình thức nào tuy nhiên chúng tôi hiểu rõ những sai sót có thể xảy ra do lỗi quản trị. Tại Việt Nam, những lỗi này thường xảy ra do những bất cập, do việc không thống nhất trong cách giải thích các luật và quy định về thuế và hải quan, thậm chí ngay cả giữa các phòng ban ở các thành phố và tỉnh khác nhau. Việc thiếu nhân viên thuế, hải quan dẫn đến việc thanh tra thuế thường diễn ra muộn, có thể lên đến 5 năm sau khi báo cáo. Những trường hợp, chính vì nguyên nhân do sai sót trong việc quản trị của cơ quan thuế, nhưng lại áp dụng hình phạt hành chính lên doanh nghiệp với lỗi thanh toán chậm, được xem là không công bằng và vô lí. Nhiều công ty đang phải chịu phí phạt này do cơ quan thuế không thể tiến hành kiểm tra hằng năm và một cách kịp thời. Khoản phạt thanh toán muộn được tính theo lãi suất sấp xỉ 20% một năm, sau thời hạn 5 năm sẽ gấp đôi số tiền ban đầu. Các công ty đa quốc gia chỉ ra sự bất công khi bị yêu cầu phải trả các khoản phí này trong khi nguyên nhân hoàn toàn nằm ngoài tầm kiểm soát của họ, mặc dù đã nộp giấy tờ đầy đủ và đúng hạn.

Để giúp giải quyết những vấn đề này, BBGV đề xuất thành lập một cơ quan độc lập lắng nghe kháng cáo của người nộp thuế về chính sách nộp phạt và hình phạt hành chính của nhân viên thuế.

Thứ hai, chúng tôi quan ngại những thiệt hại này sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong tương lai nếu như không tìm ra được giải pháp. Khả năng thu hút đầu

tư và trao đổi thương mại với Việt Nam phụ thuộc vào nhiều yếu tố, bao gồm tính minh bạch trong hoạt động kinh doanh và chế độ thuế. Vấn đề này đang là mối bận tâm của các doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam và sẽ tiếp tục trở thành yếu tố quan trọng để các công ty xem xét, đánh giá ưu nhược điểm và quyết định để mở cơ sở hoạt động tại Việt nam hay không.

2. Giáo Dục và Đào Tạo

Giáo dục luôn đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của Việt Nam trong quá trình chuẩn bị hội nhập Công nghiệp 4.0 và hậu kì. BBGV tiếp tục nhấn mạnh sự cần thiết của việc liên kết chặt chẽ giữa cộng đồng doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo sau đại học nhằm đảm bảo sinh viên tốt nghiệp được trang bị và sẵn sàng để làm việc cho môi trường trong nước và quốc tế, về cả kỹ năng nghề và chuyên môn. Ngoài ra, BBGV tin rằng việc nâng cao năng lực người giảng dạy, nâng cao kỹ năng sư phạm ở tất cả các cấp và trình độ, được quốc tế công nhận, qua đó hỗ trợ sự phát triển giáo dục công và tư, giúp sinh viên đạt được mục tiêu học tập và nghề nghiệp.

BBGV hỗ trợ các sáng kiến của Chính phủ bao gồm Dự án 2020 nhằm phát triển khả năng ngôn ngữ và hoan nghênh nỗ lực của Chính phủ Việt Nam trong việc đào tạo và khuyến khích học tiếng Anh, cũng như nhiều ngôn ngữ khác. Chúng tôi tin rằng, ngôn ngữ là kỹ năng quan trọng để tăng năng suất doanh nghiệp. Một trong những khó khăn tồn tại là cách thức để những người không sống ở thành phố lớn vẫn có thể có cơ hội học tập ngôn ngữ và rèn luyện tại chính nơi họ sống. BBGV tin rằng với việc tăng cường nhiều hình thức học tập kết hợp hoặc trực tuyến sẽ góp phần đảm bảo chất lượng học, với điều kiện việc này cần được thực hiện một cách thiết thực và bền vững.

BBGV do đó khuyến khích các trường đại học và cao đẳng đẩy mạnh hợp tác với các lãnh đạo doanh nghiệp để thúc đẩy và phát triển các khoá/ chương trình học nhằm trang bị kỹ năng “cứng” và “mềm” cho sinh viên trước khi gia nhập lực lượng lao động.

BBGV luôn tích cực đóng góp hướng tới mục tiêu sẵn sàng cho ngành công nghiệp 4.0, chúng tôi đề xuất chính phủ xem xét và hạn chế việc gia tăng các khoản thanh toán an sinh xã hội đối với giáo viên nước ngoài, chúng tôi tin rằng khoản gia tăng này đang gây áp lực, hạn chế đầu tư dẫn tới hệ quả làm giảm sút lực lượng lao động cho sự phát triển của Công nghiệp 4.0.

Cuối cùng, BBGV hoan nghênh việc cấp bằng kép trong khu vực công tại khu vực Hà Nội, dưới chỉ đạo và phối hợp giữa Ủy Ban Nhân Dân TP Hà Nội và Bộ Giáo Dục. Đại sứ quán Anh tại Việt nam và Hội đồng Anh cam kết thực hiện thành công dự án thí điểm, theo đó sinh viên theo học sẽ nhận được lợi ích từ cả hai hệ thống đào tạo.

3. Cơ sở hạ tầng và ô nhiễm môi trường

Chất lượng không khí đang là một trong những vấn đề nổi cộm đang được quan tâm của những người nước ngoài sinh sống và làm việc tại các thành phố lớn ở Việt Nam, đặc biệt là Hà Nội. Sự kết hợp giữa ô nhiễm từ phương tiện giao thông và các nhà máy đốt than cần được giải quyết nếu chính phủ muốn tiếp tục thu hút người lao động nước ngoài làm việc tại các khu đô thị, công nghiệp ở Việt Nam. Hệ thống tàu điện ngầm khi hoàn thành sẽ có nhiều đóng góp tích cực, tuy nhiên tình trạng tắc nghẽn giao thông vẫn có khả năng cao sẽ trở nên nghiêm trọng hơn trong tương lai. BBGV đề xuất Chính phủ ưu tiên giải quyết vấn đề này.

4. Hợp tác công tư (PPP)

Vương quốc Anh là một trong những quốc gia dẫn đầu thế giới trong hình thức hợp tác công tư (PPP) và tích cực hỗ trợ Việt Nam trong quá trình phát triển chương trình PPP. Các Bộ trưởng Anh thường xuyên nhấn mạnh những đóng góp hai bên đã thực hiện được. Tuy nhiên vẫn còn có một số vấn đề cần được giải quyết trước khi nguồn tài chính quốc tế có thể “chảy” tới để hỗ trợ

chương trình PPP tại Việt Nam. Quan trọng nhất là việc cân bằng hợp lý các rủi ro; các nhà tài trợ nước ngoài cần đảm bảo những hiệu quả nhất định trong việc thực hiện dự án và nhận được những quyền lợi tương xứng để tránh những rủi ro không muốn có. Tại diễn đàn này, chúng tôi đã nghe đề cập nhiều lần về những rủi ro ngoại hối nhưng trên thực tế phải có một bên chấp nhận chịu những rủi ro này. Nếu các nhà đầu tư nước ngoài phải chịu, họ sẽ tính giá các rủi ro đó vào dự án khiến cho chi phí dự án tăng cao hơn và không mang tính kinh tế cao. Bên cạnh rủi ro ngoại hối vẫn còn những rủi ro có tác động tương tự. Vấn đề ở đây là sự cân bằng rủi ro thay đổi theo dự án và tùy hoàn cảnh, và không dễ dàng để viết thành luật. Vì vậy một bộ Luật Đầu tư theo hình thức đối tác công tư mới (Luật PPP) không giải quyết được các trở ngại hành chính liên quan. Chúng tôi cho rằng sẽ hiệu quả hơn nếu chính phủ tập trung vào việc xây dựng cơ quan chính phủ chuyên trách về từng mảng cơ sở hạ tầng, và áp dụng các thông lệ quốc tế rộng rãi, thống nhất thông qua một cơ quan điều phối, ví dụ như Bộ Kế hoạch & Đầu tư.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn các Quý vị đã tạo điều kiện để Hiệp Hội trình bày những kiến nghị trên đây và chúng tôi mong nhận được phản hồi từ Quý vị.



**BÀI PHÁT BIỂU CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP HÀN QUỐC TẠI VIỆT NAM
("KOCHAM")
TẠI DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THƯỜNG NIÊN 2018**

*Trình bày bởi
Ông Ryu Hang Ha
Chủ tịch*

Việt Nam và Hàn Quốc đã có những phát triển vượt bậc sau 26 năm kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao.

Về ngoại giao, quan hệ hai nước đã phát triển đến mức độ cao nhất, về kinh tế, Hàn Quốc đã trở thành nhà đầu tư số 1 của Việt Nam và đứng đầu về số lượng các công ty đầu tư¹. Hàn Quốc là một trong những đối tác kinh tế lớn tại Việt Nam. Điều này có được là nhờ quan hệ hợp tác chặt chẽ với nhau như "láng giềng gần nhất" và cũng là "liên minh kinh tế".

Giờ đây, thời đại của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã bắt đầu với sự xuất hiện liên tục của các ngành công nghiệp mới. Đã đến lúc hai nước chúng ta chuẩn bị cho "Hợp tác Hàn Việt 2.0" phù hợp với khuôn khổ mới của Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

1. Phát triển nguồn nhân lực

Sự khởi nguồn của ngành công nghiệp 4.0 xuất phát từ công nghệ và ý tưởng. Công nghệ và ý tưởng là những yếu tố được tạo nên từ bàn tay con người. Do đó, phát triển nguồn nhân lực² là chìa khóa của vấn đề.

Mặc dù Việt Nam đang phát triển nhanh chóng nhưng vẫn rất khó để bước vào thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 do đặc thù tập trung vào các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động. Vì vậy, điều quan trọng vẫn là chính phủ phải có chính sách bồi dưỡng nguồn nhân lực kỹ thuật và chuyên môn cần thiết cho các ngành công nghiệp công nghệ cao, mặc dù việc này cần có thời gian và nguồn vốn.

Chuyển giao công nghệ cũng rất quan trọng, nhưng "công nghệ tiên tiến" nên được mạnh dạn đầu tư khi cần thiết. Nếu vẫn chỉ đơn thuần thu hút các công ty nước ngoài để giải quyết vấn đề này thì đây là một cách thức có nhiều hạn chế.

Các công ty phải có khả năng tuyển dụng được nhân lực kỹ thuật hoặc chuyên môn theo tiêu chuẩn của từng lĩnh vực cần thiết phù hợp với tình hình kinh doanh của mình. Để làm như vậy, các chứng chỉ được công nhận trên toàn quốc như hiện nay phải được chia nhỏ theo ngành và phân theo cấp bậc.

¹ * Số lượng doanh nghiệp Hàn Quốc: khoảng 6.500 doanh nghiệp/Tổng giá trị đầu tư: 61,67 tỷ USD / Số dự án đầu tư: 6,957 dự án

* Quy mô giao dịch thương mại : 63,9 tỷ USD (*mục tiêu tới năm 2020 giao dịch thương mại giữa hai nước đạt 100 tỷ USD)

² * Trong đánh giá về các quốc gia của Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF), Việt Nam vẫn là quốc gia còn nhiều yếu kém trong giáo dục, nhân lực, đổi mới, công nghệ

2. Thúc đẩy Hình thức đối tác công tư PPP (Private-Public Partnership) trong lĩnh vực hạ tầng

Lĩnh vực phát triển đô thị thông minh, công nghệ thông tin, và cơ sở hạ tầng công cộng là lợi thế của Hàn Quốc, cũng sẽ là những lĩnh vực hợp tác nhiều tiềm năng.

Hình thức đối tác công tư PPP là phương thức thực hiện dự án trong đó các doanh nghiệp tư nhân có lợi nhuận từ việc đầu tư, xây dựng, bảo trì và vận hành cơ sở hạ tầng công cộng; trong khi chính phủ giảm thuế và hỗ trợ một phần về tài chính.

Để thúc đẩy đầu tư vào hình thức PPP, các nhà đầu tư cần được cho phép có nhiều lựa chọn khác nhau để huy động vốn đầu tư. Tuy nhiên, hiện nay, các quy định nghiêm ngặt³ đã trở thành trở ngại cho việc đầu tư.

Trong Nghị định 63/2018/NĐ-CP sửa đổi quy định về PPP cũng có những khía cạnh tích cực như tinh giản các thủ tục hành chính cho các dự án PPP. Tuy nhiên điểm quan trọng nhất là "sự đảm bảo của chính phủ" đối với việc chia sẻ rủi ro giữa chính phủ và nhà đầu tư vẫn chưa được sửa đổi.

Do đó, việc hoàn thiện các cơ sở pháp lý để công nhận các phương thức huy động vốn khác nhau của doanh nghiệp tư nhân và "sự bảo đảm của chính phủ" để có thể giảm thiểu rủi ro của các nhà đầu tư có khả năng giúp các dự án PPP trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng sẽ được thực hiện tích cực hơn nữa.

3. Đề xuất xem xét lại giải thích quy định của cơ quan có thẩm quyền khi không công nhận miễn thuế nhập khẩu cho xuất khẩu tại chỗ

Cuối cùng, tôi xin được đề nghị về việc xem xét lại giải thích quy định của cơ quan có thẩm quyền khi không công nhận miễn thuế nhập khẩu cho xuất khẩu tại chỗ ở Việt Nam.

Để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam và chuẩn bị cho thời đại cách mạng công nghiệp 4.0, việc nuôi dưỡng ngành công nghiệp phụ trợ và công nghiệp chế tạo là vô cùng cấp bách.

Vì vậy, xin vui lòng làm rõ căn cứ miễn thuế⁴ đối với hoạt động xuất nhập khẩu theo hình thức On-the-spot export (Xuất khẩu tại chỗ), và xem xét lại việc giải thích quy định và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền trong Thông tư số 134 ngày 1 tháng 9 năm 2016.

Vì thời gian không cho phép nên xin quý vị vui lòng tham khảo các tài liệu đính kèm.

Tôi xin kết thúc bài phát biểu của KOCHAM tại đây. Xin chân thành cảm ơn.

³ * Quy định hiện hành: Tổ chức phát hành trái phiếu phải có lợi nhuận trong năm trước thì mới được phát hành trái phiếu, và phải có tài sản an toàn (tiền mặt)

⁴ * Trước tháng 9 năm 2016, miễn thuế áp dụng khoản 4 điều 12 và khoản 4 điều 15 của nghị định số 87/2010/NĐ-CP

* Với việc sửa đổi Nghị định 134/2016 /NĐ-CP, cơ quan có thẩm quyền tuyên bố rằng sau tháng 9 năm 2016, cơ sở miễn thuế đã không còn



HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP NHẬT BẢN TẠI VIỆT NAM

BÀI PHÁT BIỂU TẠI DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THƯỜNG NIÊN 2018

*Trình bày bởi
Ông Koji Ito
Chủ tịch*

Kính thưa Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc,

Kính thưa Bộ trưởng Bộ Kế hoạch Đầu tư Nguyễn Chí Dũng,

Kính thưa Quý vị đại biểu,

Tên tôi là Koji Ito, Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam, JCCI.

Hôm nay, tôi rất hân hạnh được góp mặt tại hội nghị này.

Chủ đề của hội nghị hôm nay là “Chia sẻ cơ hội trong tình hình mới về thương mại thế giới”. Thay mặt JCCI, tôi xin được trình bày về 4 nội dung mà Chính phủ Việt Nam nên tập trung vào để cải thiện môi trường đầu tư và tăng cường mối liên kết giữa doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp Nhật Bản.

Các dự án PPP

Nội dung trọng tâm thứ nhất là các “dự án PPP”. Trong mấy năm qua, chính phủ Việt Nam đã có một số biện pháp tăng cường thắt chặt vay vốn vì tỉ lệ nợ công trên GDP hiện đã gần chạm mức trần 65% mà Chính phủ đề ra.

Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng phát triển cơ sở hạ tầng là một yêu cầu quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế về dài hạn của Việt Nam, trong đó áp dụng linh hoạt các cơ chế PPP chắc chắn là một trong những cách hiệu quả nhất để thực hiện mục tiêu này.

Để đảm bảo, chính phủ đã có một số biện pháp khuyến khích PPP mà chúng tôi rất hoan nghênh. Chẳng hạn, việc ban hành Nghị định 63 vào tháng 5/2018 đã giúp đơn giản hóa thủ tục đầu tư PPP, như việc bỏ quy định phải xin Chứng nhận đăng ký đầu tư (CNĐKĐT) cho các dự án.

Tuy nhiên, chúng tôi cũng muốn đề xuất 4 nội dung sau về Nghị định này để chính phủ xem xét nhằm nâng cao hiệu quả của công tác khuyến khích đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng của Việt Nam.

1. Quy định rõ “luật nước ngoài” được cho phép sử dụng làm luật áp dụng;
2. Cho phép giải quyết tranh chấp bởi trọng tài nước ngoài đối với toàn bộ các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, trong đó có các dự án liên quan đến “bất động sản”;
3. Cho phép nhà đầu tư và các đơn vị triển khai dự án được thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và quyền khai thác các công trình dự án;
4. Quy định chính phủ Việt Nam cần san sẻ một phần rủi ro liên quan đến việc ngừng thanh toán và chứng nhận ngoại hối.

Cải cách Doanh nghiệp nhà nước (DNNN)

Nội dung thứ hai tôi muốn trình bày là về vấn đề cải cách Doanh nghiệp nhà nước (DNNN). Các doanh nghiệp Nhật Bản chúng tôi rất hân hạnh được trở thành đối tác chiến lược hỗ trợ tăng trưởng dài hạn của Việt Nam, và đã tham gia đầu tư, thành lập liên doanh với các DNNN của Việt Nam.

Để đẩy mạnh cải cách DNNN, yêu cầu quan trọng trên hết là thu hút nguồn đầu tư “có chất lượng” từ Nhật Bản và các nước khác. Có một số lý do khiến quá trình thoái vốn ở các DNNN đang chậm triển khai, theo đó chúng tôi xin được đề xuất một số giải pháp sau, theo từng loại hình DNNN.

Một là đối với những DNNN đang có chỗ đứng tốt và được nhiều nhà đầu tư biết đến, chúng tôi muốn đề xuất 3 giải pháp sau:

1. Bảo đảm định giá hợp lý khi chào bán cổ phần nhà nước;
2. Áp dụng các quy trình M&A chuẩn quốc tế, nếu được, trong quá trình thoái vốn nhà nước;
3. Có biện pháp triệt để hơn để bảo đảm quyền của cổ đông thiểu số.

Hai là đối với những DNNN không thuộc nhóm có vị thế tốt, chúng tôi cho rằng chính phủ nên kiên nhẫn và tập trung hơn vào việc cải thiện mức độ thu hút của những doanh nghiệp này để trở thành những mục tiêu đầu tư, chẳng hạn thông qua việc tăng cường chất lượng quản trị công ty, cải thiện hiệu quả quản lý, nâng cao năng suất, có biện pháp tái cấu trúc, để thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư chiến lược nước ngoài.

Chúng tôi sẵn sàng tham gia hỗ trợ những doanh nghiệp này và hy vọng, với những bước đi tích cực như trên sẽ thu hút được nhiều vốn đầu tư của Nhật Bản vào các DNNN của Việt Nam, từ đó đẩy mạnh cải cách DNNN.

Luật An ninh mạng

Điểm thứ ba chúng tôi muốn đề cập là về Luật An ninh mạng, vừa được Quốc hội thông qua ngày 12/6 và có hiệu lực cùng ngày.

Theo chúng tôi hiểu, luật này có vai trò quan trọng đối với an ninh quốc gia của Việt Nam, nhưng nhận thấy luật cũng có thể có ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài nếu được áp dụng một cách máy móc để thu thập và kiểm soát thông tin cá nhân.

Vì thế, để bảo đảm Việt Nam tiếp tục duy trì sức hấp dẫn của một điểm đến đầu tư, chúng tôi kính đề nghị chính phủ thực thi luật này một cách hết sức cân nhắc, nhất là liên quan đến quy định của Điều 26.

Phát triển công nghiệp phụ trợ

Điểm cuối cùng, chúng tôi cho rằng Việt Nam cần đẩy mạnh các nỗ lực nhằm phát triển công nghiệp địa phương theo các chuẩn mực quốc tế và đạt năng lực cạnh tranh tầm quốc tế để không bị rơi vào “bẫy” tăng trưởng đi ngang mà nhiều nền kinh tế mới nổi khác từng gặp phải, kể cả Nhật Bản.

Những yếu tố chính để hiện thực hóa những công cuộc “tiên quân vào công nghiệp” là:

1. “nâng cao năng lực công nghệ về khoa học, chế tạo chế biến”;
2. “đào tạo, phát triển tài năng trong nước”;

3. “xây dựng các chuỗi giá trị công nghiệp”

Từ đó mà tạo nền tảng cho “phát triển công nghiệp phụ trợ” để nâng cao tỉ lệ nội địa hóa và nâng cao năng lực cạnh tranh trên tầm quốc tế.

Vì vậy, chúng tôi trước hết muốn đề xuất chính phủ Việt Nam cải thiện khung pháp lý để phát triển nguồn nhân lực chuyên gia kỹ thuật trong nước. Chúng tôi cho rằng một biện pháp sẽ có hiệu quả cao là nới lỏng các quy định về cấp thị thực cho các chuyên gia kỹ thuật lớn tuổi nhưng có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm, để mời những người này sang Việt Nam tham gia đào tạo, nuôi dưỡng các tài năng trong nước, trong vai trò “người truyền nghề”.

Thứ hai, do cần phải có thời gian nhất định để phát triển nguồn nhân lực và tăng cường tự chủ về khoa học, công nghệ sản xuất, chúng tôi đề xuất nên có biện pháp khuyến khích các doanh nghiệp có khả năng hỗ trợ của Nhật Bản có tên tuổi, năng lực công nghệ cao ở những lĩnh vực ưu tiên, đầu tư để tiến hành sản xuất, đẩy mạnh quá trình nâng cao năng suất cho Việt Nam.

Đặc biệt trong những lĩnh vực công nghiệp có tiềm năng cao nhưng hiện còn quá nhỏ bé tính trên thành phẩm đầu ra để có đủ sức hấp dẫn và trở thành mục tiêu đầu tư, chúng tôi cho rằng chính phủ nên có chính sách “ưu đãi đầu tư” để khuyến khích đầu tư, hợp tác với các doanh nghiệp trong nước nhằm nâng cấp công nghệ sản xuất, coi đây là biện pháp tạm thời cho đến khi đạt được quy mô phù hợp.

Hy vọng chính phủ Việt Nam sẽ nghiêm túc xem xét các khuyến nghị này của chúng tôi. JCCI cam kết đẩy mạnh quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Nhật Bản, và chúng tôi hy vọng các đề xuất của chúng tôi đưa ra hôm nay sẽ giúp Việt Nam trở nên hấp dẫn đầu tư hơn nữa không chỉ đối với Nhật Bản mà cả các nước khác trên thế giới.

Cảm ơn quý vị đã lắng nghe!



HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP NHẬT BẢN TẠI VIỆT NAM (JCCI)

BÁO CÁO TẠI DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THƯỜNG NIÊN 2018

Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam xin kiến nghị 4 nội dung mà chúng tôi mong muốn chính phủ Việt Nam tập trung đặc biệt nhằm cải thiện môi trường đầu tư và 3 nguyện vọng riêng của doanh nghiệp hội viên.

CÁC NỘI DUNG MONG MUỐN ĐƯỢC TẬP TRUNG ĐẶC BIỆT

1. Về vấn đề hợp tác công tư PPP

Chúng tôi biết rằng nợ công của Việt nam đã gần đến mức trần 65% GDP mà Quốc hội cho phép, và trong những năm gần đây chính phủ Việt Nam cũng đang đẩy mạnh chính sách thắt chặt vay nợ, nhưng để thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cần thiết một cách đầy đủ thì việc thực hiện tích cực cơ chế hợp tác công tư PPP được cho là một trong những biện pháp hiệu quả.

JCCI đánh giá cao việc ban hành Nghị định 63 vào tháng 5 năm 2018, nhờ đó các quy trình thủ tục đã được đơn giản hóa, chẳng hạn như bãi bỏ việc xin cấp giấy chứng nhận đầu tư IRC đối với các dự án BOT, các quy định cụ thể để triển khai các dự án PPP cũng được quy định rõ ràng hơn.

Chính phủ Việt Nam đã hiểu rõ ý nghĩa của PPP trong việc hoàn thiện cơ sở hạ tầng và luôn lắng nghe nguyện vọng của doanh nghiệp để cùng chia sẻ rủi ro với các doanh nghiệp cũng như thực hiện tốt vai trò của chính phủ để đưa các dự án PPP đi đến thành công. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai các dự án PPP, nghị định 63 và một số văn bản pháp luật liên quan vẫn còn nội dung chưa rõ ràng, còn tồn đọng một số vấn đề. Vì vậy, hôm nay chúng tôi xin phép đề nghị chính phủ cải thiện hơn nữa 4 nội dung sau đây:

- i. Quy định rõ hơn về các trường hợp áp dụng luật nước ngoài
Điều 467 của Nghị định 63 có quy định các hợp đồng có liên quan của dự án có thể áp dụng luật nước ngoài, nhưng Nghị định 63 lại không quy định rõ là có thể áp dụng luật nước ngoài đối với những hợp đồng mà một trong các bên ký kết là pháp nhân nước ngoài hay không.
- ii. Cho phép sử dụng trọng tài bên ngoài Việt nam đối với toàn bộ các dự án hạ tầng bao gồm cả bất động sản (liên quan đến quy định về giải quyết tranh chấp)
Điều 67 của Nghị định 63 có quy định có thể sử dụng trọng tài bên ngoài Việt nam,

nhưng đối với các tranh chấp liên quan đến bất động sản thì lại quy định phải giải quyết tại tòa án Việt Nam theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, do vậy những tranh chấp phát sinh tại các dự án PPP liên quan đến xây dựng, kinh doanh thiết bị cơ sở hạ tầng có thể hiểu rộng ra là đều thuộc các dự án bất động sản, do vậy sẽ ảnh hưởng xấu đến việc thu xếp tài chính cho dự án từ các tổ chức tài chính nước ngoài.

- iii. Cho phép nhà đầu tư và doanh nghiệp dự án có quyền thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, quyền kinh doanh thiết bị dự án.

Nghị định 63 có quy định về việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, quyền kinh doanh thiết bị dự án, tuy nhiên Luật đất đai, Luật dân sự lại không quy định rõ việc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam được phép nhận thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, do đó vẫn còn tồn tại vấn đề là nhà đầu tư và doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc huy động vốn.

- iv. Chính phủ Việt Nam phải chịu một mức độ rủi ro nhất định trong việc chuyển đổi tỷ giá (liên quan đến thanh toán đáo hạn)

Cho dù có khó khăn về tài chính, chính phủ vẫn phải xác định rõ danh mục các dự án trọng điểm cần sử dụng ngân sách chính phủ, bảo lãnh của chính phủ để triển khai.

Chúng tôi hy vọng rằng những ý kiến nêu trên có thể thúc đẩy các dự án PPP và góp phần thúc đẩy hơn nữa sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam.

2. Về vấn đề cải cách Doanh nghiệp nhà nước

Chính phủ đã tiến hành xây dựng lộ trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước và sửa đổi rất nhiều các quy định liên quan nhằm đẩy nhanh quá trình cổ phần hóa và bán vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước (dưới đây gọi tắt là SOE), tuy nhiên cho đến nay tiến độ thoái vốn vẫn rất chậm chạp, việc đạt mục tiêu vốn dĩ đã được đặt ra như "tăng cường quản trị doanh nghiệp" và "nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh" mà ban đầu hoạt động cải cách doanh nghiệp nhà nước đã hướng tới vẫn còn nửa vời.

Cho đến nay các doanh nghiệp Nhật Bản đã đầu tư cổ phần thiểu số với tư cách là nhà đầu tư chiến lược hoặc thành lập liên doanh tại rất nhiều doanh nghiệp SOE của Việt Nam (bao gồm cả các doanh nghiệp tài chính ngân hàng), và cũng còn rất nhiều doanh nghiệp Nhật hiện đang xem xét việc đầu tư vào các doanh nghiệp SOE. Về phía JCCI, chúng tôi rất mong muốn rằng quá trình cải cách doanh nghiệp SOE của Việt Nam sẽ tiến triển tốt đẹp, thuận lợi thông qua việc đầu tư, góp vốn của các doanh nghiệp Nhật Bản vào SOE. Ngoài ra, để thực hiện tốt cải cách doanh nghiệp nhà nước thì quan trọng hơn hết là phải kêu gọi các nguồn vốn đầu tư “có chất lượng cao” từ nước ngoài bao gồm cả Nhật Bản.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tiến độ thoái vốn còn chậm chạp, nhưng trước hết cần phải xem xét lại các quy định hiện hành về bán vốn cổ phần của nhà nước trong doanh nghiệp SOE tốt và được nhiều nhà đầu tư quan tâm. Cụ thể, chúng tôi xin phép đề xuất 3 nguyện vọng sau đây:

Nguyện vọng thứ nhất liên quan đến việc xác định mức giá hợp lý khi bán vốn cổ phần của nhà nước. Chúng tôi hiểu rằng bên bán là chính phủ Việt Nam mong muốn bán cổ phần với giá cao, nhưng nếu các nhà đầu tư nước ngoài xét thấy giá bán (giá đầu giá tối thiểu) do phía Việt nam đưa ra không phải là mức giá hợp lý thì sẽ rất khó có nhu cầu mua. Hiện nay, liên quan đến phương pháp xác định giá bán cổ phần của các doanh nghiệp SOE theo như quy định của Nghị định 126 và Nghị định 32, có tồn tại hai vấn đề là: 1) phương pháp định giá cổ phần của SOE do các tổ chức định giá thực hiện đang khác biệt khá xa so với tiêu chuẩn định giá cổ phiếu quốc tế, 2) đối với các doanh nghiệp SOE đã niêm yết trên sàn, nhiều trường hợp do thanh khoản trên thị trường kém nên hình thành giá cổ phiếu không hợp lý, nên sẽ rất khó để các nhà đầu tư blue-chip của nước ngoài trong đó có Nhật Bản có thể chấp nhận về giá. Chúng tôi cho rằng cần phải xem lại phương pháp định giá (bao gồm cả việc áp dụng phương pháp định sở), tăng mức thanh toán của cổ phiếu niêm yết (xem lại tiêu chuẩn niêm yết lên sàn chứng khoán, ...).

Mặt khác, quy mô của các doanh nghiệp tập đoàn SOE chủ lực là rất lớn, có nhiều trường hợp các nhà đầu tư nước ngoài rất khó có thể hiểu rõ nội dung ngành nghề kinh doanh của các tập đoàn đa tầng này. Do vậy, sẽ hiệu quả hơn nếu tách riêng các công ty con, công ty cháu trong tập đoàn một cách rõ ràng theo nội dung ngành nghề để ưu tiên đầu tư.

Nguyện vọng thứ hai là thực hiện quy trình bán vốn cổ phần của nhà nước sao cho gần với quy trình M&A theo tiêu chuẩn quốc tế. Cụ thể là cần phải đảm bảo việc đánh giá đầy đủ thực trạng và các vấn đề của doanh nghiệp bán vốn thông qua quá trình rà soát đặc biệt (dưới đây gọi là DD) liên quan đến luật pháp, tài chính, thuế, và đưa vào hợp đồng (hợp đồng chuyển nhượng vốn cổ phần, hợp đồng cổ đông) các giải pháp đối với các vấn đề đã được làm rõ qua quá trình DD.

Đối với các nhà đầu tư chiến lược có chất lượng tốt là các doanh nghiệp niêm yết của nước ngoài bao gồm cả Nhật Bản, do nghĩa vụ giải trình trước cổ đông, hội đồng quản trị của công ty khi quyết định đầu tư liên quan đến các dự án M&A thì sẽ phải thực hiện việc đánh giá các phân tích rủi ro, rà soát, các đối sách trong quy trình nêu trên một cách thận trọng. Nếu quy trình này không đầy đủ thì khả năng nhà đầu tư đưa ra quyết định tham gia tiếp dự án sẽ là rất thấp. Vì vậy chúng tôi đề nghị chính phủ xem xét điều chỉnh lại quy trình bán vốn.

Nguyện vọng thứ 3 là tăng cường bảo vệ quyền lợi của cổ đông thiểu số. Nhiều trường hợp các doanh nghiệp Nhật đầu tư vào các doanh nghiệp SOE mà chính phủ vẫn nắm cổ phần chi phối theo quy định hiện hành, do đó mà đa số vẫn bị hạn chế đầu tư nước ngoài. Nghĩa là, các doanh nghiệp Nhật, đang đa phần là đầu tư chiến lược vào các doanh nghiệp SOE mà chỉ được chấp

nhận đầu tư của cổ đông thiểu số theo luật định (hầu hết là không giữ quyền phủ quyết (nắm trên 35% cổ phần có quyền biểu quyết) theo luật doanh nghiệp).

Với những trường hợp vì hạn chế của các quy định pháp luật mà nhà đầu tư chỉ có thể góp vốn của cổ đông thiểu số như vậy, thì để thu hút các nhà đầu tư tốt thì cần phải tăng cường bảo vệ quyền lợi của cổ đông thiểu số hơn nữa để các nhà đầu tư có thể yên tâm đầu tư một cách dài hạn. Trong trường hợp này, nếu doanh nghiệp mục tiêu là công ty tư nhân, thì thông thường nhà đầu tư sẽ kí hợp đồng giữa các cổ đông với nhau, trong đó sẽ quy định các điều khoản “ng nghiêm cấm nhà đầu tư bán cổ phần cho đối thủ cạnh tranh”, “hạn chế pha loãng cổ phiếu”, “quyền ưu tiên mua, quyền ưu tiên đàm phán khi bán cổ phiếu” để bảo vệ quyền lợi của mình. Gần đây, có nhiều trường hợp ngay cả khi đầu tư vào các doanh nghiệp nhà nước thì các lợi ích này cũng bị giới hạn ở một mức độ nhất định. Mặc dù vậy, vẫn không thể nói rằng chính phủ Việt Nam (đặc biệt là bộ phận cấp cao) đã nhận thức đầy đủ về vấn đề này. Chúng tôi mong rằng Ủy ban quản lý vốn tập trung (CMSC) và Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC: The State Capital Investment Corporation - công ty đầu tư trực thuộc chính phủ đã được thành lập năm 2005 theo quyết định của Thủ tướng) với tư cách là cổ đông lớn tại các doanh nghiệp SOE từ nay về sau sẽ tăng cường các biện pháp để bảo vệ quyền lợi cho các đối tác chiến lược là các nhà đầu tư thiểu số nước ngoài.

Đặc biệt, do việc bán vốn cổ phần của nhà nước bắt buộc phải thực hiện bằng hình thức đấu giá công khai theo quy định hiện hành, khi bán tiếp vốn cổ phần tại doanh nghiệp SOE được thực hiện bằng hình thức đấu giá công khai, nếu doanh nghiệp trúng đấu giá là đối thủ cạnh tranh của nhà đầu tư Nhật Bản đang đầu tư chiến lược tại doanh nghiệp đó thì sẽ gây thiệt hại đến lợi ích của doanh nghiệp Nhật Bản đã đầu tư từ trước. Vì vậy chúng tôi kính mong chính phủ khẩn trương và thận trọng xem xét các giải pháp để không xảy ra tình trạng tương tự như vậy.

Tiếp theo, đối với nhóm doanh nghiệp mà chúng ta cho rằng đó không phải là doanh nghiệp nhà nước tốt thì không nên vội vàng bán cổ phần cho nhiều nhà đầu tư ngay sau khi cổ phần hóa, mà trước tiên cần phải thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao sức hấp dẫn đầu tư của những doanh nghiệp này; tăng cường quản trị doanh nghiệp; cải tiến nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh; tổ chức lại công ty như tái cơ cấu, xử lý nợ quá hạn; và cần có chính sách thúc đẩy hợp tác công tư để khơi dậy mong muốn đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài.

Bên cạnh đó, để thúc đẩy cải cách doanh nghiệp nhà nước và đạt được mục tiêu ban đầu, đóng góp thiết thực vào tài chính quốc gia, thì sự chỉ đạo kiên quyết của lãnh đạo nhà nước và cơ chế thực thi, giám sát của Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (CMSC: Committee for the Management of State capital) được cho là việc làm quan trọng.

3. Về Luật an ninh mạng (Cybersecurity Law)

Luật an ninh mạng được Quốc hội thông qua và ban hành vào ngày 12 tháng 6 năm nay là nhằm

mục đích bảo vệ an ninh quốc gia và đảm bảo trật tự trên không gian mạng. JCCI hiểu đầy đủ ý nghĩa của việc xây dựng quy định nhằm loại bỏ một cách hợp lý các mối đe dọa đối với an ninh quốc gia thông qua không gian mạng và đảm bảo việc truyền tin và sử dụng thông tin một cách lành mạnh.

Tuy nhiên, không thể phủ nhận rằng, bộ luật này có thể dẫn đến việc các cơ quan chức năng sẽ thu thập, quản lý và kiểm soát thông tin một cách tùy ý. Để giữ trọn vẹn "tính hấp dẫn của Việt Nam - điểm đến của các nhà đầu tư", chúng tôi kính mong chính phủ xem xét lại những nội dung dưới đây (đã được quy định rõ tại Điều 26 của Luật này) khi áp dụng.

- i. Phải lưu trữ dữ liệu thông tin cá nhân của người sử dụng dịch vụ trên máy chủ đặt tại Việt Nam.
- ii. Phải đặt trụ sở hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam.
- iii. Phải xóa bỏ nội dung hoặc cung cấp thông tin của người sử dụng theo yêu cầu của Bộ Thông tin truyền thông và Bộ công an.

Trong số các doanh nghiệp hội viên của JCCI, có nhiều doanh nghiệp bị ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh do những quy định của bộ luật này.

Chúng tôi được biết, hiện đang tiến hành xem xét soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành bộ luật này. Chúng tôi vô cùng hy vọng rằng, phạm vi áp dụng các quy định nêu trên sẽ được quy định rõ ràng và giới hạn trong phạm vi tối thiểu cần thiết, làm giảm thiểu tới đa những ảnh hưởng đối với FDI khi thực thi bộ luật này.

4. Về vấn đề phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ

Để Việt Nam tiếp tục tăng trưởng kinh tế bền vững mà không rơi vào cái bẫy của các nước đang phát triển mà nhiều quốc gia đã từng mắc phải thì việc phát triển ngành công nghiệp có năng lực cạnh tranh quốc tế là nhiệm vụ cấp bách. Tăng cường kết nối doanh nghiệp Việt Nam với doanh nghiệp nước ngoài thông qua những chính sách phù hợp với các khu vực trọng điểm, đồng thời tạo bước “đột phá trong phát triển công nghiệp” để thúc đẩy phát triển kinh tế Việt Nam là việc làm rất cần thiết.

Chìa khóa để “đột phá trong phát triển công nghiệp” đương nhiên là việc nâng cao năng lực khoa học, kỹ thuật sản xuất, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực Việt Nam và yếu tố nền tảng là xây dựng chuỗi giá trị công nghiệp. Đặc biệt là “phát triển công nghiệp hỗ trợ” để hướng tới tăng cường năng lực cạnh tranh bằng việc nâng cao tỷ lệ nội địa hóa trong khu vực chế tạo của Việt Nam.

Để đạt được mục đích này, việc làm trước mắt đầu tiên là chính phủ Việt Nam và doanh nghiệp Nhật Bản cần mở rộng hơn nữa khuôn khổ hợp tác của “chương trình đào tạo kỹ thuật viên Việt

Nam" và triển khai một cách chắc chắn việc đào tạo đội ngũ kỹ sư thiết kế, kỹ sư máy, nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng người Việt Nam. Từ quan điểm này, chúng tôi lấy ví dụ: nới lỏng quy định về điều kiện cấp visa cho người nước ngoài, mời các nhân viên kỹ thuật có tuổi nghề cao đến Việt Nam với tư cách là "người truyền lại kinh nghiệm kỹ thuật của những người thợ lành nghề" để đào tạo, hướng dẫn cho lao động người Việt Nam là biện pháp rất hiệu quả.

Thứ hai là, để đào tạo nguồn nhân lực và nâng cao tính tự chủ trong khoa học, kỹ thuật sản xuất thì cần một khoảng thời gian, bên cạnh đó, trong khi chờ kết quả này, nếu nhìn vào vấn đề bị lôi kéo tham gia cuộc cạnh tranh quốc tế với các nước xung quanh, chúng tôi xin đề xuất đối với các lĩnh vực trọng điểm, tiến hành các chính sách thúc đẩy ngành công nghiệp phụ trợ Nhật Bản vốn được đánh giá là có năng lực kỹ thuật cao trong lĩnh vực đó sẽ bắt tay vào sản xuất tại Việt Nam cũng như nâng cao năng suất, đẩy nhanh đào tạo nguồn nhân lực.

Đặc biệt, những tiềm năng trong tương lai cũng sẽ được nghiên cứu một cách đầy đủ, nhưng ở thời điểm hiện tại, quy mô sản xuất sản phẩm cuối cùng vẫn còn nhỏ. Vì vậy, chúng tôi cho rằng, chính phủ cần đưa ra lời kêu gọi đầu tư với những chính sách ưu đãi về thuế, cơ chế hỗ trợ tài chính để giảm gánh nặng khấu hao khuôn, giá cũng như thúc đẩy việc liên kết với doanh nghiệp Việt Nam và chuyển giao công nghệ... như là những biện pháp có khả năng tìm kiếm lợi ích từ quy mô sản xuất đối với lĩnh vực đang ở trong tình trạng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ không thể nào đưa được ra quyết định đầu tư.

CÁC NGUYỆN VỌNG RIÊNG CỦA DOANH NGHIỆP HỘI VIÊN

1. Về Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường

Hiện nay, dự thảo nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường đang trong giai đoạn lấy ý kiến. Theo dự thảo này, để ứng phó với nước thải chưa qua xử lý khi xảy ra sự cố trong nhà máy thì nghĩa vụ được yêu cầu đối với doanh nghiệp là phải xây dựng công trình chứa nước thải đảm bảo lưu chứa được nước thải sau xử lý trong ít nhất 72 giờ và công trình này có sử dụng các chỉ thị sinh học để có thể theo dõi chất lượng nước thải sau xử lý.

Tuy nhiên, hiện nay cũng có những doanh nghiệp đã đầu tư kinh phí để áp dụng các biện pháp khác với nội dung của dự thảo nghị định nhưng đủ để đảm bảo không cho nước thải chưa qua xử lý xả ra môi trường. Doanh nghiệp Nhật Bản nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường từ chính những kinh nghiệm khắc phục sự cố đã từng xảy ra tại Nhật Bản trước kia. Từ những bài học kinh nghiệm đó, các doanh nghiệp đã áp dụng những biện pháp bảo vệ môi trường phù hợp để cùng bảo vệ môi trường chung khi đầu tư vào Việt Nam. Chúng tôi ý thức được việc áp dụng thêm các biện pháp bổ xung để bảo vệ môi trường tùy theo mức độ cần thiết. Thế nhưng, quy định không phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp và thiếu cơ sở khách quan sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc duy trì hoạt động của doanh nghiệp tại Việt Nam. Vì vậy, chúng tôi kính mong chính phủ xem xét lại nghĩa vụ phải xây dựng công trình chứa

nước thải nêu trên trong nội dung dự thảo và hãy quan tâm hơn nữa đến doanh nghiệp thuộc đối tượng phải áp dụng quy định này.

2. Về Quỹ phòng, chống thiên tai

Căn cứ theo Nghị định số 94/2014/ND-CP về Quỹ phòng, chống thiên tai, các khu vực bắt đầu thu nộp Quỹ đang tăng lên, nhưng thủ tục nộp quỹ của các doanh nghiệp có nhiều vấn đề, và nếu Nghị định vẫn giữ như hiện nay thì sẽ rơi vào tình trạng không thể áp dụng được. Hơn nữa, khi thu khoản đóng góp của người lao động, rất khó để thu một cách công bằng, nếu thu một cách ép buộc thì chúng tôi sợ rằng người lao động sẽ thấy bất mãn và có thể xảy ra đình công.

Là Hiệp hội các doanh nghiệp tại Việt Nam, chúng tôi hiểu rõ ý nghĩa của Quỹ. Chúng tôi cho rằng nếu việc sử dụng Quỹ, thủ tục nộp Quỹ, thủ tục nhận tiền hỗ trợ từ Quỹ được rõ ràng thì phía người sử dụng lao động sẽ hiểu rõ hơn về việc nộp “Khoản đóng góp của doanh nghiệp”. Chúng tôi rất mong muốn điều này được làm sáng rõ trong Nghị định.

Mặt khác, đối với phương pháp mà doanh nghiệp thu “Khoản đóng góp của người lao động” của từng cá nhân rồi nộp Quỹ thì không thể thu một cách công bằng được, nên cần phải thay đổi sang phương pháp là Cơ quan hành chính sẽ thu trực tiếp. Cụ thể là thay vì sử dụng phương pháp hiện nay, chúng ta sẽ sử dụng phương pháp đánh thuế cư dân tại nơi cư trú căn cứ theo sổ hộ khẩu, đánh thuế đối với tài sản cố định cá nhân tương tự với khoản đóng góp của doanh nghiệp. Về việc thu nộp Quỹ, chúng tôi mong muốn sửa đổi chế độ, quy định về thuế và Nghị định để thay đổi sang phương pháp công bằng và có tính thực tế.

i. Các vấn đề liên quan đến việc thu “Khoản đóng góp của người lao động” để nộp Quỹ

Người lao động làm việc tại doanh nghiệp đóng góp 1 ngày lương theo mức lương tối thiểu vùng, ở khu vực 1 là khoảng 150.000 đồng/người/năm, nhưng người lao động không làm việc tại doanh nghiệp đóng 15.000 đồng/người/năm. Vì mức đóng chênh lệch nhau 10 lần nên người lao động phản đối mạnh mẽ. Ngoài ra, so với mức đóng của cán bộ, công chức cũng có sự chênh lệch và thiếu tính công bằng.

Có nhiều nhân viên nộp cho doanh nghiệp hóa đơn nộp Quỹ theo cá nhân tại nơi ở và không thuộc đối tượng phải đóng cho doanh nghiệp để thu nộp Quỹ. Ngoài ra, cũng có nhân viên báo rằng họ đã đóng tiền tại công ty mà trước đây họ làm. Công việc thu của từng người, sau khi phân biệt nhân viên đã đóng và nhân viên chưa đóng là rất phức tạp, phía doanh nghiệp không thể xử lý được.

Trong trường hợp đóng tại doanh nghiệp, có nhân viên yêu cầu phát hành hóa đơn nhưng doanh nghiệp thì không thể phát hành hóa đơn công. Ngay cả khi Quỹ phát hành hóa đơn đi chăng nữa thì ở những doanh nghiệp có nhiều nhân viên, việc phát hóa đơn chính xác cho từng người lao động cũng là điều không thể. Đối với những nhân viên nghỉ việc khi đang chờ phát hành hóa đơn

thì việc phát hóa đơn cho họ sẽ rất khó khăn.

Theo quy định của Luật Lao động, khoản đóng góp của người lao động không thể khấu trừ từ tiền lương mà sẽ thu bằng tiền mặt. Việc xử lý tiền mặt với số lượng lớn tại doanh nghiệp sẽ nguy hiểm và phức tạp.

Đối với những nhân viên đã nghỉ việc tại thời điểm doanh nghiệp nhận được thông báo của Quỹ về khoản tiền nộp và những nhân viên nghỉ việc trong khi đang xử lý việc thu tiền, thì việc thu tiền là không thể.

Có những trường hợp mà Quỹ tại một số khu vực yêu cầu đóng cho năm đã qua, nhưng doanh nghiệp không thể thu được từ người đã nghỉ việc.

ii. Các vấn đề của “Khoản đóng góp của doanh nghiệp” nộp Quỹ

Nhiều doanh nghiệp không đồng ý nộp "Khoản đóng góp của doanh nghiệp" vì chi tiết về việc sử dụng Quỹ, kế hoạch sử dụng, tiêu chuẩn đề nghị và phương pháp đề nghị nhận hỗ trợ từ Quỹ khi các doanh nghiệp chịu ảnh hưởng của thiên tai, không được chỉ ra.

Có trường hợp tiêu chuẩn của đối tượng được giảm hoặc tạm hoãn nộp khoản đóng góp của doanh nghiệp và phương pháp đề nghị không được chỉ ra.

Phương pháp lấy giá trị tài sản của chi nhánh làm cơ sở để tính khoản đóng góp của doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp có chi nhánh tại nhiều tỉnh thành là không phù hợp.

3. Ý kiến liên quan đến Nghị định về việc cho thuê lại lao động

Liên quan sửa đổi luật lao động năm 2019, chúng tôi xin đưa ra các đề nghị sửa đổi việc mở rộng các công việc được phép cho thuê lại lao động và gia hạn thời gian cho thuê lại lao động.

Theo điều 23, Nghị định số 55/2013/ND-CP, điều kiện để có thể sử dụng lao động cho thuê lại là trong trường hợp bổ sung cho tình trạng thiếu nhân sự tạm thời hoặc đáp ứng nhu cầu của nguồn nhân lực có chuyên môn cao.

Mặt khác, về nguyên tắc, không được phép sử dụng lao động cho thuê lại trong ngành sản xuất, trừ trường hợp “sản xuất, lắp đặt thiết bị truyền hình, viễn thông”. Trong ngành sản xuất nói chung, phạm vi gia tăng sản xuất ngắn hạn đáp ứng biến động về nhu cầu trên thị trường là rất lớn, phù hợp với điều kiện của công việc cho thuê lại lao động. Trong trường hợp cần gấp số lượng lớn, nếu doanh nghiệp tự mình tuyển dụng nhân viên thì cũng có giới hạn, có nhu cầu rất lớn trong việc sử dụng lao động cho thuê lại. Để đáp ứng nhu cầu gia tăng trong nước và các nơi xuất khẩu, đồng thời để thúc đẩy mở rộng tiêu dùng và xuất khẩu, chúng tôi mong muốn áp dụng việc cho thuê lại lao động trong ngành sản xuất nói chung.

Ngoài ra, thời gian cho thuê lại lao động không được quá 12 tháng. Tuy nhiên, có những trường hợp cần khoảng 24 tháng khi sử dụng lao động cho thuê lại trong những công việc có chuyên môn như làm việc cho dự án. Chúng tôi kính mong quý vị cân nhắc việc phân chia mức giới hạn tối đa của thời gian cho thuê lại lao động trong trường hợp bổ sung cho tình trạng thiếu nhân sự tạm thời và trường hợp cho thuê lại nhân lực có chuyên môn cao.



HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP ÁN ĐỘ TẠI HÀ NỘI BÁO CÁO TẠI DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Nhằm cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư tại Việt Nam, chúng tôi muốn nêu ra một số vấn đề mà các doanh nghiệp thành viên của INCHAM Hà Nội đang gặp phải và đề xuất một vài giải pháp với Chính phủ Việt Nam.

CÁC VẤN ĐỀ VÀ GIẢI PHÁP CHÍNH

I. Về ngành Dược phẩm

Với tổng số dân hơn 90 triệu người cùng nền kinh tế tăng trưởng nhanh và mức sống ngày càng tăng, Việt Nam đang trở thành một thị trường có tiềm năng lớn đối với ngành dịch vụ y tế. Thật vậy, chi tiêu dành cho y tế của Việt Nam được ước tính vào khoảng 16,1 tỷ đô la trong năm 2017, chiếm 7.5% GDP của đất nước. Con số này được dự kiến sẽ tăng lên 22,7 tỷ đô la vào năm 2021, với mức tăng trưởng hàng năm vào khoảng 12,5% từ năm 2017 tới năm 2021. Có được điều này chính là nhờ những nỗ lực không ngừng của Chính phủ Việt Nam nói chung, của Bộ Y tế và Cục Quản lý Dược Việt Nam nói riêng, đặc biệt là với Dự thảo sửa đổi Nghị định số 38 về việc cắt giảm 50% thủ tục hành chính và điều kiện đầu tư kinh doanh mà Cục Quản lý Dược đã trình Thủ tướng Chính phủ.

Công tác đấu thầu thuốc luôn là một nhiệm vụ quan trọng của Bộ Y tế nhằm đảm bảo việc chọn lựa được các loại thuốc có chất lượng cao với giá cả hợp lý. Thông tư quy định đấu thầu thuốc do Bộ Y tế ban hành cũng cho thấy sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Bộ qua việc đề cập đầy đủ các nội dung xung quanh công tác đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập. Tuy nhiên, công tác đấu thầu thuốc vẫn còn một số khó khăn và bất cập mà không chỉ các doanh nghiệp Án Độ mà rất nhiều các doanh nghiệp nước ngoài khác cũng đang gặp phải.

Với mong muốn đóng góp ý kiến giúp Bộ Y tế sửa đổi Thông tư quy định đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập, đồng thời khắc phục khó khăn cho các doanh nghiệp Án Độ, INCHAM Hà Nội xin đưa ra một số đề xuất như sau:

1. Về Thông tư số 11/2016/BYT ngày 11/5/2016

- *Cho phép nhà thầu có thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn EU-GMP nhưng không thuộc nước tham gia ICH và Australia được dự thầu vào Nhóm 1*

Theo điểm a, khoản 1, Điều 5 của Thông tư này, nhà thầu có thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn EU-GMP nhưng không thuộc nước tham gia ICH và Australia không được dự thầu vào Nhóm 1. Điều này đi ngược với thực tiễn thi hành luật trên thế giới, do các loại thuốc sản xuất trên dây chuyền thuốc đạt tiêu chuẩn EU-GMP thuộc hoặc không thuộc nước tham gia ICH và Australia được công nhận như nhau. Do đó, chúng tôi mong muốn Bộ Y tế Việt Nam cho phép nhà thầu có thuốc sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn EU-GMP nhưng không thuộc nước tham gia ICH và Australia được dự thầu vào Nhóm 1. Điều chỉnh này sẽ giúp các cơ sở y tế công lập tăng khả năng tiếp cận các loại thuốc có chất lượng cao với giá cả phải chăng, tránh được tình trạng độc quyền thuốc từ các nước tham gia ICH và Australia.

- *Đưa tiêu chuẩn PICS-GMP vào Nhóm 2 theo điểm a, khoản 1, Điều 5 của Dự thảo Thông tư*

PICS-GMP (Hệ thống hợp tác về thanh tra dược phẩm) là một trong các tiêu chuẩn chất lượng phổ biến nhất được công nhận trên toàn thế giới với phần lớn thành viên là từ các nước ICH như Pháp và Anh. Nền tảng của tiêu chuẩn này cũng tương đồng với tiêu chuẩn EU-GMP do hầu hết các nước tham gia ICH đều nắm vai trò chủ chốt trong công tác xây dựng chính sách cho tiêu chuẩn PICS.

Chúng tôi mong muốn Chính phủ Việt Nam đưa tiêu chuẩn PICS-GMP vào Nhóm 2, nhằm cung cấp các loại thuốc có chất lượng tốt với giá phải chăng thay thế cho các loại thuốc thuộc Nhóm 1, đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp nâng cấp cơ sở vật chất nhằm đáp ứng tiêu chuẩn PICS-GMP, đồng thời người dân Việt Nam được sử dụng thuốc chất lượng tốt với giá cả hợp lý và chi phí cho y tế sẽ giảm.

- *Công nhận nhãn hiệu địa phương trong Nhóm 2 khi được Cục Quản lý Dược công nhận là tương đương sinh học*

Cục Quản lý dược có toàn quyền công nhận nhãn hiệu địa phương từ bất kỳ công ty địa phương nào là tương đương sinh học khi thuốc của công ty đó đáp ứng các tiêu chí của bất kỳ Nhóm nào, mặc dù Nhóm 4 quy định riêng cho tương đương sinh học.

Nhà thầu tương đương sinh học được quyền tham gia dự thầu vào Nhóm 2 và không được quyền tham gia dự thầu vào Nhóm 1. Tương đương sinh học mang lại hiệu quả tương tự như biệt dược gốc và nên được xem xét cho vào Nhóm 1 thay vì Nhóm 2, do biệt dược gốc có giá thành rất cao và tương đương sinh học với giá thành hợp lý hơn sẽ đóng góp đáng kể vào Ngân sách Bảo hiểm xã hội của Việt Nam.

Chúng tôi cũng cho rằng việc phân loại thuốc có cùng tiêu chuẩn chất lượng dựa trên yếu tố địa lý là không công bằng cho các doanh nghiệp. Việc quy định như vậy sẽ hạn chế các doanh nghiệp nước ngoài có cơ hội được cạnh tranh bình đẳng với nhau trong lĩnh vực dược phẩm.

2. Về Nghị định số 54/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược

Theo đó, tiêu chí đề nghị cấp phép nhập khẩu thuốc là “sản phẩm được cấp phép lưu hành tại các nước tham gia ICH hoặc Australia” mới được nộp đơn xin đề nghị cấp phép nhập khẩu thuốc, theo điểm a, khoản 1 Điều 65; điểm b, khoản 1, Điều 66; điểm a, khoản 1, Điều 68; điểm b, khoản 1, Điều 71; điểm a, khoản 1, Điều 72 của Nghị định số 54. Việc yêu cầu giấy phép như trên sẽ gây ra sự chậm trễ cho công tác nhập khẩu thuốc đáp ứng nhu cầu điều trị đặc biệt cho các công ty dược không được cấp phép tại các nước tham gia ICH hoặc Australia, dẫn tới chi phí điều trị cao do các nhà cung cấp thuốc thuộc các nước tham gia ICH hoặc Australia chiếm độc quyền cung cấp thuốc. Chúng tôi mong muốn các điều kiện bắt buộc để xin giấy phép nhập khẩu thuốc đáp ứng nhu cầu điều trị đặc biệt như trên được loại bỏ.

3. Về việc hoàn thuế giá trị gia tăng

Theo sửa đổi mới nhất của Chính phủ Việt Nam liên quan đến vấn đề hoàn thuế giá trị gia tăng của **Nghị định số 209/2013 /NĐ-CP** ngày 18/12/2013 và **Nghị định số 100/2016/NĐ-CP** quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều luật Thuế giá trị gia tăng: Sản phẩm xuất khẩu

được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản do cơ sở kinh doanh trực tiếp khai thác và chế biến hoặc thuê cơ sở khác chế biến mà trong quy trình chế biến đã thành sản phẩm khác sau đó lại tiếp tục chế biến ra sản phẩm xuất khẩu (quy trình chế biến khép kín hoặc thành lập phân xưởng, nhà máy chế biến theo từng công đoạn) thì sản phẩm xuất khẩu này thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 12 Luật thuế giá trị gia tăng.

Các công ty mua các tài nguyên thiên nhiên làm nguyên liệu đầu vào (thạch anh và than đá) để sản xuất Silicon Carbide thô tại nhà máy, sau đó đóng gói thành nhiều kích cỡ tùy theo yêu cầu của khách hàng. Căn cứ vào quy định nêu trên, các công ty yêu cầu được hoàn thuế giá trị gia tăng với cơ quan thuế địa phương và được thông báo rằng họ không đủ điều kiện để được hoàn thuế giá trị gia tăng. Thay mặt các công ty Ấn Độ, chúng tôi mong muốn Bộ Tài chính xem xét vấn đề này và có một vài đề xuất như sau:

- a. Theo khoản 11, Điều 3 của **Nghị định 209/2013/NĐ-CP** và khoản 1, Điều 1 **Nghị định 146/2017/NĐ-CP**, sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến trực tiếp từ nguyên liệu chính là tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản xuất sản phẩm được miễn thuế giá trị gia tăng và công ty không được yêu cầu hoàn thuế giá trị gia tăng cho các sản phẩm này.
- b. Tuy nhiên, sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản do cơ sở kinh doanh trực tiếp khai thác và chế biến hoặc thuê cơ sở khác chế biến mà trong quy trình chế biến đã thành sản phẩm khác sau đó lại tiếp tục chế biến ra sản phẩm xuất khẩu (quy trình chế biến khép kín hoặc thành lập phân xưởng, nhà máy chế biến theo từng công đoạn) thì sản phẩm xuất khẩu này thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% nếu đáp ứng được các điều kiện sau:
 - i. Có hoá đơn giá trị gia tăng khi mua hàng hoá, dịch vụ hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng ở khâu nhập khẩu;
 - ii. Có chứng từ thanh toán qua ngân hàng khi mua hàng hoá, dịch vụ;
 - iii. Cơ sở kinh doanh phải có hợp đồng ký kết với bên nước ngoài về hoạt động bán hàng, gia công, cung cấp dịch vụ; có hoá đơn bán hàng, dịch vụ, chứng từ thanh toán qua ngân hàng và tờ khai hải quan.

Chúng tôi hy vọng sẽ đóng vai trò tích cực hơn trong công tác xúc tiến đầu tư và thương mại giữa hai nước Việt Nam - Ấn Độ trong nhiều lĩnh vực bằng cách vận dụng kinh nghiệm đi trước và chuyên môn sẵn có của Ấn Độ.

II. PHIÊN 1

NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ
CHO CƠ SỞ HẠ TẦNG

LÀM THẾ NÀO ĐỂ PPP CÓ HIỆU QUẢ

Trình bày bởi
Ông Tony Foster
Trưởng Nhóm

Nhóm Công tác Cơ sở hạ tầng xin đưa ra một số đề xuất về việc làm thế nào để PPP hiệu quả.

Hiện trạng

Hầu như không có bất kỳ dự án nào tuân theo cơ chế PPP quy định tại Nghị Định 15 và Nghị Định 63 (**Quy Chế PPP**).

- Thông tin đầy đủ nhất mà chúng tôi có được cho thấy không có dự án PPP nào nhận được nguồn vốn hỗ trợ bù đắp thiếu hụt về tài chính (viability gap funding) căn cứ theo Nghị Định 15.
- Mặc dù có nhiều sự nhầm lẫn trên báo chí về tên gọi của PPP, chúng tôi không biết có bất kỳ Dự Án PPP nào theo Quy Chế PPP đã được hoàn thành bởi các nhà tài trợ tư nhân hoặc là dự án được các ngân hàng tư nhân hỗ trợ tài chính.

Tại sao không có Các Dự Án PPP Thật Sự?

Có nhiều lý do:

1. PPP rất phức tạp, không chỉ ở Việt Nam, mà ở bất kỳ nơi nào trên thế giới.
2. Sự hỗ trợ của Nhà Nước là có hạn, vì vậy chắc chắn sẽ phát sinh các vấn đề chính trị.
3. PPP chỉ có thể bền vững nếu được thực hiện hiệu quả và công bằng. Điều này có nghĩa là phải xây dựng một đội ngũ chuyên gia là những người có thể quản lý chương trình. Như đã thấy từ sự thành công của các dự án Điện BOT tại Việt Nam, điều này cần phải có thời gian.
4. Cần phải có chuyên môn cụ thể cho từng ngành/lĩnh vực – đường bộ khác với đường sắt, và khác với các nhà máy nước thải, vv... và cho riêng Việt Nam.

Có một số vướng mắc cụ thể:

1. Không có hướng dẫn hoặc cảm nang hướng dẫn về việc làm thế nào để nhận được nguồn vốn hỗ trợ bù đắp thiếu hụt về tài chính nên các nhà đầu tư tư nhân và ASAs không biết làm thế nào để được hỗ trợ.
2. Nguồn vốn hỗ trợ bù đắp thiếu hụt về tài chính là yếu tố trung tâm của PPP. Việc không có các nguyên tắc cung cấp nguồn vốn hỗ trợ bù đắp thiếu hụt về tài chính có nghĩa là nhiều nhà tài trợ và ASAs cho rằng PPP sẽ cần rất nhiều thời gian. Do đó dường như là họ không mặn mà lắm với PPP.
3. PPP quá nguyên tắc. Các quy chế BOT phát huy hiệu quả trong ngành điện vì quy chế này khá chung chung và có thể được giải thích linh hoạt khi cần thiết. Quy Chế PPP có tính nguyên tắc cao. Và thường thì rất khó để có thể đáp ứng kịp thời các yêu cầu.
4. Hoạt động đấu thầu gặp nhiều khó khăn và không hiệu quả cho Việt Nam hơn các dự án được thương lượng/đàm phán riêng.

Điều gì có thể làm cho PPP hiệu quả?

Có nhiều ý kiến mới mà một người có thể đưa ra, nhưng những ý kiến này sẽ gây rối trí. NCT Cơ sở hạ tầng tin rằng lĩnh vực này cần có kết hợp đồng thời giữa việc hỗ trợ ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

1. Ngắn hạn – Các dự án thí điểm. Nếu những dự án này được thiết kế theo yêu cầu, chúng có thể mang lại kiến thức về thị trường tạo lập cơ sở cho các dự án sau này. Đặc biệt là về việc phân chia rủi ro.
2. Trung hạn – Luật Mới. Một luật mới được dự thảo chi tiết nhằm khắc phục một số vấn đề hiện tại sẽ giúp ích rất nhiều. Những vấn đề này được đề cập trong tài liệu của NCT Cơ sở hạ tầng.
3. Đầu tư dài hạn về năng lực quản lý.

Chúng tôi biết rằng hiện nay có nhiều nỗ lực thực hiện các dự án PPP thí điểm. Vấn đề là những nỗ lực này đang cố gắng để hiểu rõ Quy Chế PPP hiện tại và năng lực quản lý không phù hợp. Để khắc phục vấn đề này, các dự án thí điểm có thể được thiết lập theo một Quyết Định đặc biệt của Văn Phòng Chính Phủ như trường hợp đối với dự án đường cao tốc Phan Thiết – Dầu Giây. Kinh nghiệm/kiến thức thu được từ dự án này sẽ được đưa vào Luật PPP mới và đưa vào kinh nghiệm quản lý hiệu quả hơn.

Về các vấn đề cụ thể cần được giải quyết, NCT Cơ sở hạ tầng xin đề xuất chú trọng vào:

1. Các nguyên tắc phân chia rủi ro trong mỗi phân mục cơ sở hạ tầng (infrastructure sub-sector).
2. Các nguyên tắc rõ ràng về nguồn vốn hỗ trợ bù đắp thiếu hụt về tài chính và về việc làm thế nào để nhận được hỗ trợ của Chính Phủ trong trường hợp có rủi ro mà không thể giải quyết được trừ khi có sự hỗ trợ của Chính Phủ.
3. Một ví dụ về vấn đề này có thể là khả năng có sẵn ngoại tệ.
4. Một vấn đề khác là việc thay đổi về luật. Một công ty có thể xây dựng một nhà máy điện tuân thủ luật môi trường có hiệu lực vào ngày hôm nay và tự ấn định một mức giá cố định, nhưng công ty không thể thực hiện điều đó nếu ngày mai công ty phải chịu trách nhiệm chi 100 triệu đô để tuân thủ luật môi trường.

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC CƠ SỞ HẠ TẦNG**10 KỶ VỌNG ƯU TIÊN VỀ LUẬT PPP MỚI**

Chuẩn bị bởi
Nhóm Công tác Cơ sở hạ tầng

Thông kê – Những con số biết nói

Theo dự thảo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thực hiện chương trình PPP, trong 20 năm gần đây, khoảng 200 dự án đã được cấp phép theo hình thức đối tác công tư (**PPP**):

- 158 dự án BOT và BT trong lĩnh vực giao thông;
- 9 dự án BOT trong ngành điện;
- 5 dự án xử lý nước thải.

Chúng tôi không chắc chắn rằng có bao nhiêu trong số các dự án đã được cấp phép này đã đi vào vận hành. Trong ngành điện BOT, chúng tôi tin rằng có 4 dự án đang vận hành phát điện.

Hầu như không có dự án nào đi theo hình thức PPP quy định tại Nghị định 15 và Nghị định 63 (**Quy chế PPP**).

- Thông tin mà chúng tôi có được cho thấy không có dự án PPP nào có sự tham gia của các ngân hàng nước ngoài được đầu tư theo các Quy chế PPP¹ (**Các Dự án PPP chính thức**).
- Chúng tôi không có số liệu thống kê để có thể đánh giá xem có bất kỳ Dự án PPP chính thống nào đã được hoàn thành bởi các nhà tài trợ tư nhân mà dự án đó được ngân hàng tư nhân Việt Nam hỗ trợ tài chính hay không. Nếu quý vị có bất kỳ thông tin nào về vấn đề này chúng tôi rất mong nhận được chia sẻ chi tiết.

Mục đích của PPP – Vì sao chúng ta cần PPP?

Mục đích của Quy chế PPP là để Nhà nước chuyển một phần vai trò gánh vác các chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng từ phía Nhà nước, khi chi phí này đang tăng vượt mức nợ trần, sang khu vực tư nhân.

Các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng thường rất tốn kém. Hầu hết các nhà đầu tư không thể thực hiện các dự án nếu chỉ sử dụng nguồn lực tài chính tự có của mình. Cho nên họ cần phải vay. Nhưng điều này liên quan đến rất nhiều yếu tố:

- Vay từ các ngân hàng quốc doanh là không tối ưu vì mục đích đã đề cập bên trên của Quy chế PPP.
- Việc cấp vốn cho các dự án cũng cần thực hiện trên cơ sở không yêu cầu bảo lãnh hay tài sản bảo đảm của nhà đầu tư để giúp cho các nhà đầu tư không phải sử dụng các tài sản của mình để đảm bảo cho dự án hoặc phải góp thêm vốn chủ sở hữu để đầu tư các dự án khác.
- Các dự án cần tìm nguồn cung cấp tài chính trong từ các bên cho vay tư nhân.

Tiền đề cho Luật PPP mới – những quy định pháp luật đã và đang có

Các cơ chế pháp lý đầu tiên cho các dự án BOT và PPP ở Việt Nam đã được ban hành rất lâu. Một số người khó tính còn cho rằng các quy định còn nhiều hơn cả dự án.

¹ Chúng tôi sử dụng thuật ngữ này vì có rất nhiều sự nhầm lẫn liên quan đến tên gọi PPP mà thật ra dự án đó không tuân theo Quy chế PPP. Các dự án này bao gồm “PPP của Nhật Bản” liên quan đến ODA của Nhật Bản kết hợp với các dự án thương mại tư nhân ví dụ như dự án cảng Lạch Huyện, cũng như các dự án được thực hiện theo nguyên tắc của Luật Đầu tư và được hưởng sự hỗ trợ từ các cơ quan Chính phủ hoặc các doanh nghiệp Nhà nước.

- Chương trình PPP của Việt Nam bắt đầu vào năm 1997 với Nghị định 77 về các dự án xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (**BOT**) áp dụng cho đầu tư trong nước.
- Nghị định 62 về các dự án BOT có vốn đầu tư nước ngoài được ban hành năm 1998.
- Các dự án BOT có vốn đầu tư nước ngoài tiêu biểu được đầu tư theo Nghị định này bao gồm dự án Phú Mỹ 3 của nhà đầu tư BP/Sembcorp và dự án Phú Mỹ 2-2 của nhà đầu tư EDF/Sumitomo.
- Nghị định 78 về các dự án BOT được ban hành 10 năm sau đó tổng hợp các quy định về hình thức BOT áp dụng cho cả nhà tài trợ trong nước và ngoài nước.
- Hai năm sau, Chính phủ ban hành Nghị định 108 để thay thế Nghị định 78. Đây là Nghị định cuối cùng và toàn diện nhất về BOT trước khi chương trình PPP được khởi động hai năm sau đó.
- Dự án có tính biểu tượng Mông Dương 2 với công suất 1.200MW của AES theo hình thức BOT đánh dấu thành công nổi bật nhất của Nghị định 108.
- Tháng 12 năm 2010, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam ký Quyết định 71 triển khai chương trình PPP thí điểm tại Việt Nam.
- Trong 5 năm, từ năm 2011 đến năm 2015 mô hình PPP theo Quyết định 71 và mô hình BOT theo Nghị định 108 cùng tồn tại song song gây ra không ít lúng túng cho các bên liên quan.
- Nghị định 15 có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2015 thay thế cả hai Quyết định 71 và Nghị định 108. BOT trở thành 1 hình thức PPP. Ngoài ra, Nghị định 63 quy định các hình thức hợp đồng PPP mới, chưa từng có tiền lệ trước đó. Đây là phiên bản nâng cấp và chính thức của mô hình PPP thí điểm theo Quyết định 71 và được thiết kế để tạo thúc đẩy đầu tư tư nhân và nước ngoài vào lĩnh vực phát triển cơ sở hạ tầng đầy thách thức của Việt Nam.
- Bộ Công thương (**BCT**) đã ban hành Thông tư 23 về thủ tục phát triển các dự án nhiệt điện BOT (**Thông tư 23**) ngày 13 tháng 7 năm 2015. Theo Thông tư 23, việc chỉ định trực tiếp các nhà đầu tư được cho phép áp dụng đối với cả các dự án BOT đã được nêu trong Quy hoạch điện và cả những dự án không được nêu trong Quy hoạch điện nhưng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Với Thông tư 23 này, các dự án điện PPP tiếp tục tuân theo cơ chế BOT đã thử nghiệm và thành công trước đó. Đây là quyết định hợp lý vì cơ chế BOT cho các dự án điện trước đó đã được tương đối hoàn thiện cho phép các bên tham gia có thể có được sự chắc chắn nhất định về cơ chế phân bổ rủi ro trong các dự án.
- Ngày 31 tháng 12 năm 2015, Bộ Giao thông Vận tải (**BGTVT**) đã ban hành Thông tư 86 về hình thức xây dựng báo cáo nghiên cứu khả thi của các dự án PPP trong lĩnh vực giao thông vận tải.
- Năm 2016, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (**BKHĐT**) đã ban hành hai Thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định 15:
 - ✓ Thông tư 02, có hiệu lực ngày 18 tháng 4 năm 2016, đề ra các tiêu chí và thủ tục lựa chọn dự án và hình thức xây dựng các báo cáo nghiên cứu khả thi.
 - ✓ Thông tư 06, có hiệu lực ngày 20 tháng 9 năm 2016, hướng dẫn về thủ tục cấp phép cho các dự án PPP. Thông tư 06 cũng bao gồm một hợp đồng PPP mẫu với các điều khoản quan trọng cần được đưa vào hợp đồng dự án.
- Ngày 23 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính (**BTC**) đã ban hành Thông tư 55 về quản lý tài chính đối với các dự án PPP. Thông tư 55 quy định chi phí và chi tiêu của Cơ quan Nhà nước có Thẩm quyền (**CQNNCTQ**) trong việc chuẩn bị và phát triển các dự án PPP.
- Đầu năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Nghị định 63. Nghị định này có hiệu lực từ tháng 6 năm 2018 và thay thế Nghị định 15. Đây là nỗ lực lần thứ ba của Chính phủ trong vòng chưa đầy 10 năm nhằm cung cấp các cơ sở pháp lý khả thi cho các dự án PPP ở Việt Nam.

Luật PPP mới – luôn cần có các hi vọng về tương lai

Chính phủ hiện đang xây dựng kế hoạch phát triển Luật PPP mới. Hy vọng rằng Luật PPP mới sẽ mang đến nhiều hơn các dự án PPP thực sự thành công sử dụng vốn tư nhân. Chúng ta cũng hy vọng thêm rằng Luật PPP mới vẫn duy trì được động lượng tích cực của quy chế đã ban hành và đồng thời cũng giải quyết được các vấn đề chưa tốt của nó.

Những thành công đã đạt được

1. Cơ chế BOT trong lĩnh vực điện lực:

Đầu tư xây dựng các dự án điện đã và đang là lĩnh vực thành công nhất trong việc thu hút đầu tư nước ngoài vào các dự án BOT, với nhiều dự án nhiều tỉ đô đang được xây dựng, trong giai đoạn tiền hoàn tất tài chính hoặc đang trong quá trình vận hành. Bộ Công Thương và Chính phủ trong những năm qua đã làm tốt việc xây dựng cho các dự án điện một cơ chế phân chia rủi ro tương đối phù hợp, mang lại sự rõ ràng nhất định cho các nhà đầu tư nước ngoài và bên cho vay.

2. Các bước tiến:

Chính phủ đã và đang từng bước tổng hợp và thiết lập một hệ thống pháp lý để phục vụ việc đầu tư các dự án PPP. 10 năm trước đây chưa hề có hệ thống pháp lý này. Đây cũng là một bước tiến quan trọng trong việc hướng dẫn các cơ quan nhà nước cách thức tham gia vào mô hình đầu tư mới này.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã lập ra một trang điện tử dành riêng cho chương trình PPP. Trang điện tử này đăng tải những cập nhật về hệ thống pháp lý cho PPP và những dự án PPP tiềm năng trong các lĩnh vực khác nhau và tại các địa phương khác nhau.
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã làm việc với các CQNNCTQ để tổng hợp danh sách các dự án PPP tiềm
- Ngày 19 tháng 4 năm 2017, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (**BKHĐT**) ra Quyết định số 522/QĐ-BKHĐT về quản lý và sử dụng quỹ phát triển dự án (**QPTDA**) được tài trợ bởi Ngân hàng phát triển Châu Á và Trung tâm phát triển Pháp (Agence Française de Développement hoặc **AFD**). Điều này cho phép các CQNNCTQ nhận các hỗ trợ tài chính để có chi phí chuẩn bị dự án, cụ thể là chuẩn bị báo cáo nghiên cứu khả thi theo tiêu chuẩn quốc tế về mời thầu dự án PPP.

3. Nhận thức tiến bộ hơn của các đơn vị và cơ quan nhà nước có liên quan:

Chương trình PPP và sự nỗ lực của chính phủ trong việc hướng dẫn các cơ quan và các bên có liên quan về PPP, đã bắt đầu dần dần thay đổi cách nhìn của nhiều cơ quan nhà nước trước đây chỉ quen với cách thức sử dụng và quản lý ngân sách nhà nước theo quy định tại Luật Đầu tư công và các luật chi tiêu công có liên quan khác. Hiện nay, nhiều cơ quan Nhà nước khi tham gia vào các dự án PPP đã bắt đầu nhìn nhận được vai trò của Nhà nước như một đối tác thương mại đồng hành với doanh nghiệp và có hiểu biết về những yêu cầu thương mại cần có của một dự án thành công.

Các vấn đề còn tồn tại – kỳ vọng về giải pháp

1. Các quy định về PPP mang tính ấn định và chưa mang tính định hướng kết quả

Tính ấn định: các bên tham gia phải tuân thủ theo phương pháp và quy định được đặt ra, kể cả khi các phương pháp và quy định này chỉ mang tính thủ tục.

Tính định hướng kết quả: kết quả quan trọng hơn cách thức thực hiện để tạo ra kết quả đó.

Ví dụ: Để chuẩn bị một dự án PPP mà một CQNNCTQ có thể đưa ra đấu thầu, CQNNCTQ đó phải tiến hành và phê duyệt những tài liệu sau như một phần của báo cáo nghiên cứu khả thi (**BCNCKT**):

- báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường;
- thiết kế cơ sở của dự án theo Luật Xây dựng;
- công nghệ sử dụng trong dự án theo Luật Chuyển giao công nghệ.

Không may là, ở giai đoạn lập BCNCKT của một dự án PPP, các nội dung chi tiết của dự án chưa được làm rõ, mà phụ thuộc vào kết quả của kết quả đấu thầu sau đó. CQNNCTQ gặp khó khăn khi giải quyết các yêu cầu này của các văn bản pháp luật, dẫn đến những chậm trễ đáng kể trong quá trình chuẩn bị dự án.

Kỳ vọng với Luật PPP mới: Luật PPP mới nên có một cách tiếp cận khác. Luật PPP mới nên xem xét các dự án PPP từ góc nhìn thị trường và thương mại, thay vì góc nhìn của dự án đầu tư công hoặc đầu tư tư nhân truyền thống. Luật mới có thể yêu cầu CQNNCTQ đưa ra các tiêu chí mong muốn và cam kết sự hỗ trợ từ Nhà nước. Nhà đầu tư tham gia đấu thầu được tự do cơ cấu dự án theo cách thức tốt nhất để đạt hiệu quả mong muốn và tuân thủ pháp luật hiện hành.

2. Các quy định pháp luật chưa thống nhất

Tất cả các dự án tại Việt Nam phải tuân theo pháp luật hiện hành. Một trong những khó khăn với các dự án PPP là những quy định pháp luật hiện hành chủ yếu nhắm đến các dự án không thuộc mô hình PPP nhưng các dự án PPP lại phải tuân thủ theo. Bởi vì hai lý do – Quy định về PPP dẫn chiếu đến các luật khác đó; và một luật trong bất kỳ lĩnh vực nào cũng có thứ tự ưu tiên áp dụng cao hơn các Nghị định về PPP.

Kỳ vọng về Luật PPP mới: Bởi vì Luật có giá trị pháp lý cao hơn một Nghị định, Luật PPP mới sẽ được ưu tiên áp dụng so với những quy định tại các Luật khác nếu các quy định đó trái với những yêu cầu của một dự án PPP. Ví dụ, nếu Luật PPP mới cho phép quyền được thế chấp quyền sử dụng đất trong các dự án PPP cho các đại lý nhận bảo đảm Việt Nam của các ngân hàng nước ngoài, quy định này sẽ được ưu tiên áp dụng so với quy định tại Luật Đất đai hiện không cho phép khả năng này.

3. Quy định chưa rõ ràng về cơ chế PPP

Một trong những nguyên nhân thuật ngữ PPP cũng được sử dụng trong các dự án không được cấp phép và đầu tư theo các quy định về PPP là Chính phủ có nhiều ưu đãi cho những dự án thực hiện theo Luật Đầu tư. Các ưu đãi về thuế và đất đai được quy định nhiều tại Luật Đầu tư. Hơn nữa, những dự án lớn hơn, như Dự án Lọc dầu Nghi Sơn, có thể đạt được Thỏa thuận Bảo lãnh và Cam kết của Chính phủ liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ của các bên mua, khả năng ngoại tệ, và các vấn đề khác.

Kỳ vọng về Luật PPP mới: Luật PPP mới nên phân định rõ ranh giới giữa các dự án theo Luật PPP và Luật Đầu tư. Dĩ nhiên vẫn cần đảm bảo là các dự án hạ tầng vẫn có thể thực hiện theo Luật Đầu tư mà không cần các ưu đãi theo mô hình PPP và chỉ hưởng các ưu đãi theo luật Luật Đầu tư. Nhóm Công tác về Cơ sở hạ tầng của VBF tin rằng điều quan trọng để đảm bảo tính cạnh tranh của nền kinh tế là PPP không được xem là phương thức duy nhất để phát triển cơ sở hạ tầng. Các dự án hạ tầng không phải BOT cũng quan trọng đối với sự phát triển của quốc gia.

Các dự án hạ tầng không phải là PPP vẫn cần được khuyến khích đầu tư nếu chúng không cần hỗ trợ của Nhà nước để bù đắp thiếu hụt về tài chính.

4. Bù đắp thiếu hụt tài chính

Một trong những trong những khó khăn lớn nhất mà các dự án PPP gặp phải là việc xác định nguồn vốn hỗ trợ bù đắp thiếu hụt tài chính cho các dự án. Vì việc chuẩn bị đề xuất dự án đòi hỏi nhiều chi phí và nguồn lực, việc không có các quy định rõ ràng về các nguồn vốn bù đắp thiếu hụt tài chính sẽ khiến cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc nhà đầu tư không mặn mà với việc chuẩn bị dự án.

Kỳ vọng đối với Luật PPP: Luật PPP mới nên làm rõ các vấn đề liên quan đến các bảo đảm và bảo lãnh đối với dự án cũng như các nguyên tắc về chuẩn bị và giải ngân nguồn vốn hỗ trợ bù đắp tài chính cho dự án.

5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

Theo Nghị định 63, sau khi nhà đầu tư được lựa chọn và phê duyệt, nhà đầu tư (bao gồm các nhà đầu tư nước ngoài) của dự án có thể thành lập doanh nghiệp dự án để thực hiện dự án. Nghị định 63 không quy định việc nhà đầu tư phải xin giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (**GCNĐKĐT**). Mục đích của thay đổi này là để giúp các nhà đầu tư tránh khỏi việc “xin giấy phép hai lần”. Nhưng nếu không có GCNĐKĐT, nhà đầu tư và các doanh nghiệp dự án có thể gặp khó khăn trong việc xin các giấy phép quan trọng khác cho dự án và trong các hoạt động hàng ngày của dự án. Các luật liên quan như Luật Doanh nghiệp và Luật Đất đai, có hiệu lực pháp lý cao hơn Nghị định 63, quy định các nhà đầu tư nước ngoài phải nộp GCNĐKĐT để xin giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các doanh nghiệp dự án (đặc biệt là các công ty có vốn đầu tư nước ngoài) cũng cần cung cấp bằng chứng cho ngân hàng hoặc bên thứ ba vì nhiều mục đích khác nhau, ví dụ như việc chuyển tiền ra nước ngoài. Việc doanh nghiệp dự án sẽ phải cung cấp cho các bên thứ ba này toàn bộ hợp đồng PPP để chứng minh quyền của mình trong các dự án PPP là không khả thi về mặt thương mại.

Kỳ vọng với Luật PPP mới: Nhóm Công tác về Cơ sở hạ tầng của VBF đề xuất rằng Luật PPP mới nên quy định rằng nhà đầu tư sẽ được tự động cấp GCNĐKĐT sau khi hoàn tất việc đàm phán và ký kết hợp đồng dự án. GCNĐKĐT là giấy phép quan trọng ghi nhận quyền của các nhà đầu tư đối với dự án.

6. Hạn chế chuyển nhượng

Nghị định 63 quy định rằng nhà đầu tư của dự án có thể chuyển giao một phần hoặc toàn bộ quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng dự án đã ký kết cho bên cho vay hoặc nhà đầu tư khác chỉ sau khi hoàn tất việc xây dựng hoặc (nếu dự án không có công trình xây dựng) ngày vận hành thương mại. Nghị định 63 không đưa ra bất kỳ ngoại lệ nào cho hạn chế này.

Quy định này có thể gây ra nhiều quan ngại đối với việc thực hiện dự án PPP. Vì việc chuyển nhượng luôn cần phải được chấp thuận bởi CQNNCTQ là cơ quan sẽ xem xét và chấp thuận nhà đầu tư mới, việc hạn chế chuyển nhượng này có thể là không cần thiết. Hơn nữa, việc hạn chế chuyển nhượng cho bên cho vay trước khi hoàn tất xây dựng hoặc trước ngày vận hành thương mại, tùy từng trường hợp, là không thể chấp nhận được đối với bên cho vay. Do đó, quy định này có thể ảnh hưởng đến việc huy động vốn trong giai đoạn xây dựng của các dự án PPP.

Kỳ vọng về Luật PPP mới: Nhóm Công tác về Cơ sở hạ tầng của VBF đề xuất rằng Luật PPP mới nên cho phép việc chuyển nhượng cho bên cho vay trước khi hoàn tất xây dựng nếu được CQNNCTQ chấp thuận.

7. Công khai nội dung hợp đồng dự án

Nghị định 63 quy định CQNNCTQ phải đăng tải thông tin về hợp đồng dự án đã ký kết trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Các nội dung cần công khai bao gồm thông tin cơ bản về địa điểm, công nghệ, vốn đầu tư, tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên vốn vay và phần vốn Nhà nước tham gia trong dự án. Đặc biệt, giá dịch vụ theo hợp đồng dự án cũng phải được công khai. Mặc dù chúng tôi hoàn toàn ủng hộ việc đảm bảo tính minh bạch của chương trình PPP, các thông tin về giá hợp đồng thường là nội dung nhạy cảm đối với các doanh nghiệp. Hơn nữa, việc công khai giá hợp đồng có thể dẫn đến các hệ lụy về quản lý cạnh tranh khi các nhà đầu tư là đối thủ cạnh tranh của nhau có thể biết được thông tin về giá cả của nhau.

Kỳ vọng về Luật PPP mới: Nhóm Công tác Cơ sở Hạ tầng của VBF đề xuất nên bỏ quy định công khai thông tin chi tiết về giá dịch vụ và chỉ giữ lại quy định về công khai các thông tin cơ bản về dự án. CQNNCTQ chỉ cần công khai các nội dung về cách thức tính giá dịch vụ hoặc các hạng mục về chi phí được dùng làm căn cứ để xác định giá để cho phép các bên liên quan trong các dự án về sau có được thông tin về thực tiễn thực hiện các dự án trước đó.

8. Các vấn đề tồn tại trong việc huy động vốn cho dự án

Vẫn còn tồn tại rất nhiều vấn đề phát sinh do quy định của pháp luật cũng như trong quá trình thực hiện dự án gây quan ngại cho các bên cho vay và ảnh hưởng đến việc huy động vốn cho các dự án PPP. Một số ví dụ điển hình của các vướng mắc về huy động vốn bao gồm các hạn chế theo quy định của pháp luật về thế chấp quyền sử dụng đất cho bên cho vay nước ngoài, các bảo lãnh của Chính phủ về rủi ro ngoại hối và nghĩa vụ của bên bao tiêu hàng hóa dịch vụ ngày càng hạn chế so với trước đây và chính sách mới về thuế trên lãi đối với khoản vay nước ngoài. Tất cả các nội dung này đã được đưa ra thảo luận nhiều lần trong quá trình xây dựng Nghị định về PPP cũng như các phiên họp trước đây của VBF.

Kỳ vọng về Luật PPP mới: Nhóm Công tác Cơ sở Hạ tầng của VBF đề xuất Luật PPP mới nên làm rõ các quan điểm của Chính phủ liên quan đến các nội dung quan trọng này và xác định rõ khả năng và cơ chế để nhà đầu tư có thể xin được các ngoại lệ liên quan đến các chính sách chung đó.

9. Các vấn đề về huy động vốn cho dự án cần xem xét trong tương lai

Bên cạnh các khó khăn truyền thống về huy động vốn như nêu trên đây, nhà đầu tư các dự án cơ sở hạ tầng ở Việt Nam còn gặp phải khó khăn trong việc tăng thêm vốn cho dự án do còn thiếu các cơ chế cụ thể theo quy định của pháp luật. Các quy định hiện hành về phát hành trái phiếu dự án hay chuyển nhượng cổ phần hoặc phần vốn góp trong dự án chưa đáp ứng được yêu cầu của một dự án PPP (ví dụ: theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp chỉ được phát hành trái phiếu nếu có lãi được ghi nhận trong ít nhất một năm trước thời điểm phát hành), hoặc hoàn toàn chưa có (ví dụ: các quy định và điều kiện về hạn chế chuyển nhượng vốn chủ sở hữu trong dự án khiến cho doanh nghiệp dự án không thể huy động vốn thông qua thị trường vốn).

Kỳ vọng về Luật PPP mới: Nhóm Công tác Cơ sở Hạ tầng của VBF đề xuất Luật PPP mới nên có các quy định linh hoạt hơn về việc huy động vốn cho dự án như cho phép các dự án PPP không phải áp dụng các điều kiện về phát hành trái phiếu trong một số trường hợp cụ thể và phụ thuộc vào các điều kiện áp dụng với bên mua trái phiếu (ví dụ: bắt buộc bên mua trái phiếu phải là một tổ chức có đủ điều kiện theo quy định).

10. Các vướng mắc trong các lĩnh vực đầu tư cụ thể

- *Giá dịch vụ không khả thi về mặt tài chính trong các dự án PPP về xử lý chất thải:* Xử lý chất thải là lĩnh vực cần ưu tiên trong đầu tư PPP. Các dự án xử lý rác thải phù hợp để trở thành các dự án điển hình cho chương trình PPP vì các dự án này thường có quy mô không quá lớn. Xử lý chất thải đô thị hiện nay cũng là vấn đề cấp bách cần giải quyết ở Việt Nam. Tuy nhiên, tất cả các dự án đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải đều phải tuân thủ theo quy định của Thông tư 07/2017/TT-BXD (**Thông tư 07**) về giá xử lý chất thải rắn. Trong khi đó các quy định về tính giá xử lý chất thải rắn trong Thông tư 07 không phù hợp với các dự án PPP. Thông tư 07 giới hạn mức lãi trên chi phí của dự án ở mức 5%, gây khó khăn có việc huy động vốn cho các dự án xử lý chất thải.

Kỳ vọng về Luật PPP mới: Luật PPP mới cần có các quy định cho phép các bên tham gia dự án PPP được thương lượng và thống nhất một mức giá dịch vụ phù hợp và hiệu về thương mại mà không bị hạn chế bởi các quy định về giá đối với các dự án đầu tư không theo mô hình PPP trong cùng lĩnh vực đầu tư.

- *Hỗ trợ tài chính cho các dự án PPP trong lĩnh vực giao thông và các lĩnh vực khó khăn khác:* Hiện tại vẫn chưa có quy định rõ ràng về cơ chế để Nhà nước cung cấp các hỗ trợ bù đắp thiếu hụt về tài chính cho các dự án PPP trong các lĩnh vực rủi ro cao do không có hợp đồng bao tiêu sản phẩm hoặc dịch vụ để đảm bảo nguồn doanh thu của dự án. Việc không có nguồn thu chắc chắn sẽ khiến cho nhà đầu tư và bên cho vay không thể đánh giá và quản lý được các rủi ro của các dự án này và do đó sẽ không muốn tham gia đầu tư vào các dự án PPP trong các lĩnh vực này.

Kỳ vọng về Luật PPP mới: Luật PPP mới nên có cơ chế (với các quy định cụ thể cần tiếp tục được thảo luận sau) nhằm cho phép nhà đầu tư và bên cho vay trong các lĩnh vực rủi ro này có được các bảo đảm nhất định đối với dự án của mình. Tất nhiên các quy định này vẫn cần phải phụ thuộc vào việc bảo đảm lợi ích của Nhà nước bằng cách quy định các trách nhiệm pháp lý trong trường hợp nhà đầu tư không thể cung cấp dịch vụ hoặc sản phẩm thỏa mãn các yêu cầu về chất lượng đã cam kết.

- *Vấn đề chung khác:* Hiện nay ngoài các dự án điện, chưa có hướng dẫn cụ thể về cơ chế chia sẻ rủi ro trong các dự án PPP trong các lĩnh vực đầu tư cơ sở hạ tầng.

Kỳ vọng về Luật PPP mới: Luật PPP mới nên thành lập các cơ quan nhà nước chuyên trách quản lý về PPP trong từng lĩnh vực và có trách nhiệm cung cấp các thông tin về thực hiện dự án cho cơ quan chủ trì là Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Kết luận – Chặng đường dài phía trước

Một cơ chế đầu tư PPP tốt cần bắt đầu với một hệ thống pháp luật tốt. Tuy nhiên cần nhiều thời gian để xây dựng và hoàn thiện Luật PPP mới. Trong thời gian chờ đợi, chúng ta cần giữ được động lực hiện có đối với chương trình PPP.

Đầu tư tư nhân trong lĩnh vực phát điện trong thời gian qua đã đạt được nhiều thành công nhờ vào việc xây dựng được một mô hình phù hợp bao gồm các cơ chế phân bổ rủi ro hợp lý. Các đơn vị có liên quan của Bộ Công thương và EVN đều có kinh nghiệm và hiểu biết sâu về dự án và có thể áp dụng các kinh nghiệm đó vào các dự án trong tương lai. Tuy nhiên, do các quy định mang tính ấn định chi tiết của các văn bản pháp luật về PPP, việc tạo ra được một mô hình tương tự trong các lĩnh vực khác sẽ gặp nhiều trở ngại.

Nhóm Công tác Cơ sở hạ tầng của VBF đề xuất Chính phủ cần có các hành động quyết liệt hơn bao gồm cả việc ban hành các cơ chế đặc thù – tương tự như cơ chế ban hành những năm trước đây áp dụng cho dự án đường cao tốc Dầu Giây – Phan Thiết – để xây dựng được một dự án PPP thí điểm thành công trong từng lĩnh vực có nhu cầu cấp bách như xử lý chất thải, đường bộ và đường sắt. Các dự án thí điểm này sẽ giúp tạo nên các tiền lệ mà căn cứ trên đó Chính phủ có thể xây dựng Luật PPP mới và tiếp tục xây dựng các dự án PPP khác trong cùng lĩnh vực đầu tư.

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC ĐIỆN & NĂNG LƯỢNG

*Chuẩn bị bởi
Nhóm Công tác Điện & Năng lượng*

1. Đầu tư, an ninh năng lượng và Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4

Trong Kế hoạch Năng lượng tại Việt Nam* đã đề ra lộ trình cải cách cần thực hiện nhằm thu hút số vốn đầu tư khoảng 7 tỉ US\$ cho ngành năng lượng mỗi năm từ các nhà đầu tư tư nhân.

Kế hoạch này nêu những điểm chính về tiến độ, mức rủi ro thấp và hiệu quả kinh tế của việc khai thác triệt để các nguồn năng lượng tái tạo, khí đốt tự nhiên và các công nghệ về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả ở Việt Nam nhằm đối phó với thách thức từ sự gia tăng không ngừng của nhu cầu về năng lượng, cũng như cho biết kế hoạch sẽ làm thế nào để tăng cường khả năng bảo đảm an ninh năng lượng cho miền Nam trong giai đoạn từ năm 2018 đến 2030.

Các công ty ngành điện, năng lượng đang ngày càng ứng dụng nhiều công nghệ mới nhằm nâng cao năng suất, thu hút đầu tư và nâng cao mức độ an toàn.

Các tập đoàn nước ngoài và các DNVTN của Việt Nam chủ yếu đang sản xuất, chế tạo các thiết bị năng lượng tái tạo để xuất khẩu. Nếu Việt Nam có chính sách phù hợp để bảo đảm tính khả thi về kinh tế khi đầu tư vào năng lượng tái tạo thì sẽ có sự gia tăng lớn về việc làm ở các DNVTN và lao động trong nước, hướng đến thích ứng với cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư.

Các xu hướng toàn cầu trên thị trường năng lượng cho thấy người tiêu dùng đang có những nhu cầu mới về hiệu quả sử dụng đối với năng lượng sạch và tác động của các công nghệ mới trong trào lưu Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4 (CMCN 4.0), như:

- a. Người tiêu dùng muốn được sử dụng năng lượng sạch. Các doanh nghiệp như Tập đoàn RE100, Apple, Nike, IKEA, đang đi đầu trong trào lưu đầy năng động này, tìm hướng sản xuất, kinh doanh trong khi vẫn bảo đảm các yêu cầu về môi trường xanh.
- b. Giá thành của các công nghệ Điện mặt trời và Điện gió đang ngày một giảm, gần ngang bằng với giá thành năng lượng sản xuất từ khí tự nhiên và than siêu tới hạn – nếu việc định giá được thực hiện hợp lý.
- c. Kiến trúc mới của thị trường điện với các công nghệ của CMCN 4.0: Một số doanh nghiệp hiện nay không còn chỉ là người sử dụng điện, đóng một vai trò duy nhất trên thị trường là người mua điện, mà còn là người sản xuất điện trong vai trò hỗ trợ cho người cung cấp, tức là người bán điện. Một số doanh nghiệp đang tìm cách mua điện từ các đơn vị sản xuất điện độc lập, cũng như tự đầu tư để sản xuất điện năng. Người tiêu dùng hiện nay cũng là người sản xuất điện (như trường hợp điện áp mái) cũng như là nơi tích trữ điện (ắc-quy, Internet vạn vật, nạp điện cho xe/nguồn sản xuất năng lượng).
- d. Trong bối cảnh ảnh hưởng của ô nhiễm không khí, nguồn nước ngày càng tăng cũng như theo kết quả phân tích chi phí kinh tế, xã hội, Việt Nam có thể trở thành một trường hợp điển hình không mong muốn về các hậu quả của tăng trưởng kinh tế nhưng không quản lý môi trường đầy đủ.

Tổng sơ đồ điện 8 (TSĐĐ8) cần có sự chuẩn bị sẵn sàng trước trào lưu CMCN 4.0 để bảo đảm ứng dụng một loạt các công nghệ mới cũng như khả năng liên thông dữ liệu, nguồn điện, dịch vụ có tác động đến toàn bộ nền kinh tế và các ngành, lĩnh vực. Nếu có một Tổng sơ đồ điện linh hoạt hơn thì chính phủ có thể tránh được việc chuyển sang lệ thuộc vào nguồn than nhiên liệu nhập khẩu, kèm theo đó là các nguy cơ về an ninh nguồn cung cũng như hàng chục tỉ Đôla ngoại tệ cần bỏ ra và cân đối rủi ro chi trả.

Một điều kiện then chốt để thành công là phải định giá chính xác nguồn điện sản xuất. Hiện nay, các phương thức phân bổ rủi ro hợp đồng đối với điện mặt trời và điện gió theo cơ chế PPA đang làm dấy lên những quan ngại về tính khả thi kinh tế từ các bên cấp vốn quốc tế, nước ngoài và cả nhà đầu tư tư nhân về việc giá điện tăng, nhà nước trợ cấp ngành than, đánh thuế cao đối với nguồn khí đốt nhập khẩu, giá bán điện thấp hơn giá thành, dẫn đến lãng phí lớn. Một yêu cầu quan trọng đối với Tổng sơ đồ điện 8 là phải bảo đảm để các mục tiêu ưu tiên của nhà nước được thực hiện thông qua các mô hình kinh tế, bảo đảm đạt được kết quả đề ra.

Kế hoạch Năng lượng Xuất xứ Việt Nam sẽ nâng cao được hiệu quả sử dụng điện, giảm lãng phí nguồn năng lượng, giúp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh, năng suất lao động và khả năng thu hút đầu tư FDI.

Ngoài ra, việc thực hiện Kế hoạch sẽ làm giảm chi phí lớn về tài chính, logistics, môi trường từ việc vận chuyển than, xử lý chất thải từ than, từ đó góp phần bảo đảm an ninh năng lượng để tăng trưởng bền vững cho Việt Nam.

****Báo cáo thực hiện bởi Nhóm Công tác Điện & Năng lượng VBF, với sự hỗ trợ của EuroCham, EVBN, AmCham và Phòng thương mại Bắc Âu vào tháng 12/2016, sẽ được cập nhật nội dung vào tháng 1/2019.***

2. Ba giải pháp cải cách chính để tăng cường đầu tư vào ngành điện, năng lượng:

- a. Sự tham gia của Nhóm Công tác Điện & Năng lượng VBF trong quá trình xây dựng Tổng sơ đồ điện 8:** đóng góp của thành phần kinh tế tư nhân vào quá trình xây dựng, thực thi Tổng sơ đồ điện là hết sức quan trọng, ngay từ giai đoạn chuẩn bị chính sách và xây dựng văn bản.

NCT Điện & Năng lượng VBF sẽ tham gia hỗ trợ xây dựng chiến lược tổng thể của chính phủ để thực hiện chiến lược thu hút đầu tư tư nhân trong lĩnh vực điện, năng lượng.

Nhóm sẽ phối hợp với chính phủ trong quá trình xây dựng Tổng sơ đồ điện 8, bắt đầu từ Quý 4/2018 và kéo dài đến 2020.

Nội dung đóng góp cụ thể:

Đánh giá thị trường (số liệu so sánh giữa Việt Nam và khu vực Đông Nam Á);

Lập bản đồ định vị các Nguồn vốn thương mại (nguồn vốn nào khả dụng cho hạng mục nào, chi phí, điều kiện thế nào);

Các hỗ trợ pháp lý và chính sách – các tập quán tối ưu của ASEAN và các nơi khác trên thế giới đang đem lại kết quả;

Thẩm định giá điện, năng lượng bán lẻ (đánh giá mức độ nhạy cảm về giá, nhu cầu về điện, các quan ngại của người tiêu dùng);

Lập bản đồ định vị các nguồn tài chính biến đổi khí hậu (có những nguồn vốn ưu đãi khả dụng nào để khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư vào bền vững năng lượng);

Tạo sự đồng thuận thông qua việc khai thác các mối quan hệ đã có giữa VBF và BCT (CĐTĐL, CĐLNLT), BKHĐT (văn phòng của Cơ quan nhà nước được chỉ định (NDA) về Tăng trưởng xanh), BTNMT, BTC, BXD, Ban Kinh tế Trung ương Đảng, Quốc hội.

- b. Hợp đồng Mua bán điện trực tiếp:** BCT sẽ phê duyệt một số dự án điện năng lượng tái tạo mới được phép triển khai cơ chế Hợp đồng Mua bán điện trực tiếp với mọi đối tượng người mua điện quy mô lớn có nhu cầu sử dụng năng lượng sạch cũng như muốn tránh sử dụng các nguồn cung năng lượng đang ngày càng lệ thuộc vào nguồn nhiên liệu hóa thạch.
- c. Xây dựng Lộ trình tăng giá điện bán lẻ (Định giá theo thị trường):** BCT lập Lộ trình về Giá điện bán lẻ đến năm 2020 và định hướng đến 2025, trong đó xác định rõ các cơ chế định giá khác nhau giữa 3 nhóm giá chính – giá sinh hoạt, giá kinh doanh, giá sản xuất.
- Cung cấp những thông tin về giá điện này đến người sử dụng điện là cách hiệu quả nhất để khuyến khích đầu tư vào các thiết bị, quy trình sử dụng điện hiệu quả, tiết kiệm. Nhiều đơn vị tiêu dùng điện lớn cho rằng giá điện sẽ tiếp tục giữ ở mức thấp và được bao cấp (VD: nhiều nhà máy xi-măng ở Việt Nam hiện chưa có hệ thống dây chuyền Thu hồi nhiệt thất thoát, trong khi đây là một yêu cầu thông thường ở các nước khác).
 - Tất cả các nghiên cứu hiện có ở Việt Nam đều cho thấy sẽ là không thực tế nếu hy vọng mức tăng giá điện sẽ tiếp tục thấp hơn hay bằng với mức lạm phát chung, cũng như việc tăng giá điện sẽ là tất yếu và có khả năng sẽ tăng cao.

- 3. Tổng hợp các vấn đề cụ thể:** Mời theo dõi các nội dung ý kiến theo bảng sau.

STT	Các vấn đề nêu tại Diễn đàn VBF Thường niên 2017 và Giữa kỳ 2018	Thực trạng (Đã giải quyết/Chưa giải quyết)	Các vấn đề nêu tại Diễn đàn VBF Thường niên 2018
1.	Bảo đảm phân chia rủi ro hợp lý hơn giữa các nhà đầu tư tư nhân và đối tác nhà nước: - Đến năm 2021, thu hút 2 tỉ \$ vốn đầu tư cho điện mặt trời và điện gió theo cơ chế PPA có khả năng vay vốn quốc tế. - Giảm 20% giá thành mua điện mặt trời theo FiT (biểu giá điện khuyến khích) *Điều chỉnh mẫu Hợp đồng mua bán điện mặt trời (và điện gió) theo chuẩn quốc tế hoặc hoàn thiện các điều khoản của PPA. (1) Lưu ý rằng vấn đề phân chia rủi ro cũng liên quan trực tiếp đến các dự án PPP.	<i>Vấn đề chưa giải quyết</i> - Các khuyến nghị chính nêu tại báo cáo của Nhóm Công tác tại Diễn đàn VBF Giữa kỳ 2017 về dự thảo mẫu PPA điện mặt trời chưa được thể hiện trong bản PPA chính thức ban hành theo Thông tư số 16/2017/TT-BCT, tháng 9/2017. - Mẫu PPA cho điện gió theo dự thảo Thông tư mới ban hành vào tháng 11/2018, thay thế Thông tư số 32/2012/TT-BCT: Cần hoàn thiện một số điều khoản chính; khả năng vay vốn chưa được xử lý.	VBF hoan nghênh và mong muốn tham gia vào quá trình phân tích, đóng góp, đề xuất cho Tổng sơ đồ điện 8 (TSĐĐ8). Một vấn đề chính về TSĐĐ8 là việc BCT cần xem xét hoàn thiện thị trường điện đối với điện mặt trời và điện gió, cũng như hoàn thiện các điều khoản chính của mẫu PPA điện mặt trời có thể đưa ra áp dụng từ ngày 1/7/2019 và mẫu PPA điện gió. Theo đó, các rủi ro trong PPA phải được phân bổ hợp lý. PPA là thỏa thuận hợp đồng quan trọng nhất trong một dự án điện và cũng cần được soạn thảo phù hợp, bảo đảm mức độ thiếu ổn định tối thiểu về ý nghĩa của các điều khoản hay phạm vi điều chỉnh đối với các tranh chấp liên quan đến việc diễn giải ý nghĩa hợp đồng. Sự ổn định về nội dung hợp đồng là yếu tố tối quan trọng đối với các nhà đầu tư, nhà tài trợ nước ngoài. <i>Lưu ý: Nếu hoàn thiện PPA để đáp ứng những tiêu chuẩn được các ngân hàng quốc tế và trong nước chấp nhận được thì có thể giảm ngay chi phí đầu tư cho các nhà máy điện mặt trời, đồng thời với Cơ chế biểu giá điện khuyến khích, đến năm 2021, sẽ có thể thu hút được 2 tỉ US\$ vốn FDI cho điện mặt trời.</i>

STT	Các vấn đề nêu tại Diễn đàn VBF Thường niên 2017 và Giữa kỳ 2018	Thực trạng (Đã giải quyết/Chưa giải quyết)	Các vấn đề nêu tại Diễn đàn VBF Thường niên 2018
			VBF khuyến nghị: 1. BCT thực hiện 3 điều chỉnh, sửa đổi quan trọng nhất trong mẫu PPA điện mặt trời và điện gió (gồm có: (i) Quyết toán khi chấm dứt hợp đồng, (ii) Rủi ro khi EVN yêu cầu giảm giá, không mua và thanh toán, (iii) Điều khoản về Giải quyết tranh chấp/Trọng tài, cũng như gia hạn áp dụng Cơ chế biểu giá khuyến khích thêm 20 năm kể từ Ngày vận hành thương mại theo PPA của những dự án điện mặt trời mới đã đến Ngày vận hành thương mại là ngày 30/6/2021 theo Biểu giá điện khuyến khích đã điều chỉnh. 2. Đồng thời cũng sẽ hợp lý nếu sửa đổi, điều chỉnh tương tự đối với mẫu PPA cho các trường hợp điện gió, điện sinh khối, điện tái chế rác thải. 3. Giai đoạn 1 phát triển điện mặt trời giai đoạn 2017-2018 có thể đạt được một số thành công bước đầu, nhưng nguồn vốn từ các ngân hàng trong nước cho đến nay đã sử dụng hết. Đề nghị có chính sách hỗ trợ để các ngân hàng trong nước hợp tác với ngân hàng/nhà đầu tư nước ngoài để cùng đầu tư với nhà đầu tư trong nước trong các dự án điện mặt trời có khả năng vay vốn.

STT	Các vấn đề nêu tại Diễn đàn VBF Thường niên 2017 và Giữa kỳ 2018	Thực trạng (Đã giải quyết/Chưa giải quyết)	Các vấn đề nêu tại Diễn đàn VBF Thường niên 2018
2.	Khuyến khích Đầu tư sử dụng Năng lượng Hiệu quả, Tiết kiệm và Phân phối⁽¹⁾ Nguồn điện do Người sử dụng điện sản xuất Trong Kế hoạch Năng lượng tại Việt Nam có nêu chỉ tiêu 11% tổng lượng điện sản xuất mới dự kiến được đầu tư xây dựng đến năm 2030 sẽ không còn cần thiết nữa nếu khuyến khích đầu tư nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng. *Công bố Lộ trình Giá điện bán lẻ theo giá thị trường ⁽¹⁾ “Phân phối” Điện Sản xuất ra bao gồm Điện mặt trời trên mái nhà, Điện sinh khối và Điện tái chế rác thải của người tiêu dùng gần đạt đến điểm tiêu thụ.	<i>Vấn đề chưa giải quyết</i> Giá vốn điện thấp và những cơ chế giá điện khó hiểu dẫn đến hao phí và ngăn cản đầu tư vào vấn đề sử dụng điện hiệu quả, tiết kiệm, trong khi nhiều người tiêu dùng cho rằng giá điện sẽ vẫn tiếp tục được bao cấp nhiều từ ngân sách nhà nước. Quyết định số 34/2017/QĐ-TTg, ngày 25/7/2017 về khung giá điện bán lẻ bình quân giai đoạn 2016-2020 quy định “khung giá điện” ban hành vào tháng 12/2017 này chưa có liên hệ rõ ràng với cơ chế định giá điện theo thị trường và cho rằng giá điện sẽ có tốc độ tăng chậm hơn mức tăng CPI hiện nay. Đây là một tín hiệu về giá sẽ cản trở đầu tư cho sử dụng điện hiệu quả, tiết kiệm, chứ không khuyến khích đầu tư. Cơ chế giá điện hiện nay chưa bao gồm chi phí sản xuất, phân phối điện đến người tiêu dùng và có thể cần phải tăng trợ cấp nhà nước do sẽ không tránh khỏi việc chi phí sản xuất, phân phối điện mới cho giai đoạn 2018-2020 sẽ tăng. <i>(Xem Nghiên cứu về Giá điện của USAID 2017, Báo cáo của Ngân hàng Thế giới –</i>	Cũng theo TSĐĐ8, Chính phủ sẽ tạo cơ chế giá điện theo thị trường, trong đó sẽ: • Tiếp tục duy trì cơ chế giá điện xã hội hóa, hỗ trợ người có thu nhập thấp; • Giảm nhu cầu bảo lãnh nhà nước; • Giảm lãng phí điện; • Thu hút đầu tư tư nhân trong Sản xuất Năng lượng sạch để phân phối và Sử dụng năng lượng hiệu quả, tiết kiệm; • Có cơ chế giá điện hợp lý, minh bạch cho những đối tượng tiêu dùng đủ điều kiện chi trả đầy đủ giá điện; • Bảo trợ những ngành có vai trò, ý nghĩa quan trọng đối với quốc gia, như sản xuất phân bón, sắt thép, xi-măng. Ba nhóm giải pháp chính: i. Xây dựng lại biểu giá điện theo giờ ban ngày cho khách hàng sử dụng điện Kinh doanh và điện Sản xuất (điện KD và điện SX) nhằm giảm tiêu dùng điện giờ cao điểm và phụ tải đỉnh trên mạng lưới truyền dẫn, cũng như giảm tổn thất truyền dẫn điện; ii. Tạo cơ chế giá điện bán lẻ vùng miền linh hoạt để phản ánh đúng mức giá chênh lệch giữa các vùng miền trên thị trường bán buôn điện;

STT	Các vấn đề nêu tại Diễn đàn VBF Thường niên 2017 và Giữa kỳ 2018	Thực trạng (Đã giải quyết/Chưa giải quyết)	Các vấn đề nêu tại Diễn đàn VBF Thường niên 2018
		EVN: Kế hoạch thu hồi vốn đầu tư 2016)	iii. Công bố Lộ trình thị trường điện KD và điện SX căn cứ trên biểu giá điện đến năm 2020 và 2025 để điều chỉnh, nâng cao hiệu quả.
3.	Vai trò của nhà nước	Vấn đề đang xử lý	Theo TSDĐ8, nhà nước và các nhà tài trợ ODA cần: • Tập trung nâng cấp hệ thống truyền tải, phân phối điện; • Cho phép, khuyến khích đầu tư, sử dụng điện sinh khối, điện mặt trời, điện gió và các nguồn điện sạch khác sản xuất ra đối với cả đối tượng sử dụng tư nhân và nhà nước, như văn phòng, nhà ở, cơ sở sản xuất, cộng đồng, doanh nghiệp; • Đẩy nhanh tiến độ ra quyết định, xây dựng quy định nhằm khuyến khích đầu tư, phát triển các nguồn khí đốt nhập khẩu, LNG (khí hóa lỏng), hiệu quả sử dụng, năng lượng tái tạo.
4.	Dỡ bỏ rào cản luật định đối với các công trình điện mặt trời trên mái nhà a. Làm rõ quy định về điện mặt trời lắp trên mái nhà để xác định giá trị pháp lý của các hợp đồng cung cấp điện bên thứ ba.	Vấn đề đã giải quyết một phần , a. Vấn đề chưa giải quyết Theo Công văn số 1210/BCT-DTDL, ngày 7/2/2018 của BCT gửi VBF, một nội dung được làm rõ là theo Điều 3.2, Thông tư số	Đề xuất của VBF đối với quy định về điện áp mái là cho triển khai những trạm điện có công suất 3 MW mà không cần xin Giấy phép khai thác điện năng. VBF khuyến nghị BCT cân nhắc mở rộng phạm vi miễn trừ của Thông tư số 36/2018/TT-BCT (Điều 3.2) về Giấy phép khai thác điện, và Thông tư số 16/2017/TT-BCT (các Điều 11.1, 11.2), về điện mặt trời công suất 1 MW – 3 MW để khai thác tối đa hiệu quả đầu tư

STT	Các vấn đề nêu tại Diễn đàn VBF Thường niên 2017 và Giữa kỳ 2018	Thực trạng (Đã giải quyết/Chưa giải quyết)	Các vấn đề nêu tại Diễn đàn VBF Thường niên 2018
	b. Cơ chế bù trừ điện năng đối với các nguồn điện bán cho EVN	12/2017/TT-BCT, quy định xin Giấy phép khai thác điện năng được miễn áp dụng nếu công suất đặt dưới 1 MWp trong trường hợp điện sản xuất ra được bán cho đơn vị khác, theo đó các dự án điện mặt trời lắp trên mái nhà có công suất đặt dưới 1 MWp được miễn xin Giấy phép khai thác điện năng. Đến ngày 16/10/2018, BCT ban hành Thông tư số 36/2018/TT-BCT, thay thế Thông tư số 12/2017/TT-BCT (có hiệu lực từ ngày 6/12/2018). Theo chúng tôi hiểu, Thông tư mới quy định ngưỡng 1 MW sẽ vẫn giữ nguyên (mà không nâng lên 3 MW đối với các dự án điện mặt trời lắp trên mái nhà như đề xuất). Cụ thể, Điều 3.2, Thông tư 36 quy định: “Điều 3. Các trường hợp miễn giấy phép khai thác điện năng 1. Điện tự sản xuất để sử dụng nội bộ, không bán cho tổ chức, cá nhân khác; 2. Điện tự sản xuất có công suất đặt dưới 1 MW (1 MW đối với các trạm điện mặt trời lắp đặt tại một (01) vị trí và có một (01) điểm đấu nối) để bán cho tổ chức khác.” b. Vấn đề chưa giải quyết – vấn đề CẤP BÁCH	vào các hệ thống năng lượng điện áp mái. Đề nghị Bộ Tài chính và Bộ Công thương khẩn trương xem xét, giải quyết vấn đề này cũng như làm rõ khi nào sẽ áp dụng cơ chế thanh toán/bù trừ cho các nguồn điện cung cấp.

STT	Các vấn đề nêu tại Diễn đàn VBF Thường niên 2017 và Giữa kỳ 2018	Thực trạng (Đã giải quyết/Chưa giải quyết)	Các vấn đề nêu tại Diễn đàn VBF Thường niên 2018
		Nhiều nhà đầu tư tư nhân hiện đã ký PPA với EVN để cung cấp lượng điện dư từ các trạm điện mặt trời lắp trên mái nhà cho EVN, và cũng cho biết đang có sự chậm trễ trong việc thực hiện thanh toán theo cơ chế bù trừ điện năng của PPA. EVN có giải thích với VBF rằng quy trình xử lý thuế GTFT đối với hợp đồng PPA bán điện giữa chủ công trình và EVN đang gây trở ngại cho việc EVN thanh toán cho lượng điện được cung cấp từ các trạm điện áp mái, và hiện EVN đang tìm cách giải quyết vấn đề này. Theo Công văn số 1337/EVN-KD của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), ngày 21/3/2018, gửi cho các công ty điện trong nước, hướng dẫn tạm thời về các dự án/trạm điện áp mái: • Đối với sản lượng điện dư hữu ích của các đơn vị có sản xuất điện cung cấp vào lưới điện của các công ty điện địa phương của EVN, việc thanh quyết toán sẽ chỉ thực hiện được khi Bộ Công thương và Bộ Tài chính có hướng dẫn cụ thể (khoản 3.c); • Hợp đồng mua bán điện mặt trời lắp trên mái nhà (theo mẫu tại Thông tư số 16/2017/TT-BCT) sẽ chính thức ký kết giữa bên bán điện/sản xuất điện và công ty điện tương ứng của EVN khi Bộ Công	

STT	Các vấn đề nêu tại Diễn đàn VBF Thường niên 2017 và Giữa kỳ 2018	Thực trạng (Đã giải quyết/Chưa giải quyết)	Các vấn đề nêu tại Diễn đàn VBF Thường niên 2018
		thương và Bộ Tài chính có hướng dẫn cụ thể (khoản 5).	
5.	Đề xuất về Tiêu chí xét chọn đối với các dự án điện mặt trời hòa lưới trong quy hoạch tổng thể ngành điện quốc gia	<i>Vấn đề chưa giải quyết – đặc biệt liên quan đến báo cáo tại Diễn đàn VBF thường niên 2018, là:</i> Công suất lưới tại Điểm II phải có quy hoạch chiến lược và công bố để áp dụng cho toàn bộ các dự án điện mặt trời đã được cấp phép.	VBF hoan nghênh BCT đã trả lời, cho ý kiến về lợi ích của các tiêu chí đề xuất.
6.	Phối hợp với VBF trong việc Xây dựng chính sách năng lượng và các Chiến lược đầu tư cho lĩnh vực năng lượng	<i>Chưa giải quyết</i>	Vai trò hết sức quan trọng của thành phần kinh tế tư nhân đã được tất cả các bên liên quan thừa nhận, vì thế cần có chiến lược đồng bộ để khuyến khích tư nhân tham gia nhằm bảo đảm cung cấp 70% lượng điện (đầu tư tư nhân sản xuất điện năm 2017 chỉ đạt không quá 4% tổng lượng điện sản xuất ra) và đầu tư cơ sở hạ tầng sau này từ nguồn vốn tư nhân.
7.	Các vấn đề đối với BKHĐT (vai trò hỗ trợ của BCT, BTNMT, BTC) Cơ chế Hỗ trợ Tài chính để Việt Nam Sẵn sàng đối phó với Biến đổi khí hậu dành cho thành phần kinh tế tư nhân GCF (Quỹ Khí hậu Xanh), ICF (Quỹ Khí hậu Quốc tế của Anh)	<i>Vấn đề chưa giải quyết</i> Hiện vẫn chưa có cơ chế mới nào về Đầu tư thích ứng với Biến đổi khí hậu được triển khai để hỗ trợ hiệu quả đầu tư tư nhân vào năng lượng sạch ở Việt Nam. Những Cơ chế Hỗ trợ Tài chính Khí hậu như GCF, ICF muốn tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tư nhân có mức phát thải cacbon thấp	VBF sẵn sàng hỗ trợ xây dựng đề xuất đối với các quỹ tài chính khí hậu toàn cầu và song phương để góp phần tạo thị trường thuận lợi cho đầu tư tư nhân và thu hút đầu tư để giúp Việt Nam thích ứng, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu. Các thành viên của VBF có kỹ năng phân tích Tình hình thị trường (có thể làm gì, cần sử dụng công cụ nào), Năng lực tài chính (đầu tư bao

STT	Các vấn đề nêu tại Diễn đàn VBF Thường niên 2017 và Giữa kỳ 2018	Thực trạng (Đã giải quyết/Chưa giải quyết)	Các vấn đề nêu tại Diễn đàn VBF Thường niên 2018
		của Việt Nam phát triển và góp phần vào việc thực hiện Quyết tâm Cam kết Quốc gia về Giảm phát thải Khí nhà kính. Cơ chế thu thập bằng chứng về “Hỗ trợ của quốc gia” cho năng lượng sạch và quy trình Chứng thư không phân đối có thể nói còn phức tạp, chậm thực thi và khó có thể thực hiện thành công.	nhiều tiền, cần có điều kiện gì để thực hiện đầu tư) để cung cấp, hỗ trợ cho Bộ Kế hoạch Đầu tư và các bộ ngành liên quan khác tiếp cận các Nguồn vốn đầu tư về chống BĐKH.
8.	Hợp đồng Mua bán điện trực tiếp	<i>Vấn đề đã giải quyết một phần – Đang xử lý</i>	VBF mong được biết thêm chi tiết về Cơ chế thí điểm DPPA nêu tại Hội thảo tham vấn công khai năm 2018, và xin đề xuất những nội dung sau: 1. Những khách hàng sử dụng điện kinh doanh (văn phòng, khách sạn, khu nghỉ dưỡng, siêu thị) được phép tham gia Cơ chế thí điểm và được giảm giá điện, theo đó Phí ngoài lưới trong Biểu giá điện kinh doanh điều chỉnh tăng cho những đối tượng này. 2. Cơ chế thí điểm này sẽ đặt chỉ tiêu đầu tư sản xuất điện năng lượng sạch có công suất tối thiểu 300 MW vào các năm 2018/2019, thu hút 400 triệu US\$ vốn đầu tư. 3. CĐTĐL/EVN cần xác định mức “phí ngoài lưới” càng chi tiết, khẩn trương càng tốt, cũng như cam kết áp dụng mức phí này trong ít nhất 5 năm đầu thực hiện hợp đồng truyền tải điện ngoài lưới và giai đoạn trình lên cấp trên phê duyệt sau thời gian đã nhất trí với

STT	Các vấn đề nêu tại Diễn đàn VBF Thường niên 2017 và Giữa kỳ 2018	Thực trạng (Đã giải quyết/Chưa giải quyết)	Các vấn đề nêu tại Diễn đàn VBF Thường niên 2018
			các nhóm doanh nghiệp đại diện cho người sử dụng điện. 4. Các đơn vị sản xuất điện và người sử dụng cuối theo DPPA không phải bù đắp cho các công ty phân phối điện bán lẻ của EVN các khoản “lãi” bị thất thu. 5. Bổ sung Nhóm Công tác Điện & Năng lượng Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam vào Nhóm Công tác DPPA để hỗ trợ tất cả các bên liên quan (gồm cả đơn vị sản xuất điện và người sử dụng điện) xây dựng được một mô hình thí điểm hiệu quả. 6. Công bố Lộ trình Giá điện bán lẻ nhằm giúp người tiêu dùng đánh giá, so sánh giữa giá thành điện do EVN cung cấp và điện DPPA.

**DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM
THƯỜNG NIÊN 2018**
BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC THỊ TRƯỜNG VỐN

*Một số điểm mấu chốt trong sửa đổi
Luật Chứng khoán*

*Chuẩn bị bởi
NCT Thị trường Vốn*

1

Nội dung

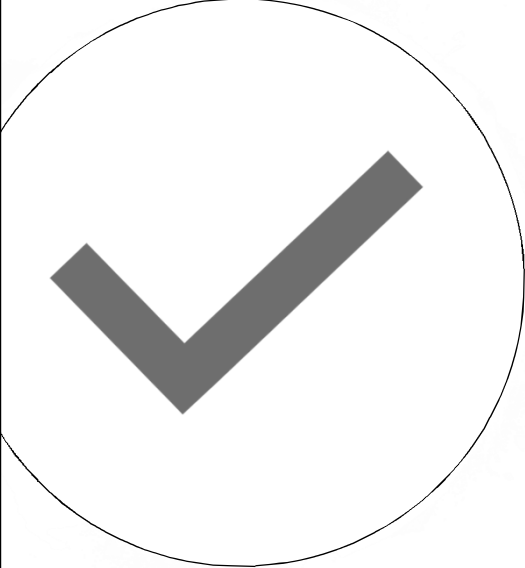
1

Mục tiêu sửa đổi Luật Chứng khoán từ
góc nhìn của Nhóm Công Tác Thị
Trường Vốn

2

Một số điểm mấu chốt trong sửa đổi
Luật Chứng khoán

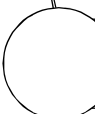
2



MỤC TIÊU SỬA ĐỔI LUẬT CHỨNG KHOÁN TỪ GÓC NHÌN CỦA NHÓM CÔNG TÁC THỊ TRƯỜNG VỐN



MSCI Emerging Market (Nhóm Thị Trường Mới Nội MSCI)



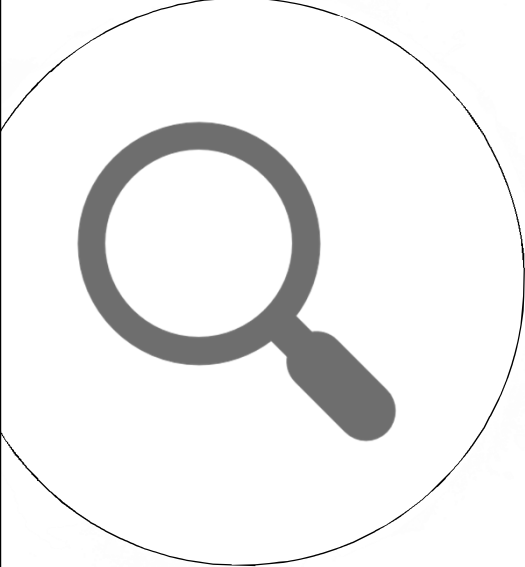
Giải quyết bất cập giữa Luật Chứng khoán và các Luật có liên quan



Hoàn thiện mô hình quản lý thị trường giao dịch chứng khoán và quy định giao dịch chứng khoán



3



KIẾN NGHỊ TRỌNG TÂM SỬA ĐỔI LUẬT CHỨNG KHOÁN

1. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH
2. SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN
3. GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
4. MÔ HÌNH QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN



4

2

PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

A. QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH

- Luật Đầu tư điều chỉnh hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và yêu cầu mọi hoạt động “mua cổ phần, phần vốn góp” dẫn đến sở hữu nước ngoài từ 51% trở lên đều phải đăng ký bất kể công ty đó là công ty đại chúng hay không đại chúng.
- Cũng theo Luật Đầu tư, mọi công ty có sở hữu nước ngoài từ 51% trở lên phải đáp ứng điều kiện và thủ tục đầu tư như “Nhà đầu tư nước ngoài”;
- Luật Chứng khoán điều chỉnh hoạt động chào bán chứng khoán, niêm yết, giao dịch, kinh doanh, đầu tư chứng khoán, dịch vụ về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

B. BẤT CẬP CỦA QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH

Có sự chồng chéo, không thống nhất giữa Luật Đầu tư và Luật Chứng khoán về địa vị pháp lý của các công ty đại chúng (bao gồm cả công ty niêm yết và chưa niêm yết) có tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên 51%. Điểm mấu chốt là tỷ lệ sở hữu nước ngoài của các công ty này có thể thay đổi hàng ngày, hôm trước trên 51%, ngày hôm sau dưới 49%. Như vậy, quy định yêu cầu mọi hoạt động “mua cổ phần, phần vốn góp” dẫn đến sở hữu nước ngoài từ 51% trở lên đều phải đăng ký là vô cùng bất hợp lý và không thể thực hiện được.

5

PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

C. KIẾN NGHỊ VỀ PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

- Xác định rõ ranh giới phạm vi điều chỉnh của Luật Chứng khoán bằng việc thêm vào phạm vi điều chỉnh của Luật Chứng khoán “sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng, tổ chức kinh doanh chứng khoán và quỹ đầu tư; điều kiện và thủ tục đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp tại công ty đại chúng, tổ chức kinh doanh chứng khoán và quỹ đầu tư”.
- Cụ thể như sau:
“Luật này quy định các hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán bao gồm hoạt động chào bán, niêm yết, giao dịch, kinh doanh, đầu tư chứng khoán, cung cấp dịch vụ về chứng khoán; tổ chức và hoạt động của thị trường chứng khoán; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán; quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán; sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng, tổ chức kinh doanh chứng khoán và quỹ đầu tư; điều kiện và thủ tục đầu tư, góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp tại công ty đại chúng, tổ chức kinh doanh chứng khoán và quỹ đầu tư.”

6

PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

D. KIẾN NGHỊ VỀ XUNG ĐỘT PHÁP LUẬT

- i. Khi có xung đột pháp luật về (a) sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng, tổ chức kinh doanh chứng khoán và quỹ đầu tư, và (b) điều kiện và thủ tục đầu tư chứng khoán, góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp tại công ty đại chúng, tổ chức kinh doanh chứng khoán và quỹ đầu tư, Luật Chứng khoán cần được ưu tiên áp dụng. Cụ thể như sau:

“Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Luật này với quy định của luật khác về cùng một vấn đề liên quan đến hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán, sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng, tổ chức kinh doanh chứng khoán và quỹ đầu tư; điều kiện và thủ tục đầu tư chứng khoán, góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp tại công ty đại chúng, tổ chức kinh doanh chứng khoán và quỹ đầu tư thì áp dụng quy định của Luật này.”

7

PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

E. KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI ĐIỀU 23 LUẬT ĐẦU TƯ 2014

Đề xuất sửa đổi Luật Đầu tư theo hướng quy định rõ tại Điều 23 Luật Đầu tư rằng Điều 23 này không áp dụng đối với công ty đại chúng, tổ chức kinh doanh chứng khoán và quỹ đầu tư (là những đối tượng điều chỉnh chuyên biệt của Luật Chứng khoán);

[Khoản 3 Điều 22 Luật Đầu tư hiện hành đã có quy định ngoại trừ rất rõ ràng về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các công ty đại chúng, tổ chức kinh doanh chứng khoán và quỹ đầu tư, Điều 23 Luật Đầu tư cần sửa đổi để có một quy định ngoại trừ tương tự.]

8

SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

A. QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH VỀ TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TRONG CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

- Là tổng tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp có quyền biểu quyết của tất cả nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% trở lên.
- 49% đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện nhưng chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài.
- 100%, trừ khi Điều ước quốc tế hoặc pháp luật chuyên ngành hoặc Điều lệ công ty có hạn chế.

9

SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

B. BẬT CẬP CỦA QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH VÀ CHÍNH SÁCH

- i. Luật Chứng khoán điều chỉnh về tỷ lệ sở hữu nước ngoài của các công ty đại chúng, nhưng Luật Đầu tư lại điều chỉnh địa vị pháp lý của các công ty này khi tỷ lệ sở hữu nước ngoài đạt từ 51% trở lên.
- ii. Hệ quả của việc Luật Đầu tư điều chỉnh địa vị pháp lý là địa vị pháp lý của các công ty đại chúng có thể thay đổi hàng ngày khi tỷ lệ sở hữu nước ngoài xuống thấp, hoặc vượt quá 51%. Điều này đồng nghĩa với việc một công ty đại chúng hôm trước được coi là nhà đầu tư trong nước (khi sở hữu nước ngoài dưới 51%) thì ngay ngày hôm sau đã trở thành nhà đầu tư nước ngoài (khi sở hữu nước ngoài tăng trên 51%), và ngược lại.

10

SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN (NVDR)

C1. KIẾN NGHỊ

i. Luật hóa việc phát hành Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết (non-voting depository receipt hay NVDR)

- NVDR giải quyết được 2 vấn đề là: (a) Chính phủ vẫn hạn chế được tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định của luật hiện hành và điều ước quốc tế; và (b) không làm thay đổi địa vị pháp lý (nhà đầu tư trong nước hay nước ngoài) của doanh nghiệp khi tỷ lệ sở hữu nước ngoài vượt quá 51%;
- Cho phép nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào các công ty đại chúng, công ty niêm yết khi tỷ lệ sở hữu nước ngoài đã đạt mức tối đa.
- Luật Chứng khoán cần luật hóa quyền biểu quyết của tổ chức nắm giữ NVDR, việc phát hành, quản lý và tổ chức thị trường giao dịch đối với NVDR.

11

SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN (NVDR)

C2. KIẾN NGHỊ

ii. Thực hiện quyền biểu quyết của NVDR

- Về quyền biểu quyết của NVDR, chúng tôi đề xuất các giải pháp như sau:

- **Giải pháp 1:** NVDR không có quyền biểu quyết;
- **Giải pháp 2:** toàn bộ số phiếu biểu quyết của NVDR được tính vào số phiếu biểu quyết của nhà đầu tư trong nước đối với vấn đề được ít nhất 75% nhà đầu tư trong nước thông qua;
- **Giải pháp 3:** số phiếu biểu quyết của NVDR được chia đều cho nhà đầu tư trong nước theo tỷ lệ đồng thuận và không đồng thuận của nhà đầu tư trong nước đối với vấn đề biểu quyết;
- **Giải pháp 4:** kết hợp cả hai giải pháp 2&3, trong đó các vấn đề được ít nhất 75% nhà đầu tư trong nước đồng thuận thì tỷ lệ biểu quyết tính theo giải pháp 2, các vấn đề khác dưới ngưỡng 75% thì theo giải pháp 3.

12

SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN (NVDR)

C3. KIẾN NGHỊ

ii. Thực hiện quyền biểu quyết của NVDR

- Ví dụ minh họa:

Công ty đại chúng ABC đang niêm yết trên thị trường chứng khoán có 20% sở hữu trong nước, 49% sở hữu nước ngoài và dự kiến 31% sở hữu thuộc NVDR.

Phương thức biểu quyết	Tỷ lệ biểu quyết trong nước	Tỷ lệ biểu quyết nước ngoài	Tỷ lệ biểu quyết của NVDR	Tỷ lệ biểu quyết trong nước/nước ngoài	Hệ quả kiểm soát công ty
<i>Giải pháp 1</i>	20%	49%	0% (31% NVDR bỏ phiếu trắng)	20%/ 49%	Phía nước ngoài có thể phủ quyết
<i>Giải pháp 2</i>	20%	49%	31% (nếu vấn đề được ít nhất 75% của 20% trong nước thông qua)	51%/ 49%	Phía trong nước có thể phủ quyết
<i>Giải pháp 3</i>	20%	49%	20.15% (ví dụ vấn đề này chỉ có 65% của 20% trong nước thông qua, 35% của 20% trong nước phản đối)	33.15%/ 49%	Phía trong nước dù không thể phủ quyết, nhưng có thể ngăn cản việc thông qua quyết định trong 1 số trường hợp
<i>Giải pháp 4</i>	Kết hợp cả hai Giải pháp 2 và 3 trên đây. Tùy thuộc tỷ lệ biểu quyết trong nước, kết quả biểu quyết sẽ như Giải pháp 2 hoặc Giải pháp 3.				

Ví dụ dựa trên giả định rằng có sự thống nhất biểu quyết trong nội bộ nhóm nhà đầu tư trong nước và nội bộ nhóm nhà đầu tư nước ngoài đối với cùng một vấn đề.

13

Sửa đổi quy định yêu cầu phải có sẵn tiền và chứng khoán trước giao dịch (pre-funding) đối với nhà đầu tư

A. QUY ĐỊNH HIỆN TẠI VỀ TIỀN VÀ CHỨNG KHOÁN TRONG GIAO DỊCH KHỚP LỆNH: Nhà đầu tư phải đảm bảo có đủ tiền và chứng khoán trước khi đặt lệnh giao dịch chứng khoán.

B. BẮT CẤP:

- **Yêu cầu quá mức cần thiết:** Mục đích của quy định này nhằm quản lý, ngăn chặn rủi ro phát sinh từ giao dịch. Tuy nhiên, đối tượng áp dụng hiện tại bao gồm cả nhà đầu tư và công ty chứng khoán;
- **Trái thông lệ quốc tế:** Theo thông lệ quốc tế và khu vực, yêu cầu này chỉ áp dụng đối với công ty chứng khoán. Việc áp dụng quy định này đối với nhà đầu tư đã can thiệp quá sâu và vì mô hình thỏa thuận thương mại giữa công ty chứng khoán và nhà đầu tư;
- **Giảm thanh khoản thị trường, giảm chức năng của thành viên lưu ký:** Quy định hiện hành làm giảm thanh khoản thị trường, đồng thời giảm chức năng, sự linh hoạt của công ty chứng khoán;
- **Tăng chi phí giao dịch:** nhà đầu tư, đặc biệt nhà đầu tư nước ngoài chịu chi phí lớn trong việc chuyển đổi ngoại tệ để giao dịch.

C. KIẾN NGHỊ: Dự thảo Luật Chứng khoán cần quy định cơ sở pháp lý, giải pháp và lộ trình cho việc xóa bỏ yêu cầu nhà đầu tư phải đảm bảo có đủ tiền và chứng khoán trước khi đặt lệnh giao dịch, đồng thời vẫn duy trì an toàn giao dịch cho thị trường.

14

THÀNH LẬP NGÂN HÀNG THANH TOÁN TIỀN ĐỐI VỚI GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN, PHÁI SINH

A. MÔ HÌNH GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HIỆN TẠI:

- Ngân hàng thanh toán tiền đối với giao dịch chứng khoán: **BIDV**.
- Ngân hàng thanh toán tiền đối với giao dịch chứng khoán phái sinh: **Vietinbank**.
- Ngân hàng thanh toán tiền đối với giao dịch trái phiếu chính phủ: **Ngân hàng Nhà nước**

B. BẤT CẬP CỦA MÔ HÌNH GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HIỆN TẠI: chưa đảm bảo được an toàn trong hoạt động thanh toán; Nhà nước không thu được ngân sách từ hoạt động này.

C. LỢI ÍCH CỦA MÔ HÌNH NGÂN HÀNG THANH TOÁN TIỀN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN RIÊNG BIỆT DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ:

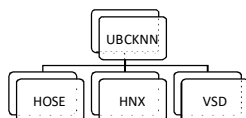
- Giảm thiểu rủi ro cho thị trường chứng khoán;
- Tăng thu cho Ngân sách Nhà nước (qua việc thu phí giao dịch);
- Tăng tính minh bạch và bình đẳng cho thị trường.

D. KIẾN NGHỊ : Bổ sung quy định để thành lập Ngân hàng thanh toán tiền trung tâm đối với giao dịch chứng khoán, phái sinh trực thuộc Chính phủ.

15

MÔ HÌNH QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

MÔ HÌNH QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HIỆN TẠI

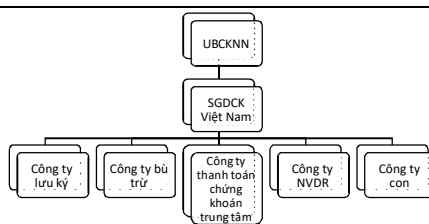


BẤT CẬP:

- Việc hợp nhất HOSE và HNX hiện chưa hoàn tất.
- Việc VSD thực hiện cả hai chức năng lưu ký và bù trừ có rủi ro lớn về an toàn thanh toán.

Trường hợp vốn sở hữu của VSD không đủ để bù đắp giá trị giao dịch, sẽ dẫn đến tình trạng VSD phá sản và không còn cơ quan để lưu ký chứng khoán.

MÔ HÌNH QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN MỚI



GIẢI PHÁP:

- Thành lập SGDCK Việt Nam – là thị trường giao dịch chứng khoán tập trung toàn quốc;
- SGDCK Việt Nam nên tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần với sở hữu có thể được cổ phần hóa cho các thành viên thị trường, nhà đầu tư, và hướng tới niêm yết trong tương lai;
- Thành lập công ty con riêng rẽ để thực hiện chức năng lưu ký và bù trừ;
- Thành lập công ty trung tâm thanh toán tiền đối với giao dịch chứng khoán và phái sinh;
- Thành lập công ty phát hành NVDR trực thuộc SGDCK để quản lý và nắm giữ NVDR;
- Thành lập các công ty con trực thuộc SGDCK cung cấp dịch vụ hỗ trợ (công nghệ, kỹ thuật, v.v.).

**Tài sản
của quỹ đầu tư
cần lưu ký
tại một tài khoản
đứng tên chính quỹ
đó và độc lập với
công ty quản lý quỹ**

A. QUY ĐỊNH HIỆN TẠI: Thông tư 23/2014/TT-NHNN và 32/2016/TT-NHNN của Ngân Hàng Nhà Nước yêu cầu các tổ chức không có tư cách pháp nhân (bao gồm tất cả các quỹ đầu tư được thành lập theo pháp luật Việt Nam) phải chuyển sang thanh toán của cá nhân hoặc tài khoản thanh toán chung.

B. BẮT CẬP:

***Yêu cầu này không khả thi và trái Luật Chứng khoán:** Theo các quy định của Luật Chứng khoán, tài sản được ghi nhận sở hữu dưới tên của tổ chức đầu tư, tương ứng với mã số giao dịch chứng khoán do Trung tâm Lưu ký Chứng Khoán cấp cho họ, và tài khoản lưu ký chứng khoán cũng được mở tương ứng dưới tên của tổ chức đầu tư. Do đó việc mở tài khoản tiền dưới hình thức tài khoản cá nhân, hoặc tài khoản thanh toán chung, hoặc tài khoản của công ty mẹ là không phù hợp, việc ghi nhận sở hữu tiền sẽ không tương ứng với ghi nhận sở hữu chứng khoán. Điều này cũng dẫn đến việc không thực hiện được các giao dịch thanh toán tiền và chứng khoán trên thị trường chứng khoán do người sở hữu tài khoản tiền và người sở hữu tài khoản chứng khoán không khớp nhau;*

C. KIẾN NGHỊ: Luật Chứng khoán quy định rõ như sau “Tài sản của quỹ đầu tư được lưu ký tại một tài khoản đứng tên của quỹ đó và độc lập với tài sản của công ty quản lý quỹ”.

17

**Bảo vệ tài sản
của nhà đầu tư**

A. BẮT CẬP: Hiện chưa có các quy định về các vấn đề sau:

1. Quy định về phá sản và thủ tục giải quyết phá sản liên quan đến tài sản của nhà đầu tư tại các tổ chức hoạt động trong thị trường (Ngân hàng lưu ký, ngân hàng thanh toán, Trung tâm lưu ký chứng khoán)
2. Quy định về xây dựng Kế hoạch dự phòng khẩn cấp cho các trường hợp xảy ra các sự cố bất khả kháng cho các Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thanh toán, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.

Đây là những vấn đề mà nhà đầu tư nước ngoài đặc biệt quan tâm khi quyết định đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam

B. KIẾN NGHỊ: Luật Chứng khoán cần quy định rõ các tài sản thuộc về nhà đầu tư (bao gồm cả tiền và chứng khoán đang trong quá trình thanh toán) để đảm bảo tài sản của nhà đầu tư.

18

Giải pháp xử lý tổng thể vướng mắc của Nhà đầu tư nước ngoài

Kiến nghị UBCK phối hợp với các bộ ngành có liên quan (ví dụ: Bộ Kế hoạch đầu tư, Ngân hàng Nhà nước) để tiến hành đánh giá tổng thể về những vướng mắc, bất cập hạn chế trong các quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, các quy trình thủ tục đầu tư cho nhà đầu tư nước ngoài, các quy định về quản lý dòng vốn, tài khoản cho nhà đầu tư nước ngoài để ban hành các quy định đồng bộ, tổng thể giữa các bộ ngành về các vấn đề nêu trên, nhằm đảm bảo việc triển khai đồng bộ và kịp thời

19



TRÂN TRỌNG

20

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC NGÂN HÀNG

*Chuẩn bị bởi
Nhóm Công tác Ngân hàng*

TIỀN TRÌNH & TÓM TẮT CÁC VẤN ĐỀ KỸ THUẬT

- Nhóm 1:** Các vấn đề chưa được thống nhất về mặt quan điểm, cách thức xử lý ở cấp kỹ thuật giữa các đơn vị của NHNN và BWG:
Không còn điểm nào tồn đọng
- Nhóm 2:** Các vấn đề NHNN đã được ghi nhận, và sẽ sớm có kế hoạch xử lý trong thời gian tới
- Nhóm 3:** Các vấn đề mang tính hợp tác giữa hai bên, các vấn đề NHNN đã ghi nhận, sẽ nghiên cứu tiếp thu khi sửa đổi các Thông tư, Nghị định của NHNN
- Nhóm 4:** Các vấn đề có liên quan thẩm quyền, trách nhiệm của các Bộ, ngành khác

BẢNG 1: CÁC VẤN ĐỀ TRỰC THUỘC THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ	KẾT LUẬN & DỰ KIẾN CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI TIẾP THEO
I – NHÓM 2: CÁC VẤN ĐỀ NHNN ĐÃ ĐƯỢC GHI NHẬN, VÀ SẼ SỚM CÓ KẾ HOẠCH XỬ LÝ TRONG THỜI GIAN TỚI			
1.	(BWG Ban Ngân hàng bán lẻ) Thông tư 19/2016-TT-NHNN quy định về hoạt động thẻ ngân hàng.	1.1.Hoạt động cấp tín dụng thông qua thẻ tín dụng. Điều 1 Thông tư 39 và Điều 1 Thông tư 19 - Không áp dụng cho hoạt động cấp tín dụng thông qua thẻ tín dụng Hoạt động cấp tín dụng qua thẻ tín dụng là một trong những chức năng của thẻ tín dụng: - Cung cấp cho chủ thẻ tín dụng dựa trên hành vi tín dụng. Định mức trả góp qua thẻ tín dụng tương đối thấp, xấp xỉ 30 triệu đồng và không liên quan đến bên chuyển khoản thứ 3. - Giao dịch của khách hàng được giám sát định kì trên mọi mặt bao gồm cả Phòng chống rửa tiền.	Tiếp tục xử lý NHNN sẽ nghiên cứu đề nghị của các ngân hàng trong quá trình xây dựng văn bản/hướng dẫn xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động cho vay/cấp tín dụng qua thẻ tín dụng.

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ	KẾT LUẬN & DỰ KIẾN CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI TIẾP THEO
		- Không được tăng hạn mức tín dụng, có quy trình giám sát người dùng đầu cuối thích hợp. - Theo Thông tư 19, rút tiền mặt là một trong những hoạt động của thẻ tín dụng; trả góp qua thẻ tín dụng tương tự như rút tiền mặt, tuy nhiên số tiền sẽ được ghi có vào tài khoản ngân hàng khách hàng chọn và họ có thể trả lại theo một kế hoạch định sẵn thay vì phải rút tiền từ ATM. Kiến nghị: Nhóm Công tác Ngân hàng kiến nghị trả góp qua thẻ tín dụng trong phạm vi của Thông tư 19 và xin xem chi tiết giải thích trong phụ lục đính kèm	
2.		1.2. Hợp tác với tổ chức chuyển mạch thẻ Hợp tác với tổ chức chuyển mạch thẻ Điều 24.2 - Trong quá trình thực hiện, các thành viên BWG nhận thấy những khó khăn, phức tạp trong việc triển khai (do việc ủy quyền của hệ thống ngân hàng được đặt tại nước ngoài, khó khăn về giới hạn thời gian: cần thêm thời gian để thống nhất nội dung, giải đáp câu hỏi về bản Dự thảo Techspec & Bộ Quy tắc, 18 – 24 tháng để triển khai thử nghiệm (testing) đảm bảo kết nối. - BWG đề xuất NHNN xem xét việc chưa triển khai thực hiện Điều 24 này vào ngày 01/01/2019 và mong sớm nhận được bản cập nhật chi tiết về lộ trình cũng như kế hoạch chuyển mạch từ NAPAS.	Tiếp tục xử lý
3.	Quy định việc bán ngoại tệ thanh toán cho các nghĩa vụ đến hạn phát sinh từ hoạt động phái sinh	Hiện nay chưa có hướng dẫn trực tiếp việc mua bán ngoại tệ cho việc thanh toán các nghĩa vụ đến hạn phát sinh từ hoạt động phái sinh trong các thông tư hướng dẫn hoạt động phái sinh có liên quan. Tuy nhiên, dựa trên các thông tư có liên quan đến việc thực hiện giao dịch phái sinh hợp pháp, một cách hiểu và áp dụng phổ biến trên thị trường là trên cơ sở khách hàng được phép thực hiện giao dịch phái sinh để bảo hiểm rủi ro lãi suất, tỷ giá phát sinh từ giao dịch gốc phù hợp với các quy định có liên quan, khách hàng được phép mua ngoại tệ để thanh toán các nghĩa vụ thanh toán bằng ngoại tệ	Tiếp tục xử lý BWG và NHNN tổ chức hội thảo về phái sinh với các bên liên quan (ISDA, VNBA..) để trao đổi, tìm hiểu thêm, dự kiến vào Q1/2019

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ	KẾT LUẬN & DỰ KIẾN CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI TIẾP THEO
		phát sinh từ giao dịch phái sinh để thực hiện thanh toán, chi trả cho ngân hàng cung cấp dịch vụ phái sinh. Dòng tiền ngoại tệ không đi ra thị trường mà chỉ dùng để thanh toán cho chính ngân hàng cung cấp dịch vụ phái sinh. Một hướng dẫn cụ thể hơn từ NHNN sẽ giúp bảo vệ cho cả khách hàng và ngân hàng trước các rủi ro pháp lý trong hoạt động phái sinh và việc này cũng phù hợp với đặc trưng của sản phẩm cũng như thông lệ quốc tế.	
4.	Việc thực hiện giao dịch FWD/Swap trên thị trường quốc tế mà không cần phải có giao dịch tương ứng đối với khách hàng trong nước	Theo thông tư 28/2016/TT-NHNN (Điều 6, tiết 3), ngân hàng chỉ được phép thực hiện các giao dịch mua, bán ngoại tệ kỳ hạn, giao dịch hoán đổi ngoại tệ với tổ chức tài chính nước ngoài nhằm mục đích phòng ngừa, hạn chế rủi ro đối với hợp đồng mua, bán ngoại tệ kỳ hạn, giao dịch hoán đổi ngoại tệ đã giao kết và thực hiện với khách hàng trong nước. Quy định này không thực sự hạn chế được hoạt động đầu cơ trên thị trường quốc tế, do các ngân hàng vẫn có thể đầu cơ bằng việc tham gia giao dịch giao ngay (spot). Hơn nữa nếu các ngân hàng có nhu cầu hoán đổi tiền tệ chéo để có được dòng tiền ngoại tệ cần thiết, phục vụ cho hoạt động thanh toán và cho vay của ngân hàng thì sẽ không thực hiện được do không có giao dịch tương ứng với khách hàng trên thị trường trong nước. Kính đề nghị NHNN cho phép ngân hàng thực hiện giao dịch FWD/Swap trên thị trường quốc tế mà không cần phải có giao dịch tương ứng đối với khách hàng trong nước	Tiếp tục xử lý NHNN đề xuất các tổ chức tín dụng chuẩn bị hồ sơ cấp phép/ xin chuyển đổi nếu các ngân hàng có nhu cầu hoán đổi tiền tệ chéo để có được dòng tiền ngoại tệ cần thiết, phục vụ cho hoạt động thanh toán và cho vay của ngân hàng. Trên thực tế đã có nhiều hồ sơ được NHNN phê duyệt.
5.	Thực hiện giao dịch FX SWAP và/hoặc thanh toán giá trị định giá lại giao dịch (Mark to Market) giữa ngân hàng và khách hàng khi chấm dứt trước hạn hoặc giao hạn giao dịch FX	Trước thời điểm thanh toán giao dịch FX Forward, vì nhiều lý do khách quan, khách hàng có thể đề nghị ngân hàng thay đổi một hoặc nhiều chi tiết của giao dịch (ví dụ thời điểm thanh toán, số tiền thanh toán) đã thực hiện trước đó. Theo thông lệ quốc tế, đối với trường hợp sửa đổi giao dịch FX Forward, các ngân hàng thường sử dụng giao dịch FX swap vì việc sử dụng FX swap sẽ bảo đảm giá trị đánh giá lại của giao dịch FX forward tại thời điểm sửa đổi giao dịch được phản ánh chính xác, bảo đảm quyền lợi của khách hàng. Trong trường hợp không thực hiện được giao dịch FX Swap, khi hủy giao dịch cũ, hệ thống của các ngân hàng sẽ tự động đánh giá lại giao dịch ban	Tiếp tục xử lý BWG và NHNN tổ chức workshop về phái sinh để trao đổi, tìm hiểu thêm, dự kiến vào Q1/2019

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ	KẾT LUẬN & DỰ KIẾN CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI TIẾP THEO
	FWD	đầu theo giá thị trường và sẽ có thể phát sinh một khoản tiền lỗ hay lãi với khách hàng (MTM loss/gain) và khoản tiền này cần được thanh toán giữa hai bên. Kính đề nghị cho phép thực hiện giao dịch FX SWAP và/hoặc thanh toán giá trị định giá lại giao dịch (Mark to Market) giữa ngân hàng và khách hàng khi chấm dứt trước hạn hoặc gia hạn giao dịch FX FWD	
6.	Dự thảo Nghị định An ninh mạng	1. Các ý kiến chung: Chúng tôi hiểu rằng quý Cơ quan đã ghi nhận và cân nhắc các ý kiến đóng góp rộng rãi từ cộng đồng doanh nghiệp nói chung cũng như các ngân hàng nói riêng sau buổi đối thoại tại Diễn đàn Doanh nghiệp (VBF) vào ngày 13 tháng 09 năm 2018 về Luật An Ninh Mạng trong quá trình xây dựng Dự thảo văn bản hướng dẫn với các quy định cụ thể phù hợp với thực tiễn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài bao gồm cả các ngân hàng nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam. 2. Các ý kiến cụ thể: 2.1. Dự thảo Nghị định Quy Định Chi Tiết Một Số Điều của Luật An Ninh Mạng (“Nghị định”) Điều 3- Căn cứ xác lập hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia Chúng tôi hiểu rằng hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia như được quy định tại khoản 2, Điều 10 của Luật An ninh mạng và được chi tiết tại Điều 3, dự thảo Nghị định là các hệ thống do nhà nước xây dựng, quản lý và thuộc sở hữu nhà nước và đáp ứng các chi tiết như nêu tại các quy định này. Do vậy, để tránh các nhầm lẫn với hệ thống công nghệ thông tin do các doanh nghiệp xây dựng như hệ thống core banking và các hệ thống hoạt động của ngân hàng thương mại, không thuộc sở hữu nhà nước, chúng tôi kính mong quý Cơ quan xem xét quy định chi tiết hơn như sau:	Tiếp tục xử lý

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ	KẾT LUẬN & DỰ KIẾN CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI TIẾP THEO
		“Hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia là hệ thống do nhà nước xây dựng, quản lý và sở hữu thuộc các lĩnh vực được quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật An ninh mạng và khi bị sự cố, xâm nhập, chiếm quyền điều khiển, làm sai lệch, gián đoạn, ngưng trệ, tê liệt, tấn công hoặc phá hoại sẽ gây ra một trong các hậu quả sau đây:” <i>Điều 25-Doanh nghiệp phải lưu trữ dữ liệu, đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam</i> Như quy định rõ tại Khoản 1, Điều 25, Dự thảo Nghị Định chúng tôi hiểu rằng một doanh nghiệp phải lưu trữ dữ liệu, đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam <u>khi có đầy đủ</u> các điều kiện như quy định tại điểm a-d, Khoản 1 Điều này. Ví dụ: Hiện nay, nhiều ngân hàng ứng dụng internet để cung cấp dịch vụ thanh toán, một hoạt động truyền thống của các ngân hàng tại Việt Nam và trên thế giới. Việc ứng dụng internet để cung cấp dịch vụ thanh toán cho khách hàng tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Các ứng dụng trên nền tảng internet này chỉ dung mục đích thanh toán, chuyển tiền theo chỉ thị của khách hàng, <u>không phải</u> là các ứng dụng dùng để tạo lập diễn đàn, trao đổi thông tin giữa các khách hàng/người sử dụng dịch vụ để thực hiện các hành vi quy định tại Khoản 1, 2 Điều 8 Luật An Ninh Mạng. 2.2 Dự thảo Quyết định Ban hành Danh mục hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia Như đã trình bày tại Điều 3, dự thảo Nghị định ở phần trên, chúng tôi đề nghị các hệ thống tin quan trọng về an ninh quốc gia trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng chỉ bao gồm các hệ thống do nhà nước xây dựng, quản lý và thuộc sở hữu nhà nước.	

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ	KẾT LUẬN & DỰ KIẾN CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI TIẾP THEO
		3. Điều 26 Khoản 2: “2) Thời gian lưu trữ dữ liệu được quy định tại Khoản 1 Điều 24 Nghị định này được lưu trữ theo thời gian hoạt động của doanh nghiệp hoặc đến khi không còn cung cấp dịch vụ.” - Việc quy định phải lưu trữ dữ liệu trong toàn bộ thời gian hoạt động của doanh nghiệp (có thể kéo dài nhiều chục năm) là không khả thi cả về mặt kỹ thuật, cũng như mâu thuẫn với một số văn bản pháp luật đã được ban hành cùng với chủ đề này; như thông tư 43/2011/TT-NHNN ban hành bởi Ngân hàng nhà nước ngày 20 tháng 12 năm 2012 về “QUY ĐỊNH THỜI HẠN BẢO QUẢN HỒ SƠ, TÀI LIỆU LƯU TRỮ TRONG NGÀNH NGÂN HÀNG” Ví dụ: Mục 236 trong BẢNG THỜI HẠN BẢO QUẢN, HỒ SƠ, TÀI LIỆU TRONG NGÀNH NGÂN HÀNG (Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2011/TT-NHNN ngày 20/12/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước) quy định thời hạn lưu trữ “Hồ sơ khách hàng phát hành thẻ: đơn đăng ký phát hành thẻ, thay đổi thông tin thẻ, phiếu xác nhận giao nhận thẻ ... (kể từ khi chấm dứt” là 5 năm. Chúng tôi kiến nghị sửa đổi điều này như sau: Thời gian lưu trữ dữ liệu quy định tại điều 24 điểm 1 phải tuân thủ với các quy định liên quan của pháp luật Việt Nam, được ban hành bởi các bộ ban ngành chủ quản của doanh nghiệp Chúng tôi mong muốn được thảo luận với NHNN và thông quan NHNN, chúng tôi hy vọng các ý kiến đóng góp trên sẽ hỗ trợ phần nào quá trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật, vừa bảo đảm mục tiêu quản lý Nhà nước về an ninh mạng, đồng thời vẫn giữ một môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam.	
7.	Thông tư	1. Hệ thống CNTT đặt tại ngân hàng mẹ mà các Chi nhánh Ngân hàng	Tiếp tục xử lý

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ	KẾT LUẬN & DỰ KIẾN CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI TIẾP THEO
	18/2018/TT-NHNN 1. Hệ thống CNTT đặt tại ngân hàng mẹ mà các Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài sử dụng	nước ngoài sử dụng Những hệ thống CNTT ở nước ngoài mà các Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài sử dụng bao gồm cả hệ thống chính và hệ thống dự phòng đều đặt ở ngoài lãnh thổ Việt Nam và được quản lý, bảo trì và vận hành. Chi nhánh NH nước ngoài chỉ là người sử dụng cuối cùng (end-user) và tham gia các hoạt động đều do Hội sở điều phối như diễn tập dự phòng ... cùng với toàn bộ chi nhánh trên toàn cầu. Cơ sở: Khi triển khai thực hiện TT31 /2015/TT-NHNN về đảm bảo an toàn bảo mật thông tin công nghệ thông tin trong hoạt động Ngân hàng, tại công văn số 315/CNTH8 ngày 15/3/2016 Cục CNTH xác nhận: Các ngân hàng nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sử dụng hệ thống CNTT tại nước ngoài do ngân hàng mẹ sở hữu, quản lý vận hành <u>không thuộc điều chỉnh bởi quy định này. (Mục số 5 của phụ lục)</u> Tuy nhiên, trong bản Tóm tắt một số điểm mới của Thông tư 18, Ngân hàng nhà nước có đề cập đến việc các hệ thống thông tin do Ngân hàng mẹ cung cấp vẫn phải tuân thủ theo quy định tại Thông tư 18. <i>"Thông tư tạo ra môi trường hoạt động ứng dụng CNTT bình đẳng hơn giữa các tổ chức (TCTD) trong nước và nước ngoài hoạt động tại Việt Nam <u>khi yêu cầu chi nhánh ngân hàng nước ngoài (NHNNg) sử dụng các hệ thống thông tin của ngân hàng mẹ (đặt ngoài lãnh thổ Việt Nam) cung cấp dịch vụ cho khách hàng Việt Nam hoặc phục vụ hoạt động kỹ thuật, nghiệp vụ của NHNNg thì các hệ thống thông tin do ngân hàng mẹ cung cấp vẫn phải tuân thủ quy định trong Thông tư này.</u> Ngân hàng TNHH MTV 100% vốn nước ngoài có quyền lợi và trách nhiệm như các TCTD trong nước đối với yêu cầu về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin."</i> 1. Những hệ thống CNTT ở nước ngoài mà các Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài sử dụng (cụ thể hơn là những hệ thống CNTT đặt tại ngân hàng mẹ,	Đề xuất BWG gửi lại ý kiến và 2 bên sẽ tiếp tục làm việc thông qua một cuộc họp kỹ thuật riêng.

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ	KẾT LUẬN & DỰ KIẾN CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI TIẾP THEO
		được Ngân hàng sử dụng để cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động nghiệp vụ nội bộ) không thuộc điều chỉnh bởi quy định này, trừ điều 24 về Quản lý giao dịch trực tuyến, điều 21.4 về sao lưu dự phòng. Kính đề nghị NHNN hướng dẫn rõ thêm những điều mục không được miễn trừ, bắt buộc phải tuân thủ theo thông tư này.	
8.	Hệ thống cấp 2	Điều 4 của TTT 18 / 2018/TT-NHNN đề cập rằng khi một hệ thống xử lý thông tin mật, nó sẽ được coi là hệ thống cấp 2 (hệ thống quan trọng). Ngoài ra, thông tin bí mật là bí mật của một tổ chức hoặc Bí mật Nhà nước. Mặt khác, tại Điều 5.21 Nghị định 45/2007/QĐ-NHNN, mật khẩu cho truy cập mạng máy tính, hệ thống cơ sở dữ liệu; mật khẩu sử dụng cho các chương trình ứng dụng ngân hàng được phân loại là Bí mật nhà nước. Nếu căn cứ vào Nghị định 45 và Điều 4 của TT 18, có rất nhiều hệ thống được phân loại là hệ thống cấp 2 trong khi các hệ thống này chỉ có thể xử lý hoạt động nội bộ của ngân hàng và chỉ nên được phân loại là cấp hệ thống 1. Do đó, mục đích của việc phân loại các cấp độ: hệ thống cấp 1 và hệ thống cấp 2 không thể đạt được. Dựa trên cơ sở đó, chúng tôi kính đề xuất NHNN cho phép các ngân hàng loại trừ Mật khẩu khỏi Thông tin bí mật khi phân loại hệ thống dựa trên quy định tại TT 18.	Tiếp tục xử lý
9.	Phân loại thông tin là bí mật nhà nước	3. Trong Nghị định 117/2018/ND-CP, thông tin về tài khoản và tiền gửi của khách hàng không còn được định nghĩa là bí mật nhà nước nữa. Tuy nhiên, trong Quyết định 45/2007/QĐ-NHNN, điều 15 quy định tài liệu liên quan đến tiền gửi của khách hàng và các tài sản khác được định nghĩa là Bí mật Nhà nước. Chúng tôi kính đề xuất NHNN áp dụng như quy định tại ND 117/2018 / ND-CP, theo đó, thông tin tài khoản và tiền gửi khách hàng không thuộc bí mật nhà nước.	Tiếp tục xử lý

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ	KẾT LUẬN & DỰ KIẾN CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI TIẾP THEO
10.	Đề xuất về thủ tục nhận biết khách hàng (e-KYC) trong quy trình mở tài khoản.	Theo quy trình mở tài khoản truyền thống, có 2 bước cụ thể trong quá trình KYC mà các ngân hàng đều đang thực hiện: mẫu chữ ký tươi và một buổi gặp mặt trực tiếp giữa các nhân viên ngân hàng và khách hàng. Nhóm công tác ngân hàng kính đề nghị một số phương pháp mới để thực hiện 2 bước này dựa trên ứng dụng các công nghệ hiện đại, bảo mật và an toàn. Chúng tôi tin rằng khách hàng và ngân hàng đều được bảo vệ, bởi tính xác thực của giao dịch được đảm bảo, đồng thời những quy trình cơ bản của việc mở tài khoản vẫn được đảm bảo đầy đủ. 1. Cuộc gặp trực tiếp giữa Ngân hàng – khách hàng đối với việc xác minh danh tính và mở tài khoản: Theo quy trình truyền thống, ngân hàng sẽ phải gặp mặt khách hàng trực tiếp để xác minh danh tính. Điều này dẫn đến việc tốn tiền và thời gian cho cả khách hàng và nhân viên ngân hàng khi phải di chuyển đến một địa điểm hẹn cụ thể. Với sự phát triển không ngừng của công nghệ hiện đại, chúng tôi nghĩ rằng quá trình này có thể được thực hiện bằng một phương pháp khác trong thời gian thực mà vẫn đảm bảo tính an toàn cao nhất: - Khách hàng và nhân viên ngân hàng thực hiện xác thực danh tính qua việc gọi video (được chấp nhận trong Liên minh Châu Âu) - Khách hàng và nhân viên ngân hàng trao đổi qua cuộc gọi có chức năng ghi âm - Một bên thứ ba được chỉ định, sẽ có quyền thực hiện quá trình xác thực danh tính, và ngân hàng có thể sử dụng để hoàn thiện quá trình nhận biết (“KYC”) - Cơ hội cho khách hàng đăng tải ảnh chứng minh thư/hộ chiếu, các tài liệu hỗ trợ liên quan đến KYC lên ứng dụng trên điện thoại trong việc xác thực danh tính. 2. Chữ ký trong mẫu đơn mở tài khoản: Theo truyền thống, để xác nhận giao dịch giữa ngân hàng và khách hàng,	Tiếp tục xử lý

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ	KẾT LUẬN & DỰ KIẾN CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI TIẾP THEO
		khách hàng được yêu cầu ký chữ ký tươi. Tuy nhiên, với sự phát triển của công nghệ, có nhiều cách khác nhau để xác nhận giao dịch giữa 2 bên mà chúng tôi đưa ra để thay thế: - Khách hàng có thể ký trực tiếp trên ứng dụng (trên điện thoại) của ngân hàng - Khách hàng chụp ảnh chữ ký của mình và đăng tải/gửi tới ngân hàng thông qua đường link bảo mật - Khách hàng điền đơn online có sẵn ô tích trong việc đồng ý cho ngân hàng và đồng ý với việc được hỗ trợ qua mã xác thực OTP - Khách hàng có thể tải mẫu đơn online, ký, và scan gửi lại ngân hàng - Khách hàng có thể cung cấp chữ ký của mình qua DocuSign (các văn bản được mã hóa và lịch sử hoạt động/kiểm toán truy nguyên được duy trì). Với việc ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm giảm thiểu rủi ro, Nhóm công tác ngân hàng, mong nhận được ý kiến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để trao đổi thêm về tính khả thi của đề xuất này	
II. NHÓM 3: CÁC VẤN ĐỀ MANG TÍNH HỢP TÁC GIỮA HAI BÊN, CÁC VẤN ĐỀ NHNN ĐÃ GHI NHẬN, SẼ NGHIÊN CỨU TIẾP THU KHI SỬA ĐỔI CÁC THÔNG TƯ, NGHỊ ĐỊNH CỦA NHNN			
11.	Thông tư 15/2015/TT-NHNN 1. Kỳ hạn Hợp đồng hoán đổi ngoại hối (365 ngày) theo quy định tại Thông tư 15/2015/TT-NHNN 2. Quản lý thanh khoản các hoạt động liên ngân hàng:	1.1 Kỳ hạn Hợp đồng hoán đổi ngoại hối (365 ngày) theo quy định tại Thông tư 15/2015/TT-NHNN Không có giới hạn về kỳ hạn giữa các loại ngoại tệ tuy nhiên lại có giới hạn hạn mức là 365 ngày đối với các giao dịch ngoại tệ - VND. Chúng tôi kính đề xuất NHNN loại bỏ giới hạn này vì việc kiểm soát tài liệu hỗ trợ hiện tại đã là đủ cho các ngân hàng kiểm soát mục đích mua ngoại tệ với các lý do sau: + Kỳ hạn của FX forward nên được xác định bởi tính thanh khoản của thị trường và nhu cầu khách hàng. Việc này góp phần giúp phát triển thị trường ngoại hối theo cách hiệu quả hơn và khách hàng có khả năng quản trị rủi ro	Tiếp tục xử lý BWG và NHNN tổ chức hội thảo về phái sinh với các bên liên quan (ISDA, VNBA..) để trao đổi, tìm hiểu thêm, dự kiến vào Q1/2019

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ	KẾT LUẬN & DỰ KIẾN CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI TIẾP THEO
		(hedge) cho các nhu cầu của họ. + Ngoài ra, tỷ lệ hoán đổi tiền tệ chéo (Cross Currency Swap) cho giao dịch USDVND cũng được cho phép kỳ hạn tới kỳ hạn tối đa của khoản vay. Do đó, không có sự khác biệt so với việc bảo hiểm rủi ro ngoại tệ như FX forward. 1.2. Quản lý thanh khoản các hoạt động liên ngân hàng: Thông thường các ngân hàng vay tiền ngắn hạn từ các đối tác của họ hoặc NHNN để đáp ứng nhu cầu tài chính hàng ngày. Do NHNN đã sử dụng OMO một cách hiệu quả, BWG kính đề xuất NHNN cho phép thực hiện các hoạt động hoán đổi ngoại hối tương tự như các hoạt động OMO có cùng tính chất và phù hợp với định hướng của NHNN trong việc bơm và rút tiền từ hệ thống ngân hàng. Quy định hiện hành đang yêu cầu ngân hàng chứng minh rằng các ngân hàng có vấn đề thanh khoản nếu họ muốn thực hiện giao dịch hoán đổi ngoại hối với NHNN. Điều này dường như không thực tế cho các ngân hàng áp dụng. Do vậy, kính đề xuất NHNN áp dụng cùng một biện pháp xử lý đối với cả hoạt động hoán đổi OMO / FX như sau: + Vẫn tuân theo chỉ đạo/định hướng của NHNN trong quản lý thanh khoản + Các ngân hàng có thêm lựa chọn: hoặc sử dụng trái phiếu USD hoặc trái phiếu Chính phủ để tiếp cận thanh khoản VND, hoặc NHNN có thể sử dụng các công cụ này để rút tiền từ thị trường nếu cần. + Thực tế, việc này giúp NHNN kiểm soát tốt hơn chi phí VND trên thị trường do tỷ giá hoán đổi ngoại hối và lãi suất OMO sẽ tương tự như tỷ giá của NHNN.	
12.	Các tổ chức không cư trú ở Việt Nam	Hiện tại các khách hàng không cư trú (nhà đầu tư nước ngoài) không được phép tham gia vào các giao dịch phái sinh trong khi họ có nhu cầu phòng	Tiếp tục xử lý

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ	KẾT LUẬN & DỰ KIẾN CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI TIẾP THEO
	(nhà đầu tư nước ngoài) tham gia vào các giao dịch phái sinh ngoại tệ và phái sinh lãi suất	ngừa rủi ro tỷ giá giữa VND và đồng tiền của nước họ. Kính đề nghị NHNN cho phép các nhà đầu tư nước ngoài tham gia các giao dịch phái sinh bởi vì việc này sẽ đáp ứng nhu cầu chính đáng của các nhà đầu tư đồng thời sẽ làm tăng tính thanh khoản của thị trường.	BWG và NHNN tổ chức hội thảo về phái sinh với các bên liên quan (ISDA, VNBA..) để trao đổi, tìm hiểu thêm, dự kiến vào Q1/2019
13.	Đa dạng hóa các sản phẩm phái sinh	Hiện tại các loại hình sản phẩm phái sinh còn khá hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ các nhu cầu của khách hàng. Các sản phẩm cấu trúc giảm chi phí (cost production) chưa được đề cập trong Thông tư 01/2015/TT-NHNN. Vì vậy chúng tôi kính đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét và đưa thêm các sản phẩm phái sinh khác nhằm đa dạng hóa và đáp ứng nhu cầu của thị trường.	Tiếp tục xử lý BWG và NHNN tổ chức hội thảo về phái sinh với các bên liên quan (ISDA, VNBA..) để trao đổi, tìm hiểu thêm, dự kiến vào Q1/2019
14.	Các giao dịch phái sinh hoán đổi lãi suất giữa hai đồng tiền (CCS) nên được ghi nhận vào sổ kinh doanh thay vì sổ ngân hàng	Theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN quy định về tỷ lệ an toàn vốn, chỉ các giao dịch phái sinh có kỳ hạn dưới 1 năm mới được ghi nhận vào sổ kinh doanh. Trong khi đó các giao dịch phái sinh hoán đổi lãi suất giữa hai đồng tiền thường có kỳ hạn trên 1 năm. Kính đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét bỏ quy định này để các giao dịch phái sinh có kỳ hạn hơn một năm được phép ghi nhận vào sổ kinh doanh.	Tiếp tục xử lý BWG và NHNN tổ chức hội thảo về phái sinh với các bên liên quan (ISDA, VNBA..) để trao đổi, tìm hiểu thêm, dự kiến vào Q1/2019
15.	Giao dịch gốc được phép tham gia giao dịch phái sinh lãi suất	1. Trên thực tế giao dịch có trường hợp khách hàng có khoản vay tiền USD lãi suất thả nổi, trước đây do lo ngại biến động lãi suất đồng USD đã sử dụng sản phẩm hoán đổi lãi suất một đồng tiền để chuyển từ lãi suất thả nổi sang lãi suất cố định. Sau đó, tùy thuộc vào thanh khoản của thị trường phái sinh trong nước cũng như biến động về tỷ giá và lãi suất liên quan đến VND, khách hàng có nhu cầu mong muốn thực hiện hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền để phòng ngừa rủi ro tỷ giá và lãi suất của VND. Tuy nhiên, theo quy định của Thông tư 01/2015/TT-NHNN, thì việc sử dụng hợp đồng hoán đổi lãi suất 1 đồng tiền làm chứng từ hợp lệ cho giao dịch hoán đổi tiền tệ hai đồng tiền là không được phép.	Tiếp tục xử lý BWG và NHNN tổ chức hội thảo về phái sinh với các bên liên quan (ISDA, VNBA..) để trao đổi, tìm hiểu thêm, dự kiến vào Q1/2019

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ	KẾT LUẬN & DỰ KIẾN CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI TIẾP THEO
		Đề xuất NHNN sửa đổi yêu cầu về chứng từ hợp lệ để việc triển khai, thực hiện sản phẩm phái sinh được thuận lợi và giúp khách hàng chủ động tham gia phòng ngừa rủi ro tỷ giá và lãi suất theo đúng tinh thần của Thông tư 01/2015/TT-NHNN. 2. Việc các ngân hàng thực hiện các hoạt động kinh doanh truyền thống như nhận tiền gửi, cho vay với các kỳ hạn khác nhau và bằng các loại tiền khác nhau đã tạo ra các rủi ro về lãi suất và tỷ giá cho bảng cân đối kế toán của ngân hàng. Việc sử dụng các giao dịch phái sinh lãi suất để phòng ngừa, hạn chế rủi ro lãi suất trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng, bao gồm các rủi ro phát sinh từ hoặc ngoài bảng cân đối kế toán, là hoạt động bình thường theo thông lệ quốc tế. Việc yêu cầu phương án phòng ngừa, hạn chế rủi ro lãi suất được phê duyệt như quy định hiện nay tại Thông tư 01/2015/TT-NHNN là không thực tiễn vì trên thực tế các ngân hàng luôn luôn phải tuân thủ hàng ngày các quy định về trạng thái ngoại tệ, các giới hạn, quy định tỷ lệ an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng. Trên cơ sở đó, các ngân hàng cũng đã có các quy định nội bộ để kiểm soát các rủi ro về lãi suất và tỷ giá cho các hoạt động của ngân hàng. Qua đó việc thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro phải dựa nhu cầu phát sinh thực tế hàng ngày của khách hàng và các giới hạn hạn mức được cho phép. Yêu cầu này là bước cản lớn nhất đối với sự phát triển của thị trường phái sinh, làm giảm khối lượng giao dịch cũng như tính thanh khoản của thị trường. Ngoài ra, giá cả thị trường biến động rất nhanh, nếu phải chờ viết kế hoạch phòng ngừa rủi ro và xin phê duyệt mới được giao dịch, giá có thể đã thay đổi quá nhiều ở thời điểm Ngân hàng có thể giao dịch được, dẫn đến chi phí bảo hiểm qua cao cho các ngân hàng. Đề xuất bỏ yêu cầu phải có phương án phòng ngừa, hạn chế rủi ro lãi suất được phê duyệt bởi đại diện có thẩm quyền khi ngân hàng thực hiện phòng ngừa rủi ro cho chính các hoạt động phát sinh trên bảng cân đối kế toán của ngân hàng. Kính đề nghị NHNN cho phép các ngân hàng được chủ động thực hiện sản phẩm phái sinh lãi suất để phòng ngừa, hạn chế rủi ro lãi suất, tỷ giá phát sinh trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng để đảm bảo hoạt	

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ	KẾT LUẬN & DỰ KIẾN CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI TIẾP THEO
16.	Thực hiện giao dịch hoán đổi lãi suất giữa hai đồng tiền (CCS) với kỳ hạn ngắn hơn kỳ hạn trong giao dịch gốc	động an toàn và hiệu quả. Thanh khoản của thị trường, chi phí phòng ngừa rủi ro là những tiêu chí quan trọng để khách hàng quyết định thực hiện giao dịch phái sinh đặc biệt liên quan đến VND. Thị trường phái sinh của Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn sơ khai với thanh khoản thấp đặc biệt cho các kỳ hạn dài, dẫn đến khách hàng có thể không thực hiện được việc phòng ngừa rủi ro do không có thị trường (ví dụ khách hàng có thể không thực hiện được giao dịch CCS kỳ hạn 10 năm cho khoản vay 10 năm do không có thị trường CCS cho kỳ hạn này). Một giải pháp trong trường hợp này là khách hàng có thể thực hiện phòng ngừa rủi ro bằng cách tham gia một hợp đồng CCS với kỳ hạn ngắn hơn mà thị trường có thể đáp ứng được. Khi đến hạn tất toán hợp đồng, căn cứ theo Thông tư 01/2015/TT-NHNN, khách hàng không có chứng từ hợp lệ để thực hiện thanh toán trao đổi vốn gốc. Khi đó, khách hàng sẽ có thể tiếp tục gia hạn hợp đồng/ký hợp đồng mới thêm một kỳ hạn hoặc có thể sẽ quyết định chấm dứt hợp đồng CCS (nếu điều kiện thị trường không thuận lợi cho khách hàng) và thanh toán khoản MTM (đánh giá lại lãi/lỗ theo thị trường) phát sinh như đề xuất ở Mục số 23 dưới đây. Để giúp phát triển thị trường phái sinh trong nước, xin đề xuất NHNN xem xét cho phép khách hàng thực hiện hợp đồng CCS với kỳ hạn ngắn hơn kỳ hạn của giao dịch gốc và thanh toán khoản MTM để giúp khách hàng bảo hiểm rủi ro.	Tiếp tục xử lý BWG và NHNN tổ chức hội thảo về phái sinh với các bên liên quan (ISDA, VNBA..) để trao đổi, tìm hiểu thêm, dự kiến vào Q1/2019
17.	Quy định yêu cầu các ngân hàng khi tham gia hoạt động phái sinh lãi suất phải đảm bảo tổng lỗ ròng phát sinh từ hoạt động kinh doanh, cung ứng và sử dụng sản phẩm phái sinh lãi suất	Quy định này có thể hiểu là với toàn bộ danh mục các giao dịch phái sinh còn hiệu lực của một ngân hàng, tổng lãi đã trả ra – tổng lãi đã nhận về không được vượt quá 5% vốn cấp 1 của ngân hàng, số lãi này phải được tính từ ngày bắt đầu giao dịch cho đến thời điểm hiện tại. Việc thực hiện quy định này đã gây ra nhưng khó khăn nhất định cho các ngân hàng trong việc xây dựng và phát triển thị trường phái sinh liên quan đến VND vì chênh lệch lãi suất giữa VND và các ngoại tệ khác là khá lớn. Ví dụ trong trường hợp giao dịch hoán đổi tiền tệ chéo trong đó ngân hàng nhận về lãi suất USD theo Libor và trả ra lãi suất VND cố định (thông thường cao hơn lãi suất Libor). Với chênh lệch lãi suất giữa 2 đồng tiền là	Tiếp tục xử lý BWG và NHNN tổ chức hội thảo về phái sinh với các bên liên quan (ISDA, VNBA..) để trao đổi, tìm hiểu thêm, dự kiến vào Q1/2019

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ	KẾT LUẬN & DỰ KIẾN CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI TIẾP THEO
	không được vượt quá 5% vốn cấp 1 của ngân hàng (Điều 12, Thông tư 01/2015/TT-NHNN)	5%, để tuân thủ quy định trên thì tổng giá trị khối lượng giao dịch tính theo vốn gốc tối đa mà ngân hàng chỉ được phép thực hiện sẽ bị hạn chế tùy theo kỳ hạn của giao dịch: 100% vốn ngân hàng với kỳ hạn 1 năm và 20% vốn của ngân hàng với kỳ hạn 5 năm mặc dù về quản trị rủi ro lãi suất các ngân hàng đã thực hiện các sản phẩm khác như đầu tư trái phiếu, cho khách hàng vay bằng VND để cân bằng rủi ro. Quy định trên là một rào cản và không khuyến khích khách hàng và ngân hàng tham gia thị trường phái sinh để giảm thiểu rủi ro tỷ giá và lãi suất nhằm tăng thanh khoản và phát triển thị trường Đề xuất NHNN xem xét bỏ quy định này nhằm tạo thuận lợi cho thị trường phái sinh phát triển, tăng thanh khoản cho thị trường và giúp chi phí phòng ngừa rủi ro trở nên hợp lý hơn cho khách hàng. Về mục tiêu quản trị rủi ro các giới hạn an toàn vốn, vấn đề này đã được quy định trong Thông tư 36/2014/TT-NHNN, Thông tư 06/2016/TT-NHNN và Thông tư 41/2016/TT-NHNN theo chuẩn Basel II.	
18.	Quản lý trạng thái ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch phát sinh và các giao dịch phái sinh đối ứng	Thông tư 07/2012/TT-NHNN quy định về trạng thái ngoại tệ của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 07”). Tuy nhiên hướng dẫn về hạch toán trạng thái ngoại tệ phát sinh từ giao dịch phái sinh chưa được hướng dẫn cụ thể đặc biệt khi việc sử dụng sản phẩm ngoại hối giao ngay, kỳ hạn hay hoán đổi ngoại hối để phòng ngừa cho các giao dịch phái sinh vì có những giao dịch phái sinh không có trao đổi vốn gốc đầu kỳ do khoản vay đã được giải ngân và sử dụng trước khi thực hiện sản phẩm phái sinh phòng ngừa rủi ro tỷ giá và lãi suất. Việc hướng dẫn tính trạng thái ngoại tệ tạo ra từ hoạt động phái sinh tiền tệ cũng theo thông lệ quốc tế vì cách tính này phản ánh chính xác và trung thực trạng thái ngoại tệ thực tế của ngân hàng. Hơn nữa, việc báo cáo chính xác và trung thực trạng thái ngoại tệ từ các ngân hàng cũng giúp NHNN có được số liệu thống kê chính xác và tin cậy để NHNN có thể ra các quyết sách điều hành chính xác và hợp lý trong hoạt động quản lý ngoại hối.	Tiếp tục xử lý BWG và NHNN tổ chức hội thảo về phái sinh với các bên liên quan (ISDA, VNBA..) để trao đổi, tìm hiểu thêm, dự kiến vào Q1/2019

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ	KẾT LUẬN & DỰ KIẾN CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI TIẾP THEO
19.	Bù trừ trong các giao dịch qua phái sinh	BWG hiện đang có một số vướng mắc liên quan đến vấn đề bù trừ trong các giao dịch qua ISDA. Cụ thể: - Các ngân hàng hiện đang thực hiện theo Basel 2 và Basel 3 và phí lãi suất đang được áp cho các giao dịch phái sinh. Theo lộ trình, Việt Nam sẽ thực hiện Basel 2 đến hết 2020 - Chi phí lãi suất này đối với các quốc gia không được công nhận về quyền bù trừ (unrecognized netting jurisdiction) là rất lớn và hiện Trung Quốc và Indonesia đã có lộ trình áp dụng thanh toán bù trừ để làm giảm chi phí lãi suất và thúc đẩy các hoạt động của thị trường phái sinh - BWG đã làm việc với ISDA. Nhóm đề xuất NHNN lập tổ công tác và tổ chức hội thảo tham vấn/ họp giữa BWG, ISDA, NHNN, ADB và các bộ ngành liên quan (bao gồm Bộ Tư pháp với Luật Phá sản).	Tiếp tục xử lý BWG và NHNN tổ chức hội thảo về phái sinh với các bên liên quan (ISDA, VNBA..) để trao đổi, tìm hiểu thêm, dự kiến vào Q1/2019
20.	Thu phí cam kết Thông tư 39/2016/TT-NHNN	Thu phí cam kết Kính đề nghị NHNN hướng dẫn thêm về thời điểm thu phí cam kết.	Tiếp tục xử lý
21.	Thứ tự thu nợ gốc và lãi tiền vay Thông tư 39/2016/TT-NHNN	Điều 18.4 và Điều 20 Điều 18.4 Thông tư 39 quy định đối với khoản vay bị quá hạn trả nợ của khách hàng cá nhân, tổ chức tín dụng thực hiện theo thứ tự nợ gốc thu trước, nợ lãi tiền vay thu sau. Về việc thực hiện Điều 18.4 này, các ngân hàng có khó khăn như sau: Với cách thu nợ gốc bị quá hạn trước, khách hàng có thể chọn cách chỉ trả phần nợ gốc bị quá hạn mà không trả khoản nợ lãi. Khoản nợ lãi quá hạn này không bị chuyển thành nợ quá hạn theo Điều 20 Thông tư 39 nên lịch sử tín dụng của khách hàng sẽ không bị ảnh hưởng (khách hàng sẽ không bị nợ xấu). Với các khoản vay tín chấp, điều đó đồng nghĩa với việc ngân hàng sẽ rất khó khăn trong việc thu hồi khoản nợ lãi và có thể sẽ không thu hồi được khoản nợ lãi này. Kính đề xuất NHNN hướng dẫn thêm.	Tiếp tục xử lý
22.	Điều 5.3 Thông tư	Điều 5.3 quy định a) Tuyến bảo vệ thứ nhất có chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm	Tiếp tục xử lý

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ	KẾT LUẬN & DỰ KIẾN CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI TIẾP THEO
	13/2018/TT-NHNN	thiếu rủi ro do các bộ phận sau thực hiện: (i) Các bộ phận kinh doanh (bao gồm bộ phận phát triển sản phẩm), các bộ phận có chức năng tạo ra doanh thu khác; các bộ phận có chức năng thực hiện các quyết định có rủi ro. Vướng mắc: Từ quy định trên chúng tôi hiểu rằng trong trường hợp có sự khác biệt về quan điểm giữa bộ phận kinh doanh và bộ phận tuân thủ liên quan đến vấn đề tuân thủ quy định địa phương của một giao dịch kinh doanh, quyết định cuối cùng sẽ là của bộ phận kinh doanh – là bộ phận có chức năng thực hiện các quyết định rủi ro như nêu ở trên. Kính đề nghị Ngân hàng Nhà nước xác nhận cách hiểu này là đúng. Trong trường hợp như vậy thì có vấn đề gì về sự không đảm bảo tính độc lập và tránh xung đột lợi ích trong việc phê duyệt rủi ro tuân thủ không? Điều 18. C. “Hỗ trợ các bộ phận liên quan trong việc xây dựng, rà soát quy định nội bộ đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật”. Vướng mắc: Quy định này gây ra cách hiểu bộ phận tuân thủ hỗ trợ xây dựng rà soát quy định nội bộ đảm bảo tuân thủ <u>mọi</u> quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trên thực tế, bộ phận tuân thủ có thể chỉ chịu trách nhiệm về tuân thủ những lĩnh vực theo quy định nội bộ của ngân hàng, không bao gồm những lĩnh vực có chuyên môn kỹ thuật khác như Thuế, Tài chính, Nhân sự, tội phạm tài chính và một số lĩnh vực khác. Kính đề nghị NHNN hướng dẫn thêm.	
23.	Nghĩa vụ rà soát các giao dịch thông tin/giao dịch của các tổ chức, cá nhân theo quy định liên quan.	1. Việc thực hiện rà soát các giao dịch tiền đồng trong nước đối với các tổ chức, cá nhân trong danh sách đen theo Luật PCRT số 07/2012/QH13 và các tổ chức, cá nhân theo thông báo trừng phạt của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, thông báo trừng phạt đơn phương của Hoa Kỳ	Tiếp tục xử lý

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ	KẾT LUẬN & DỰ KIẾN CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI TIẾP THEO
		Vấn đề: Luật Phòng chống rửa tiền Điều 33 về Trì hoãn giao dịch quy định “1. Đối tượng báo cáo phải áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch khi các bên liên quan tới giao dịch thuộc danh sách đen hoặc có lý do để tin rằng giao dịch được yêu cầu thực hiện có liên quan đến hoạt động phạm tội và phải báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.” Nghị định 122/2013/ND-CP, Điều 8. Phong tỏa tài khoản, niêm phong, tạm giữ, xử lý tiền, tài sản liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố được phát hiện thông qua hoạt động tài chính hoặc hoạt động kinh doanh ngành nghề phi tài chính quy định “1. Tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, làm rõ ngay khi có nghi ngờ giao dịch của khách hàng có liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố. Trường hợp phát hiện tiền, tài sản liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố thì phải thực hiện ngay việc tạm ngừng lưu thông, phong tỏa toàn bộ tiền, tài sản đó; đồng thời, phải báo cáo ngay bằng văn bản, kèm theo các tài liệu có liên quan cho Giám đốc Công an cấp tỉnh để xem xét, quyết định” Để đáp ứng các quy định nêu trên của pháp luật, các ngân hàng/tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phải thực hiện rà soát trước khi thiết lập quan hệ và rà soát tất cả các giao dịch trước khi thực hiện bao gồm cả các giao dịch chuyển tiền qua biên giới và chuyển tiền trong nước. Khó khăn và các ảnh hưởng đến hệ thống ngân hàng : - Do số lượng giao dịch chuyển tiền trong nước bằng tiền đồng giữa các ngân hàng /tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán là rất lớn. Tùy quy mô từng ngân hàng số lượng giao dịch chuyển tiền trong nước bằng tiền đồng có thể từ vài nghìn đến vài trăm nghìn giao dịch ngày. - Do thông tin về các đối tượng nêu trong danh sách đen công bố bởi Bộ công an còn hạn chế (ví dụ chỉ cung cấp năm sinh, không có ngày	

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ	KẾT LUẬN & DỰ KIẾN CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI TIẾP THEO
		tháng, chỉ cung cấp quốc gia nơi đối tượng đang sinh sống chứ không có địa chỉ cụ thể đường phố, không cung cấp số chứng minh nhân dân, số hộ chiếu, quốc tịch vv, đối với những tên tiếng Việt thì việc trùng tên trong tiếng Việt rất dễ xảy ra) nên hệ thống rà soát sẽ đưa ra rất nhiều các cảnh báo giả. Điều này dẫn đến việc các giao dịch chuyển tiền sẽ bị chặn không được xử lý cho đến khi giao dịch được xác minh và xác nhận là giao dịch không liên quan đến các đối tượng nằm trong danh sách đen. - Việc rà soát, sàng lọc để xác nhận giao dịch chuyển tiền không liên quan đến đối tượng nằm trong danh sách đen sẽ khiến các ngân hàng/tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán không đảm bảo tuân thủ quy định tại điều 8 Thông tư 46/2014/TT-NHNN về dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt đối với yêu cầu hạch toán vào tài khoản thanh toán của bên trả tiền/bên thụ hưởng trong vòng 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận ủy nhiệm chi/lệnh chuyển tiền. - Việc triển khai các bước sàng lọc xác minh sẽ ngay lập tức hạn chế các dịch vụ ngân hàng cung cấp dịch vụ trực tuyến STP. - Mỗi giao dịch chuyển tiền được xử lý ít nhất bởi 2 tổ chức tín dụng (ngân hàng chuyển và ngân hàng nhận tiền) và trong đa số trường hợp, giao dịch sẽ được chuyển qua/xử lý bởi Ngân hàng Nhà nước (qua hệ thống Citad). Nếu mỗi ngân hàng/mỗi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (kể cả Ngân hàng Nhà nước) đều tiến hành sàng lọc và đều phải xác minh cảnh báo giả trước khi chuyển tiền thì thời lượng để xử lý một giao dịch trong ngành ngân hàng sẽ bị kéo dài (nhân 2 hoặc nhân 3) và sẽ tiêu tốn nguồn lực không nhỏ trong xã hội. Trên cơ sở cân nhắc thực tiễn: Tất cả các ngân hàng /tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán trong hệ thống đã và đang - Rà soát dữ liệu khách hàng: thời điểm Ngân hàng Nhà nước/Bộ Công an ban hành danh sách đen (trên toàn bộ dữ liệu khách hàng hiện có), rà soát tại thời điểm thiết lập quan hệ với khách hàng mới,	

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ	KẾT LUẬN & DỰ KIẾN CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI TIẾP THEO
		rà soát thường xuyên toàn bộ dữ liệu khách hàng. Điều này đảm bảo không có đối tượng nằm trong danh sách đen mở tài khoản/duy trì tại các ngân hàng và các tổ chức tín dụng tại Việt nam. - Tại các nước trên thế giới như Úc, Mỹ, Singapore, Nhật vv, cơ quan quản lý cũng không yêu cầu các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phải thực hiện sàng lọc đối với các giao dịch trong nước bằng tiền nội tệ 2. Hướng dẫn về việc thực hiện sàng lọc bí danh của các tổ chức, cá nhân trong danh sách đen theo Luật PCRT số 07/2012/QH13 Chúng tôi hiểu rằng yêu cầu sàng lọc chỉ được áp dụng đối với tên đầy đủ (họ và tên) của các cá nhân trong danh sách đen và không áp dụng đối với bí danh nhất là những bí danh có quá ít ký tự hoặc những bí danh bao gồm những ký tự số của các đối tượng này. Các bí danh này chỉ được dùng để cung cấp thêm thông tin trong trường hợp rà soát, sàng lọc mà thôi. Đây cũng là thông lệ quốc tế được áp dụng tại các quốc gia phát triển, ví dụ như ở Mỹ. Luật pháp Mỹ cũng không yêu cầu cụ thể liên quan đến việc rà soát bí danh (weak alias) mà các tổ chức tín dụng tự chủ động thực hiện rà soát bí danh cụ thể thế nào, đến mức nào phù hợp với khẩu vị rủi ro, quy mô của ngân hàng mình. 1. Kiến nghị: Để đảm bảo quy định của Ngân hàng Nhà nước phù hợp với thực tiễn thanh toán của ngành ngân hàng tại thời điểm hiện tại và đảm bảo tính khả thi triển khai tuân thủ trong ngành ngân hàng, kính đề nghị - Ngân hàng Nhà nước cho phép các ngân hàng/tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán chỉ thực hiện rà soát các giao dịch chuyển tiền trong nước bằng tiền đồng dưới hình thức nộp tiền mặt qua quầy vì đối với hình thức chuyển khoản qua tài khoản thì cả người hưởng và người chuyển tiền đã được rà soát bởi ngân hàng mở tài khoản. - Ngân hàng Nhà nước có văn bản hướng dẫn các ngân hàng thương mại	

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ	KẾT LUẬN & DỰ KIẾN CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI TIẾP THEO
		trong việc xử lý cảnh báo giả, hoặc cho phép các ngân hàng được chủ động đưa ra các ngưỡng sàng lọc /logic sàng lọc phù hợp với khẩu vị rủi ro, quy mô và tính chất hoạt động của từng ngân hàng. 2. Kính đề nghị Cục PCRT, Ngân hàng Nhà nước xem xét, xác nhận cách hiểu trên đây của chúng tôi là đúng hoặc đưa ra hướng dẫn cụ thể cho phép các ngân hàng tự chủ động thực hiện quyết định rà soát bí danh tùy theo quy mô, tính chất hoạt động của mỗi ngân hàng.	
24.	Đề xuất về Thay đổi cách phân loại “thông tin khách hàng” vào danh mục bí mật nhà nước. Nghị định 117/2018/NĐ-CP về việc giữ bí mật, lưu trữ và cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi và tài sản của khách hàng thay thế NĐ 70 Quyết định 45/2007/QĐ-NHNN Điều 14, Luật các TCTD	Theo thông tin công bố của NHNN dưới đây: tiết lộ thông tin khách hàng theo Luật tổ chức tín dụng trừ các trường hợp sau đây: Thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước, thông tin được cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước, Luật các TCTD, thông tin được cung cấp phục vụ mục đích phòng, chống rửa tiền, phòng chống khủng bố theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng chống khủng bố. Việc giữ bí mật, cung cấp những thông tin này được thực hiện theo quy định tại Pháp lệnh số 30/2000/PL-UBTVQH10 ngày 28/12/2000 bảo vệ bí mật Nhà nước và Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28 tháng 03 năm 2002 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh bảo vệ bí mật Nhà nước. <u>“1. Về phạm vi điều chỉnh:</u> <i>Khoản 3 Điều 14 Luật các TCTD năm 2010 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 (Luật các TCTD) quy định tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi, các giao dịch của khách hàng tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng. Do đó, NHNN đã xây dựng Nghị định theo hướng chỉ quy định về phạm vi thông tin khách hàng, giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng (thẩm quyền, trình tự, thủ tục) để TCTD, chi nhánh</i>	Tiếp tục xử lý

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ	KẾT LUẬN & DỰ KIẾN CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI TIẾP THEO
		Ngân hàng nước ngoài, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho khách hàng và TCTD, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài và <u>không áp dụng đối với các trường hợp sau đây</u>: Thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước, thông tin được cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước, Luật các TCTD, thông tin được cung cấp phục vụ mục đích phòng, chống rửa tiền, phòng chống khủng bố theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng chống khủng bố. Việc giữ bí mật, cung cấp những thông tin này được thực hiện theo quy định tại Pháp lệnh số 30/2000/PL-UBTVQH10 ngày 28/12/2000 bảo vệ bí mật Nhà nước và Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28 tháng 03 năm 2002 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh bảo vệ bí mật Nhà nước.” Kính đề xuất NHNN hướng dẫn thêm liệu thông tin trên có được coi là cơ sở pháp lý chính thức để tạo thành kết luận trên hay các Quyết định và Văn bản pháp luật có liên quan vẫn cần được sửa đổi, đặc biệt là Quyết định 45 và 24 của NHNN và Quyết định 151/2003 / QĐ -BCA ngày 11/3/2003 của Bộ Công an. BWG sẽ gửi thư tới Bộ Công an đề nghị loại trừ thông tin khách hàng khỏi bí mật nhà nước liên quan tới việc sửa đổi Quyết định 151 và NHNN có thể sửa đổi Quyết định 24 và 45 phù hợp	
III – NHỮNG VẤN ĐỀ ĐÃ ĐƯỢC XỬ LÝ			
25.	Thông tư 18/2018/TT-NHNN Điều 12.2b Tổ chức nguồn nhân lực	“2. Tổ chức quản lý trực tiếp hệ thống thông tin mức độ 2 trở lên thực hiện: b) Thành lập hoặc chỉ định bộ phận chuyên trách để quản lý vận hành trung tâm Điều hành an ninh mạng đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 46 Thông tư này (không áp dụng với chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, tổ chức tín dụng phi ngân hàng);” Đề nghị NHNN hướng dẫn có bắt buộc bộ phận chuyên trách này phải ở Việt	Đã xử lý

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ	KẾT LUẬN & DỰ KIẾN CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI TIẾP THEO
		Nam hay có thể đặt ở nước ngoài theo mô hình quản lý tập trung của ngân hàng mẹ?	
26.	Việc triển khai OTP cho từng giao dịch đơn/chỉ thị thanh toán đơn Quyết định 630/QĐ-NHNN Phụ lục 02: Các giải pháp xác thực giao dịch trực tuyến ... Khi thực hiện giao dịch thanh toán trực tuyến, hệ thống ngân hàng trực tuyến tạo ra một mã giao dịch thông báo cho khách hàng Khách hàng nhập mã giao dịch vào Soft OTP để phần mềm tạo ra mã OTP Sau đó khách hàng nhập mã OTP trên giao diện thanh toán trực tuyến để hoàn thành giao dịch thanh toán.	BWG kính mong Quý NHNN trả lời một số giải đáp thắc mắc như sau: - Đối với chỉ thị thanh toán theo gói (khách hàng gửi 01 chỉ thị thanh toán qua internet banking, trong chỉ thị thanh toán này thì bao gồm nhiều giao dịch thanh toán đơn. Ví dụ như thanh toán lương của công ty cho nhân viên hoặc nhiều bên bán hàng...) thì mỗi giao dịch đơn trong chỉ thị thanh toán gói đó có cần phải thực hiện các biện pháp xác thực theo Quyết định 630 hay không? - Đối với hình thức phê duyệt theo gói cho chỉ thị thanh toán đơn (khách hàng gộp nhiều chỉ thị thanh toán đơn lại và chỉ tiến hành phê duyệt 01 lần duy nhất) thì mỗi chỉ thị thanh toán đơn theo hình thức phê duyệt theo gói có cần phải thực hiện các biện pháp xác thực theo Quyết định 630 hay không? Hiện tại, hầu hết các ngân hàng đều chỉ có thể thực hiện biện pháp xác thực 01 lần cho lệnh thanh toán gói/phê duyệt theo gói. Việc thực hiện xác thực với mỗi giao dịch đơn/chỉ thị thanh toán đơn sẽ gây khó khăn cho khách hàng trong việc sử dụng, cũng như khó khăn về kỹ thuật cho ngân hàng trong việc triển khai OTP cho từng giao dịch đơn/chỉ thị thanh toán đơn. Ngoài ra, việc thực hiện như vậy cũng không phù hợp với cách các ngân hàng trên thế giới đang thực hiện. Kính mong Quý NHNN có hướng dẫn cho các thắc mắc nêu trên của chúng tôi. Đồng thời chúng tôi đề xuất được phép thực hiện giải pháp xác thực 01 lần cho lệnh thanh toán gói/phê duyệt theo gói.	Đã xử lý

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ	KẾT LUẬN & DỰ KIẾN CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI TIẾP THEO
27.	Các giấy tờ cần thiết yêu cầu khách hàng cung cấp khi cấp lại thẻ ghi nợ Thông tư 26/2017/TT-NHNN, sửa đổi bổ sung Thông tư 19/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động thẻ ngân hàng	1. Trên thực tế, đa số các trường hợp người nước ngoài lần đầu vào Việt Nam chỉ được cấp Visa/ Thẻ tạm trú với thời hạn 12 tháng và với thời hạn này, họ đã thỏa điều kiện là người cư trú theo quy định quản lý ngoại hối. Khi các khách hàng này nộp hồ sơ xin cấp thẻ (đa số là thẻ ghi nợ) thì thời hạn cư trú sẽ không thể đủ 12 tháng. Thông tư 26 không quy định cụ thể điều kiện thời hạn được phép cư trú cho người nước ngoài khi cấp thẻ là 12 tháng còn lại kể từ ngày mở thẻ. Kính đề nghị Quý NHNN xem xét và xác nhận cách áp dụng quy định trên của chúng tôi khi cấp thẻ cho người nước ngoài, ngân hàng sẽ căn cứ vào thời hạn được phép cư trú của họ từ 12 tháng trở lên được ghi nhận trên visa/thẻ tạm trú/thẻ thường trú. Trường hợp thời hạn cư trú trên visa/thẻ tạm trú/thẻ thường trú ít hơn 12 tháng, khách hàng sẽ phải cung cấp thêm các chứng từ khác (giấy phép lao động, hợp đồng lao động, xác nhận nhân sự, ...) để xác minh thời hạn cư trú. Cách áp dụng này nhằm đơn giản hóa các thủ tục ngân hàng cho khách hàng và khuyến khích việc thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế. Kính đề nghị Quý NHNN xem xét và xác nhận cách áp dụng này nhằm đơn giản hóa các thủ tục ngân hàng cho khách hàng 2. Đối với trường hợp cấp lại thẻ cho người nước ngoài khi bị mất thẻ, thẻ bị giả mạo, thẻ bị hư hại, đây là trường hợp “bất khả kháng” và khách hàng đã thỏa điều kiện được phát hành thẻ trước đó nên chúng tôi đề nghị không yêu cầu khách hàng cung cấp lại toàn bộ giấy tờ để xác minh thời hạn cư trú. Ngân hàng sẽ chịu trách nhiệm đánh giá và kiểm soát việc cấp lại thẻ cho những đối tượng này.	Đã xử lý
28.	Yêu cầu ĐVCNT mở tài khoản thanh toán tại TCTTT để nhận thanh toán từ việc	Thông tư 26/2017/TT-NHNN bổ sung điểm e vào khoản 3 Điều 22 của Thông tư 19/2016/TT-NHNN trong đó yêu cầu ĐVCNT mở tài khoản thanh toán tại TCTTT để nhận thanh toán từ việc chấp nhận thẻ. Trước khi thông tư 26/2017/TT-NHNN thì ĐVCNT chỉ cần ký Hợp đồng	Đã xử lý

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ	KẾT LUẬN & DỰ KIẾN CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI TIẾP THEO
	chấp nhận thẻ Thông tư 26/2017/TT-NHNN, sửa đổi bổ sung Thông tư 19/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động thẻ ngân hàng	thanh toán thẻ với TCTTT và có thể yêu cầu TCTTT chuyển các khoản tiền thu được từ các dịch vụ chấp nhận thẻ vào tài khoản thanh toán của ĐVCNT mở tại bất kỳ ngân hàng cung cấp dịch vụ thanh toán trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đánh giá của chúng tôi, yêu cầu mới có những tác động sau đây: (i) Hạn chế việc phát triển và tiếp cận phương thức không dùng tiền mặt của các ĐVCNT (ii) Hạn chế khả năng kết nối, tận dụng điểm mạnh giữa các ngân hàng TCTTT và các ngân hàng không / chưa có dịch vụ chấp nhận thanh toán nhưng lại có lượng lớn khách hàng doanh nghiệp có nhu cầu chấp nhận thanh toán thẻ để cùng nhau đẩy mạnh không dùng tiền mặt, đẩy mạnh chất lượng dịch vụ ngân hàng, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp (iii) Việc mở thêm tài khoản không những khiến doanh nghiệp phải gánh chịu thêm các khoản chi phí liên quan đến việc duy trì tài khoản mới tại TCTTT, mà còn ảnh hưởng đến việc quản lý dòng tiền hiệu quả, quản lý rủi ro của doanh nghiệp. Kính đề nghị Quý NHNN xem xét bỏ yêu cầu này để ĐVCNT được quyền tự do lựa chọn ngân hàng mở tài khoản thanh toán để nhận thanh toán thẻ từ TCTTT, và thông qua đó sẽ đẩy mạnh được thanh toán không dùng tiền mặt, đẩy mạnh hợp tác và tận dụng nguồn lực giữa các ngân hàng và đáp ứng các yêu cầu quản lý dòng tiền của doanh nghiệp (đặc biệt các doanh nghiệp FDI).	

BẢNG 2: CÁC VẤN ĐỀ CẦN SỰ PHỐI HỢP CỦA CÁC BỘ NGÀNH KHÁC

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ	DỰ KIẾN CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI TIẾP THEO
NHÓM 4: CÁC VẤN ĐỀ CÓ LIÊN QUAN THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BỘ, NGÀNH KHÁC			
29.	Đơn giản hóa việc kiểm tra chứng từ trong các giao dịch ngoại hối	Tại cuộc họp kỹ thuật tháng 5/2018, NHNN ghi nhận ý kiến của BWG và xác nhận các quy định ngoại hối không quy định cụ thể mức độ kiểm tra chứng từ. BWG làm việc với Bộ Tư pháp và Tòa án làm rõ trách nhiệm của ngân hàng và các bên liên quan. BWG đã gửi công văn đề xuất làm việc với Bộ Tư pháp. Bộ Tư pháp phản hồi qua công văn rằng vấn đề này thuộc thẩm quyền của NHNN. NHNN phối hợp theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xác định bản chất của hoạt động này để từ đó xem xét thẩm quyền, trách nhiệm của các bộ, ngành liên quan. Đề nghị BWG tiếp tục phối hợp cung cấp thêm thông tin để các Bộ, ngành có thêm cơ sở đề xuất định hướng xử lý đối với vấn đề này.	Tiếp tục phối hợp xử lý BWG đang tích cực phối hợp với VNBA, khuyến khích áp dụng Danh sách này như Bộ kiểm tra tiêu chuẩn trong ngành. BWG sẽ tiếp tục làm việc với Tòa án.
30.	Các sản phẩm quản lý dòng tiền	Liên quan đến nội dung về điều chuyển vốn trong nội bộ các công ty thuộc tập đoàn, ngày 10/4/2018, Văn phòng Chính phủ có văn bản số 976/VPVP-KTTH về việc kết quả kiểm tra đối với Công ty CP Xây dựng FLC Faros gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong đó Thủ tướng Chính phủ có chỉ đạo: “<u>Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ: Tư pháp, Tài chính, NHNN nghiên cứu các kiến nghị, đề xuất của Bộ Tài chính tại công văn 151/BTC-TTr, chủ động đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động ủy thác đầu tư, hợp đồng hợp tác kinh doanh, hoán đổi cổ phần giữa các công ty cổ phần chưa phải là công ty đại chúng ...</u>”. Như vậy, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã được Thủ tướng Chính phủ giao làm đầu mối, phối hợp với các đơn vị (trong đó có NHNN) để hoàn thiện khuôn khổ pháp lý điều chỉnh hoạt động ủy thác đầu tư, hợp đồng hợp tác kinh doanh của các cá nhân, tổ chức không phải là TCTD.	Tiếp tục phối hợp xử lý BWG sẽ tiếp tục làm việc với Bộ Kế hoạch và đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ tư pháp và NHNN để xác định thẩm quyền liên quan tại cuộc họp cuối tháng 11/2018. Cập nhật: Tại cuộc họp liên bộ, các Bộ ngành đã ghi nhận vấn đề và sẽ tiếp tục phối hợp cùng BWG trong thời gian tới.

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ	DỰ KIẾN CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI TIẾP THEO
31.	Vấn đề về phê duyệt kép về kênh giao dịch Host to Host và E-Portal . Thông tư 23/32 về mở và sử dụng tài khoản, . Thông tư 46/2014/TT-NHNN về thanh toán không dùng tiền mặt . Luật Kế toán . Quyết định 1789 về chế độ chứng từ kế toán ngân hàng	Tại cuộc họp kỹ thuật tháng 5/2018, NHNN đề xuất BWG làm việc với Bộ tài chính về Luật kế toán và chứng từ kế toán. . BWG đã trực tiếp làm việc với Bộ Tài chính và NHNN tại cuộc họp tháng 7/2018. Theo đó, tại cuộc họp, NHNN và Bộ Tài chính nêu quan điểm rằng: Luật Kế toán cũng như các văn bản pháp lý hiện hành đưa ra các quy định chung, trong đó một số quy định trên cơ sở có tính nguyên lý trên giấy sau đó áp dụng trên môi trường điện tử, và chưa thực sự phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn, cần nghiên cứu sửa đổi. - Bộ Tài chính ghi nhận vấn đề nêu lên bởi BWG và tiếp tục nghiên cứu tháo gỡ. - Các trường không thể thể hiện được trong môi trường điện tử: BWG và các bộ liên quan phối hợp sửa quy định về giao dịch điện tử (Nghị định/Luật GDĐT) vì hiện các quy định hiện hành vẫn yêu cầu thể hiện các thông số như trên chứng từ giấy Kính đề xuất NHNN hướng dẫn thêm.	Tiếp tục phối hợp xử lý
32.	Số tiền thanh toán bằng chữ trên ủy nhiệm chi . Thông tư 46/2014/TT-NHNN hướng dẫn về dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt	BWG đã làm việc với Bộ Tài chính về Luật kế toán và chứng từ kế toán BWG đã trực tiếp làm việc với Bộ Tài chính và NHNN tại cuộc họp tháng 7/2018. Theo đó, tại cuộc họp, NHNN và Bộ Tài chính nêu quan điểm rằng: Luật Kế toán cũng như các văn bản pháp lý hiện hành đưa ra các quy định chung, trong đó một số quy định trên cơ sở có tính nguyên lý trên giấy sau đó áp dụng trên môi trường điện tử, và chưa thực sự phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn, cần nghiên cứu sửa đổi.	Tiếp tục phối hợp xử lý

STT	VẤN ĐỀ	NỘI DUNG KIẾN NGHỊ	DỰ KIẾN CÁC BƯỚC TRIỂN KHAI TIẾP THEO
	. Quyết định 1789 về Chế độ chứng từ kế toán ngân hàng.	- Bộ Tài chính ghi nhận vấn đề nêu lên bởi BWG và tiếp tục nghiên cứu tháo gỡ. - Các trường không thể thể hiện được trong môi trường điện tử: BWG và các bộ liên quan phối hợp sửa quy định về giao dịch điện tử (Nghị định/Luật GDDT) vì hiện các quy định hiện hành vẫn yêu cầu thể hiện các thông số như trên chứng từ giấy	
33.	Vấn đề về tư cách pháp nhân trong mở và sử dụng tài khoản Thông tư 23/32 về mở và sử dụng tài khoản và Thông tư 02 sửa đổi, bổ sung Thông tư 32	Tại cuộc họp kỹ thuật tháng 5/2018, NHNN đề xuất BWG làm việc với Bộ Tư pháp về Bộ Luật Dân sự vì thông tư 32 quy định theo Bộ luật Dân sự BWG đã gửi công văn đề xuất làm việc với Bộ Tư pháp. Bộ Tư pháp phản hồi qua công văn rằng vấn đề này thuộc thẩm quyền của NHNN. VBF đã tổng hợp ý kiến từ các thành viên liên quan (nhóm công tác, hiệp hội thương mại..vv..) và xin được gửi lại NHNN Kính đề xuất NHNN hướng dẫn thêm về việc BWG/VBF gửi thư tới Thủ tướng Chính phủ.	Tiếp tục phối hợp xử lý

III. PHIÊN 2

**NÂNG CAO KIẾN THỨC PHỤC VỤ
NGÀNH CÔNG NGHIỆP HIỆN ĐẠI**

BÀI PHÁT BIỂU CỦA NHÓM CÔNG TÁC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Trình bày bởi
Ông Brian O'Reilly
Trưởng Nhóm

Kính thưa quý vị,

Những kỹ năng mới cho những công việc mới trong ngành Công nghiệp 4.0 chỉ có thể đạt được bằng một hệ thống giáo dục hiện đại và hướng tới tương lai. Như đã đề cập trong bài trình bày tháng 6 của chúng tôi, việc chuẩn bị nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp 4.0 và những tác động của các công nghệ mới nổi cần được giải quyết tốt để Việt Nam tiếp tục đà phát triển.

Bài trình bày này tập trung vào một số lĩnh vực sau:

- **Luật Giáo dục và Luật Giáo dục Đại học**
- **Nghị định 86**
- **Nghị định 143**
- **Giáo dục kỹ thuật và đào tạo nghề**

Luật Giáo dục Đại học

Các bước trong thủ tục pháp lý để xây dựng các trường đại học tư thục (bao gồm các trường đại học có vốn đầu tư nước ngoài) như sau:

- Xây dựng công ty hợp pháp theo Luật doanh nghiệp, và
- Sau đó xây dựng các trường đại học/cơ sở giáo dục.

Có một số vấn đề nổi bật đang gây nhầm lẫn và không được quy định rõ trong dự thảo luật bao gồm nhưng không giới hạn như tư cách pháp lý của doanh nghiệp đầu tư nước ngoài và cả trường đại học vì cả doanh nghiệp và trường đại học đều có tư cách pháp nhân riêng

Nghị định 86

Đầu tư nước ngoài vào giáo dục và đào tạo rất quan trọng để mang lại những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho Việt Nam. Khoản đầu tư này giúp chuẩn bị nguồn nhân lực hiệu quả cho Công nghiệp 4.0. Các cơ sở nước ngoài này sẽ luôn khuyến khích và hợp tác với các cơ sở Việt Nam đã thích nghi với những thách thức về nhu cầu của nền kinh tế mới.

Chúng tôi xin đề nghị Bộ GD&ĐT tiến hành soạn thảo Thông tư hướng dẫn Nghị định số 86 để cung cấp những hiểu biết rõ ràng về những kỳ vọng đối với các cơ sở giáo dục và những yêu cầu

triển khai cụ thể. Nhiều trường học gặp khó khăn khi làm việc với cơ quan chức năng trong việc sửa đổi giấy phép của họ vì thiếu Thông tư hướng dẫn.

Nghị định 143 - Luật Bảo hiểm Xã hội

Nghị định này hướng dẫn về cách thực thi Luật Bảo hiểm Xã hội. Theo nghị định này, hầu hết người nước ngoài làm việc tại Việt Nam sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Nghị định này có tác động lớn đến nhiều cơ sở giáo dục khi họ sử dụng một số lượng lớn nhân viên nước ngoài. Có một số vấn đề liên quan đến nghị định này và sẽ được đề xuất thông qua các Hiệp hội và Nhóm Công tác để xem xét một kỹ lưỡng và giải quyết một cách thỏa đáng cho tất cả các bên liên quan.

Giáo dục Kỹ thuật và Đào tạo Nghề (TVET)

Luật mới về Giáo dục và Đào tạo nghề là một bước tiến quan trọng trong việc cải thiện TVET ở Việt Nam. Nhiều công việc đã được thực hiện cùng với các cơ quan địa phương và ở nước ngoài, và được tiếp tục hợp tác thông qua Nhóm Công tác phối hợp với Bộ LĐTB&XH sẽ đảm bảo tác động của công việc này hiệu quả hơn.

Chúng tôi muốn đề nghị Bộ LĐTB&XH và Chính phủ chấp thuận Nghị định đã xét duyệt nhằm thay thế cho Nghị định số 48 liên quan đến hoạt động của các trường cao đẳng đầu tư nước ngoài. Nghị định này đã được xét duyệt bởi Chính phủ trong suốt hai năm qua. Tuy nhiên, quá trình đánh giá đã bị kéo dài và đang ảnh hưởng đến hoạt động của tất cả các trường cao đẳng. Tổng cục Dạy nghề không chấp nhận đơn xin chuyển đổi với lý do họ đang chờ sửa đổi Nghị định số 48.

Kết luận

Năng lực của các hệ thống giáo dục Việt Nam để đem lại giáo dục chất lượng cao và đem đến cho sinh viên những kỹ năng mới đáp ứng công việc mới bắt kịp với Công nghệ 4.0 là rất quan trọng. Điều này đòi hỏi một hệ thống giáo dục tốt và sự lãnh đạo mạnh mẽ của Chính phủ Việt Nam và đặc biệt là Bộ GD & ĐT và Bộ LĐTBXH. Các vấn đề nêu ra trong bài viết này nhấn mạnh những lĩnh vực cần phải được cải thiện để làm cho hệ thống giáo dục hiệu quả hơn.

Nhóm Công tác Giáo dục và Đào tạo sẽ tiếp tục hợp tác với Bộ Giáo dục và Bộ LĐTBXH cam kết thúc đẩy giáo dục và đào tạo ở Việt Nam. Chúng tôi mong được chứng kiến sự phát triển và tiến bộ của các vấn đề nêu trên. Một lần nữa cảm ơn VBF đã cho chúng tôi được đóng góp tại diễn đàn này.

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

*Chuẩn bị bởi
Nhóm Công tác Giáo dục và Đào tạo*

TÓM TẮT

Những kỹ năng mới cho những công việc mới trong ngành Công nghiệp 4.0 chỉ có thể đạt được bằng một hệ thống giáo dục hiện đại và hướng tới tương lai. Giáo dục chất lượng, ở mọi cấp độ, vẫn cần thiết cho việc phát triển tương lai của nền kinh tế Việt Nam và khả năng tận dụng các cơ hội sẽ xuất hiện từ Công nghiệp 4.0. Nhóm Công tác Giáo dục và Đào tạo (E&TWG) tiếp tục hỗ trợ cả Bộ Giáo dục & Đào tạo (“Bộ GD&ĐT”) và Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội (“Bộ LĐTB & XH”) trong việc cải thiện tiêu chuẩn giáo dục. Chúng tôi đã đạt được tiến triển trên một số lĩnh vực và đang tiếp tục xác định các lĩnh vực có tiềm năng cải thiện. Báo cáo này tập trung vào một số lĩnh vực sau:

- **Luật Giáo dục và Luật Giáo dục Đại học:** vẫn còn một số khía cạnh khó hiểu về việc thành lập các cơ sở giáo dục tại Việt Nam.
- **Nghị định 86:** Chúng tôi đề nghị Bộ GD&ĐT tiến hành soạn thảo Thông tư hướng dẫn Nghị định số 86.
- **Nghị định 143:** Luật Bảo hiểm Xã hội có tác động đến các tổ chức tại Việt Nam thuê người lao động nước ngoài.
- **Giáo dục kỹ thuật và đào tạo nghề:** Kính đề xuất Chính phủ xét duyệt Nghị định thay thế Nghị định số 48 liên quan đến hoạt động của các trường cao đẳng có vốn đầu tư nước ngoài.

Tóm lại, nền kinh tế Việt Nam cần một lực lượng lao động có năng lực cao với các kiến thức và kỹ năng sẵn sàng cho Công nghiệp 4.0. Nhóm Công tác Giáo dục và Đào tạo, thông qua diễn đàn VBF, sẽ tiếp tục với cam kết hỗ trợ Việt Nam đạt được tiềm năng kinh tế của mình.

GIỚI THIỆU

Những kỹ năng mới cho những công việc mới trong Công nghiệp 4.0 chỉ có thể đạt được bằng một hệ thống giáo dục hiện đại và hướng tới tương lai. Như đã đề cập trong báo cáo trước đây của chúng tôi, việc chuẩn bị nguồn nhân lực có hiệu quả chuẩn bị cho Công nghiệp 4.0 và sự ảnh hưởng của những công nghệ mới xuất hiện cần được giải quyết hiệu quả hơn để Việt Nam tiếp tục thành công cả về kinh tế lẫn xã hội.

Mục đích của báo cáo nhằm phân tích các vấn đề liên quan có ảnh hưởng đến các cơ sở giáo dục và đưa ra các đề xuất. Những vấn đề này có thể có ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng hỗ trợ của các cơ sở giáo dục đối với sự giáo dục của giới trẻ Việt Nam. Điều này rất quan trọng để các sinh viên tốt nghiệp trong tương lai từ các cơ sở giáo dục Việt Nam có những kỹ năng mới cần thiết cho các công việc tương lai trong Công nghiệp 4.0.

Báo cáo này sẽ tập trung vào các lĩnh vực sau:

- Luật Giáo dục Đại học,
- Nghị định 86.
- Nghị định 143 - Luật Bảo hiểm Xã hội có một số khu vực cần được giải quyết vì chúng ảnh hưởng đến việc làm của người lao động nước ngoài. Điều này có liên quan cụ thể đến các cơ sở giáo dục.
- Giáo dục Kỹ thuật và Đào tạo Nghề:

Luật Giáo dục Đại học

Các bước trong thủ tục pháp lý để xây dựng các trường đại học tư thục (bao gồm các trường đại học có vốn đầu tư nước ngoài) như sau:

- i. Xây dựng công ty hợp pháp theo Luật doanh nghiệp, và
- ii. Sau đó xây dựng các trường đại học/cơ sở giáo dục.

Có một số vấn đề nổi bật đang gây nhầm lẫn và không được quy định rõ trong dự thảo luật như sau:

Nhà đầu tư (trong hoặc ngoài nước) thành lập công ty (doanh nghiệp) hợp pháp: Công ty này sẽ có tư cách pháp nhân.

- Sau đó họ sẽ thành lập một trường Đại học: Dự thảo luật hiện hành quy định trường đại học cũng sẽ có tư cách pháp nhân.
- Với các quy định trên, cả doanh nghiệp và trường đại học đều có tư cách pháp nhân riêng. Đây không phải là một hệ thống hiệu quả cả về mặt kinh doanh hay trên quan điểm pháp lý.

Nghị định 86

Việc ban hành Nghị định 86 vào tháng 8 năm 2018 cung cấp những quy định cụ thể về hợp tác và đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo nghề, bao gồm các chương trình đào tạo chung, các tổ chức giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài và văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam. Đầu tư nước ngoài vào giáo dục và đào tạo rất quan trọng để mang lại những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho Việt Nam. Khoản đầu tư này giúp chuẩn bị nguồn nhân lực hiệu quả cho Công nghiệp 4.0. Các cơ sở nước ngoài này sẽ luôn khuyến khích và hợp tác với các cơ sở Việt Nam đã thích nghi với những thách thức về nhu cầu của nền kinh tế mới.

Chúng tôi xin đề nghị Bộ GD&ĐT tiến hành soạn thảo Thông tư hướng dẫn Nghị định số 86 để cung cấp những hiểu biết rõ ràng về những kỳ vọng đối với các cơ sở giáo dục và những yêu cầu

triển khai cụ thể. Nhiều trường học gặp khó khăn khi làm việc với cơ quan chức năng trong việc sửa đổi giấy phép của họ vì thiếu Thông tư hướng dẫn.

Nghị định 143 - Luật Bảo hiểm Xã hội

Nghị định số 143/2018/NĐ-CP đưa ra hướng dẫn về cách thực thi Luật Bảo hiểm Xã hội. Theo nghị định này, người nước ngoài làm việc trong nước có giấy phép lao động, chứng chỉ hành nghề hoặc giấy phép hành nghề do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp và theo hợp đồng lao động lâu dài hoặc hợp đồng có thời hạn từ một năm trở lên sẽ phải theo bảo hiểm xã hội bắt buộc. Nghị định này có tác động lớn đến nhiều cơ sở giáo dục khi họ sử dụng một số lượng lớn người lao động nước ngoài. Có một số vấn đề liên quan đến nghị định này bao gồm, nhưng không giới hạn, những điều sau đây:

- Bảo hiểm xã hội bắt buộc cho nhân viên là người nước ngoài,
- Có một điểm gây hiểu lầm trong Điều 2.2 (a), cụ thể là những nhân viên theo diện điều chuyển nội bộ không bắt buộc phải tham gia hợp đồng lao động tại Việt Nam, do đó, khoản 2.1 không nên được nhắc đến vì mục đích của khoản 2.2 (a).
- Từ ngày 1 tháng 1 năm 2022, các nhân viên người nước ngoài sẽ phải theo chế độ hưu trí và tử tuất, ngoài tình trạng thai sản, bệnh tật và bệnh/ tai nạn nghề nghiệp.
- Việc trả (lương/trợ cấp) một lần cho người nước ngoài nên đơn giản và dễ hiểu.
- Hòa giải giữa Nghị định này với các cam kết thỏa thuận quốc tế của Việt Nam.
- Chi phí bảo hiểm xã hội dành cho nhân viên người nước ngoài.
- Tác động của các thủ tục hành chính.

Đề xuất, liên quan đến các vấn đề với Nghị định 143, đã được gửi qua kênh các phòng thương mại và các nhóm công tác khác và chúng tôi khuyến nghị rằng các vấn đề này được kiểm tra và giải quyết thỏa đáng cho tất cả các bên liên quan.

Giáo dục Kỹ thuật và Đào tạo Nghề (TVET)

Đào tạo kỹ năng nghề và thúc đẩy việc làm là trọng tâm của các mục tiêu phát triển của Chính phủ Việt Nam. Chính phủ cũng muốn điều chỉnh việc đào tạo nghề nhiều hơn để đáp ứng nhu cầu của ngành công nghiệp và công nghệ tiên tiến và tập trung nhiều hơn vào các kỹ năng cần thiết để thực hiện hiệu quả ngành Công nghiệp 4.0. Vì vậy, Chính phủ đang thúc đẩy mở rộng giáo dục và đào tạo nghề với những cải tiến về chất lượng và tập trung vào việc đào tạo dựa trên nhu cầu.

Luật mới về Giáo dục và Đào tạo nghề là một bước tiến quan trọng trong việc cải thiện TVET ở Việt Nam. Nhiều công việc đã được thực hiện cùng với các cơ quan địa phương và ở nước ngoài, và được tiếp tục hợp tác thông qua các tổ công tác hoạt động do Bộ LĐTB&XH phối hợp sẽ đảm bảo tác động của công việc này hiệu quả hơn. Có một số yếu tố của dự thảo nghị định thay thế Nghị định 48 mà chúng tôi muốn nêu ra nhằm xem xét thay đổi.

Chúng tôi muốn đề nghị Bộ LĐTB&XH và Chính phủ chấp thuận Nghị định đã xét duyệt nhằm thay thế cho Nghị định số 48 liên quan đến hoạt động của các trường cao đẳng đầu tư nước ngoài. Nghị định này đã được xét duyệt bởi Chính phủ trong suốt hai năm qua. Tuy nhiên, quá trình đánh giá đã bị kéo dài và đang ảnh hưởng đến hoạt động của tất cả các trường cao đẳng. Tổng cục Dạy nghề không chấp nhận đơn xin chuyển đổi với lý do họ đang chờ sửa đổi Nghị định số 48.

Kết luận

Khả năng của các hệ thống giáo dục Việt Nam trong việc cung cấp giáo dục chất lượng và cung cấp cho sinh viên những kỹ năng mới cho các công việc mới trong Công nghiệp 4.0 là rất quan trọng. Điều này đòi hỏi một khung pháp lý rõ ràng và sự lãnh đạo của Chính phủ Việt Nam và đặc biệt là Bộ GD&ĐT và Bộ LĐTB&XH phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan khác để tìm ra giải pháp hiệu quả cho các vấn đề có thể gây bất lợi cho việc giáo dục hiệu quả ở các cấp độ tại Việt Nam. Các vấn đề nêu ra trong báo cáo này làm nổi bật những lĩnh vực có thể được cải thiện để khiến cho hệ thống giáo dục hiệu quả hơn và năng suất hơn.

Nhóm Công tác Giáo dục và Đào tạo thông qua diễn đàn VBF sẽ tiếp tục (hợp tác với cả Bộ GD&ĐT và Bộ LĐTB&XH), với cam kết cải thiện giáo dục và đào tạo tại Việt Nam. Chúng tôi mong muốn được chứng kiến sự phát triển và tiến bộ trong các lĩnh vực nêu trên và một lần nữa xin cảm ơn VBF đã mời chúng tôi đóng góp cho diễn đàn quan trọng này.

BÀI PHÁT BIỂU CỦA NHÓM CÔNG TÁC NÔNG NGHIỆP

“Nông nghiệp chính xác và cách bán sản phẩm trên thị trường quốc tế”

*Trình bày bởi
Ông David Whitehead
Trưởng nhóm*

Trong công cuộc tìm kiếm phương pháp nâng sản lượng và phương pháp bảo vệ môi trường tốt hơn trong nông nghiệp, có thể nói một trong những sự thay đổi quan trọng nhất là sự tăng trưởng của việc sử dụng công nghệ kỹ thuật số trong “canh tác thông minh” hay còn gọi là “Nông nghiệp 4.0”.

Một số lượng lớn nông dân ở châu Á và Việt Nam đang bắt đầu áp dụng công nghệ số và các phát minh sử dụng dữ liệu.

Để Nông nghiệp 4.0 được trở thành sự thật, chúng ta cần sự đồng lòng giữa cơ quan chính quyền, các doanh nghiệp và cộng đồng làm nông nghiệp. Trên hết, các nhà hoạch định và chính phủ cần đảm bảo rằng các cơ sở vật chất nền tảng kỹ thuật số cho băng thông dữ liệu lớn, cả về mặt bao phủ của mạng lưới và tốc độ truyền dữ liệu tại các vùng nông thôn, được hoàn tất.

Thứ hai, chúng ta cần các chính sách hỗ trợ từ chính phủ hướng tới sự thiếu hụt đầu tư trong nông nghiệp, đặc biệt tại những giai đoạn giá sản phẩm xuống thấp.

Cùng lúc, “người chơi” cũng cần cố gắng tạo ra một môi trường cạnh tranh, thúc đẩy sáng tạo, giúp cho việc truyền tải dữ liệu, và khuyến khích cạnh tranh lành mạnh ở mọi cấp độ.

Cuối cùng, các nông dân cần phải sẵn sàng đối mặt với cuộc cách mạng số đang đến gần. Cụ thể, với việc các nhà bán lẻ và người tiêu dùng ngày càng quan tâm hơn đến truy xuất nguồn gốc thực phẩm, khả năng thu thập dữ liệu về cách thức mà hạt ngũ cốc được trồng hoặc con vật nuôi được giết mổ đang trở thành một tài sản vô giá. Điều này sẽ giúp các nông dân cung cấp các sản phẩm chất lượng cao, truy xuất được từ nguồn. Nỗ lực chung để kéo người làm nông lại gần nhau dưới lá cờ “Nông nghiệp 4.0”, giúp sản phẩm được bán một cách cạnh tranh hơn trên thị trường thế giới.

Nhờ vào công nghệ kỹ thuật số, mọi người tại khắp mọi nơi đã quen với việc có một chiếc máy tính trong túi. Với Nông nghiệp 4.0, họ đã có thể vận hành trang trại của mình một cách tự động, bền vững và năng suất hơn, trong khi vẫn nắm hoàn toàn kiểm soát.

Hơn một phần ba dân số vẫn đang dựa vào làm nông để sinh nhai. Mặc dù các công nghệ nông nghiệp chính xác hiện đại cần sự đầu tư lớn ban đầu, nông dân tại các nước đang phát triển như ở Việt Nam đang được hưởng lợi từ công nghệ di động.

Nông nghiệp chính xác là sự sử dụng chính xác đủ các nguyên liệu đầu vào tại thời điểm chính xác cho mùa vụ, tăng năng suất và tối ưu hóa sản lượng. Nông dân do đó sẽ được giảm bớt chi phí sử dụng nước, phân bón, thuốc diệt cỏ.

Lợi ích thứ hai cho việc giảm thiểu nguyên liệu đầu vào là ảnh hưởng đến môi trường. Sử dụng các hóa chất đúng mức đúng chỗ và đúng thời điểm giúp ích cho trồng trọt, đất và nước ngầm, và cả chuỗi thu hoạch.

Kết quả là nông nghiệp chính xác đã trở thành cột mốc trong nông nghiệp bền vững, bởi nó tôn trọng ba yếu tố đất đai, mùa màng và người nông dân. Nông nghiệp bền vững đảm bảo nguồn cung thực phẩm liên tục trong giới hạn sinh thái, kinh tế và xã hội cần thiết để đảm bảo khả năng sản xuất bền vững trong thời gian dài.

Chăn nuôi chính xác (PLF) là việc sử dụng các công nghệ tiên tiến để tối ưu hóa sự đóng góp của từng vật nuôi. Thông qua phương pháp "từng con vật riêng lẻ" này, nông dân hướng đến việc đạt kết quả tốt hơn trong chăn nuôi gia súc.

Mặc dù điều này nghe giống như công nghệ của thế kỷ 21, nông nghiệp chính xác không phải là điều gì mới. Cách đây không lâu, hầu hết nông dân đều biết tên từng con vật nuôi. Thậm chí, một nông dân thường có thể chỉ ra cha mẹ của con vật đó là con nào và tổng hợp các đặc điểm quan trọng khác.

Trong thời gian gần đây, các trang trại đã nhân rộng về quy mô, với quy trình tự động hóa trong phương pháp cho ăn và các khâu khác. Không ngạc nhiên là nông dân hiện đang làm việc với các giá trị trung bình cho mỗi nhóm. Sử dụng công nghệ thông tin hiện đại, nông dân giờ đây có thể ghi lại nhiều thuộc tính của từng con vật, như phả hệ, tuổi tác, sinh sản, tăng trưởng, sức khỏe, chuyển đổi thức ăn, trọng lượng thân thịt theo phần trăm cân hơi và chất lượng thịt. Khi thông tin này có sẵn cho nông dân, nó mang lại những lợi ích rất lớn.

Nông nghiệp chính xác và Chăn nuôi gia súc chính xác là hiện thực. Tuy nhiên, còn rất nhiều nông dân Việt Nam vẫn đang còn kẹt lại ở Công nghiệp 3.0, sử dụng một máy tính cá nhân đơn giản, internet, ICT, và rất rất nhiều vẫn còn ở Công nghiệp 2.0, phụ thuộc vào điện thoại, bóng đèn, và động cơ đốt trong. Họ còn một quãng đường rất dài mới hiểu và áp dụng được những lợi thế của Công nghiệp 4.0.

Trong hơn 10.000 năm, người ta đã trồng bằng phương pháp thử và loại trừ. Chỉ gần đây, khi cơ giới cách mạng hóa nông thôn với máy móc và thay thế ngựa bằng máy kéo.

Ngày nay, chúng ta đang chứng kiến một cuộc cách mạng nông nghiệp mới được khởi nguồn bởi việc áp dụng các công nghệ mới đáng kinh ngạc: vệ tinh, hệ thống định vị chính xác cao, cảm biến thông minh và nhiều ứng dụng CNTT kết hợp với kỹ thuật công nghệ cao.

Nông nghiệp 4.0 đã đến rồi.

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC NÔNG NGHIỆP

*Chuẩn bị bởi
Nhóm Công tác Nông nghiệp*

“Nông nghiệp thông minh và làm thế nào để bán sản phẩm trên thị trường thế giới”***Dữ liệu lớn và phân tích dữ liệu đang định hình lại ngành nông nghiệp thế giới***

Trong công cuộc tìm kiếm cách nâng sản lượng và cách bảo vệ môi trường tốt hơn trong nông nghiệp, có thể nói một trong những sự thay đổi quan trọng nhất là sự tăng trưởng của việc sử dụng công nghệ kỹ thuật số trong “canh tác thông minh” hay còn gọi là “Nông nghiệp 4.0”. Sau cơ khí hóa, sự xuất hiện của phân bón hữu cơ, và sự công nghiệp hóa của quy trình sản xuất, việc kết nối và quản lý dữ liệu đang tạo ra cuộc cách mạng thứ 4 trong lịch sử nông nghiệp. Và nông nghiệp số thông minh đang được xem như là cơ hội lớn nhất trong công nghệ về tầm ảnh hưởng tích cực đối với xã hội.

Trong khi nông nghiệp chính xác (sử dụng vệ tinh định vị, cảm biến điều khiển từ xa và các công cụ khác để có thể canh tác từng mét vuông đất một cách hiệu quả và bền vững nhất có thể) đang là một thực tế dần dần trở thành phổ biến, IT đã đạt đến tầm mà nó không chỉ đơn giản là thu thập một số lượng dữ liệu, mà còn có thể sử dụng các bộ vi xử lý rẻ và nhỏ gọn để phân tích các dữ liệu này nhằm điều khiển các thiết bị khác nhau hoặc theo dõi từng cá thể vật nuôi.

Một số lượng lớn nông dân ở châu Á và Việt Nam đang bắt đầu áp dụng công nghệ số và các phát minh sử dụng dữ liệu. Nhờ vào kết nối kỹ thuật số, các thiết bị nông nghiệp thông minh có thể kết nối với nhau trong cùng một quy trình xử lý, ví dụ như dự báo thời tiết, đặt hàng các thiết bị tự động hoặc truy cập các thông tin cụ thể từ một phần mềm nông trại trung tâm trên đám mây (cloud).

Tuy nhiên, còn rất nhiều nông dân Việt Nam vẫn đang còn kẹt lại ở Công nghiệp 3.0, sử dụng một máy tính cá nhân đơn giản, internet, ICT, và rất rất nhiều vẫn còn ở Công nghiệp 2.0, phụ thuộc vào điện thoại, bóng đèn, và động cơ đốt trong. Họ còn một quãng đường rất dài mới hiểu và áp dụng được những lợi thế của Công nghiệp 4.0.

Dữ liệu lớn có thể mang đến sản lượng tốt hơn và bảo vệ môi trường hơn. Các trang trại ở Đức sử dụng công nghệ kỹ thuật số hiện đại được báo cáo có sản lượng trên một héc ta cao hơn, giảm thiểu lượng khí thải nitơ đáng kể, cũng như giảm lượng thuốc diệt cỏ và dầu sử dụng lần lượt là 10 và 20%.

Ngoài ra, nông nghiệp 4.0 còn là một khái niệm linh hoạt và cải tiến rất nhanh, và sẽ mang đến sự cải thiện cực lớn một cách nhanh chóng. Cho dù Nông nghiệp 4.0 đã là thực tế tại nhiều nơi trên thế giới, vẫn còn rất nhiều tiềm năng chưa được khai phá trong mảng xử lý dữ liệu tự động, quy trình sản xuất tích hợp hoàn toàn, và xây dựng một hệ sinh thái số thông minh (SDEs) trong nông nghiệp.

Mặc dù tiềm năng phát triển là cực lớn, quy trình số hóa trong nông nghiệp vẫn còn chậm. Nhìn chung lượng áp dụng của các phần mềm và giải pháp nông nghiệp trên thế giới vẫn còn chậm và thấp hơn nhiều so với dự kiến, và khả năng xử lý của các hệ thống số vẫn chưa được sử dụng đúng mức tại các trang trại.

Để Nông nghiệp 4.0 được trở thành sự thật, chúng ta cần sự đồng lòng giữa cơ quan chính quyền, các doanh nghiệp và cộng đồng làm nông nghiệp. Trên hết, các nhà hoạch định và chính phủ cần đảm bảo rằng các cơ sở vật chất nền tảng kỹ thuật số cho băng thông dữ liệu lớn, cả về mặt bao phủ của mạng lưới và tốc độ truyền dữ liệu tại các vùng nông thôn, được hoàn tất.

Thứ hai, chúng ta cần các chính sách hỗ trợ từ chính phủ hướng tới việc thiếu hụt đầu tư trong nông nghiệp, đặc biệt tại những giai đoạn giá sản phẩm xuống thấp. Chúng ta cần một chính sách bao gồm cả các biện pháp mới và thiết thực hơn, các cơ cấu để thúc đẩy khả năng đầu tư của nông dân vào các công nghệ sáng tạo và các thiết bị đã chứng minh hiệu quả đối với cả môi trường lẫn xã hội.

Cùng lúc, “người chơi” cũng cần cố gắng tạo ra một môi trường cạnh tranh, thúc đẩy sáng tạo, giúp cho việc truyền tải dữ liệu, và khuyến khích cạnh tranh lành mạnh ở mọi cấp độ. Chúng ta cần các tiêu chuẩn giao tiếp và giao diện hỗ trợ cho giao tiếp chiều dọc và chiều ngang, như: cho phép sự trao đổi dữ liệu giữa máy móc, đối tác, cũng như các công và nền tảng dữ liệu.

Cuối cùng, các nông dân cần phải sẵn sàng đổi mới với cuộc cách mạng số đang đến gần. Điều quan trọng là phải đảm bảo các kỹ năng số cho nông dân được trang bị đầy đủ và sự cởi mở về nhận thức về các cơ hội kinh doanh mới và các hình mẫu mới đi cùng với cuộc cách mạng này.

Cụ thể, với việc các nhà bán lẻ và người tiêu dùng ngày càng quan tâm hơn đến truy xuất nguồn gốc thực phẩm, khả năng thu thập dữ liệu về cách thức mà một hạt ngũ cốc được trồng hoặc một con vật nuôi được giết mổ đang trở thành một tài sản vô giá, đặc biệt là nếu Việt Nam muốn trở nên cạnh tranh hơn trên đấu trường quốc tế và trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Điều này sẽ giúp các nông dân cung cấp các sản phẩm chất lượng cao đặc biệt, truy xuất được từ nguồn, và có thể cho phép các siêu thị có thể cung cấp các lựa chọn tốt hơn cho người tiêu dùng. Cùng lúc đó, việc số hóa dữ liệu có thể giải thoát gánh nặng về hành chính cho nông dân đối với việc tuân thủ luật lệ và quy định.

Quan trọng nhất là người nông dân cần phải được đảm bảo về tính bảo mật, tính sở hữu và quyền kiểm soát dữ liệu của họ. Nguyên tắc dữ liệu được tạo ra trên một trang trại thuộc quyền sở hữu của nông dân cần phải được phản ánh đầy đủ trong luật hợp đồng. Trên thực tế, ngày càng nhiều dữ liệu của các nông trại sẽ được đẩy lên các nền tảng dữ liệu đám mây, phục vụ cho việc xử lý, phân tích dữ liệu và truyền tải thông tin. Người nông dân phải có quyền được quyết định quyền truy cập dữ liệu và những dữ liệu nào được gửi cho đối tác nào, bảo đảm quyền sở hữu của dữ liệu.

Nhờ vào công nghệ kỹ thuật số, mọi người tại khắp mọi nơi đã quen với việc có một chiếc máy tính mạnh mẽ trong túi của họ, có thể liên lạc thường xuyên với bạn bè, đồng nghiệp, và có cả một thế giới thông tin và giải trí trước mắt họ. Nông dân giờ đây có thể tiếp cận tương tự, được thay đổi để đáp ứng nhu cầu riêng của họ. Với Nông nghiệp 4.0, họ đã có thể vận hành trang trại của mình ở một cấp độ tự động, bền vững và năng suất hoàn toàn khác, trong khi vẫn nắm hoàn toàn kiểm soát.

Nông nghiệp Chính xác

Nông nghiệp chính xác là một phần trọng yếu của cuộc cách mạng nông nghiệp hiện đại. Từ năm 1900 đến 1930 trên toàn thế giới, mỗi nông dân đã sản xuất ra lượng lương thực đủ để nuôi sống 26 người. Đến những năm 90 với cuộc Cách mạng Xanh và các giống biến đổi gen mới, kết quả là mỗi nông dân đã có thể sản xuất ra lượng thực phẩm nuôi sống 155 người.

Đến năm 2050, chúng ta sẽ kỳ vọng dân số thế giới đạt 9.6 tỉ người, và sản lượng lương thực phải được nhân đôi so với hiện tại để có thể nuôi sống tất cả mọi người. Với các tiến bộ công nghệ mới trong cuộc cách mạng nông nghiệp chính xác, mỗi nông dân sẽ có thể nuôi sống 265 người trên diện tích đất như cũ.

Giai đoạn đầu tiên của nông nghiệp chính xác đã xuất hiện, gồm ảnh chụp vệ tinh và trên không, dự báo thời tiết, các tỉ lệ bón phân khác nhau, và thông báo về tình trạng cây trồng. Giai đoạn thứ hai tổng hợp dữ liệu cho phép trồng trọt cũng như bản đồ địa hình và dữ liệu về đất chính xác hơn nữa.

Nông nghiệp chính xác nhằm tới việc tối ưu hóa việc quản lý:

- Khoa học trồng trọt
- Bảo vệ môi trường
- Kinh tế

Nông nghiệp chính xác còn cung cấp cho nông dân một khối lượng thông tin khổng lồ để lưu trữ ghi chép về trang trại của họ, hỗ trợ trong việc đưa ra quyết định, cùng việc quảng bá mạnh mẽ hơn về khả năng truy xuất nguồn gốc của sản phẩm; và tăng cường chất lượng vốn có của sản phẩm.

Trồng trọt có tính toán là một hệ thống canh tác đưa ra các lời khuyên dựa trên các dữ liệu thu thập được, có thể chỉ ra các tỉ lệ canh tác khác nhau để đáp ứng với các điều kiện khác nhau trên cùng một khoảnh đất nhằm tối ưu hóa sản lượng. Nó được coi như “Dữ liệu lớn cho nông trại”. Monsanto, DuPont và các nhà cung cấp khác đã giới thiệu hệ thống này tại thị trường Mỹ.

Thu thập dữ liệu. Định vị - địa hình một khu vực giúp người nông dân có được thông tin tổng quát từ việc phân tích mẫu đất và tồn dư nitơ, cũng như thông tin về các vụ mùa trước đây và điện trở của đất. Định vị - địa hình có 2 cách:

- Khu đất sẽ được vẽ lại bằng một bộ thu sóng GPS khi nông dân lái máy cày quanh khu đất
- Khu đất sẽ được vẽ lại bằng một bản đồ dựa trên hình ảnh trên không hoặc vệ tinh. Các hình ảnh này cần phải có độ phân giải và chất lượng địa hình phù hợp để đảm bảo rằng Định vị - địa hình có độ chính xác nhất định.

Dựa trên bản đồ đất, người nông dân có thể hướng đến hai cách thức để điều chỉnh nguyên liệu đầu vào:

- Cách dự đoán: sử dụng kết quả phân tích từ các máy đo cố định (đất, điện trở, lịch sử khu đất v.v...) trong một vụ mùa
- Cách kiểm soát: thông số từ các máy đo được cập nhật thường xuyên trong suốt vụ mùa.

Các quyết định có thể được đưa ra dựa trên các mô hình thiên về hỗ trợ việc đưa ra quyết định (các mô hình giả lập canh tác và khuyến cáo), nhưng ở bước phân tích cuối cùng vẫn là người nông dân phải quyết định, dựa trên giá trị kinh doanh và ảnh hưởng đến môi trường.

Điều quan trọng là phải nhận ra rằng vì sao công nghệ Nông nghiệp Chính xác đang được hoặc không được áp dụng, và để nó có thể được áp dụng rộng rãi, người nông dân cần phải nhận thức được rằng công nghệ này rất có ích và dễ sử dụng. Các thông số về lợi ích kinh tế về lợi ích của Nông nghiệp chính xác đơn giản là không đủ để thay đổi nhận thức của người nông dân.

Nông nghiệp chính xác sử dụng công nghệ trên các thiết bị nông nghiệp (ví dụ: máy kéo, máy phun, máy gặt, v.v.):

- Hệ thống định vị (ví dụ như bộ nhận sóng GPS sử dụng tín hiệu vệ tinh để định vị chính xác vị trí trên thế giới);
- Hệ thống thông tin địa hình (GIS), ví dụ như các phần mềm có thể tận dụng hết các dữ liệu sẵn có;
- Các thiết bị nông nghiệp (máy cho ăn, máy tưới).

Khái niệm nông nghiệp chính xác lần đầu tiên xuất hiện tại Mỹ vào những năm 80. Đây cũng là lúc phương pháp lấy mẫu lưới được xuất hiện. Đến cuối những năm 80, kỹ thuật này được sử dụng để đưa ra bản đồ đề xuất cho lần bón phân và thuốc khử pH đầu tiên. Việc sử dụng các cảm biến từ các công nghệ mới, kết hợp với sự trỗi dậy của các bộ thu sóng GPS, đã trở nên phổ biến từ đó. Ngày nay, các hệ thống như thế có thể kiểm soát hàng triệu héc ta.

Khắp nơi trên thế giới, nông nghiệp chính xác đang tăng trưởng với một tốc độ khác nhau. Hơn một phần ba dân số vẫn đang dựa vào làm nông để sinh nhai. Mặc dù các công nghệ nông nghiệp chính xác hiện đại cần sự đầu tư lớn ban đầu, nông dân tại các nước đang phát triển như ở Việt Nam đang được hưởng lợi từ công nghệ di động. Dịch vụ này hỗ trợ nông dân trong việc thanh toán, tăng cường tính hiệu quả.

Nông nghiệp chính xác là sự sử dụng chính xác đủ các nguyên liệu đầu vào như nước, phân bón, thuốc trừ sâu v.v. tại thời điểm chính xác cho mùa vụ, tăng năng suất và tối ưu hóa sản lượng. Các phương thức quản lý nông nghiệp chính xác có thể giảm thiểu đáng kể lượng phân bón và các nguyên liệu phụ trợ khác trong khi vẫn tăng cường sản lượng. Nông dân do đó sẽ được giảm bớt chi phí này.

Lợi ích thứ hai cho việc giảm thiểu nguyên liệu đầu vào là ảnh hưởng đến môi trường. Sử dụng các hóa chất đúng mức tại đúng chỗ và đúng thời điểm giúp ích cho trồng trọt, đất và nước ngầm, và cả chuỗi thu hoạch.

Kết quả là nông nghiệp chính xác đã trở thành cột mốc trong nông nghiệp bền vững, khi nó tối ưu trồng trọt, đất và người nông dân. Nông nghiệp bền vững đảm bảo nguồn cung thực phẩm liên tục trong giới hạn sinh thái, kinh tế và xã hội cần thiết để đảm bảo khả năng sản xuất bền vững trong thời gian dài.

Các công cụ và công nghệ Máy cày tự động đã xuất hiện được một thời gian khá lâu. Máy cày tự động làm hầu hết phần việc, nông dân chỉ can thiệp trong trường hợp khẩn cấp. Công nghệ đang dần hướng đến máy móc tự động không người lái được lập trình theo GPS để cày xới hoặc bón phân. Các phát minh khác bao gồm một bộ máy chạy bằng năng lượng mặt trời có thể nhận diện được cây cần sa và tiêu hủy bằng lade hoặc một liều thuốc diệt cỏ. Rô bốt nông nghiệp, hay còn gọi là AgBots, đã xuất hiện, nhưng các rô bốt hiện đại hơn như rô bốt thu hoạch có khả năng nhận diện quả chín dựa trên kính cỡ và hình dáng, và sau đó thu hoạch từ cành.

Công nghệ thiết bị bay không người lái và vệ tinh giúp ích cho nông nghiệp chính xác vì các thiết bị bay có thể chụp hình ảnh công nghệ cao, trong khi vệ tinh có thể chụp toàn cảnh. Các phi công máy bay hạng nhẹ có thể kết hợp hình ảnh trên không và dữ liệu vệ tinh để đưa ra dự đoán về sản lượng dựa trên mức độ sinh khối hiện tại. Các hình ảnh tổng hợp có thể được sử dụng để vẽ ra một bản đồ để theo dõi nguồn nước, gieo hạt, và chỉ ra trên bản đồ các khu vực có năng suất cao và thấp.

Internet vạn vật (IoT) là một mạng lưới kết nối các vật được trang bị thiết bị điện tử cho việc tổng hợp và thu thập dữ liệu. IoT xuất hiện cùng với sự phát triển của các cảm biến và phần mềm quản lý trại. Ví dụ, nông dân có thể đo lượng ni tơ, photpho và kali trong phân lỏng bằng quang phổ, vốn không ổn định. Họ sau đó có thể quét mặt đất để xem chỗ nào đã được đàn bò tiêu lên

và chỉ dùng phân bón cho những chỗ cần thiết. Việc này có thể giúp cắt giảm phân bón lên đến 30%.

Cảm biến độ ẩm trong đất quyết định thời gian tưới nhất để tưới. Hệ thống tưới tiêu có thể được lập trình để tưới từng mặt của gốc cây tùy vào nhu cầu và lượng mưa.

Các sáng chế không chỉ dành cho cây trồng – chúng còn được sử dụng cho động vật. Bò thịt có thể được trang bị cảm biến acid trong dạ dày để theo dõi về các vấn đề tiêu hóa. Các cảm biến bên ngoài được sử dụng để theo dõi chuyển động để xác định sức khỏe của bò, nhận biết về chấn thương và thời gian tối ưu để giao phối. Tất cả dữ liệu này có thể được tổng hợp và phân tích để chỉ ra các xu hướng và khuôn mẫu.

Chăn nuôi chính xác (PLF)

PLF là một trong những phát triển quan trọng nhất để cách mạng hóa chăn nuôi. Nếu như được áp dụng đúng cách, PLF hay Nông nghiệp thông minh có thể:

- cải thiện hoặc ít nhất có được số liệu khách quan về hiện trạng vật nuôi ở trại;
- giảm khí thải nhà kính (GHG) và cải thiện chỉ số môi trường của trại;
- thúc đẩy việc phân hóa sản phẩm và tiếp thị sản phẩm chăn nuôi tốt hơn;
- giảm thiểu việc mua bán sản phẩm chăn nuôi trái phép; và
- tăng cường tính ổn định về kinh tế của các vùng nông thôn

Tuy nhiên, đây mới chỉ là một vài ví dụ của việc thương mại hóa thành công các công nghệ PLF, được giới thiệu bởi một số công ty thương mại vốn chủ động trong việc thương mại hóa PLF.

Việc quản lý thông tin hiệu quả cũng là một phần của việc chăn nuôi có lãi. Mục đích chính của PLF là để tăng cường tính hiệu quả trong sản xuất, tăng phúc lợi cho cả vật nuôi và con người thông qua việc áp dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT), sử dụng tài nguyên chọn lọc và điều khiển một cách chính xác các công đoạn sản xuất.

Thông qua việc áp dụng thu thập, xử lý và ứng dụng dữ liệu điện tử, nông nghiệp chính xác có tiềm năng để cải thiện hiệu quả sản xuất và giảm thiểu chi phí, cũng như tăng phúc lợi cho vật nuôi và con người. Hiện tại đang có một lượng thông tin dồi dào đối với những người quản lý ngành chăn nuôi, nhưng chúng không được sắp xếp để có thể được sẵn sàng sử dụng. Ngoài ra, rất nhiều người cho rằng áp dụng một hệ thống quản lý năng suất cao sẽ làm tăng rủi ro. Các rủi ro được cho rằng bao gồm thất bại về tài chính do các tình huống không thể đoán trước được của môi trường và thị trường, gây thiệt hại lên cơ sở vật chất của trại như đất đai, đồng cỏ, ảnh hưởng đến phúc lợi và sức khỏe vật nuôi, và gây stress cho nông dân phải vận hành một hệ thống quá phức tạp. Đây là những rủi ro có thật. Do đó, điều quan trọng là phải phát triển được một hệ thống quản lý đảm bảo rằng chỉ có những quy trình quan trọng nhất được tiến hành, và được tiến hành đúng cách, ổn định, và theo hướng có thể kiểm soát được rủi ro. Một hệ thống như thế, dựa trên HACCP, đã được áp dụng cho ngành công nghiệp chăn thả bò ở Úc và trở thành một hình mẫu có thể áp dụng cho bất cứ ngành công nghiệp chăn nuôi nào ở bất cứ quốc gia nào.

Truy xuất nguồn gốc trong quản lý chăn nuôi từ trước đến nay vẫn hạn chế trong khuôn khổ kiểm soát dịch bệnh, ví dụ như hệ thống hộ chiếu cho bò ở Châu Âu, PigPass cho lợn ở Úc và giấy phép vận chuyển giữa các bang/tỉnh ở Malaysia và Việt Nam. Tuy nhiên, chưa có cố gắng nào trong việc “mở khóa” những lợi ích kinh tế mà truy xuất nguồn gốc có thể mang lại cho ngành chăn nuôi.

Thức ăn chăn nuôi và những nhà cung cấp nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi có thể cải thiện các thành phần của sản phẩm của họ nếu như họ có thể có quyền truy cập đến các số liệu của các lò mổ dựa trên các hồ sơ vật nuôi được cho ăn tại trại. Các trại có thể sử dụng hệ thống

như vậy để chọn ra loại thức ăn phù hợp (hoặc nhà cung cấp phù hợp). Họ có thể tối ưu hóa lượng thức ăn sử dụng từ dữ liệu của các trại khác trong cùng một mạng lưới. Các lò mổ có thể dùng hệ thống này như một nền tảng để hợp tác với các trại để xuất chuồng vật nuôi dựa trên cân nặng và hình thể. Và số liệu của ngành là một công cụ rất tốt cho chính phủ và chính ngành chăn nuôi có thể định hướng cho cả ngành. Số liệu uy tín có thể được sử dụng trong việc hoạch định chính sách, đặt tiêu chuẩn, vận động hành lang và đưa ra quyết định trong kinh doanh.

Ví dụ cho việc thương mại hóa các công nghệ PLF bao gồm việc sử dụng rô bốt trong vắt sữa bò, đo đặc lượng nước sử dụng, đếm số trứng, cân trọng lượng, kiểm soát môi trường trong khu nuôi gia cầm, vi tính hóa hệ thống cho ăn, kiểm soát khí hậu, phát hiện dịch bệnh tự động, ghi chép sự tăng trưởng và dữ liệu trực tiếp tại chuồng của chăn nuôi lợn.

Mặc dù nông dân thường đầu tư một phần lợi nhuận của họ vào công nghệ, nhưng thường là họ sẽ mua máy móc (thay vì phần mềm hoặc cảm biến). Ngành công nghiệp thực phẩm nói chung là một ngành rất bảo thủ. Mặc dù là một trong những ngành công nghiệp lớn nhất trên toàn thế giới, nhưng lợi nhuận của ngành rất ít và các sản phẩm thường rất tinh tế. Nông nghiệp cũng là một ngành công nghiệp mong manh, bởi vì nó phụ thuộc trực tiếp hoặc gián tiếp vào các yếu tố khí hậu và các vòng cung / cầu theo mùa. Ngoài ra, ngay cả đối với những người nông dân mạo hiểm hơn, rất khó để đánh giá khả năng ứng dụng của một công nghệ cụ thể và dự đoán được lợi ích của nó. Trong các quyết định mua sắm của nông dân liên quan đến PLF, chúng ta không có được các dữ liệu chứng minh lợi ích về chi phí. Chứng minh và xác nhận các lợi ích kinh tế, phúc lợi và môi trường của các công nghệ này là rất cần thiết trong quá trình thương mại hóa. Một yếu tố hạn chế chủ chốt khác của tỷ lệ chấp nhận công nghệ PLF trên các trang trại là thiếu sự phối hợp giữa các nhà nghiên cứu, nhà phát triển và các nhà cung cấp công nghệ. Việc đạt được sự phối hợp tốt hơn giữa các nhà phát triển và các nhà cung cấp các công cụ PLF là rất khó, nhưng sẽ dẫn đến việc phát triển các hệ thống tích hợp tốt hơn.

PLF là một quá trình thúc đẩy. Trong 10 năm tới, rất khó có khả năng PLF sẽ cách mạng hóa ngành chăn nuôi, đặc biệt là ở Việt Nam. Tuy nhiên, trong 5-10 năm tới, các cảm biến sẽ được triển khai thường xuyên trên động vật, có thể cho phép nông dân giám sát hiệu quả một loạt các thông số hữu ích cho tất cả các loài vật nuôi. Điều này sẽ cho phép một loạt các dịch vụ mới được phát triển và triển khai trên các trang trại, chẳng hạn như cho ăn riêng lẻ, dò nhiệt, theo dõi sức khỏe và xác định vị trí nuôi. Robot tự động sẽ được dùng để vắt sữa và các nhiệm vụ khác cả trong chuồng và ngoài chuồng. Hàng rào ảo sẽ đóng góp vào việc quản lý đàn và chuồng tốt hơn, cải thiện lợi nhuận tài chính cho các doanh nghiệp chăn thả gia súc. Hầu hết các trang trại ở châu Âu sẽ được vi tính hóa trong 10 năm và sử dụng các công cụ phần mềm để quản lý. Khí thải nhà kính (GHG) sẽ nóng hơn trong tương lai và PLF có thể góp phần giảm lượng khí thải bằng cách đo lường khí thải và có khả năng điều chỉnh nhiệt độ, thức ăn và các thông số khác liên quan đến khí thải. Các doanh nghiệp nông nghiệp trong chuỗi cung ứng đang nỗ lực tập trung để giữ cho vật nuôi được ở trong điều kiện tối ưu, giảm lượng khí thải và cung cấp sản phẩm chăn nuôi tốt nhất với mức giá thấp nhất có thể. PLF có thể hỗ trợ vận chuyển thông tin này đến các bên khác trong chuỗi cung ứng và cuối cùng là cho người tiêu dùng. Nó có thể tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người tiêu dùng lựa chọn và có thể là cơ sở cho các mô hình kinh doanh khác, chẳng hạn như bán thịt theo hàm lượng protein, khí thải nhà kính hoặc các khái niệm khác. Việc trao đổi thông tin về chuỗi thức ăn chăn nuôi- nông trại-thực phẩm có tiềm năng lớn để tối ưu hóa quy trình sản xuất chăn nuôi. Các nhà sản xuất thức ăn chăn nuôi có thể thu thập các thông tin quan trọng từ dữ liệu của thịt sau khi được mổ. Nông dân có thể cải thiện chế độ cho ăn của họ và chọn nhà cung cấp thức ăn với thức ăn “tốt nhất” cho vật nuôi của họ. Truy xuất nguồn gốc và PLF là cơ sở cho việc trao đổi thông tin như vậy. PLF sẽ có vai trò trong các chiến lược cho ăn; thường liên quan đến khí và chất thải trong sản xuất. PLF cũng có thể góp phần vào việc hạn chế buôn bán trái phép các sản phẩm chăn nuôi. Buôn lậu vật nuôi qua biên giới là một vấn đề lớn (cả về vệ sinh an toàn và tài chính) đối với các nước như Việt Nam.

Chăn nuôi chính xác (PLF) là việc sử dụng các công nghệ tiên tiến để tối ưu hóa sự đóng góp của từng con vật. Thông qua phương pháp "từng con vật riêng lẻ" này, nông dân hướng đến việc đạt kết quả tốt hơn trong chăn nuôi gia súc. Những kết quả này có thể thể hiện được hoặc không, và/hoặc hướng đến sự bền vững.

Chăn nuôi chính xác (PLF) được thực hiện bằng cách theo dõi từng con vật nuôi. Mặc dù điều này nghe giống như công nghệ của thế kỷ 21, nông nghiệp chính xác không phải là điều gì mới. Cách đây không lâu, hầu hết nông dân đều biết tên từng con vật nuôi. Thậm chí, một nông dân thường có thể chỉ ra cha mẹ của con vật đó là con nào và tổng hợp các đặc điểm quan trọng khác. Mỗi con vật vốn đã được tiếp cận như một cá thể riêng biệt.

Trong thời gian gần đây, các trang trại đã nhân rộng về quy mô, với quy trình tự động hóa cao để cho ăn và các nhiệm vụ khác. Không ngạc nhiên là nông dân hiện đang làm việc với các giá trị trung bình cho mỗi nhóm. Sử dụng công nghệ thông tin hiện đại, nông dân giờ đây có thể ghi lại nhiều thuộc tính của từng con vật, như phả hệ, tuổi tác, sinh sản, tăng trưởng, sức khỏe, chuyển đổi thức ăn, trọng lượng thân thịt theo phần trăm cân hơi và chất lượng thịt. Khi thông tin này có sẵn cho nông dân, nó mang lại những lợi ích rất lớn. Việc loại bỏ và tiêu hủy thường được thực hiện trên cơ sở tuổi tác nay đã có thể được thực hiện trên cơ sở giá trị sinh sản. Điều này mang lại kết quả sinh sản cao hơn đáng kể, với mỗi con vật mới sinh cũng góp phần vào giá trị thịt cao hơn. Ngoài các mục tiêu kinh tế này, chăn nuôi chính xác cũng hỗ trợ các mục tiêu xã hội: thực phẩm có chất lượng cao và vệ sinh an toàn, chăn nuôi vừa hiệu quả vừa bền vững, vật nuôi khỏe mạnh và phúc lợi được đề cao hơn, cũng như ảnh hưởng đến môi trường ít hơn.

Chìa khóa để mở khóa tiềm năng cho nông nghiệp chính xác là luôn thu thập thông tin của từng con vật nuôi.

Nhận dạng điện tử (EID). Mỗi con vật nuôi có một số duy nhất (thường là bằng một cái thẻ tai), có thể được đọc bởi một "đầu đọc" cầm tay. Ví dụ, khi sinh, người nông dân chọn "Đẻ" từ menu trên đầu đọc, sau đó màn hình tương tác yêu cầu người dùng đọc thẻ của con mẹ. Tiếp theo, các thẻ được chèn vào tai của con vật nuôi mới sinh. Với cách đơn giản này, các thông tin quan trọng được ghi lại, chẳng hạn như:

- Con mẹ là con nào
- Có bao nhiêu con cùng lứa
- Giới tính của các con cùng lứa
- Sinh vào lúc nào

Phần công nghệ tiếp theo mà người dùng cần là phần mềm. Bằng cách sử dụng các đầu đọc được kết nối không dây với internet, dữ liệu được xử lý ngay lập tức trên các máy chủ và kết quả được đưa ra ngay lập tức. Trong quá khứ, mọi người đã sử dụng những đầu đọc đơn giản. Đôi khi, người dùng quên đồng bộ hóa các thiết bị này với PC của họ trong nhiều tuần. Kết quả là dữ liệu nông nghiệp chính xác trở nên cũ và do đó vô dụng. Hơn nữa, đầu đọc được kết nối internet có thể tải xuống các thông tin quan trọng ở bất cứ chỗ nào. Ví dụ, nếu anh ta muốn kiểm tra họ chiếu của một con vật nào đó, anh ta chỉ cần đọc thẻ và tất cả thông tin liên quan ngay lập tức được hiển thị trên thiết bị cầm tay của mình, qua sóng dữ liệu di động. Do yêu cầu về tính toán rất cao, chăn nuôi chính xác đòi hỏi việc sử dụng các công cụ hỗ trợ vi tính.

Chăn nuôi gia súc chính xác đơn thuần là việc xác nhận các thông số cá nhân của từng con vật nuôi. Điều này mang lại lợi ích cực lớn cho nông dân. Các lò mổ cũng có thể áp dụng tương tự. Ngày nay càng nhiều lò mổ triển khai Hệ thống Đăng ký Giết mổ. Các hệ thống như vậy đọc từng thẻ tại thời điểm giết mổ, sau đó thân thịt được truy xuất từ lò mổ. Khi thân thịt sẵn sàng để bán, chúng được chuyển vào kho lưu trữ, sổ thẻ và các dữ liệu giết mổ khác (chẳng hạn như

trọng lượng, chất lượng, phần trăm mỡ và tên khách hàng) được bổ sung vào thân thịt. Dữ liệu giết mổ tương ứng (trọng lượng, chất lượng, hàm lượng mỡ) được cung cấp cho nông dân, những người có thể sử dụng dữ liệu này để cải thiện việc chăn nuôi của mình.

Trong hơn 10.000 năm, người ta đã trồng bằng phương pháp thử và loại trừ, thu được khôn ngoan và cảm giác của đất khi họ nắm lấy bằng các ngón tay của họ. Chỉ gần đây, khi cơ giới cách mạng hóa nông thôn với máy móc và thay thế ngựa bằng máy kéo.

Ngày nay, chúng ta đang chứng kiến một cuộc cách mạng nông nghiệp mới được khởi nguồn bởi việc áp dụng các công nghệ mới đáng kinh ngạc: vệ tinh, hệ thống định vị chính xác cao, cảm biến thông minh và nhiều ứng dụng CNTT kết hợp với kỹ thuật công nghệ cao.

Nông nghiệp 4.0 đã đến rồi.

BÀI PHÁT BIỂU CỦA NHÓM CÔNG TÁC DU LỊCH

*Trình bày bởi
Ông Colin Pine
Trưởng nhóm*

Kính thưa ngài Nguyễn Xuân Phúc, Ủy viên Bộ Chính trị kiêm Thủ tướng Chính phủ, kính thưa các vị Bộ trưởng và các Thứ trưởng, các vị khách quý cùng toàn thể các thành viên tham dự Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam thường niên 2018. Tôi rất hân hạnh được trình bày những thông tin cũng như quan điểm của Nhóm công tác Du lịch như sau.

Ngành Du lịch & Khách sạn ở Việt Nam tiếp tục cho thấy sự tăng trưởng ấn tượng cũng như sự hỗ trợ ngày càng nhiều từ chính quyền, bao gồm ở các cấp cao nhất theo Nghị quyết số 8 của Bộ Chính trị cho rằng ngành Du lịch phải là một ngành công nghiệp mũi nhọn và việc cam kết thành lập Quỹ phát triển du lịch. 10 tháng đầu năm 2018, Việt Nam đã đón gần 13 triệu lượt khách du lịch quốc tế, tăng hơn 22% so với cùng kỳ năm ngoái. Việt Nam được xem là một trong những điểm đến đầu tư nóng nhất trong lĩnh vực khách sạn và khu nghỉ dưỡng, có thể thấy được bằng mức độ phát triển mới tại các điểm đến du lịch từ Hạ Long cho đến Quảng Nam, Nha Trang và Phú Quốc.

Việc tiếp tục duy trì xu hướng trên cực kỳ quan trọng vì Việt Nam cũng như các nền kinh tế mới nổi và đã phát triển khác cần thích ứng với những cơ hội và thách thức mới của Nền công nghiệp 4.0. Ngành du lịch sẽ chỉ tăng tầm quan trọng đóng góp vào GDP cũng như tạo công ăn việc làm cho người lao động khi lĩnh vực du lịch được xem như là một ngành dịch vụ mang lại giá trị cao. Đặc biệt, thông qua hoạt động du lịch du khách nước ngoài sẽ được giao lưu và trải nghiệm văn hóa bản địa thông qua sự trợ giúp và hướng dẫn của các hướng dẫn viên du lịch giàu kinh nghiệm. Cả robot lẫn các phần mềm trí tuệ nhân tạo đều không thể thay thế nụ cười cũng như sự chào đón nồng nhiệt của người Việt Nam đối với du khách nước ngoài khi đến Việt Nam.

Mặc dù Việt Nam đã có nhiều bước đi đúng đắn trong việc phát triển ngành du lịch, nhưng điều quan trọng cần phải nhớ rằng Việt Nam đang phải cạnh tranh với các nước khác và đặc biệt với các nước láng giềng trong khu vực Đông Nam Á trong việc thu hút khách quốc tế đến Việt Nam. Hiện tại, Thái Lan và Malaysia đang xếp lần lượt ở vị trí thứ 9 và thứ 10 thế giới về thu hút khách du lịch. Singapore, Campuchia và Indonesia vẫn đang tiếp tục chú trọng phát triển du lịch quốc tế của họ. Để tiếp tục cạnh tranh và nằm trong số các điểm đến du lịch tăng trưởng nhanh nhất, Việt Nam cần tiếp tục đảm bảo các yếu tố về “APP”. Cụ thể “APP” trong bối cảnh này là viết tắt cho Access: Tiếp cận, Promotion: Thúc đẩy và Product: Sản phẩm. Ba yếu tố này đặc biệt quan trọng nhằm thu hút du khách quốc tế, và đồng thời liên quan đến việc tiếp tục phát triển du lịch trong nước.

Đối với Access - Tiếp cận, có 2 câu thành chính mà trong đó Nhà nước có quyền kiểm soát tổng thể. Đây là những quy định về việc cấp thị thực đối với khách du lịch nước ngoài đến Việt Nam và các chính sách của ngành Hàng không.

Đối với các quy định về cấp thị thực, việc một quốc gia có yêu cầu thị thực hay không và mức độ khó khăn cũng như chi phí cấp thị thực có thể là yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định của du khách trong việc đến một quốc gia nào đó. Hội đồng Du lịch Thế giới đã tuyên bố rằng việc tạo điều kiện thị thực có thể tăng thêm 10% số lượt khách quốc tế. Việt Nam đang từng bước giảm bớt các thủ tục xin cấp thị thực bằng cách tăng số lượng các quốc gia được miễn thị thực lên 24 nước và thực hiện cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam. Tuy nhiên, Nhóm công tác Du lịch có các khuyến nghị để tăng cường hơn nữa những nỗ lực mà chúng tôi tin rằng có thể đạt được và cần được thực hiện. Đó là:

- Tăng thời gian cho phép lưu trú lên 30 ngày đối với khách du lịch được miễn thị thực. Ngoài ra, các điều kiện về tái nhập cảnh trong vòng 30 ngày nên được loại bỏ. Những khuyến nghị này nếu được thực hiện sẽ giúp thu hút các du khách từ xa như châu Âu và các điểm đến khác cũng sẽ được hỗ trợ thành lập các sân bay quốc tế tại Việt Nam để trở thành trung tâm hàng không đến các quốc gia trong khu vực và châu Âu hoặc châu Úc.
- Cổng thị thực điện tử của Việt Nam cần được thay đổi tên miền thành evisa.gov.vn để dễ tìm kiếm hơn và cần đảm bảo tốc độ truy cập và kết nối của trang web trong quá trình xử lý phải cao vì đã có các cảnh báo về việc các trang web khác có tên miền gây nhầm lẫn nhằm thu phí xử lý thị thực và trang web chính thức bị lỗi trong suốt quá trình xử lý.
- Việc miễn thị thực nên được thực hiện với hiệu lực trong nhiều năm (05 năm) thay vì phải gia hạn hàng năm nhằm thúc đẩy du lịch, đồng thời các đơn vị khai thác du lịch, các hãng hàng không và các trang web về du lịch cần lập kế hoạch trước và có các tài liệu quảng cáo về chính sách và chi phí khi đi đến một quốc gia.

Đối với các chính sách của ngành hàng không (bao gồm cả về chính sách liên quan đến các hãng hàng không và sân bay), thì đây là vấn đề quan trọng thứ hai của yếu tố ACCESS – Tiếp cận. Trong số các điểm đến chính của ASEAN, Việt Nam có khoảng cách địa lý rất gần với Singapore và có số lượng các hãng hàng không vận tải công cộng được cấp phép là ít nhất. Và trong số 4 hãng không được cấp phép thì Jetstar là hãng hàng không có vốn cổ phần lớn từ Vietnam Airlines và Bamboo Airlines mới được phê duyệt cấp phép gần đây. Sự thiếu cạnh tranh đối với các điểm đến không được phục vụ trực tiếp bởi các hãng hàng không quốc tế có thể làm tăng chi phí đi lại và điều này cũng phản ánh là chi phí của một số tour du lịch nội địa cao hơn chi phí của các tour du lịch quốc tế có khoảng cách và thời gian di chuyển tương đương. Hiện tại Việt Nam có 21 sân bay tiếp nhận các chuyến bay thương mại với tổng công suất hàng năm là 75 triệu khách, ít hơn công suất thiết kế của các sân bay hàng đầu (một sân bay duy nhất) ở Singapore, Thái Lan và Malaysia. Và hơn nữa, Sân bay quốc tế Long Thành chưa rõ thời gian sẽ khởi công xây dựng và thời gian dự kiến đi vào hoạt động. Để du lịch Việt Nam đạt được các mục tiêu tăng trưởng, chúng tôi đề xuất các ý kiến như sau:

- Cải thiện quy trình phê duyệt cấp phép thành lập hãng hàng không mới và nói room cho nhà đầu tư nước ngoài trong ngành hàng không.
- Nhà nước tiếp tục theo đuổi chính sách “mở cửa bầu trời khu vực ASEAN”.
- Sân bay quốc tế Long Thành cần được ưu tiên đầu tư xây dựng nhanh chóng.
- Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi khuyến khích tư nhân đầu tư vào ngành hàng không, xây dựng sân bay (bao gồm cả việc đầu tư sân bay chuyên dùng) và đặc biệt khuyến khích tư nhân xây dựng sân bay tại các địa điểm đang có nhiều khách sạn và khu nghỉ dưỡng nhưng cách sân bay hiện tại một khoảng cách khá là xa. Việc chú trọng phát triển đầu tư hạ tầng hàng không sẽ giúp thu hút đầu tư xây dựng khách sạn, resort và khu vui chơi và nghỉ dưỡng khác trên khắp cả nước Việt Nam.

Promotion - Thúc đẩy là chìa khóa quan trọng thứ hai để tiếp tục phát triển du lịch Việt Nam, đặc biệt là khách quốc tế. Việt Nam gần đây đã thực hiện nhiều nỗ lực nhằm khẳng định vị trí của mình một cách tích cực, tuy nhiên ngân sách vẫn là một hạn chế lớn, đặc biệt là ngân sách cho việc thúc đẩy du lịch. Có nhiều cách để giải quyết vấn đề này. Chúng tôi tin rằng một trong những giá trị cao nhất là thông qua quan hệ đối tác Công-Tư và có thể được nhìn thấy thông qua ví dụ của Hội đồng Tư vấn Du lịch đã gây quỹ từ các đơn vị trong ngành nhằm tiếp thị kỹ thuật số. Việc gây quỹ và điều phối với một đơn vị Nhà nước cũng rất quan trọng. Quyết định để thành lập Quỹ phát triển du lịch là một bước quan trọng theo định hướng này. Tuy nhiên, cho đến nay, các chi tiết cụ thể về cơ chế tài trợ cho Quỹ và cách Quỹ sẽ được quản lý chi tiết vẫn được hoàn tất và thống nhất. Ngành Du lịch chân thành yêu cầu các quyết định đó cần được thực hiện một

cách nhanh chóng và cân bằng với các sáng kiến quan trọng khác để thúc đẩy du lịch. Ví dụ, nếu nguồn kinh phí chính vẫn là doanh thu từ việc thu lệ phí thị thực, điều này sẽ không khuyến khích cho việc mở rộng chương trình miễn thị thực mà chúng tôi cảm thấy sẽ phản tác dụng.

Product - Sản phẩm bao gồm nhiều khía cạnh. Các lĩnh vực chính liên quan đến sáng kiến đổi mới đi cùng với sự phát triển từ “Công nghiệp 4.0” là cả sản phẩm lưu trú và dịch vụ du lịch được cung cấp thông qua nền tảng “chia sẻ kinh tế” nơi các tài sản hoặc người lao động có thể được cung cấp dịch vụ trên cơ sở phân đoạn dựa trên “nhu cầu”. Đặc biệt đối với nơi lưu trú, hai xu hướng đã trở nên rất phổ biến ở Việt Nam là sự phát triển của các sản phẩm condotel, trong đó đơn vị khách sạn được bán cho khách hàng và sau đó được đưa trở lại cho khách du lịch và xu hướng cho thuê một phần hoặc toàn bộ căn hộ không được phát triển cụ thể như một sản phẩm khách sạn thông qua các nền tảng như “Airbnb”. Cả hai xu hướng này đều có lợi cho sự phát triển của du lịch, nhưng hiện chưa có khung pháp lý rõ ràng. Cần cân nhắc đến việc:

- Cung cấp một cơ sở pháp lý rõ ràng, nếu thích hợp, để phát triển các khoản đầu tư khách sạn và khu nghỉ dưỡng với thành phần "để bán", với điều kiện phần rằng các sản phẩm này có phần lớn thời gian trong năm phục vụ cho mục đích sử dụng của khách du lịch. Việc làm trên sẽ giúp đảm bảo rằng có đủ nguồn cung cấp chỗ ở, đặc biệt là các điểm đến có mức tăng trưởng lượng khách du lịch quốc tế đáng kể qua từng năm như Nha Trang.
- Cung cấp các hướng dẫn cụ thể và rõ ràng để đảm bảo rằng chủ sở hữu của các tài sản cho thuê trên nền tảng chia sẻ kinh tế đáp ứng các nghĩa vụ theo luật pháp (bao gồm thuế và đăng ký khách lưu trú nước ngoài) nhằm đảm bảo các vấn đề về an toàn và an ninh.

Ngoài những vấn đề đã nêu trên, việc cần phải xem xét chính là làm thế nào để đảm bảo rằng các dịch vụ cung cấp cho khách du lịch được cung cấp một cách trung thực đạt chất lượng cao và việc phát triển du lịch cũng như các hoạt động đang diễn ra không làm tổn hại đến môi trường tự nhiên hay lịch sử và di sản văn hóa của Việt Nam. Tiếp tục phát triển các tiêu chuẩn và giáo dục công lập ở cả hai lĩnh vực là những nỗ lực mà Nhà nước có thể cam kết và đảm bảo rằng việc cung cấp dịch vụ du lịch của Việt Nam vẫn luôn hấp dẫn du khách.

Việt Nam vẫn luôn tiếp tục phát triển và cải thiện ngành du lịch và khách sạn. Điều này đã được công nhận bởi ngành công nghiệp toàn cầu về việc Việt Nam là một quốc gia với các điểm đến quan trọng, như Hội An, được quốc tế công nhận là điểm đến du lịch hàng đầu. Giữ cho Việt Nam cạnh tranh về Tiếp cận, Thúc đẩy và Sản phẩm sẽ là chìa khóa để tiếp tục phát triển ngành công nghiệp này và đáp ứng được các mục tiêu đầy tham vọng đã được đặt ra.

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC DU LỊCH

*Chuẩn bị bởi
Nhóm công tác Du lịch*

1. TỔNG QUAN*Tình hình*

Việt Nam tiếp tục nắm giữ xu thế tăng trưởng mạnh trong ngành du lịch, nhờ tận dụng thiên nhiên tươi đẹp và phong phú, bề dày di tích lịch sử - văn hóa cùng con người năng động, thân thiện và hiếu khách. Ngành công nghiệp du lịch và nhà hàng - khách sạn đã và đang là thành phần đóng góp chính vào sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam và đây được xác định là ngành giữ vai trò ngày càng quan trọng.

Liên quan đến tăng trưởng của ngành du lịch và nhà hàng - khách sạn, đến tháng 10/2018, Việt Nam đã đón 12,82 triệu lượt khách quốc tế, tăng 22,4% so với cùng kỳ năm trước¹. Dự kiến ngành công nghiệp này đóng góp gần 10% vào GDP của Việt Nam khi xét đến tất cả các yếu tố đóng góp trực tiếp, đóng góp gián tiếp và đóng góp phát sinh². Việc Việt Nam chú trọng không ngừng vào phát triển và cải thiện ngành du lịch và nhà hàng - khách sạn (bao gồm quyết định của Bộ Chính trị xếp du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn) đã đưa đến thành công với không chỉ ở xu thế tăng trưởng liên tục mà còn ở sự công nhận của quốc tế đối với Việt Nam nói chung, cũng như nhiều điểm đến nổi bật, bao gồm việc công nhận Việt Nam là Điểm đến Hàng đầu Châu Á³ và Hội An là một trong 15 thành phố hàng đầu trên thế giới đáng đến thăm⁴.

Phát triển ngành Du lịch và Nhà hàng - Khách sạn trong nền Kinh tế đang Tăng trưởng

Việt Nam đã đặt ra các mục tiêu đầy tham vọng cho ngành du lịch. Đất nước này có rất nhiều lợi thế về tự nhiên, nhưng cũng gặp phải nhiều đối thủ cạnh tranh mạnh về cả du lịch quốc tế lẫn trong nước, bao gồm một số quốc gia thành viên ASEAN. Bản chất của ngành cũng tiếp tục thay đổi, với các xu hướng tiếp tục tạo điều kiện cho khách du lịch cá nhân thông qua việc tận dụng các giải pháp di động và internet, mở rộng các hãng hàng không giá rẻ, phá vỡ hình thức thuê chỗ ở truyền thống bằng các sản phẩm của nền kinh tế chia sẻ và tác động ngày một lớn từ xu thế thích du lịch quốc tế đang tăng lên của tầng lớp trung lưu khổng lồ của Trung Quốc. Để tiếp tục phát triển và ở vào vị thế nhằm đạt được các mục tiêu đã định, cần chú trọng vào ba mặt chính: Đi lại, Tiếp thị, Sản phẩm (ĐL.TT.SP). Khi xem xét từng mặt này một cách độc lập hoặc khi nhìn nhận tổng thể, điều quan trọng là phải đặt chúng trong bối cảnh cạnh tranh, đặc biệt là so với các nước láng giềng của Việt Nam thuộc khối ASEAN.

2. ĐI LẠI

Việc tiếp tục phát triển ngành du lịch Việt Nam phụ thuộc phần lớn vào việc tăng lượng khách quốc tế. Điều này tùy thuộc vào việc làm sao để du khách có thể đến Việt Nam một cách dễ dàng nhất có thể (chính sách thị thực) và phải đảm bảo cung cấp đủ dịch vụ vận chuyển một cách dễ dàng, thuận tiện và giá cả phải chăng đến các điểm đến du lịch của Việt Nam (chính sách hàng không).

¹ Tổng cục Du lịch Việt Nam (“Tổng cục Du lịch VN”)

² “Tác động kinh tế của Du lịch và Lữ hành ở Việt Nam – năm 2018”, Hội đồng Du lịch và Lữ hành Thế giới (“Hội đồng Du lịch Thế giới”)

³ Giải thưởng Du lịch Thế giới

⁴ Du lịch + Nghỉ ngơi

2.1 Chính sách Thị thực

Đối với du khách muốn đi du lịch nước ngoài, một vấn đề lớn cần cân nhắc đến chính là việc phải xin thị thực. Điều này đặc biệt đúng đối với khách đi du lịch với mục đích du lịch và kinh doanh kết hợp du lịch (Hội họp, Khen thưởng, Hội nghị và Sự kiện – “MICE”), và Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO) đã khẳng định đây là yếu tố chính xác định dòng chảy du lịch toàn cầu cũng như trong phạm vi các khu vực. Du khách thường đánh giá chi phí xin thị thực trên các phương diện về tiền bạc, thời gian và công sức. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh thị trường du lịch trong khu vực ngày càng cạnh tranh khốc liệt hơn.

Việt Nam đã liên tục có những bước đi đúng đắn bằng việc tăng số lượng quốc gia được miễn thị thực lên thành 24 nước (tăng 2) và áp dụng hình thức thị thực điện tử. Tuy nhiên, điều quan trọng là phải luôn xem xét bước tiến tích cực đó trong bối cảnh so với các đối thủ cạnh tranh của Việt Nam. Dưới đây là bảng thể hiện số nước được miễn thị thực của các quốc gia ASEAN khác:

Quốc gia	Số nước được miễn thị thực (không bao gồm miễn thị thực hộ chiếu ngoại giao)
Brunei ⁵	54
Campuchia ⁶	9
Indonesia ⁷	169
Lào ⁸	8
Malaysia ⁹	161 (thêm Hồng Kông & Ma Cao)
Myanmar ¹⁰	10 (thêm Hồng Kông & Ma Cao)
Philippines ¹¹	157
Singapore ¹²	158
Thái Lan ¹³	55
Việt Nam ¹⁴	24

Hơn nữa, dù Việt Nam đã đưa ra một sự lựa chọn được mong đợi, chính là hình thức thị thực điện tử, nhưng trang web chính thức để xin thị thực điện tử (<https://evisa.xuatnhapcanh.gov.vn/trang-chu-ttdt>) rất khó tìm thấy nếu tiến hành các bước tìm kiếm trực tuyến đơn giản và trang web này có tên miền có thể gây nhầm lẫn cho người tìm kiếm trực tuyến do không biết đây có phải là cổng thông tin “thực” hay không trong khi có nhiều cổng thương mại có tính thêm phí ngoài mức phí chính thức. Cổng thông tin chính thức của Việt Nam cũng có thể bị chậm, không tải được và khó sử dụng.

2.2 Chính sách Hàng không

Nghị quyết 08/NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị đặt ra các mục tiêu rõ ràng cho ngành du lịch Việt Nam trong ngắn hạn, trong đó bao gồm đạt được 20 triệu lượt khách quốc tế, 82 triệu lượt khách trong nước, 35 tỷ USD từ các khoản thu du lịch và 20 tỷ USD là giá trị xuất khẩu mỗi năm. Nếu không chủ động quan tâm đến chính sách của ngành hàng không và đầu

⁵ Bộ Ngoại giao và Thương mại Brunei

⁶ Bộ Ngoại giao và Hợp tác Quốc tế Campuchia

⁷ Bộ Tư pháp Indonesia

⁸ Cục Du lịch Lào

⁹ Cục Xuất nhập cảnh Malaysia

¹⁰ Bộ Ngoại giao Myanmar

¹¹ Bộ Ngoại giao Philippines

¹² Bộ Ngoại giao Singapore

¹³ Bộ Ngoại giao Thái Lan

¹⁴ Tổng cục Du lịch VN

tư mở rộng công suất và cơ sở hạ tầng sân bay thì đây sẽ là một nút thắt cổ chai lớn, gây trở ngại trong việc đưa du khách đến Việt Nam và đến các trọng điểm đã được phát triển là các điểm du lịch chủ chốt.

Một lần nữa, chúng ta nên xem xét Việt Nam trong bối cảnh so với các quốc gia cạnh tranh trong khu vực. Trong khu vực ASEAN, số hãng hàng không được phê duyệt như sau:

STT	Quốc gia	Số lượng giấy phép hoạt động hàng không thương mại đã được cấp
1	Việt Nam	4
2	Thái Lan	13
3	Singapore	4
4	Malaysia	6
5	Indonesia	15
6	Philippines	5

Việt Nam có số hãng hàng không ít nhất, cùng với Singapore (không có hàng không nội địa), và trong số bốn hãng hàng không, Vietnam Airlines có số cổ phần đáng kể trong Jetstar Pacific và Bamboo Airways chỉ vừa mới được phê duyệt gần đây. So với Thái Lan, một quốc gia có dân số khoảng 70% dân số Việt Nam mà đã có hơn gấp ba lần số lượng hãng hàng không được phê duyệt. Sự thiếu cạnh tranh tương đối này có thể khiến cho chi phí đi lại cao hơn, với nhiều sự cạnh tranh hơn, và có nhiều trường hợp các gói tour du lịch nội địa lại đắt hơn các gói tour du lịch quốc tế khi so sánh cùng một khoảng cách di chuyển và cùng thời gian lưu trú.

Ngoài sự thiếu cạnh tranh tương đối trong vận tải hàng không, vấn đề cơ sở hạ tầng của sân bay cũng là một vấn đề then chốt có thể là yếu tố quyết định chính đến khả năng tiếp tục phát triển ngành du lịch của Việt Nam. Hiện tại, Việt Nam có 21 sân bay với tổng công suất phục vụ 75 triệu hành khách/năm, thấp hơn công suất của Sân bay Changi ở Singapore, Sân bay Quốc tế Kuala Lumpur ở Malaysia lẫn Sân bay Suvarnabhumi ở Thái Lan. Sân bay Tân Sơn Nhất là sân bay quốc tế và nội địa nhộn nhịp nhất nhưng vẫn bị quá tải liên tục, và Sân bay Quốc tế Long Thành đã được Quốc hội thông qua vào đầu năm 2015 nhưng các Báo cáo Đầu tư vẫn chưa được hoàn thành. Đây là một ví dụ điển hình về nguy cơ tắc nghẽn nghiêm trọng mà hoạt động phát triển và đầu tư sân bay gây ra trong quá trình tiếp tục phát triển ngành du lịch Việt Nam.

KHUYẾN NGHỊ

- Kéo dài thời hạn được phép lưu trú thành 30 ngày đối với tất cả các nước được miễn thị thực. Du khách đến từ các nước xa xôi, đặc biệt là từ châu Âu, có xu hướng ở lâu hơn khi họ đi du lịch. Việc giới hạn thời hạn được miễn thị thực là 15 ngày đối với các quốc gia ở xa có thể làm du khách bỏ đi.
- Mở rộng số lượng các nước có đủ điều kiện được miễn thị thực. Do Việt Nam đang tiếp tục mở rộng hạ tầng sân bay quốc tế của mình và cụ thể là phát triển Sân bay Quốc tế Long Thành nên cần thực hiện các kế hoạch giới thiệu chính sách miễn thị thực cho các thị trường đường bay dài – có thể dễ dàng bắt đầu với Úc, New Zealand và Canada – và cân nhắc thời điểm cho các thị trường lớn như Hoa Kỳ.
- Đối với các quyết định làm thay đổi chính sách về thị thực, quyết định phải được đưa ra trước ngày hết hạn quyết định do thị trường du lịch quốc tế lên kế hoạch trước một năm.
- Cải thiện quy trình xin thị thực điện tử bằng cách đảm bảo cổng thông tin chính thức được nhận diện dễ dàng và được hiển thị nổi bật trên các chức năng tìm kiếm trên internet và được hỗ trợ kỹ thuật đầy đủ để đảm bảo hoạt động trơn tru.
- Mở ra năng lực cạnh tranh và phục vụ nhiều hơn trong ngành hàng không bằng cách đơn giản hóa quy trình phê duyệt cấp phép hoạt động hàng không, tăng mức sở hữu nước ngoài

trong các hãng hàng không và thúc đẩy mạnh chương trình “các bầu trời mở” toàn bộ ở ASEAN.

- Đẩy mạnh phát triển Sân bay Quốc tế Long Thành. Do thấy rằng nguồn kinh phí có thể là vấn đề khi phát triển sân bay nên cần tạo điều kiện thu hút tài trợ từ tư nhân và nước ngoài để phát triển sân bay và cơ sở hạ tầng liên quan, bao gồm các sân bay triển khai hoạt động khai thác tàu bay (FBO) để có thể giúp kết hợp các điểm du lịch với các sân bay quốc tế lớn.

3. TIẾP THỊ

Một trong những mặt quan trọng nhất cần tập trung để phát triển và cải thiện ngành du lịch Việt Nam là cần có nền tảng và các chiến dịch tiếp thị rộng lớn và mạnh mẽ hơn. Việt Nam có rất nhiều lợi thế tự nhiên có thể sử dụng để thu hút du khách, cả khách trong nước lẫn quốc tế, bao gồm đường bờ biển dài với rất nhiều bãi biển tuyệt đẹp, nền lịch sử lâu đời và các đặc trưng văn hóa đa dạng. Tuy nhiên, đây không phải là những đặc điểm riêng có của Việt Nam trong các quốc gia ASEAN và cũng chưa hẳn là rất nổi tiếng trên toàn thế giới. Chia khóa để tận dụng tối đa các lợi thế này là cần tiếp thị rộng rãi và mạnh mẽ.

3.1 Hợp tác Nhà nước – Tư nhân

Hội đồng Tư vấn Du lịch ("HĐTVDL") gồm các doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hàng đầu trong lĩnh vực du lịch, lữ hành và dịch vụ du lịch, đã làm việc sát sao về một số vấn đề, đặc biệt là trong lĩnh vực tiếp thị. Tổng cục Du lịch VN với sự tư vấn của HĐTVDL đã chỉ định OlgivlyOne Worldwide và thiết lập trang web toàn cầu mới là www.vietnamtourism.vn, và đây là nền tảng chính để tiến hành tiếp thị điện tử đến du khách quốc tế. Hãng hàng không Quốc gia Việt Nam (Vietnam Airlines), thành viên của HĐTVDL, đã tạo ra các ấn phẩm hấp dẫn và tiếp thị có hiệu quả trên tất cả các màn hình trên chuyến bay, cùng với các thành viên chính của ngành Du lịch cũng đã đóng góp vào quảng bá cho Việt Nam.

3.2 Quỹ Phát triển Du lịch

Vấn đề chủ chốt trong việc tiếp thị Việt Nam như một điểm đến du lịch chính là các nguồn lực được cung cấp cho các cơ quan phụ trách du lịch để quảng bá đất nước. Việt Nam đã xác định đây là ưu tiên hàng đầu thông qua việc cam kết thành lập Quỹ Phát triển Du lịch. Cam kết này là một tín hiệu tích cực, nhưng những quyết định chi tiết về các nguồn kinh phí và quy trình thủ tục sử dụng và quản lý quỹ thì vẫn trong giai đoạn chờ được hoàn thiện chính thức.

KHUYẾN NGHỊ

- Mời HĐTVDL và các hiệp hội khác của ngành làm cố vấn và phối hợp với các Bộ ngành và các cơ quan Nhà nước cấp tỉnh thành có liên quan để chuẩn bị các chiến lược, chính sách phát triển du lịch và các kế hoạch tiếp thị
- Áp dụng các cơ cấu phối hợp toàn khu vực để tập trung và tối đa hóa các hoạt động hợp tác của các tỉnh thành và tạo điều kiện hợp tác phát triển
- Cải tiến các sản phẩm dịch vụ ở mỗi tỉnh thành để đáp ứng nhu cầu thị trường (trong tương lai) và cung cấp thêm nhiều dịch vụ cho du khách lưu trú tại cơ sở lưu trú trong khu vực
- Phát triển mạnh hơn nữa các sản phẩm đặc trưng của khu vực, phản ánh rõ nét đặc thù của các điểm đến du lịch cũng như những nét hấp dẫn của Việt Nam; Tạo mối liên kết vùng trong phát triển sản phẩm du lịch; Ví dụ là thành công trong việc phối hợp và tiếp thị các sản phẩm du lịch của các tỉnh miền Trung Việt Nam¹⁵.
- Khi Quỹ được thành lập, kinh phí nên đến từ những nguồn trung lập đối với việc thu hút du khách quốc tế. Mọi thay đổi trong chính sách thị thực liên quan đến việc gia tăng các yêu cầu phải xin thị thực sẽ có tác dụng ngược đối với sự phát triển của ngành du lịch.

¹⁵ <http://centralcoastvietnam.com/>

4. SẢN PHẨM

Một trong những phương diện chính yếu cho tương lai của ngành du lịch ở Việt Nam và trong bối cảnh Ngành công nghiệp 4.0, là cách thức để Sản phẩm du lịch được phát triển, quản lý và duy trì. Sản phẩm du lịch, bao gồm các yếu tố cứng và mềm, trong đó yếu tố cứng gồm chỗ ở và các điểm đến du lịch và giải trí, và yếu tố mềm gồm nguồn nhân lực cần thiết để cung cấp dịch vụ chất lượng cao cho cả khách du lịch trong nước lẫn quốc tế và môi trường tự nhiên quý giá của Việt Nam.

Đối với chỗ ở, có một xu hướng, đặc biệt là ở các điểm du lịch bên bờ biển, là phát triển các sản phẩm căn hộ khách sạn và biệt thự bán cho người dùng cuối rồi sau đó được đưa lại vào hệ thống để cho khách du lịch thuê. Tuy nhiên, khung pháp lý cho vấn đề này chưa rõ ràng và gần đây đã phát sinh các vấn đề liên quan đến sự chấp thuận của các chính quyền tỉnh thành. Một xu hướng khác đang dần trở nên phổ biến sau khi gặt hái thành công ở các thị trường khác chính là cung cấp cơ sở hoặc nhà riêng cho du khách thông qua các nền tảng như AirBNB. Hình thức lưu trú du lịch này có thể rất hấp dẫn đối với cả du khách lẫn tư nhân sở hữu không gian ở, nhưng điều quan trọng là có các biện pháp chế tài để bảo vệ cả hai bên.

Đối với tính bền vững dài hạn của sản phẩm ngành du lịch của Việt Nam, có hai mặt chính yếu xứng đáng nhận được sự quan tâm và hỗ trợ của các cơ quan có thẩm quyền. Các mặt này gồm đảm bảo du lịch có chất lượng đủ cao và các chuyên gia trong ngành dịch vụ du lịch hoạt động tích cực trong thị trường lao động, và môi trường tự nhiên được bảo vệ trong quá trình phát triển các sản phẩm du lịch và các địa phương mở cửa đón chào sự viếng thăm của du khách.

KHUYẾN NGHỊ

- Tạo điều kiện để việc phát triển căn hộ khách sạn và biệt thự để bán bên trong các khu nghỉ dưỡng và các công trình khách sạn là có thể thực hiện được, cũng như để chúng có thể được triển khai, tiếp thị và bán theo quy định của pháp luật có liên quan về đầu tư, bất động sản và nhà ở.
- Xây dựng các hướng dẫn trong đó khuyến khích thực hiện nền kinh tế chia sẻ không ngừng thông qua cho thuê không gian không sử dụng trong các bất động sản ở, nhưng đồng thời phải nêu rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia trong các giao dịch này (bao gồm nộp thuế, đăng ký khách lưu trú, v.v...) và quy định khung pháp chế nhằm đảm bảo mức an ninh và an toàn phù hợp.
- Xây dựng các tiêu chuẩn áp dụng cho các khu vực du lịch trọng điểm và các hoạt động du lịch nhằm đảm bảo môi trường tự nhiên được bảo vệ. Điều này đặc biệt quan trọng tại các di sản và các thắng cảnh thiên nhiên trọng yếu như Vịnh Hạ Long và đảo Phú Quốc. Có thể cung cấp dữ liệu xếp hạng công khai đối với các nhà phát triển và nhà điều hành du lịch liên quan đến việc họ tuân thủ các quy định thực hành về thân thiện với môi trường.

IV. PHIÊN 3

KHẮC PHỤC NHỮNG TRỞ NGẠI ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI

*Chuẩn bị bởi
Nhóm Công tác Đầu tư & Thương mại*

1. Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU, Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương, và các hiệp định thương mại quan trọng khác

Như được đề cập trong diễn đàn trước, Nhóm Công tác Đầu tư & Thương mại ghi nhận thực tế là Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU sẽ sớm được phê chuẩn bởi Nghị viện châu Âu và chúng tôi trông chờ Quốc hội Việt Nam cũng sẽ có tiến độ cụ thể để phê chuẩn tương tự.

Ngoài Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU, Nhóm Công tác Đầu tư & Thương mại đánh giá cao Việt Nam đã phê chuẩn Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương ("CPTPP") vào ngày 12/11/2018. Cụ thể là đối với CPTPP, chúng tôi tin rằng hiệp định quan trọng này giữa 11 trong số 12 quốc gia thành viên "TPP" sẽ tạo ra sự tăng trưởng, việc làm và sự phát triển kinh tế xã hội một cách bền vững khắp khu vực. Năm ngoái, chúng tôi đã kiến nghị Chính phủ Việt Nam đẩy mạnh một số hiệp ước thương mại quan trọng khác, bao gồm Hiệp định Đối tác Kinh Tế Toàn diện Khu vực cùng các hiệp định quan trọng khác. Quan điểm của chúng tôi về những hiệp định này vẫn không thay đổi. Mỗi hiệp định đều mở ra các cơ hội, và cùng nhau, các hiệp định đó sẽ tạo ra nhiều cơ hội lớn hơn nữa.

2. Các vấn đề và giải pháp cụ thể

Nhóm Công tác Đầu tư và Thương Mại đã có sáu tháng làm việc bận rộn và hiệu quả kể từ Diễn đàn trước. Tám vấn đề đã được đưa vào làm chủ đề cho các cuộc họp và hội thảo tham vấn cấp cao của Nhóm Công tác, và một số vấn đề phát sinh thực tế quan trọng sẽ cần cân nhắc thêm. Cụ thể, chúng tôi muốn tập trung vào mười hai vấn đề sau đây:

2.1 Sửa đổi Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư

a. Thiếu định nghĩa rõ ràng về một số thuật ngữ chính được sử dụng trong Luật Đầu tư

Các khái niệm "ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện", "ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài", "điều kiện đầu tư kinh doanh" và "điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài" chưa được định nghĩa trong Luật Đầu tư. Đặc biệt, đối với nhà đầu tư nước ngoài, việc "đầu tư" đồng nghĩa với việc "kinh doanh"; vì thế, họ thường khó hiểu tại sao có sự khác biệt trong cách sử dụng các thuật ngữ này.

Ngoài ra, thuật ngữ "vốn để thực hiện dự án" được sử dụng trong Luật Đầu tư nhưng chưa được định nghĩa, và gây nhầm lẫn với thuật ngữ "vốn điều lệ".

Đề xuất: Làm rõ sự khác biệt giữa các khái niệm nói trên.

b. Không có thủ tục đăng ký đầu tư thống nhất cho một số trường hợp theo Luật Đầu tư

Theo Điều 26 của Luật Đầu tư, nhà đầu tư nước ngoài phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần / phần góp vốn khi (i) ngành, nghề kinh doanh của công ty mục tiêu thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài, hoặc (ii) giao dịch sẽ dẫn đến tỷ lệ sở hữu nước ngoài từ 51% trở lên. Tuy nhiên, việc sử dụng danh sách nào thể hiện các

điều kiện áp dụng với nhà đầu tư nước ngoài thì chưa rõ. Đồng thời chưa rõ về việc liệu nhà đầu tư nước ngoài có cần phải làm thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần góp vốn nếu nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần trong công ty đại chúng hay không.

Đề xuất: Cung cấp rõ ràng những trường hợp nhà đầu tư nước ngoài phải làm thủ tục đăng ký góp vốn / mua cổ phần / phần góp vốn.

c. Một số đề xuất cải cách thủ tục cấp phép

Dự thảo sửa đổi Luật Đầu tư đề xuất chuyển giao các hoạt động đầu tư ra nước ngoài cho sự giám sát của NHNN. Không rõ mục đích của đề xuất trên là gì và các hoạt động đầu tư ra nước ngoài sẽ được NHNN thực hiện như thế nào.

Đề xuất: Đảm bảo rằng mọi cải cách hành chính sẽ không tạo ra bất kỳ gánh nặng hành chính quá mức nào đối với nhà đầu tư, và đảm bảo sự phối hợp giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư và NHNN trong trường hợp chuyển giao các hoạt động đầu tư ra nước ngoài cho sự giám sát của NHNN.

d. Công ty trách nhiệm hữu hạn có 2 thành viên trở lên có thể đặt tỷ lệ biểu quyết thấp hơn 65-75% theo Luật Doanh nghiệp hay không

Hiện tại, Luật Doanh nghiệp không rõ về việc nếu Điều lệ Công ty TNHH 2 thành viên trở lên có thể quy định tỷ lệ biểu quyết thông qua quyết định của Hội đồng Thành viên thấp hơn mức 65%-75% của luật.

Đề xuất: Dự thảo Luật sửa đổi nên làm rõ nếu Công ty TNHH 2 thành viên trở lên có thể được phép quy định mức biểu quyết thấp hơn mức 65-75%, hay mức 65-75% là mức tối thiểu.

e. Nhiều sở yêu cầu doanh nghiệp phải nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử

Hiện tại, Luật Doanh nghiệp cho những doanh nghiệp thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử hoặc nộp trực tiếp. Tuy nhiên, nhiều sở yêu cầu doanh nghiệp phải nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử, và rất nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn vì hệ thống mạng điện tử chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu.

Đề xuất: Chúng tôi đề nghị Luật sửa đổi Luật Doanh nghiệp nhấn mạnh rằng các doanh nghiệp có thể làm thủ tục đăng ký doanh nghiệp / thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử hoặc nộp trực tiếp, và phương thức thực hiện là việc doanh nghiệp có quyền chọn.

f. Không thống nhất về ngày hiệu lực của những thay đổi trong Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp

Luật Doanh nghiệp không quy định rõ liệu những sửa đổi thông tin doanh nghiệp và người đại diện theo pháp luật có hiệu lực kể từ (i) ngày quyết định thay đổi nội bộ, hay (ii) ngày sửa đổi được thể hiện trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi. Trong thực tế, hầu hết các cơ quan nhà nước và các tổ chức khác chỉ công nhận rằng các sửa đổi có hiệu lực nếu sự thay đổi đó được phản ánh trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp.

Đề xuất: Dự thảo Luật sửa đổi cần phải làm rõ ngày hiệu lực của những thay đổi trong thông tin doanh nghiệp.

2.2 Luật Chuyển giao Công nghệ 2017 và Nghị định 76/2018/NĐ-CP

a. Đăng ký chuyển giao công nghệ (Điều 31.1 của Luật Chuyển giao Công nghệ 2017)

Vấn đề:

Theo Điều 31.1 của Luật Chuyển giao Công nghệ 2017, những trường hợp sau đây phải đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ:

- Hợp đồng chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam;
- Hợp đồng chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài; và
- Hợp đồng chuyển giao công nghệ trong nước có sử dụng vốn nhà nước hoặc ngân sách nhà nước, trừ trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Tuy nhiên, việc yêu cầu phải đăng ký các hợp đồng chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và các hợp đồng chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài là không hợp lý và không khuyến khích hoạt động chuyển giao công nghệ.

Luật Chuyển giao Công nghệ 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành, trong đó có Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ, đã quy định danh mục các công nghệ bị hạn chế và/hoặc bị cấm chuyển giao, cùng với trình tự và thủ tục xin cấp giấy phép chuyển giao công nghệ, cũng như các thủ tục kiểm tra, thanh tra, xử lý các vi phạm về chuyển giao công nghệ. Yêu cầu phải đăng ký các hợp đồng chuyển giao công nghệ không giúp loại bỏ những rủi ro tiềm ẩn trong quá trình chuyển giao công nghệ, mà mặt khác, sẽ đặt ra nhiều gánh nặng về hành chính và tài chính đối với các bên liên quan. Nó cũng có khả năng làm chậm quá trình chuyển giao công nghệ cũng như việc thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ, và khiến cho các quy định pháp luật về chuyển giao công nghệ của Việt Nam trở nên lạc hậu.

Hơn nữa, khi đăng ký chuyển giao công nghệ, các bên sẽ phải nộp bản gốc hoặc bản sao có chứng thực văn bản giao kết chuyển giao công nghệ. Điều này có thể dẫn đến rủi ro trong vấn đề bảo mật thông tin và bảo vệ bí mật kinh doanh và/hoặc bất kỳ thông tin bí mật nào khác có liên quan đến công nghệ được chuyển giao và các giao dịch liên quan. Yêu cầu đăng ký này có thể tác động tiêu cực đến môi trường đầu tư, đến việc thu hút nhà đầu tư/chủ sở hữu công nghệ nước ngoài đến và hợp tác kinh doanh với các công ty trong nước cũng như cản trở việc cải thiện và phát triển công nghệ mới tại Việt Nam, vì nhà đầu tư/chủ sở hữu công nghệ nước ngoài sẽ e ngại trước việc phải tiết lộ bí mật kinh doanh và/hoặc các thông tin bí mật liên quan đến công nghệ được chuyển giao trong quá trình đăng ký. Bởi lẽ đó, yêu cầu đăng ký chuyển giao công nghệ có thể không khuyến khích được việc chuyển giao và đầu tư vào công nghệ cao ở Việt Nam, điều đã từng rất thành công ở nước ta trong những năm gần đây.

Thêm vào đó, yêu cầu đăng ký này còn đi ngược lại với các nỗ lực cải cách và đơn giản hóa thủ tục hành chính, cũng như những nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư tại Việt Nam mà Chính phủ đã và đang cố gắng thực hiện trong những năm qua. Thay vì áp đặt những kiểm soát chặt chẽ không cần thiết đối với hoạt động chuyển giao công nghệ, Chính phủ nên tạo ra những điều kiện có lợi để thúc đẩy quá trình này, đặc biệt là đối với việc chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam.

Đề xuất:

Điều 31.1 của Luật Chuyển giao Công nghệ 2017 nên được sửa đổi và bổ sung để quy định rằng yêu cầu đăng ký chuyển giao công nghệ chỉ áp dụng đối với các hợp đồng chuyển giao công

nghe trong nước có sử dụng vốn nhà nước hoặc ngân sách nhà nước, trừ trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Việc đăng ký các hợp đồng này có thể có ích trong việc hỗ trợ nhà nước kiểm soát việc sử dụng và hiệu quả của việc sử dụng vốn nhà nước và ngân sách nhà nước trong hoạt động chuyển giao công nghệ.

Đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam và từ Việt Nam ra nước ngoài, yêu cầu đăng ký chuyển giao công nghệ nên được loại bỏ để tạo điều kiện và thúc đẩy quá trình chuyển giao công nghệ diễn ra hiệu quả hơn.

b. Định nghĩa "Công nghệ" (Điều 2.2 của Luật Chuyển giao Công nghệ 2017)

Vấn đề:

Theo quy định tại Điều 2.2 của Luật Chuyển giao Công nghệ 2017, "**công nghệ**" được định nghĩa là "*giải pháp, quy trình, bí quyết có kèm hoặc không kèm công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm*".

Theo chúng tôi, định nghĩa này quá rộng, do nó có thể bao gồm tất cả các giải pháp, quy trình và bí quyết, chỉ cần chúng có thể giúp biến đổi nguồn lực thành sản phẩm. Như vậy, mọi hoạt động chuyển giao công nghệ đều sẽ phải đăng ký nếu rơi vào trường hợp bắt buộc đăng ký theo quy định tại Điều 31.1 của Luật Chuyển giao Công nghệ 2017. Điều này sẽ tạo ra những gánh nặng rất lớn và không cần thiết cho cả bên chuyển giao và bên nhận chuyển giao công nghệ, và do đó, sẽ làm chậm quá trình chuyển giao công nghệ và không khuyến khích hoạt động chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài, cũng như từ nước ngoài vào Việt Nam.

Bên cạnh đó, nếu theo như định nghĩa này thì "**công nghệ**" có thể bao gồm các giải pháp, quy trình và bí quyết không chỉ trong lĩnh vực sản xuất, mà còn có thể trong lĩnh vực dịch vụ. Bởi lẽ các giải pháp trong lĩnh vực dịch vụ cũng có thể biến đổi nguồn lực thành sản phẩm (sản phẩm dịch vụ). Như vậy, dường như việc chuyển giao bất kỳ giải pháp hoặc quy trình nào cũng sẽ phải được đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ.

Đề xuất:

Định nghĩa "**công nghệ**" nên được làm rõ để xác định phạm vi các đối tượng công nghệ cần phải đăng ký khi được chuyển giao nếu rơi vào trường hợp yêu cầu đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ theo quy định của luật này.

2.3 Luật An ninh mạng và Dự thảo Nghị định

a. Vấn đề:

- Luật An ninh mạng được thông qua vào ngày 12 tháng 6 năm 2018 và sẽ có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2019. Tuy nhiên, một số yêu cầu và việc thực hiện một số điều của Luật An ninh mạng còn chưa rõ ràng, bao gồm yêu cầu lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam theo Điều 26 của Luật An ninh mạng;
- Bản dự thảo chính thức đầu tiên của Nghị định hướng dẫn Luật An ninh mạng được công bố vào ngày 02/11/2018 để lấy ý kiến đóng góp ("**Dự Thảo Nghị Định**"). Dự Thảo Nghị Định, cùng với Luật An ninh mạng, sẽ có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. Dự Thảo Nghị Định được mở lấy ý kiến đóng góp cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.
- Theo Dự Thảo Nghị Định, quy định về lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam được làm rõ tại Chương V, theo đó, doanh nghiệp trong và ngoài nước có đầy đủ các điều kiện sau đây phải lưu trữ dữ liệu và đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam:

- ✓ Là doanh nghiệp cung cấp một trong các dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet, các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng có hoạt động kinh doanh tại Việt Nam sau đây: Dịch vụ viễn thông; Dịch vụ lưu trữ, chia sẻ dữ liệu trên không gian mạng; Cung cấp tên miền quốc gia hoặc quốc tế cho người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam; Thương mại điện tử; Thanh toán trực tuyến; Trung gian thanh toán; Dịch vụ kết nối vận chuyển qua không gian mạng; Mạng xã hội và truyền thông xã hội; Trò chơi điện tử trên mạng; Thư điện tử;
 - ✓ Có hoạt động thu thập, khai thác, phân tích, xử lý các loại dữ liệu quy định tại Điều 24 Dự Thảo Nghị Định;
 - ✓ Để cho người sử dụng dịch vụ thực hiện hành vi được quy định tại Khoản 1, 2 Điều 8 Luật An ninh mạng;
 - ✓ Vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều 8, điểm a hoặc điểm b khoản 2 Điều 26 Luật An ninh mạng.
- Mặc dù Dự Thảo Nghị Định đã làm rõ hơn và đưa ra hướng dẫn về việc áp dụng Luật An ninh mạng, một số vấn đề vẫn còn chưa rõ ràng. Góp ý của chúng tôi tập trung vào sự thiếu rõ ràng và phạm vi rộng của dữ liệu phải lưu trữ tại Việt Nam, tiêu chí rộng dẫn tới việc phải tuân thủ quy định lưu trữ dữ liệu và đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam, và những vấn đề liên quan đến việc minh bạch trong thực hiện những quy định này. Vui lòng xem bảng tổng hợp Góp ý cụ thể của các thành viên VBF.

b. Tác động:

- Việc quy định rộng phạm vi các doanh nghiệp và loại dữ liệu phải tuân thủ quy định về lưu trữ dữ liệu sẽ gây gánh nặng về chi phí cho các doanh nghiệp liên quan đến lưu trữ dữ liệu (ví dụ: lập kế hoạch, xác định vị trí, và xây dựng trung tâm dữ liệu) và sao chép dữ liệu của những người sử dụng dịch vụ nằm ở những vùng khác.
- Luật An ninh mạng và Dự Thảo Nghị Định đã gây nên nhiều mối quan ngại đối với các doanh nghiệp nước ngoài có hoạt động kinh doanh tại Việt Nam. Một khung pháp lý an ninh mạng không rõ ràng có thể ngăn cản việc doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào Việt Nam trong lĩnh vực CNTT và các lĩnh vực liên quan.

c. Đề xuất của chúng tôi:

- Trong tương lai gần, chúng tôi đề xuất Bộ Công an xem xét và giải quyết vướng mắc của những doanh nghiệp trong ngành về việc tuân thủ quy định tại Dự Thảo Nghị Định bằng cách bảo đảm những điều sau đây:
 - ✓ Thời hạn 60 ngày để lấy ý kiến Dự Thảo Nghị Định cần được tuân thủ nghiêm ngặt. Luật An ninh mạng và Dự Thảo Nghị Định sẽ có hiệu lực vào ngày 01 tháng 01 năm 2019, trong khi thời hạn lấy ý kiến sẽ kết thúc vào ngày 30 tháng 12 năm 2018. Nếu cần thiết, Chính phủ và Quốc hội cần đẩy lùi ngày Luật An ninh mạng và Dự Thảo Nghị Định có hiệu lực thi hành nếu Nghị định hướng dẫn chưa được ban hành trước khi Luật An ninh mạng có hiệu lực thi hành.
 - ✓ Sau khi Nghị định hướng dẫn Luật An ninh mạng được ban hành, nên có một khoảng thời gian là 60 ngày từ ngày Nghị định có hiệu lực để doanh nghiệp có thể nghiên cứu và chuẩn bị cho việc tuân thủ quy định của Nghị định.
- Về lâu dài, Chính phủ nên xem xét xóa bỏ quy định về việc lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam và các yêu cầu về việc thành lập chính nhánh, văn phòng đại diện theo Luật An ninh mạng và

thay thế bằng các cơ chế khác có thể đảm bảo an ninh mạng đồng thời tạo ra khung pháp lý lành mạnh cho các công ty nước ngoài thực hiện hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.

2.4 Lao động: Nghị định 143 mới về Bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với Người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam - Các mối lo ngại về gia tăng chi phí lao động

Sau một thời gian dài chờ đợi, Nghị định số 143/2018/NĐ-CP quy định chi tiết về Bảo hiểm xã hội bắt buộc dành cho người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam ("**Nghị định 143**") đã chính thức được ban hành vào ngày 15 tháng 10 năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2018. Việc áp dụng Nghị định 143 khiến các nhà đầu tư - trong và ngoài nước - đều lo ngại rằng việc chi phí lao động tăng nhanh có thể làm giảm sức thu hút của Việt Nam như là một điểm đến đầu tư và khả năng tiếp tục tạo việc làm cho những người trẻ khi bước vào thị trường lao động của Chính Phủ sẽ bị ảnh hưởng. Cụ thể, mức đóng và quyền lợi được hưởng của từng chế độ sẽ áp dụng tại các thời điểm khác nhau như được tóm tắt dưới đây.

a. Phạm vi áp dụng

Bảo hiểm xã hội bắt buộc được áp dụng cho người lao động là công dân nước ngoài mà:

- làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ một năm trở lên với người sử dụng lao động tại Việt Nam; và
- đã được cấp (i) giấy phép lao động, hoặc (ii) chứng chỉ hành nghề, hoặc (iii) giấy phép hành nghề.

Tuy nhiên, những người lao động là công dân nước ngoài sau đây thì không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc:

- di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 11/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam;
- người lao động đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định tại khoản 1 Điều 187 của Bộ luật Lao động, cụ thể là 60 tuổi đối với nam và 55 tuổi đối với nữ.

Người lao động mà giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động và thuộc diện áp dụng bảo hiểm xã hội bắt buộc thì người lao động và người sử dụng lao động chỉ đóng bảo hiểm xã hội đối với hợp đồng lao động giao kết đầu tiên, trừ trường hợp đối với bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp thì việc tham gia được áp dụng cho từng người sử dụng lao động theo từng hợp đồng lao động.

b. Các chế độ áp dụng

Nghị định 143 quy định người lao động là công dân nước ngoài phải tham gia tất cả năm chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc hiện đang áp dụng với người lao động là công dân Việt Nam, bao gồm (i) chế độ ốm đau, (ii) chế độ thai sản, (iii) chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, (iv) chế độ hưu trí, và (v) chế độ tử tuất. Tuy nhiên, thời điểm áp dụng năm chế độ đối với người lao động là công dân nước ngoài sẽ khác nhau, cụ thể như sau:

- Các chế độ ngắn hạn bao gồm (i) ốm đau, (ii) thai sản và (iii) tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp sẽ được áp dụng kể từ **ngày 01 tháng 12 năm 2018**; và
- Các chế độ dài hạn bao gồm (iv) hưu trí và (v) tử tuất sẽ được áp dụng kể từ **ngày 01 tháng 01 năm 2022**.

c. Mức đóng

Mức đóng đối với người sử dụng lao động và người lao động là công dân nước ngoài cũng sẽ giống như mức đóng áp dụng với người lao động là công dân Việt Nam, cụ thể: người lao động đóng 8% và người sử dụng lao động đóng 17,5%, dựa trên tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của người lao động với mức cao nhất bằng 20 lần mức lương cơ sở theo quy định của Chính phủ.

Mức đóng được thực hiện như sau:

- Từ ngày **01 tháng 12 năm 2018** đến ngày **31 tháng 12 năm 2021**:
 - ✓ Người sử dụng lao động: 3,5%, bao gồm 3% đóng vào quỹ ốm đau và thai sản; và 0,5% đóng vào quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;
 - ✓ Người lao động: không áp dụng;
- Từ ngày **01 tháng 01 năm 2022** trở đi:
 - ✓ Người sử dụng lao động: 17,5%, bao gồm 3% đóng vào quỹ ốm đau và thai sản, 0,5% đóng vào quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, và 14% đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất;
 - ✓ Người lao động: 8% đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất.

d. Thủ tục

Trình tự, thủ tục tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và giải quyết hưởng bảo hiểm xã hội đối với người lao động nước ngoài tại Việt Nam sẽ không khác so với quy định hiện đang áp dụng cho người lao động Việt Nam, ngoại trừ các thủ tục liên quan tới (i) việc giải quyết hưởng lương hưu một lần và (ii) việc giải quyết hưởng trợ cấp một lần trong trường hợp nhận lương hưu hàng tháng và trợ cấp bảo hiểm xã hội đối với người lao động nước ngoài không còn cư trú tại Việt Nam.

Cách tính trợ cấp một lần áp dụng với lao động nước ngoài cũng giống như cách tính đang áp dụng cho người lao động Việt Nam do Luật Bảo hiểm xã hội 2014 quy định. Tuy nhiên, bất kỳ người lao động nước ngoài nào đã từng yêu cầu hưởng quyền lợi theo chế độ bảo hiểm y tế sẽ biết rằng việc nhận các quyền lợi bảo hiểm mà họ đã tham gia đóng góp gần như là không thể trên thực tế cho đến khi hoàn thành nhiều thủ tục hành chính mà họ không lường trước được.

Ngoài ra, Nghị định 143 vẫn chưa quy định hồ sơ giải quyết chế độ trong các trường hợp trên. Đối với lao động nước ngoài đủ điều kiện yêu cầu hưởng trợ cấp một lần nhưng không cư trú tại Việt Nam vào thời điểm yêu cầu, vấn đề liệu họ có thể ủy quyền cho một cá nhân khác thực hiện nộp hồ sơ hoặc nhận những khoản trợ cấp này hay không thì vẫn chưa được quy định. Điều này có thể không phải là một vấn đề ở thời điểm hiện tại, do sẽ cần có một khoảng thời gian kể từ ngày bắt đầu đóng bảo hiểm cho tới ngày phát sinh những vấn đề này, đặc biệt trong trường hợp yêu cầu hưởng lương hưu. Tuy nhiên, việc thiếu hướng dẫn chi tiết vẫn còn đó và chúng tôi kiến nghị vấn đề này cần được làm rõ hơn trong các văn bản hướng dẫn của Nghị định 143 trong thời gian sắp tới.

Thêm vào đó, Nghị định 143 quy định Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội có trách nhiệm đàm phán và ký kết các Hiệp định song phương và đa phương về bảo hiểm xã hội. Tuy nhiên, hiện danh sách những Hiệp định này hay sự ảnh hưởng của các Hiệp định này tới quy định hiện hành về bảo hiểm xã hội cho lao động nước ngoài vẫn chưa được cung cấp. Do đó, chúng tôi cho rằng những vấn đề này cũng nên sớm được làm rõ để đảm bảo quyền lợi cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

e. Tác động về tài chính

Để đánh giá tác động về mặt tài chính của Nghị định 143, bảng tính dưới đây thể hiện chi phí mà doanh nghiệp phải chịu khi áp dụng thay đổi này, dựa trên Mức Lương Cơ Sở và Mức Lương Tối Thiểu Vùng:

Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội	Người sử dụng lao động	Người lao động Việt Nam	Người sử dụng lao động	Người lao động nước ngoài
Bảo hiểm xã hội	17,5%	8%	Từ ngày 01 tháng 12 năm 31 tháng 12 năm 2021: 3,5% Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022: 17,5%	Từ ngày 01 tháng 12 năm 31 tháng 12 năm 2021: không áp dụng Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022: 8%
Bảo hiểm thất nghiệp	1%	1%	không áp dụng	không áp dụng
Bảo hiểm y tế	3%	1,5%	3%	1,5%

Cách tính này giả định rằng:

- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế được tính dựa trên tiền lương thực tế hằng tháng và được giới hạn ở mức 27,8 triệu đồng (tương đương 1.209 USD), bằng 20 lần Mức Lương Cơ Sở hiện tại là 1,39 triệu đồng;
- Bảo hiểm thất nghiệp được tính dựa trên tiền lương thực tế hằng tháng và được giới hạn ở mức từ 55,2 đến 79,6 triệu đồng (tương đương từ 2.400 USD đến 3.461 USD), bằng 20 lần Mức Lương Tối Thiểu Vùng ở thời điểm hiện tại đang trong khoảng từ 2,76 triệu đồng đến 3,98 triệu đồng, tùy từng vùng.

Để minh họa, bảng tính sau đây thể hiện chi phí lao động thực tế cho việc tham gia các loại bảo hiểm bắt buộc theo bốn mức lương đối với người sử dụng lao động tại Thành phố Hồ Chí Minh, là thành phố thuộc Vùng I, bằng cách sử dụng Mức Lương Cơ Sở và Mức Lương Tối Thiểu Vùng hiện tại:

Tỷ giá : 1 USD = 23.000 VND

Mức lương	Tiền lương tính mức đóng bảo hiểm (VND)		Tổng mức đóng bảo hiểm (VND/USD)			
	Cho bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	Cho bảo hiểm thất nghiệp	Người sử dụng lao động	Người lao động Việt Nam	Người sử dụng lao động	Người lao động nước ngoài
Mức lương tối thiểu	3.980.000	3.980.000	856.000 VND/	418.000 VND / 8,2 USD	Từ ngày 01 tháng 12 năm 31 tháng	Từ ngày 01 tháng 12 năm

hiện tại được áp dụng (đối với Vùng I: 3.980.000 VND)			37,2 USD		12 năm 2021: 258.700 VND/11,2 USD Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022: 816.000 VND/ 35,5 USD	31 tháng 12 năm 2021: không áp dụng Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022: 438000 VND/19 USD
400 USD	9.200.000	9.200.000	1.978.000 VND / 86 USD	966.000 VND / 42 USD	Từ ngày 01 tháng 12 năm 31 tháng 12 năm 2021: 598.000 VND/ 26 USD Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022: 1.886.000 VND/82 USD	Từ ngày 01 tháng 12 năm 31 tháng 12 năm 2021: không áp dụng Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022: 874,000 VND/38 USD
4.000 USD	27.800.00 0	79.600.00 0	6.495.000 VND / 282,4 USD	3.437.000 VND / 149,4 USD	Từ ngày 01 tháng 12 năm 31 tháng 12 năm 2021: 1.807.000 VND/ 78.6 USD Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022: 5,699.000 VND/247,8 USD	Từ ngày 01 tháng 12 năm 31 tháng 12 năm 2021: không áp dụng Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022: 2,641,000 VND/114,8 USD
10.000 USD	27.800.00 0	79.600.00 0	6.495.000 VND / 282,4 USD	3.437.000 VND / 149,4 USD	Từ ngày 01 tháng 12 năm 31 tháng 12 năm 2021: 1.807.000 VND/ 78.6 USD Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022: 5,699.000 VND/247,8 USD	Từ ngày 01 tháng 12 năm 31 tháng 12 năm 2021: không áp dụng Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022: 2,641,000 VND/114,8 USD

Chính phủ đã giải quyết quan ngại của doanh nghiệp khi chọn phương án áp dụng theo lộ trình. Tuy nhiên, khi áp dụng cách tính này, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 trở đi, việc doanh nghiệp phải đóng hàng tháng tổng cộng là 362,6 USD đối với một người lao động có mức lương 4.000 USD sẽ khiến chi phí này trở thành gánh nặng, nhất là nếu có bất kỳ vấn đề nào với việc lấy lại, thanh toán và chuyển tiền vào cuối thời hạn hợp đồng.

Khi bổ sung thêm khoản phải đóng này, tổng số khoản phải đóng đối với người lao động ở Việt Nam sẽ thuộc nhóm cao nhất trong khu vực khi tính đến số lượng các khoản phải đóng, mức đóng cao và phạm vi áp dụng rộng (không chỉ tính đối với tiền lương mà còn các loại phúc lợi khác).

2.5 Lao động: Góp ý và kiến nghị về dự thảo Bộ luật Lao động sửa đổi

Chúng tôi đánh giá cao những nỗ lực của Chính phủ Việt Nam trong việc rà soát và sửa đổi Bộ luật Lao động, văn bản quy phạm quan trọng nhất điều chỉnh các vấn đề lao động và việc làm tại Việt Nam. Việc rà soát và sửa đổi Bộ luật Lao động là rất cấp thiết trong điều kiện Việt Nam đã phê chuẩn hàng loạt điều ước quốc tế bao gồm CPTPP và EVFTA với các cam kết của Việt Nam về sửa đổi hành lang pháp lý về lao động và việc làm.

Tuy nhiên, chúng tôi bày tỏ quan ngại rằng tại thời điểm báo cáo này, bản dự thảo cuối cùng của Bộ luật Lao động sửa đổi vẫn chưa được công bố để lấy ý kiến rộng rãi. Việc trì hoãn công bố bản dự thảo để lấy ý kiến rộng rãi sẽ rút ngắn thời gian lấy ý kiến của các bên liên quan và ảnh hưởng tới việc xây dựng và thực thi bộ luật quan trọng này, trước kế hoạch tham vọng của Chính phủ trình Quốc hội thảo luận vào tháng 4 / tháng 5 năm 2019.

Trong khi chờ đợi bản dự thảo cuối cùng của Bộ luật Lao động sửa đổi được công bố chính thức, chúng tôi muốn nhân cơ hội này bày tỏ quan ngại và kiến nghị Chính phủ Việt Nam và ban soạn thảo bộ luật rằng: Bộ luật Lao động sửa đổi cần phải mang tới một cơ chế tốt hơn, chặt chẽ hơn và những công cụ hiệu quả hơn cho người sử dụng lao động để thực thi quy tắc ứng xử, kỷ luật lao động và trật tự chung tại nơi làm việc. Bộ luật Lao động của Việt Nam là một trong số những bộ luật khắt khe và nghiêm ngặt nhất trong khu vực khi người sử dụng lao động áp dụng hình thức kỷ luật sa thải người lao động trong những trường hợp có lý do. Căn cứ sa thải bị hạn chế và trình tự, thủ tục mà người sử dụng lao động phải tuân thủ khi sa thải một người lao động vì hành vi vi phạm kỷ luật hiện đang ở mức quá phiền hà với người sử dụng lao động. Trong khi đó, các doanh nghiệp đang hoạt động trong một môi trường kinh doanh mà ngày càng được điều chỉnh sâu rộng hơn bởi pháp luật. Việt Nam đã thông qua thêm luật để phòng chống tham nhũng trong cả khu vực công và khu vực tư, và ban hành thêm quy định trong lĩnh vực tài chính, v.v. Tất cả các quy định cho phép doanh nghiệp hoạt động với tiêu chuẩn tuân thủ pháp luật cao hơn sẽ không phát huy hiệu quả nếu doanh nghiệp không có công cụ và cơ chế hiệu quả để thực thi và kỷ luật người lao động có hành vi vi phạm pháp luật và / hoặc gây cho doanh nghiệp vi phạm pháp luật.

Cụ thể, chúng tôi nhận thấy trật tự xã hội và việc tuân thủ pháp luật trong xã hội được duy trì và củng cố bởi những giá trị mà xã hội đặt ra thông qua pháp luật và quy tắc ứng xử được xã hội chấp nhận. Việc yêu cầu các công ty phải thực hiện các thủ tục kéo dài phiền hà để có thể sa thải người lao động có hành vi vi phạm những quy tắc cơ bản của xã hội như có hành vi trộm cắp, bạo lực hoặc lừa đảo như đưa ra thông điệp rằng những hành vi đó là hành vi được chấp nhận khi gây thiệt hại và tốn kém chi phí cho người sử dụng lao động. Điều này không chỉ có nguy cơ gửi một thông điệp sai tới người lao động về những hành vi được phép thực hiện, mà còn gửi một thông điệp sai đến cả những người sử dụng lao động và các nhà đầu tư về vị trí của họ trong xã hội Việt Nam. Bộ luật Lao động sửa đổi nên đảm bảo rằng những hành vi vi phạm cơ bản các quy tắc xã hội (ví dụ như lừa đảo, trộm cắp, bạo lực, v.v.) sẽ để người sử dụng lao động có cơ sở để áp dụng kỷ luật sa thải ngay lập tức mà không bắt buộc phải có Nội quy lao động đã được đăng ký, hay phải chứng minh thiệt hại gây ra cho người sử dụng lao động hay phải thực hiện thủ tục xử lý kỷ luật kéo dài phức tạp.

2.6 Vấn đề liên quan đến điều kiện đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

Vấn đề này đã được nêu trong Báo cáo giữa kỳ năm 2018 và vẫn chưa được giải quyết xong.

a. Vấn đề 1

Một vấn đề thách thức về thủ tục hành chính mà còn kéo dài đó là liên quan đến những ngành, phân ngành dịch vụ chưa cam kết hoặc không được quy định tại Biểu cam kết của Việt Nam trong WTO và điều ước quốc tế về đầu tư khác mà pháp luật Việt Nam chưa có quy định về điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài, Cơ quan đăng ký đầu tư lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ quản lý ngành để xem xét, quyết định (Điểm đ, khoản 2, điều 10, Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015).

Ví dụ, về vấn đề này, Sở Kế Hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh ("**SKHĐT TP. HCM**") hỏi ý kiến từ các bộ ngành và chỉ cấp phép khi có chấp thuận bằng văn bản của bộ ngành ghi rõ là "chấp thuận". Trên thực tế, mọi ý kiến như "đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét cấp phép" đều không được xem là "chấp thuận".

Kiến nghị:

Các Bộ ngành, đặc biệt là Bộ Kế hoạch và Đầu tư nên nêu rõ liệu họ có đồng ý cho SKHĐT cấp giấy phép cho nhà đầu tư. Khi các bộ quản lý ngành không có ý kiến phản đối thì Sở Kế hoạch và Đầu tư cần cấp phép. Khi văn bản ý kiến của các bộ thể hiện sự đồng ý, không nhất thiết phải ghi chữ "chấp thuận", thì SKHĐT cũng nên thực hiện cấp giấy phép.

b. Vấn đề 2

Theo Nghị định 118 thi hành Luật Đầu tư, trường hợp nhà đầu tư nước ngoài đã được phép thực hiện hoạt động đầu tư trong các ngành, phân ngành dịch vụ quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 10 và các ngành, phân ngành dịch vụ này đã được công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài theo quy định tại Điều 13 Nghị định 118, Cơ quan đăng ký đầu tư xem xét, quyết định hoạt động đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài trong cùng ngành, nghề đó mà không phải lấy ý kiến của Bộ quản lý ngành (Điểm e, khoản 2, điều 10, Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015).

Ví dụ, về vấn đề này, SKHĐT thành phố Hồ Chí Minh vẫn xin chấp thuận từ Bộ quản lý ngành cho cho từng trường hợp bất kể đã có tiền lệ các nhà đầu tư nước ngoài đã được cấp phép thực hiện những hoạt động đề xuất.

Kiến nghị:

SKHĐT sẽ tiết kiệm thời gian và nguồn lực bằng cách áp dụng/ sử dụng tiền lệ theo các quy định này.

c. Vấn đề 3

Theo Điều 5, Khoản 6 của Nghị Định 09/2018/NĐ-CP, "tổ chức kinh tế có cơ sở bán lẻ tại Việt Nam, sau khi nhận vốn góp trở thành tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế thuộc trường hợp quy định tại điểm b và c khoản 1 Điều 23 Luật đầu tư, phải làm thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

Hồ sơ, trình tự cấp Giấy phép kinh doanh đối với trường hợp này thực hiện theo quy định tại Điều 12 và 13 Nghị định này.

Hồ sơ, trình tự cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động thực hiện theo quy định tại Điều 38 Nghị định này."

Như vậy, một doanh nghiệp trong nước bất kể nhận bao nhiêu phần trăm vốn góp từ nhà đầu tư nước ngoài, chỉ từ 1%, đều phải xin Giấy phép kinh doanh và Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho từng cơ sở bán lẻ mà doanh nghiệp đang có. Theo Điều 38, thời gian để BCT và SCT xem xét cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ là 65 ngày, không kể thời gian thư gửi qua lại từ SCT đến BCT. Và SCT và BCT có hoàn toàn quyết định có cho phép một cơ sở bán lẻ tiếp tục hoạt động hay không thông qua việc cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ. Như vậy toàn bộ hoạt động kinh doanh cũng như quyền lợi và công việc của người lao động làm việc tại các cửa hàng này đều bị đặt vào hoàn cảnh rủi ro và mất ổn định.

Đề nghị:

Đề nghị bỏ yêu cầu cấp phép lại đối với những cửa hàng đã và đang tồn tại hoạt động. Có thể xem xét áp dụng việc cấp phép lại nếu áp dụng thủ tục tự động rút gọn và chỉ áp dụng với doanh nghiệp mà nhà đầu tư nước ngoài góp vốn ít nhất 51% vốn điều lệ trong doanh nghiệp trở lên.

2.7 Các quan ngại về đề xuất sửa đổi Luật Quản lý thuế đề nghị quản lý thuế đối với thương mại điện tử liên quan đến dịch vụ đại lý lữ hành

Vấn đề này đã được nêu trong Báo cáo giữa kỳ năm 2018 và vẫn chưa được giải quyết xong.

a. Đề xuất sửa đổi Luật Quản lý Thuế liên quan đến các hoạt động thương mại điện tử

Chúng tôi được biết Bộ Tài Chính ("BTC") đang xem xét một tờ trình về sửa đổi Luật quản lý thuế ("Dự thảo Tờ trình"), và một trong những vấn đề được đề cập là quản lý thuế đối với thương mại điện tử. Theo Dự thảo Tờ trình, chúng tôi hiểu rằng BTC đề nghị bổ sung một chương mới vào Luật quản lý thuế ("LQLT") để điều chỉnh hoạt động thương mại điện tử. Những điểm chính của Dự thảo Tờ trình đối với vấn đề này là:

- Dự thảo Tờ trình đề nghị chuyển nghĩa vụ khai và nộp thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") và thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") từ các doanh nghiệp Việt Nam sang cho các công ty nước ngoài cung cấp dịch vụ trực tuyến.
- Dự thảo Tờ trình xem xét yêu cầu các công ty nước ngoài cung cấp dịch vụ cho khách hàng Việt Nam thiết lập đầu mối như mở văn phòng đại diện ở Việt Nam cho mục đích kê khai và nộp thuế.

Du lịch và lữ hành là một trong những ngành công nghiệp quan trọng của Việt Nam trong việc phát triển kinh tế bền vững và phát triển xã hội. Theo dữ liệu của Hiệp hội Du lịch và Lữ hành quốc tế, du lịch và lữ hành chiếm tới 5,9% tổng GDP năm 2017¹ và dự đoán là sẽ tăng lên 6,7% vào năm 2018; tạo ra 2.467.500 việc làm trong năm 2017 (chiếm tỷ lệ 4,6% tổng số lao động); và xuất khẩu thông qua khách du lịch chiếm 4,0% tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2017. Theo Tổng cục Du lịch Việt Nam, Việt Nam đã đón 12,9 triệu lượt khách du lịch quốc tế năm 2017² và 4,2 triệu lượt khách trong ba tháng đầu năm 2018³ trong khi đó con số này năm 2015 chỉ là 7,9 triệu lượt khách.⁴ Hơn nữa, theo thống kê năm 2015 số lượt khách nội địa tham quan các điểm du lịch trong nước là 102 triệu lượt.⁵ Một trong những điểm cho thấy sự đóng góp ngày càng tăng của ngành công nghiệp này cho nền kinh tế quốc gia là số lượng phòng khách sạn tăng

¹ <https://www.wttc.org/-/media/files/reports/economic-impact-research/countries-2018/vietnam2018.pdf>

² <http://vietnamtourism.gov.vn/index.php/items/25583>

³ <http://vietnamtourism.gov.vn/index.php/items/26184>

⁴ <http://vietnamtourism.gov.vn/index.php/items/19659>

⁵ <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=720>

từ 92.500 năm 2002 lên đến 420.000 năm 2016.⁶ Những con số này cho thấy ngành công nghiệp du lịch và lữ hành không chỉ rất lớn mạnh mà còn phát triển rất nhanh.

Chúng tôi quan ngại rằng những nội dung trong Dự thảo Tờ trình, nếu trở thành luật, sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của ngành kinh tế quan trọng này.

b. Phân tích

Hiện tại, theo Thông tư số 103/2014/TT-BTC và Công văn số 848/BTC-TCT ngày 18 tháng 1 năm 2017 của BTC ("CV 848"), tiền hoa hồng của các đại lý nước ngoài cung cấp dịch vụ lữ hành trực tuyến ("OTA") chịu 5% thuế GTGT và 5% thuế TNDN. CV 848 yêu cầu các khách sạn tại Việt Nam, là tổ chức chi trả thu nhập, có nghĩa vụ khấu trừ, khai và nộp thuế GTGT và thuế TNDN đối với khoản tiền hoa hồng của các OTA nước ngoài.

VBF ủng hộ những nỗ lực liên tục của Việt Nam trong việc cải tổ và cải thiện hệ thống luật thuế nhằm tạo ra một môi trường kinh doanh thuận lợi và hiệu quả cũng như đạt được các mục tiêu thu thuế của Chính phủ. Tuy nhiên, Dự thảo Tờ trình này nếu được thi hành theo như nội dung hiện tại sẽ tạo ra những gánh nặng tuân thủ thuế không hợp lý, một cơ chế thu thuế không phổ biến và không thực tế, làm tăng chi phí hoạt động không cần thiết cho các OTA nước ngoài và đẩy ngành kinh doanh du lịch lữ hành phát triển sang các quốc gia khác. Chúng tôi nghĩ rằng tất cả các vấn đề liên quan chưa được xác định và đánh giá một cách đầy đủ.

Là trung gian giữa khách lưu trú và khách sạn, các OTA đóng vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của thị trường du lịch và lữ hành, và họ cũng đang đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành công nghiệp này ở Việt Nam. Các OTA tạo sự thuận lợi cho du khách trong việc thu xếp nơi lưu trú ở Việt Nam một cách nhanh nhất; góp phần thu hút du khách đến Việt Nam cũng như phát triển ngành công nghiệp khách sạn. Asian Trade Center đã phát hành một nghiên cứu vào tháng 10 năm 2017 để giải thích cách vận hành của ngành OTA, chứng minh các lợi ích, và đưa ra lời khuyên về cách cơ quan quản lý nhà nước quản lý lĩnh vực này để đảm bảo những lợi ích tốt nhất cho các bên.

VBF Chúng tôi hiểu được sự quan ngại của Chính phủ và BTC đối với các vấn đề về thuế của hoạt động thương mại điện tử. Tuy nhiên, sự quan ngại này không nên liên quan với các hoạt động kinh doanh của các OTA nước ngoài tại Việt Nam. Mặc dù Dự thảo Tờ trình không định nghĩa rõ ràng về đối tượng các nhà cung cấp dịch vụ thương mại điện tử nước ngoài, chúng tôi có cơ sở cho rằng Dự thảo Tờ trình không nhằm điều chỉnh các OTA nước ngoài như trình bày dưới đây.

c. Dịch vụ đặt phòng trực tuyến của OTA không phải là dịch vụ ảo và hoàn toàn có thể xác minh được

Theo Dự thảo Tờ trình, BTC bày tỏ quan ngại về các giao dịch thương mại điện tử ảo và khó xác minh. Do đó, Dự thảo Tờ trình đề xuất một số phương thức mới nhằm mục đích tăng thu ngân sách về thuế.

Tuy nhiên, trên thực tế, quan ngại này của BTC không liên quan đến hoạt động kinh doanh của các OTA. Trong một giao dịch đặt phòng trực tuyến điển hình, khách sạn cung cấp dịch vụ lưu trú đến khách hàng. OTA chỉ kết nối khách sạn và khách du lịch để hai bên khách sạn và khách du lịch thực hiện giao dịch với nhau. Chính các khách sạn, chứ không phải các OTA, mới là bên cung cấp dịch vụ lưu trú cho khách du lịch. Mặc dù được cung cấp qua nền tảng công nghệ điện

⁶ <http://vietnamtourism.gov.vn/index.php/items/13461>

từ, dịch vụ đặt phòng trực tuyến của các OTA không mang tính chất ảo vì kết quả của dịch vụ đặt phòng chính là việc khách sạn cung cấp dịch vụ lưu trú tại Việt Nam cho khách du lịch.

Vì dịch vụ lưu trú được cung cấp tại Việt Nam cho khách du lịch bởi các khách sạn được cấp phép hợp pháp nên không thể xem dịch vụ đặt phòng trực tuyến là dịch vụ ảo trên mọi phương diện. Dịch vụ đặt phòng trực tuyến có thể xác minh được thông qua các khách sạn mà khách du lịch đặt phòng và lưu trú. Do đó, việc yêu cầu các khách sạn phải khấu trừ và nộp thuế trong các giao dịch đặt phòng trực tuyến là hoàn toàn thiết thực, khác với một số lĩnh vực thương mại điện tử khác vốn phục vụ đối tượng khách hàng cá nhân.

d. Cơ chế khấu trừ thuế hiện tại đã điều chỉnh đầy đủ nghĩa vụ thuế của các OTA nước ngoài đối với thu nhập phát sinh tại Việt Nam

Dự thảo Tờ trình sẽ tạo ra tình trạng đánh thuế hai lần nếu cơ chế thu thuế mới được áp dụng song song với cơ chế khấu trừ thuế hiện nay. Theo Thông tư số 103/2014/TT-BTC, doanh nghiệp được thành lập và/hoặc hoạt động theo pháp luật Việt Nam, nếu mua dịch vụ và trả tiền cho một tổ chức nước ngoài trên cơ sở hợp đồng, có nghĩa vụ phải khấu trừ và nộp thuế GTGT và thuế TNDN thay cho tổ chức nước ngoài đó. Dựa trên quy định này, BTC đã ban hành CV 848 yêu cầu các khách sạn được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam khấu trừ, khai và nộp 5% thuế GTGT và 5% thuế TNDN đối với tiền hoa hồng mà các khách sạn trả cho các OTA nước ngoài.

Như đã phân tích ở trên, các OTA không phải là bên cung cấp dịch vụ lưu trú cho khách du lịch, vì vậy các OTA không phải là bên thụ hưởng tiền phòng mà khách du lịch trả cho khách sạn cho kỳ lưu trú của họ tại khách sạn. Điều này có nghĩa là thu nhập của các OTA tại Việt Nam không được thanh toán bởi khách du lịch vốn là các cá nhân ở nước ngoài hoặc Việt Nam. Các OTA trên thực tế là bên thụ hưởng tiền hoa hồng do khách sạn thanh toán cho các OTA. Do các khách sạn phải là các đối tượng hợp pháp được cấp phép cung cấp dịch vụ lưu trú theo quy định của Luật Du lịch, cơ chế khấu trừ thuế áp dụng đối với khách sạn có thể đảm bảo rằng cơ quan thuế có thể buộc các đối tượng có đăng ký kinh doanh như khách sạn chịu trách nhiệm khấu trừ đúng số thuế phát sinh trên các khoản hoa hồng mà khách sạn trả cho các OTA. Do vậy, không cần thiết phải tạo thêm gánh nặng khai và nộp thuế cho các OTA vốn là các doanh nghiệp nước ngoài, trong khi Chính phủ Việt Nam vẫn có thể đạt được mục tiêu thu thuế đối với dịch vụ đặt phòng trực tuyến thông qua các doanh nghiệp nội địa như các khách sạn.

e. Cơ chế khấu trừ thuế hiện tại là phù hợp và tương tự với thực tế áp dụng của các quốc gia khác

Các quốc gia khác thường áp dụng cơ chế đánh thuế GTGT đảo ngược (reverse charge) đối với giao dịch cung cấp hàng hóa và dịch vụ xuyên biên giới theo đó người mua/khách hàng, chứ không phải người bán, sẽ chịu và nộp thuế GTGT. Một số nước trong khu vực Châu Á Thái Bình Dương đã áp dụng cơ chế áp thuế đảo ngược hoặc khấu trừ thuế gián thu gồm Úc, Indonesia, Hàn Quốc, Malaysia, Thái Lan, Đài Loan, Trung Quốc và Philippines. Phương pháp khấu trừ thuế nhà thầu hiện tại của Việt Nam là tương tự với phương pháp đánh thuế đảo ngược áp dụng ở các nước khác. Cơ chế đánh thuế đảo ngược và khấu trừ thuế tạo điều kiện thuận lợi cho quy trình khai và nộp thuế bởi vì người mua/khách hàng vốn dĩ là các đối tượng thành lập và hoạt động theo luật pháp nước sở tại sẽ có đủ các nguồn lực cần thiết để tuân thủ nghĩa vụ khai và nộp thuế tại nước sở tại. Cơ quan thuế cũng có thể thu thuế từ các doanh nghiệp nội địa một cách đầy đủ hơn và với chi phí hiệu quả hơn là phải quản lý việc khai và nộp thuế của các doanh nghiệp nước ngoài. Do đó, sẽ khả thi hơn cho Việt Nam nếu duy trì cơ chế khấu trừ thuế hiện tại cũng là một thông lệ thu thuế phổ biến đối với các giao dịch đặt phòng trực tuyến của các OTA và tăng cường giám sát việc tuân thủ pháp luật thuế của các doanh nghiệp nội địa hơn là đột ngột chuyển

sang áp dụng một phương pháp thu thuế mới và chuyển nghĩa vụ tuân thủ thuế cho các doanh nghiệp nước ngoài.

VBF kiến nghị cải thiện việc quản lý thuế nhưng không nên áp dụng các biện pháp không thích hợp hoặc không cần thiết trong khi các biện pháp hiện tại theo các quy định hiện hành đã được kiểm chứng, theo chúng tôi, là chưa được khai thác triệt để. Với tinh thần củng cố các cơ chế thu thuế vốn đã được áp dụng lâu dài và tương thích với các cơ chế đang được áp dụng trong khu vực như phân tích ở trên, VBF khuyến nghị BTC nên xem xét thêm các biện pháp khác hiện đã được pháp luật quy định để tăng cường việc tuân thủ và thu thuế, ví dụ như giáo dục, tập huấn, tuyên truyền hay các biện pháp kiểm soát đặc biệt.

f. OTA nước ngoài sẽ phải chịu thêm các chi phí không cần thiết để tuân thủ nghĩa vụ kê khai thuế

Các OTA nước ngoài sẽ phải thiết lập các đầu mối hiện diện tại Việt Nam hoặc thuê các công ty cung cấp dịch vụ tại Việt Nam để hỗ trợ khai thuế theo quy định của Dự Thảo Tờ trình. Nó sẽ làm phát sinh thêm những chi phí đáng kể và không cần thiết cho OTA bao gồm cả các khoản thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ. Các chi phí này sẽ ảnh hưởng đến tính cạnh tranh của ngành công nghiệp du lịch và lữ hành của Việt Nam.

g. Các khách sạn tại Việt Nam cần phải kê khai và nộp thuế phát sinh từ khoản hoa hồng phải trả cho các OTA nước ngoài để được trừ chi phí tính thuế TNDN và khấu trừ thuế GTGT

Các khách sạn có nghĩa vụ phát hành hóa đơn hợp pháp cho khách và kê khai doanh thu để tính thuế trên tiền phòng thu từ khách trước khi trừ khoản tiền hoa hồng trả cho các OTA. Đây là hướng dẫn của Tổng Cục Thuế tại Công Văn số 2978/TCT-CS ngày 6 tháng 7 năm 2017. Do vậy, các khách sạn sẽ có lợi ích về thuế nếu họ khấu trừ và nộp thuế cho khoản tiền hoa hồng trả cho các OTA nước ngoài, vì chỉ có như vậy các khách sạn mới có thể đưa khoản tiền hoa hồng này vào chi phí được trừ để tính thuế TNDN cũng như khấu trừ số thuế GTGT đã nộp trên tiền hoa hồng trả cho các OTA nước ngoài. Vì vậy, cơ chế khấu trừ thuế hiện tại cũng phục vụ cho việc tuân thủ nghĩa vụ thuế của các khách sạn.

h. Các OTA nước ngoài trên thực tế không thể được bảo vệ theo hiệp định tránh đánh thuế hai lần

Các cơ quan dự thảo luật có thể cho rằng các hiệp định thuế có thể ngăn ngừa việc đánh thuế hai lần nếu phát sinh từ việc thay đổi pháp luật này. Mặc dù Việt Nam đã tham gia vào rất nhiều hiệp định thuế, các yêu cầu hiện hành về thủ tục thông báo miễn giảm thuế theo hiệp định là quá rườm rà và khó khăn đối với các doanh nghiệp nước ngoài dẫn đến việc không thực hiện được trong đa số các trường hợp. Do vậy, những thiệt hại phát sinh từ việc chuyển nghĩa vụ kê khai thuế cho các công ty nước ngoài sẽ không thể giảm đi bằng cách áp dụng Hiệp định.

i. Cam kết gia nhập WTO của Việt Nam không yêu cầu các OTA nước ngoài phải thiết lập các hiện diện tại Việt Nam để cung cấp dịch vụ đại lý lữ hành xuyên biên giới

Việc yêu cầu các OTA nước ngoài phải thành lập một văn phòng tại Việt Nam rõ ràng là không nhất quán với các cam kết gia nhập WTO của Việt Nam. Cụ thể, theo các cam kết gia nhập WTO của Việt Nam⁷, các dịch vụ được quy định tại CPC 7471 - Dịch vụ đại lý lữ hành và điều hành

⁷ http://trungtamwto.vn/sites/default/files/schedule_of_specific_commitments_in_services.pdf (trang 44)

tour du lịch - có thể được cung cấp qua biên giới mà không bị hạn chế tiếp cận thị trường. Do vậy, điều này có thể đặt ra câu hỏi về việc thực thi các cam kết gia nhập WTO của Việt Nam nếu như các OTA nước ngoài bị yêu cầu phải thành lập một văn phòng đại diện hoặc ủy quyền cho một đại diện thực hiện việc kê khai và nộp thuế như Dự thảo Tờ trình quy định.

j. Kiến nghị và đề xuất xem xét

Theo như những nhận định và phân tích ở trên, chúng tôi kính đề nghị BTC xem xét lại Dự thảo Tờ trình liên quan đến quản lý thuế đối với lĩnh vực thương mại điện tử, không thay đổi cơ chế khấu trừ thuế theo quy định tại Thông tư 103/2014/TT-BTC và Công văn 848/BTC-TCT đối với hoạt động kinh doanh của các OTA nước ngoài tại Việt Nam, tiếp tục để các doanh nghiệp Việt Nam khấu trừ và trả thuế phát sinh tại Việt Nam, không chuyển nghĩa vụ này sang cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nước ngoài. Chúng tôi tin rằng cải thiện phương thức đã tồn tại lâu dài sẽ tốt hơn là xây dựng một hệ thống hoàn toàn mới ẩn chứa nhiều khó khăn, phức tạp không lường trước được. Điều này sẽ giúp cho các OTA nước ngoài tiếp tục đóng góp vào sự phát triển của ngành công nghiệp du lịch cũng như việc sử dụng các sản phẩm và dịch vụ của Việt Nam.

2.8 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP - "Giấy Phép Kinh Doanh"

Vấn đề này đã được nêu trong Báo cáo giữa kỳ năm 2018 và vẫn chưa được giải quyết xong.

Các vấn đề: Nghị định 23 đã được thay thế bằng Nghị định 09/2018/NĐ-CP ("**Nghị định 09**") vào ngày 15 tháng 01 năm 2018. Tuy nhiên, vẫn còn tồn đọng một số vấn đề từ Diễn đàn trước". Theo Nghị định 09, yêu cầu về "giấy phép kinh doanh" vẫn áp dụng cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Ngoài ra, Nghị định 09 có vẻ ủng hộ việc cải cách hành chính bằng việc phân quyền hạn chấp thuận cho Sở Công Thương cấp tỉnh. Tuy nhiên, trên thực tế, trong số 9 lĩnh vực hoạt động kinh doanh phải có giấy phép kinh doanh, có 8 lĩnh vực hoạt động kinh doanh phải lấy ý kiến BCT trước khi chấp thuận.

Như đã đề cập tại Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF) thường niên năm 2017, mặc dù có thời hạn cụ thể đối với quy trình lấy ý kiến, trên thực tế, BCT không tuân thủ nghiêm ngặt thời hạn này dẫn đến việc quy trình chấp thuận bị trì hoãn.

Nghị định 09 cũng tăng thêm gánh nặng hành chính lên các doanh nghiệp bằng việc quy định rằng Giấy Phép Kinh Doanh không còn là Giấy Phép Lập Cơ Sở Bán Lẻ cho cơ sở bán lẻ thứ nhất. Như vậy, những doanh nghiệp chỉ mở 1 cơ sở bán lẻ vẫn phải nộp hồ sơ xin cấp Giấy Phép Lập Cơ Sở Bán Lẻ, là điều mà họ không phải làm theo Nghị định 23.

Kiến nghị:

Thủ tục lấy ý kiến BCT nên được hạn chế đối với một số lĩnh vực hoạt động kinh doanh vì thủ tục lấy ý kiến này có vẻ dư thừa theo các cam kết WTO rõ ràng.

2.9 Các vấn đề liên quan đến ngân hàng - Từ góc nhìn của doanh nghiệp

Thông tư 32 về mở tài khoản thanh toán:

Vấn đề này đã được nêu trong Báo cáo giữa kỳ năm 2018 và vẫn chưa được giải quyết xong.

Thông tư số 02/2018/TT-NHNN gia hạn thời hạn chuyển đổi hình thức tài khoản hoặc đóng tài khoản của tổ chức không có tư cách pháp nhân sang năm sau (tức là tháng 3 năm 2019).

Việc gia hạn theo Thông tư 02 chỉ là biện pháp tạm thời. Chúng tôi kiến nghị có hướng giải quyết toàn diện đối với vấn đề này.

Thông tư 32 đã hạn chế đối tượng có tư cách pháp nhân khi mở tài khoản thanh toán quy định hai đối tượng: (1) cá nhân, và (2) doanh nghiệp được thành lập theo luật doanh nghiệp. Từ khi Thông tư 32 được thực thi, các tổ chức đặc thù như các văn phòng đại diện, tổ chức phi chính phủ, hiệp hội doanh nghiệp, và các tổ chức khác được coi là các chủ thể không có tư cách pháp nhân để mở một tài khoản ngân hàng.

Chúng tôi đề nghị Chính phủ sớm xem xét vấn đề này để đảm bảo hoạt động tài chính bình thường của tất cả các loại hình hoạt động kinh doanh hợp pháp.

2.10 Hạn chế đối với người nước ngoài sở hữu nhà ở tại Việt Nam

Vấn đề này đã được nêu trong Báo cáo giữa kỳ năm 2018 và vẫn chưa được giải quyết xong.

Các vấn đề:

Mọi người ở đây đều nhận thấy rằng Việt Nam đã có bước tiến lớn trong việc tạo ra môi trường đầu tư thân thiện, nơi mà những nhà kinh doanh trong nước và nước ngoài cùng gia đình của họ có thể làm việc trong một bầu không khí an toàn và thoải mái. Dịch vụ trường học và bệnh viện đã cải thiện đáng kể. Có nhiều sự lựa chọn hơn đối với các hoạt động vui chơi giải trí, văn hóa. Tuy nhiên, một yếu tố được chứng minh khó đạt được chính là lĩnh vực sở hữu nhà ở. Dù đã ban hành các quy định cho phép bán có giới hạn một số loại căn hộ chung cư và biệt thự nhất định cho người nước ngoài nhưng vẫn chưa có những quy định thi hành được ban hành một cách kịp thời, dẫn đến xảy ra nhiều nhầm lẫn và rủi ro trong thị trường.

Vấn đề còn tồn đọng lớn nhất hiện nay là việc thực hiện các hạn chế đối với việc sở hữu nhà ở của người nước ngoài tại Việt Nam, việc này có thể ảnh hưởng đến quyền sở hữu nhà ở của người nước ngoài tại Việt Nam hơn hai năm. Luật Nhà ở năm 2014 cho phép người nước ngoài sở hữu nhà ở tại Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2015; và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ("**Nghị định 99**"), quy định chi tiết các cơ chế thực hiện quyền sở hữu nhà ở của người nước ngoài tại Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 10 tháng 12 năm 2015.

Nghị định 99 yêu cầu Bộ Công an ("**BCA**") và Bộ Quốc phòng ("**BQP**") xác định cụ thể các khu vực cần bảo đảm an ninh, quốc phòng và thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Theo Văn bản số 786/BCA-TCAN ngày 19 tháng 04 năm 2017 của BCA và Văn bản số 10328/BQP-TM ngày 19 tháng 10 năm 2016 của BQP, chúng tôi hiểu rằng việc này đã được thực hiện.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải dựa trên các văn bản hướng dẫn nêu trên của BCA và BQP để chỉ đạo các Sở Xây dựng cấp tỉnh xác định các dự án nhà ở thương mại mà cá nhân và tổ chức nước ngoài không được phép sở hữu nhà ở. Đối với trường hợp cụ thể của Thành phố Hồ Chí Minh, dựa trên các thông tin được công bố, chúng tôi hiểu rằng việc này đã được thực hiện vào tháng 07 năm 2017.

Những điều trên cho thấy Chính phủ đang mong muốn mọi việc tiến triển tốt hơn. Nay, công việc cuối cùng là xác định các dự án nhà ở thương mại mà cá nhân và tổ chức nước ngoài không được phép sở hữu nhà ở và công bố các thông tin đó lên mạng nay sẽ do các Sở Xây dựng cấp tỉnh thực hiện.

Tuy nhiên, các Sở Xây dựng cấp tỉnh chưa cho thấy bất kỳ tiến triển nào từ phía mình. Vì thế, việc trì hoãn kéo dài này thực sự làm cho các cá nhân và tổ chức nước ngoài mong muốn mua nhà ở tại Việt Nam lo ngại. Chúng tôi mong rằng các Sở Xây dựng cấp tỉnh sẽ làm việc một cách

chủ động và sát sao hơn với các cơ quan chức năng hữu quan để giải quyết những vấn đề này theo chỉ đạo của các Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Đây là bước cuối cùng để hiệu lực hóa quyền được mua nhà ở của người nước ngoài tại Việt Nam mà đáng lẽ ra đã phải có hiệu lực từ hơn hai năm trước.

Một vấn đề đáng chú ý khác là hạn chế về mặt kỹ thuật đối với việc đăng ký quyền sở hữu nhà. Sổ căn hộ mà người nước ngoài được quyền sở hữu trong một tòa nhà chung cư bị giới hạn ở mức 30%, nhưng Bộ Xây dựng và các Sở Xây dựng ở địa phương chưa áp dụng một hệ thống cần thiết để đăng ký và theo dõi số lượng căn hộ thuộc sở hữu của người nước ngoài trong một dự án nhất định. Vì vậy, thị trường thứ cấp đã bị đóng băng hoàn toàn. Tại hầu hết các tỉnh thành, dường như không có một hệ thống nào cho việc thay đổi loại quyền sở hữu từ của người Việt sang người nước ngoài một khi tài sản đã được bán cho người trong nước. Rủi ro này chỉ làm tăng chi phí về vốn cần có để xây dựng quỹ nhà ở của Việt Nam. Chúng tôi hy vọng rằng những vấn đề này có thể được giải quyết sớm để thị trường có thể bắt đầu hoạt động bình thường.

Kiến nghị:

Chúng tôi kiến nghị rằng các Sở Xây dựng cấp tỉnh nên làm việc chủ động hơn với các Ủy ban Nhân dân để giải quyết sớm các vấn đề bằng cách công bố danh sách các dự án mà người nước ngoài không được quyền sở hữu nhà ở. Điều này sẽ giúp cho thị trường nhà ở Việt Nam phát triển một cách minh bạch và lành mạnh hơn.

2.11 Công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam

Vấn đề này đã được nêu trong Báo cáo giữa kỳ năm 2018 và vẫn chưa được giải quyết xong.

Tòa án Việt Nam thường ban hành các quyết định từ chối yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam vì các lý do không phù hợp với Công ước New York.

Chúng tôi kiến nghị có cơ chế để đảm bảo Tòa án Việt Nam áp dụng và tuân thủ Công ước New York 1958 nghiêm túc áp dụng việc công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam, tuân thủ Công ước New York 1958 và phù hợp với Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và tòa án Việt Nam không được xem xét lại tình tiết vụ việc mà đã được giải quyết bởi trọng tài nước ngoài.

2.12 Trọng tài tại Việt Nam

Vấn đề này đã được nêu trong Báo cáo giữa kỳ năm 2018 và vẫn chưa được giải quyết xong.

Tự do hóa thương mại cho phép các công ty trong và ngoài nước thực hiện các dự án dài hạn và có lợi nhuận và hợp tác thương mại. Việc hội nhập của nền kinh tế trong nước vào hệ thống toàn cầu đòi hỏi các quan hệ hợp đồng chắc chắn và đáng tin cậy.

Sự can thiệp của tòa án Việt Nam trong quá trình tiến hành tố tụng trọng tài là rào cản lớn cho các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Theo báo cáo của thành viên chúng tôi, sự can thiệp của tòa án Việt Nam không chỉ xảy ra trước khi tòa trọng tài đưa ra phán quyết (dẫn đến hoạt động tố tụng trọng tài bị chấm dứt) mà còn khiến phán quyết bị hủy bỏ sau khi đã được trọng tài của VIAC đưa ra. Ví dụ, có những trường hợp tòa án Việt Nam bác bỏ phán quyết của trọng tài khi vin vào lý do trái với “những nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” khi trên thực tế tòa án lại tiến hành xem xét lại tình tiết của vụ việc.

Ngoài ra, về thủ tục tố tụng trọng tài tại Việt Nam, mặc dù các hội đồng trọng tài có thể đề nghị tòa án hỗ trợ trong việc triệu tập nhân chứng hoặc thu thập chứng cứ, nhưng trên thực tế, các tòa án không chủ động hoặc không thực sự hỗ trợ hiệu quả đối với hoạt động tố tụng trọng tài.

Kiến nghị: Cần có hướng dẫn cụ thể hơn cho các tòa án cấp dưới để hạn chế một cách thống nhất việc can thiệp của tòa án vào hoạt động tố tụng trọng tài và cần áp dụng quyền kháng cáo quyết định của tòa án sơ thẩm về vấn đề thẩm quyền hay về vấn đề hiệu lực của phán quyết trọng tài.

NHỮNG BẤT CẬP TRONG VIỆC THỰC THI CHÍNH SÁCH THUẾ & HẢI QUAN ẢNH HƯỞNG TỚI MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ

Chuẩn bị bởi
Nhóm Công Tác Thuế/Hải Quan

Trong thời gian vừa qua, Chính phủ thực sự quan tâm đến việc đổi mới môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp, cải cách hành chính, thu hút đầu tư và thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội. Để tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị bao gồm Chỉ thị số 20/CT-TTg và Chỉ thị số 07/CT-TTg, Thủ tướng Chính phủ cũng đã yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp được giao: điển hình là các dự án Luật sửa đổi các Luật về thuế, tháo gỡ ngay những vướng mắc cho doanh nghiệp về thuế; chính sách thu thuế và chế độ kế toán đơn giản, phù hợp với doanh nghiệp nhỏ, đặc biệt là doanh nghiệp được chuyển đổi từ hộ kinh doanh; sửa đổi Luật chứng khoán nhằm cải thiện các điều kiện đầu tư gián tiếp nước ngoài. Tuy nhiên theo quan sát của chúng tôi, Vẫn còn những tồn đọng trong việc thực thi chính sách về thuế và hải quan làm ảnh hưởng đến động cơ và tâm lý của các nhà đầu tư khi gia nhập thị trường hoặc mở rộng đầu tư ở Việt Nam. Những vấn đề này đã được đề xuất nhiều lần nhưng vẫn chưa được giải quyết thỏa đáng và trở thành vấn đề vướng mắc kéo dài của nhiều doanh nghiệp.

1. Bảo hộ đầu tư

Vấn đề:

Đối với nhà đầu tư, các loại Giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp có ý nghĩa như một bản cam kết giữa Chính phủ Việt Nam với nhà đầu tư. Đây là tài liệu quan trọng đảm bảo cho hoạt động đầu tư của họ vào Việt Nam. Pháp luật đầu tư luôn khẳng định nguyên tắc bảo hộ đầu tư, theo đó trường hợp quy định mới có ưu đãi đầu tư thấp hơn so với mức ưu đãi đã được quy định tại giấy phép, nhà đầu tư được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư theo quy định như đã nêu tại giấy phép.

Tuy nhiên, trên thực tế, có nhiều trường hợp doanh nghiệp đã được cấp giấy phép với mức ưu đãi cụ thể và đã thực hiện theo đúng nội dung ưu đãi này. Nhưng khi cơ quan thuế vào kiểm tra, cơ quan thuế lại từ chối áp dụng, phủ nhận những ưu đãi mà doanh nghiệp đã được cấp. Trong một số trường hợp, cơ quan thuế cho rằng cơ quan cấp phép đã làm sai khi cấp những ưu đãi đó cho nhà đầu tư nhưng lại yêu cầu doanh nghiệp nộp số thuế bổ sung, lãi chậm nộp và thậm chí còn yêu cầu doanh nghiệp nộp phạt do kê khai sai thuế.

Từ phương diện nhà đầu tư, họ cho rằng Chính phủ đã không thực hiện đúng như cam kết, không tôn trọng nguyên tắc bảo hộ đầu tư, và cho rằng cơ quan thuế đang bắt doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm, chịu thiệt hại đối với lỗi sai do chính cơ quan chính phủ gây ra. Những tình huống như vậy thường gây bức xúc lớn và mất lòng tin của các nhà đầu tư, họ sẽ lên tiếng tại các diễn đàn và cộng đồng các nhà đầu tư, theo đó, ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường đầu tư và khả năng thu hút các nhà đầu tư mới. Thực tế là có những trường hợp gây khiếu kiện kéo dài.

Đề xuất:

Trường hợp cơ quan Nhà nước Việt Nam cấp phép ghi sai ưu đãi thuế trên Giấy chứng nhận đầu tư thì đó nên là trách nhiệm của cơ quan cấp phép, doanh nghiệp không nên vì vậy mà bị buộc phải gánh hậu quả. Theo đó, việc ưu đãi Thuế đối với các Doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư nên được thực hiện theo Giấy chứng nhận đầu tư đã cấp nếu đã đảm bảo điều kiện được hưởng ưu đãi. Trường hợp cơ quan cấp phép rà soát thấy Giấy chứng nhận đầu tư cấp bị sai thì nên có giải thích với nhà đầu tư để sửa đổi điều khoản ghi sai, khi đó Doanh nghiệp sẽ chỉ

phải thực hiện tính thuế theo Giấy chứng nhận điều chỉnh kể từ ngày điều chỉnh ghi trên Giấy chứng nhận đầu tư.

2. Tôn trọng cam kết của Chính phủ Việt Nam khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (“WTO”)

Vấn đề:

Trên thực tế, ưu đãi của một số nhà đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam nhưng lại bị bác bỏ, mặc dù giấy phép đã ghi rõ trên đó các ưu đãi đầu tư (kể cả ưu đãi thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN)). Những ưu đãi trên Giấy chứng nhận đầu tư hoàn toàn phù hợp với cam kết của Chính phủ Việt Nam khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (“WTO”) theo ghi nhận tại Mục 279 Trang 104 Báo cáo của Ban công tác về việc Việt Nam gia nhập WTO như sau: “Các ưu đãi đầu tư được hưởng và thời hạn áp dụng ưu đãi đầu tư đó được quy định rõ trong Giấy phép đầu tư”. Đây thực sự là một vấn đề lớn vì nhà đầu tư luôn tin tưởng rằng Giấy CNĐT được cấp hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam là văn bản pháp lý cao nhất liên quan đến việc thành lập và hoạt động của Dự án, thể hiện sự cam kết từ phía Nhà nước Việt Nam về một môi trường đầu tư hấp dẫn, minh bạch. Nhà đầu tư nước ngoài cũng đã căn cứ vào Giấy CNĐT và các ưu đãi thuế TNDN để đưa ra các quyết định về phát triển và tăng vốn đầu tư ở Việt Nam.

Ngoài ra, chúng tôi cũng được biết rằng đây là vấn đề đang vướng mắc của một số nhà đầu tư, nhưng dường như cơ quan thuế mới chỉ xem xét cho một vài nhà đầu tư từ một số quốc gia, chứ chưa giải quyết đồng bộ và nhất quán vấn đề này. Điều này đi ngược với Nguyên tắc Tối huệ quốc được quy định cụ thể tại Luật Đầu tư 2005 và tại Luật Đầu tư 2014 hiện hành, cụ thể là tại Khoản 4 Điều 5 Luật Đầu tư 2014 theo đó “Nhà nước đối xử bình đẳng giữa các nhà đầu tư; có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh, phát triển bền vững các ngành kinh tế.”

Đề xuất:

Đề nghị cơ quan thuế địa phương tôn trọng các cam kết của Chính phủ Việt Nam khi gia nhập WTO cũng như thực hiện đúng nguyên tắc đối xử bình đẳng giữa các nhà đầu tư.

3. Hoàn thuế Giá trị Gia tăng (GTGT)

Vấn đề:

Quy định của pháp luật thuế thay đổi liên tục nhằm bắt kịp sự phát triển của nền kinh tế nói chung và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng. Tuy nhiên, chính sách thuế không thể rõ ràng trong mọi tình huống và có thể có những cách hiểu khác nhau. Do đó, việc áp dụng chính sách thuế cần dựa trên tính hợp lý và đạo lý thuế nói chung. Về nguyên tắc và đạo lý thuế, thuế GTGT không phải là doanh thu, chi phí của bất kỳ bên nào. Trong các văn bản pháp quy, Chính phủ cũng đưa hướng dẫn về các trường hợp hoàn thuế GTGT đầu vào. Tuy nhiên, trên thực tế, cơ quan thuế địa phương dường như tìm mọi cách để bắt lỗi doanh nghiệp, từ chối cho phép doanh nghiệp được hoàn thuế nhằm mục đích tăng thu thuế, mà không xem xét đến bản chất kinh tế của giao dịch.

Cơ quan thuế và cơ quan hải quan đã cố ý vin vào những lỗi sai hành chính của người trả thuế và thậm chí còn đi ngược lại bản chất kinh tế của vụ việc và tước đi quyền được hoàn thuế của doanh nghiệp. Ví dụ doanh nghiệp bị từ chối hoàn thuế vì hồ sơ hoàn thuế nộp chậm hoặc kê khai nhầm biểu mẫu hoàn thuế, mặc dù doanh nghiệp đã thực hiện điều chỉnh bổ sung cho đúng với các quy định trong văn bản pháp quy cũng như yêu cầu của cơ quan thuế và cơ quan hải quan.

Về vấn đề hoàn thuế cho doanh nghiệp đang trong giai đoạn đầu tư: xuyên suốt trong các văn bản quy định về thuế GTGT từ trước đến nay là cơ sở kinh doanh đang trong giai đoạn đầu tư sẽ được hoàn thuế GTGT đầu vào nếu số thuế GTGT đầu vào chưa khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên. Đây là một điểm tốt trong chính sách, giúp cải thiện dòng tiền cho doanh nghiệp trong giai đoạn đầu tư do số thuế GTGT phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản thường là khá lớn. Tuy nhiên, dường như quy định đang phân biệt trong việc hoàn thuế đối với doanh nghiệp đầu tư mới và doanh nghiệp đầu tư mở rộng khi không cho phép hoàn thuế đối với dự án đầu tư mở rộng dù vẫn đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản mà sẽ phải thực hiện kết chuyển thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư để bù trừ với việc kê khai thuế GTGT của hoạt động sản xuất kinh doanh đang thực hiện. Và sau khi bù trừ nếu số thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên thì mới được hoàn thuế GTGT cho dự án đầu tư.

Ngoài ra, từ ngày 1 tháng 7 năm 2016, thuế GTGT đầu vào phát sinh đối với hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu là không được phép hoàn theo hiệu lực của Nghị định 100/2016/NĐ-CP. Điều này đã tạo nên quan ngại cho nhiều doanh nghiệp có số thuế GTGT đầu vào mà chưa được khấu trừ hết có giá trị lớn. Ghi nhận vấn đề này, Nghị định 146/2017/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2018 đã bổ sung quy định về hoàn thuế cho thuế GTGT đầu vào nói trên nếu thỏa mãn những điều kiện nhất định.

Như vậy có nghĩa là, từ thời điểm sau khi Nghị định 146 có hiệu lực, doanh nghiệp mới được xin hoàn thuế GTGT cho hoạt động nhập khẩu để xuất khẩu. Tuy nhiên, quy định không rõ ràng cho việc doanh nghiệp có được xin hoàn cho toàn bộ số thuế GTGT đầu vào lũy kế đến thời điểm xin hoàn (bao gồm cả số thuế đầu vào phát sinh trong giai đoạn từ 1/7/2016 đến 1/2/2018).

Do thiếu hướng dẫn cụ thể, trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 1 tháng 2 năm 2018, thuế GTGT đầu vào phát sinh từ hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất cho doanh nghiệp chế xuất hoặc xuất khẩu ra nước ngoài mà chưa được khấu trừ nhiều khả năng bị cơ quan thuế xem như là đối tượng không được hoàn thuế.

Đề xuất:

- Việc hoàn thuế GTGT trong giai đoạn đầu tư nên được thực hiện đồng bộ cho doanh nghiệp có dự án đầu tư mới và doanh nghiệp đang hoạt động có dự án đầu tư mở rộng, miễn là doanh nghiệp thỏa mãn điều kiện có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên. Không nên có sự phân biệt giữa dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng vì trong cả hai trường hợp, dòng tiền vốn mà nhà đầu tư phải bỏ ra và số thuế GTGT phát sinh trong giai đoạn này đều tương đối lớn nên việc cho phép được hoàn thuế trong giai đoạn này sẽ giúp cải thiện dòng tiền cho nhà đầu tư, khuyến khích việc nhà đầu tư tái đầu tư, mở rộng sản xuất, kinh doanh.
- Trong việc xem xét bản chất kinh doanh và đạo lý thuế, doanh nghiệp hoạt động nhập khẩu để xuất khẩu nên được xem là thuộc đối tượng được hoàn thuế GTGT đầu vào vì các hàng hóa này không được tiêu dùng tại Việt Nam. Quy định tại Nghị định 100 là một sự sơ xuất trong quá trình soạn thảo nghị định vì không đưa ra hướng dẫn rõ ràng và phù hợp đối với hoạt động này dễ gây hiểu lầm thậm chí đi ngược lại đạo lý thuế.

Vì vậy, việc sửa đổi tại điều khoản này tại Nghị định 146 là hoàn toàn hợp lý và theo đó Chính phủ, Bộ Tài chính nên có hướng dẫn để doanh nghiệp được hoàn cho toàn bộ số thuế đầu vào phát sinh chưa được khấu trừ hết trong giai đoạn từ 1/7/2016 đến 1/2/2018.

4. Thuế GTGT đối với sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa qua chế biến

Vấn đề:

Theo quy định tại khoản 1, Điều 1, Nghị định 146/2017/NĐ-CP, sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT. Sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến trực tiếp từ nguyên liệu chính là tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản xuất sản phẩm trở lên trừ các trường hợp được quy định cụ thể tại khoản 1, Điều 1 (ví dụ sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản do cơ sở kinh doanh trực tiếp khai thác và chế biến mà trong quy trình chế biến đã thành sản phẩm khác sau đó lại tiếp tục chế biến ra sản phẩm xuất khẩu (quy trình chế biến khép kín hoặc thành lập phân xưởng, nhà máy chế biến theo từng công đoạn) thì sản phẩm xuất khẩu này thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Luật thuế GTGT. Tuy nhiên, không có hướng dẫn cụ thể về cách hiểu “sản phẩm khác” được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản khai thác cũng như cách tính tỷ trọng 51%.

Đề xuất:

Do vấn đề này ảnh hưởng lớn đến quyền lợi của doanh nghiệp và trên thực tế, do không có đầy đủ các hướng dẫn cụ thể mà cơ quan thuế ở một số địa phương đã từ chối việc hoàn thuế GTGT của doanh nghiệp, nên Bộ Tài chính nên sớm đưa ra văn bản pháp lý ở cấp Thông tư về cách tính tỷ trọng 51% cũng như định nghĩa cụ thể thế nào là “sản phẩm khác” được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản khai thác tránh tình trạng cơ quan thuế cố tình đưa ra cách diễn giải mang tính bất lợi cho người nộp thuế.

5. Mức không chế lãi vay

Vấn đề:

Nghị định 20/2017/NĐ-CP và Thông tư 41/2017/TT-BTC có hiệu lực từ 1/5/2017 với đối tượng áp dụng là đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp kê khai và có phát sinh giao dịch với các bên có quan hệ liên kết. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định 20, tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ của người nộp thuế được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không vượt quá 20% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay, chi phí khấu hao trong kỳ của người nộp thuế. Quy định này, hiện nay được cơ quan thuế địa phương áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết, bao gồm cả doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp FDI. Tại Việt Nam, nhiều doanh nghiệp hoạt động theo mô hình mẹ - con thường phát sinh các giao dịch cho vay theo mô hình công ty mẹ đi vay và cho công ty con vay lại. Do đó, các doanh nghiệp này chịu ảnh hưởng lớn từ quy định không chế này của Nghị định 20.

Cần nhấn mạnh rằng quy định không chế chi phí lãi vay này được Việt Nam tham khảo và áp dụng theo hướng dẫn của OECD và Hành động số 4 của Diễn đàn hợp tác triển khai chống sói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận (“BEPS”). Tháng 6 năm 2017, Việt Nam đã chính thức tuyên bố tham gia và trở thành thành viên thứ 100 của Diễn đàn hợp tác thực hiện BEPS, do đó, việc điều chỉnh các quy định của nội luật phù hợp với các thông lệ tốt của quốc tế này là cần thiết.

Nghị định 20 được ban hành với mục đích đưa các quy định về xác định giá giữa các giao dịch liên kết tại Việt Nam gần hơn so với quy định thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng các quy định trong OECD chỉ cung cấp các hướng dẫn chung để các quốc gia có thể áp dụng tùy theo điều kiện và bối cảnh riêng.

Đối với quy định được phép tính mức không chế lãi vay ròng thay vì lãi vay thuần, theo hướng dẫn của BEPS, việc sử dụng lãi vay ròng có thể giúp giảm rủi ro nộp thuế hai lần (doanh thu từ lãi vay sẽ bù trừ với chi phí lãi vay trước khi mức không chế được áp dụng). Tuy nhiên, cũng theo OECD, một doanh nghiệp phát sinh chi phí lãi vay ròng thấp không có nghĩa là không có dấu hiệu rủi ro về sới mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận. Ví dụ, doanh nghiệp có thể lợi dụng chi phí lãi vay để bù trừ thu nhập từ lãi vay, hoặc điều chuyển các nguồn thu nhập khác thành thu nhập lãi vay để bù trừ chi phí lãi vay, điều chỉnh chi phí lãi vay ròng. Chính vì vậy, hướng dẫn OECD vẫn khuyến nghị các quốc gia nên có các quy định về giới hạn chi phí lãi vay thuần không chế trong các trường hợp nhất định.

Đề xuất:

Quy định về việc không chế chi phí lãi vay theo Nghị định 20 hiện nay vẫn còn một số bất cập và có thể gây nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp trong nước và FDI. Quy định này có thể được điều chỉnh một cách mềm mỏng hơn như một số hướng dẫn trong OECD để phù hợp cho nhiều trường hợp khác nhau :

- Có thể cho phép doanh nghiệp chuyển chi phí lãi vay sang kỳ sau khi chi phí lãi vay vượt mức không chế. Theo Hành động 4 của BEPS, các thực hành tốt nhất không quy định một quốc gia phải cho phép chuyển các chi phí vượt mức không chế này sang năm tiếp theo. Do vậy, phương thức này có thể được từng quốc gia xem xét để áp dụng, tùy theo điều kiện kinh tế riêng.
- Đối với Tập đoàn hoạt động theo mô hình công ty mẹ-công ty con, Có thể áp dụng tỷ lệ Chi phí lãi vay với bên thứ ba / EBITDA trên báo cáo tài chính hợp nhất và áp dụng tỷ lệ cho từng công ty trong tập đoàn (Group ratio rule – quy định về tỷ lệ nhóm). Mục đích của hướng dẫn này theo OECD là để đảm bảo tổng chi phí lãi vay được trừ không vượt quá chi phí lãi vay thực tế trả cho bên thứ ba. Theo hướng dẫn này, sau khi tỷ lệ Chi phí lãi vay với bên thứ ba / EBITDA được tính, tỷ lệ này sẽ còn phải được xem xét và đánh giá đối với từng thành viên trong tập đoàn trước khi được dùng để điều chỉnh các chỉ tiêu thuế.
- Có thể có những Phương pháp đặc biệt đối với các công ty mới đi vào hoạt động/mới có doanh thu.

6. Miễn thuế đối với nguyên vật liệu (NVL) nhập khẩu sản xuất xuất khẩu (SXXK)

Vấn đề:

Theo quy định hiện hành, nguyên liệu, vật tư nhập khẩu cho mục đích SXXK được miễn thuế nhập khẩu. Tuy nhiên, theo hướng dẫn tại các Công văn gần đây (Công văn 5826/TCHQ-TXNK ngày 05/10/2018), chính sách miễn thuế này không áp dụng cho trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa là nguyên liệu, vật tư để SXXK và sản phẩm sản xuất ra được xuất khẩu tại chỗ để giao cho doanh nghiệp khác ở Việt nam theo chỉ định của thương nhân nước ngoài.

Theo Công văn 5826/TCHQ-TXNK, Tổng cục Hải quan có quan điểm rằng xuất khẩu tại chỗ không phải hoạt động xuất khẩu dựa vào định nghĩa hoạt động xuất nhập khẩu nêu tại Điều 28 Luật Thương mại số 36/2005/QH11, theo đó quy định hoạt động xuất khẩu là việc xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài, hoặc vào khu vực đặc biệt được xác định là khu vực hải quan đặc biệt theo quy định của pháp luật. Theo đó, xuất khẩu tại chỗ không được hưởng quy chế miễn thuế nhập khẩu và thuế GTGT áp dụng cho việc nhập khẩu nguyên phụ liệu để sản xuất hàng xuất khẩu như quy định tại Điều 12 Nghị định 134/2016/NĐ-CP.

Chúng tôi cho rằng Tổng cục Hải quan đang tạo ra một nghịch lý đi ngược lại các nguyên tắc pháp lý cơ bản như sau:

Nếu xuất khẩu tại chỗ không được công nhận là hoạt động xuất khẩu, thì nhập khẩu tại chỗ cũng cần được công nhận không phải hoạt động nhập khẩu, hoặc ngược lại

Theo quy định của các văn bản hiện hành, xuất khẩu tại chỗ bắt buộc đi kèm với nhập khẩu tại chỗ để tạo thành cơ chế xuất nhập khẩu tại chỗ. Nếu không có hoạt động xuất khẩu tại chỗ, hoạt động nhập khẩu tại chỗ cũng không tồn tại.

Nghịch lý tồn tại ở chính điểm này khi các công ty thực hiện hoạt động nhập khẩu tại chỗ đồng thời với hoạt động xuất khẩu tại chỗ đang được đề cập. Cụ thể, một mặt thì cơ quan hải quan từ chối dành sự đối xử như hoạt động xuất khẩu cho hoạt động xuất khẩu tại chỗ nhằm loại bỏ việc áp dụng quy chế miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên phụ liệu nhập khẩu. Mặt khác, cơ quan hải quan vẫn áp thuế nhập khẩu đối với hoạt động nhập khẩu tại chỗ, vốn chỉ có thể áp dụng nếu hoạt động nhập khẩu tại chỗ được công nhận là hoạt động nhập khẩu.

Nói cách khác, bằng cách áp dụng cách suy luận tương tự của Tổng cục Hải quan, một khi cơ quan hải quan từ chối công nhận hoạt động xuất khẩu tại chỗ là hoạt động xuất khẩu, thì cơ quan hải quan cũng nên dừng việc áp thuế nhập khẩu đối với hoạt động nhập khẩu tại chỗ.

Còn nếu cơ quan hải quan công nhận hoạt động nhập khẩu tại chỗ là hoạt động nhập khẩu để áp thuế nhập khẩu, thì không có lý do gì hoặc cơ sở pháp lý nào để cơ quan hải quan từ chối công nhận hoạt động xuất khẩu tại chỗ là hoạt động xuất khẩu.

Đánh thuế hai lần đối với nguyên phụ liệu nhập khẩu và thuế đánh chồng lên thuế

Như đề cập ở trên, nguyên phụ liệu nhập khẩu do công ty thực hiện SX XK không được miễn thuế nhập khẩu. Thêm vào đó, Công ty tại Việt Nam được giao thành phẩm theo chỉ định của thương nhân nước ngoài phải trả thuế nhập khẩu khi nhập khẩu sản phẩm. Rõ ràng, NVL nhập khẩu chỉ được thực nhập khẩu vào Việt Nam một lần nhưng phải chịu thuế nhập khẩu hai lần, điều này là hoàn toàn bất hợp lý.

Không đồng nhất giữa các văn bản pháp luật

Theo quy định tại Điều 12 Nghị định 134/2016/ND-CP quy định về miễn thuế nhập khẩu, một trong các điều kiện để được hưởng miễn thuế khi nhập khẩu hàng hóa sản xuất hàng xuất khẩu là hàng hóa đó đã thực tế được xuất khẩu. Theo đó, bản thân Điều 12 Nghị định 134/2016/ND-CP không tạo ra sự phân biệt đối xử giữa xuất khẩu tại chỗ và các hoạt động xuất khẩu khác. Thay vào đó, hướng dẫn như nêu tại Công văn 5826/TCHQ-TXNK hoàn toàn chỉ là sự diễn giải của Tổng cục Hải quan dựa vào định nghĩa khái quát về xuất khẩu quy định tại Luật Thương mại.

Rõ ràng, cách diễn giải này mâu thuẫn với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành trong cả lĩnh vực thuế và hải quan. Cụ thể, Điều 8 Luật Thuế GTGT cho phép áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 0% cho hàng hóa xuất khẩu, và Nghị định 209/2013/ND-CP (Điều 6.1) và Thông tư 219/2013/TT-BTC (Điều 9.1) công nhận xuất khẩu tại chỗ là một hình thức xuất khẩu.

Hơn nữa, theo Thông tư 38/2015/TT-BTC và Thông tư 39/2018/TT-BTC, xuất khẩu tại chỗ phải thực hiện các thủ tục xuất khẩu tương đồng với các thủ tục áp dụng đối với hoạt động xuất khẩu khác.

Đề xuất:

Tổng cục Hải quan cần công nhận xuất khẩu tại chỗ là hoạt động xuất khẩu, và dành quy chế miễn thuế nhập khẩu và thuế GTGT cho nguyên phụ liệu nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu tại chỗ.

7. Quyền xuất khẩu tại chỗ đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài:

Vấn đề:

Theo quy định hiện hành về hoạt động mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam có quyền xuất khẩu được xuất khẩu hàng hóa mua tại Việt Nam; hàng hóa do tổ chức kinh tế đó đặt gia công tại Việt Nam và hàng hóa nhập khẩu hợp pháp vào Việt Nam ra nước ngoài và khu vực hải quan riêng khi đáp ứng được một số điều kiện nhất định.

Căn cứ vào quy định tại Thông tư 04/2007/TT-BTM của Bộ Thương mại này là Bộ Công thương, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thực hiện xuất khẩu tại chỗ hàng hóa do doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam khi đáp ứng được một số điều kiện nhất định.

Tuy nhiên, Thông tư 04/2007/TT-BTM hiện tại đã hết hiệu lực và chưa có quy định mới thay thế. Đồng thời, các quy định hiện hành không quy định cụ thể về hoạt động xuất nhập khẩu tại chỗ và hàng hóa được xuất nhập khẩu tại chỗ của tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài.

Thiếu sót trong quy định hiện hành gây khó khăn cho cả doanh nghiệp lẫn cơ quan hải quan địa phương khi thực hiện thủ tục hải quan.

Đề xuất:

Bộ Công thương và Tổng cục Hải quan trao đổi và có hướng dẫn cụ thể thống nhất về vấn đề này tạo điều kiện cho doanh nghiệp tuân thủ và làm cơ sở cho các cơ quan hải quan địa phương thực hiện.

8. Cưỡng chế tiền phạt hành chính và chậm nộp khi mức thuế suất cao hơn bị ấn định cho hàng xuất nhập khẩu tại chỗ

Vấn đề:

Gần đây trong cộng đồng doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu tại chỗ, vấn đề nóng và gây nhiều tranh cãi nhất đó là việc áp dụng thuế suất nhập khẩu nào (ưu đãi đặc biệt, ưu đãi, phổ thông) trong trường hợp có Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) hợp lệ.

Một số doanh nghiệp đã áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định tự do thương mại cho các lô hàng nhập khẩu tại chỗ có C/O được xuất trình đúng hạn, tờ khai đã được cơ quan hải quan kiểm tra và đóng dấu xác nhận trong quá trình thông quan, việc này đã được thực hiện trong suốt giai đoạn trước. Tuy nhiên, từ cuối năm 2017, một số cơ quan hải quan địa phương lại kết luận rằng trường hợp nhập khẩu tại chỗ nêu trên không được áp dụng thuế suất nhập khẩu ưu đãi đặc biệt (thuế suất FTA), mà phải áp dụng thuế suất ưu đãi (thuế suất MFN) từ ngày 1/9/2016 tới nay theo Nghị định 129/2016/NĐ-CP. Theo đó, các doanh nghiệp đã bị ấn định bổ sung thuế nhập khẩu và thuế GTGT cho hàng hóa nhập khẩu tại chỗ theo quyết định của cơ quan hải quan địa phương.

Mặc dù nhận thấy do có sự không thống nhất về chính sách và hướng dẫn và được biết cơ quan cấp cao đang làm việc để đưa ra xử lý phù hợp, các doanh nghiệp vẫn chấp nhận nộp khoản thuế nhập khẩu bổ sung theo mức thuế suất MFN thay vì thuế suất ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định thương mại để bày tỏ sự tuân thủ và tinh thần sẵn sàng hợp tác. Nhưng thiện chí nộp thuế bổ sung của các doanh nghiệp này lại dẫn đến một hệ lụy là cơ quan hải quan địa phương yêu cầu truy thu tiếp tiền phạt, tiền chậm nộp, nặng nề hơn là sẽ kéo theo toàn bộ hoạt động xuất, nhập khẩu bị đình trệ do bị hải quan thi hành biện pháp cưỡng chế thủ tục hải quan cũng như cấm xuất cảnh đối với các vị trí quản lý doanh nghiệp.

Thay vì nhập khẩu tại chỗ hàng hóa từ Việt Nam và bị áp dụng mức thuế suất không ưu đãi như hướng dẫn hiện hành, doanh nghiệp có thể dễ dàng nhập khẩu cùng loại hàng hóa từ các nước được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định thương mại tự do. Vì vậy, yêu cầu thực hiện áp dụng thuế suất hiện tại tuy có thể mang đến lợi ích ngắn hạn cho cơ quan hải quan trong việc thu ngân sách nhưng về dài hạn vô hình chung sẽ hạn chế tiêu thụ hàng hóa trong nước, đi ngược lại chủ trương phát triển kinh tế của Chính phủ.

Đề xuất:

Khẩn thiết đề nghị Chính phủ, Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan, với tư cách là những cơ quan có thẩm quyền cao nhất xem xét và có ý kiến chỉ đạo để xóa nợ tiền phạt và tiền chậm nộp cho các doanh nghiệp như trình bày, tránh dẫn tới việc doanh nghiệp bị cưỡng chế, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh tại Việt Nam cũng như xem xét về việc áp dụng thuế suất nhập khẩu phù hợp trong trường hợp xuất nhập khẩu tại chỗ đang là bất cập lớn với cộng đồng doanh nghiệp.

9. Xử phạt đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn**Vấn đề**

Theo quy định tại Điều 107 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Điều 12 Thông tư 166/2013/TT-BTC quy định chi tiết về xử phạt vi phạm hành chính về thuế thì người nộp thuế nếu khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng tiền thuế được hoàn sẽ bị xử phạt 20% số tiền thuế khai thiếu. Như vậy, việc khai sai nếu không dẫn đến nộp thiếu thuế thì sẽ không bị xử phạt 20% mà chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính, điều này rất phù hợp về đạo lý. Tuy nhiên, trên thực tế chúng tôi thấy có hiện tượng Cục thuế Hà Nội có quan điểm áp dụng phạt 20% trên số thuế khai thiếu đối với trường hợp doanh nghiệp đã tạm tính và nộp thừa số thuế phát sinh nhưng số thuế kê khai trên tờ khai thuế chưa đủ. Điều này đã gây ra bất bình đẳng và giảm lòng tin của người nộp thuế đối với việc thực thi chính sách thuế.

Đề xuất

Để tránh mất lòng tin của người nộp thuế, đề nghị Bộ Tài chính hướng dẫn Tổng Cục thuế và các Cục thuế địa phương thực hiện đúng tinh thần của Luật. Bên cạnh đó, để tránh hiểu lầm thì Bộ Tài chính nên viết rõ trong dự thảo Luật quản lý thuế tới đây về vấn đề này.

10. Chuyển giá**Vấn đề:**

Nghị định 20 và Thông tư hướng dẫn 41, có hiệu lực từ năm 2017 đều dựa trên nguyên tắc định giá chuyển nhượng của OECD. Tuy nhiên, các quy định của Việt Nam khác với luật và thủ tục của OECD ở một khía cạnh quan trọng, thiếu cơ chế thỏa thuận xác định giá trước. Thay vào đó, các cơ quan thuế Việt Nam áp dụng giá của chính họ dựa trên cơ sở dữ liệu của họ. Điều này đã gây ra sự không ổn định và rủi ro lớn cho các doanh nghiệp bởi vì họ không biết trước được cơ quan thuế của Việt Nam cân nhắc mức giá nào là “thích hợp” và do đó phải chịu các khoản thanh toán không mong muốn kèm với hình phạt và lãi suất. Ngoài ra, khi doanh nghiệp được thông báo từ cơ quan thuế diễn giải về mức giá hợp lý, họ thường hoàn toàn không có cơ sở rõ ràng vì dữ liệu mà cơ quan thuế dựa trên kết luận của họ không được tiết lộ cho doanh nghiệp.

Đề xuất:

Một cơ cấu có sẵn rộng rãi mạnh mẽ để nhanh chóng ký kết thỏa thuận xác định giá trước (APA's) là rất cần thiết và khẩn cấp và không cần thông qua của Thủ tướng Chính phủ. Nếu cơ quan thuế có thể nhanh chóng xác định việc diễn giải một mức giá phù hợp tại thời điểm kiểm toán, tại sao họ không thể đưa ra giá trước khi giao dịch ban đầu? Cơ quan thuế có khả năng đề

tạo ra sự chắc chắn này, nhưng có vẻ miễn cưỡng làm như vậy vì những lý do không rõ ràng. Ngoài ra, nguồn giá cả từ GDT hoặc GDC nên được thông báo với các doanh nghiệp để mà khi các thỏa thuận xác định giá trước đạt được cả hai bên đều cùng hiểu cơ sở tính toán của người khác nếu chúng khác nhau.

11. Xử lý PE (Cơ sở Thường trú) và tôn trọng các nghĩa vụ hiệp ước

Vấn đề:

Việt Nam cho phép các doanh nghiệp tự đánh giá các lợi ích mà họ được hưởng theo các hiệp định thuế liên quan với các quốc gia liên quan. Tuy nhiên, tại thời điểm kiểm toán, sự tự đánh giá của các doanh nghiệp thường không được cơ quan thuế chấp nhận mà không đưa ra những giải thích hợp lý. Ngoài ra, định nghĩa của có cơ sở thường trú vẫn còn mơ hồ, ví dụ "kiểm soát" về giá cả. Như chúng tôi đã thông báo trước đây, nhiều thương hiệu quốc tế có mặt độc lập ở Việt Nam yêu cầu các nhà phân phối của họ tại Việt Nam và các nơi khác định giá sản phẩm trong phạm vi đã đăng ký để có tính nhất quán toàn cầu và / hoặc để đảm bảo các nhà phân phối của họ định giá sản phẩm một cách cạnh tranh.

Đề xuất:

Cải thiện việc triển khai các nghị định liên quan đến DTA và cải thiện giáo dục các cơ quan thuế địa phương. Ngoài ra, các định nghĩa của Cơ sở Thường trú phải rõ ràng hơn và thực tế hơn và loại trừ các định nghĩa nằm ngoài các tiêu chuẩn quốc tế.

12. Xử lý FCT cho tiền bản quyền là không phù hợp giữa thuế được cho là TNDN và GTGT

Vấn đề:

Đối với các mục đích của thuế được cho là TNDN, tiền bản quyền được coi là khoản khấu trừ và được khấu trừ là 10%. Tuy nhiên, trong trường hợp thuế được cho là GTGT, tiền bản quyền được xem như là dịch vụ và đánh thuế 5%. Điều này bất chấp logic. Theo nguyên tắc coi trọng nội dung hơn hình thức, nội dung của chi phí không thay đổi dựa trên việc liệu nó đang được đánh giá để định giá GTGT hay thuế TNDN. Tiền bản quyền không phải là dịch vụ.

Đề xuất:

Tiền bản quyền được xử lý như trong việc đánh giá thuế được cho là TNDN và hướng xử lý nên áp dụng một cách nhất quán để đánh giá thuế được cho là VAT.

13. Ứng dụng hồi tố của các luật làm suy yếu sự tự tin của doanh nghiệp

Vấn đề:

Các doanh nghiệp đưa ra quyết định về giao dịch và đầu tư dựa và các điều kiện có sẵn hoặc các dự đoán hợp lý trong tương lai, bao gồm cả các điều kiện về thuế. Những nhà kinh doanh hoạt động tốt, đã thành lập cách kinh doanh và dựa vào luật trước đây thì không nên chịu rủi ro và sự bất định của việc có luật thuế mới áp dụng cho các giao dịch trước đó và sau đó áp dụng hình phạt và lãi suất.

Đề xuất:

Các điều luật thuế mới không nên áp dụng hồi tố và chỉ nên có hiệu lực sau khi đã có khoảng thời gian giáo dục các bên liên quan.

14. Giảm thuế TNDN đối với các công ty nằm trong khu kinh tế

Vấn đề:

Thuế TNDN đối với các công ty đặt tại khu kinh tế được giảm 50%. Tuy nhiên, nghị định 82/2018 / ND-CP được ban hành tháng 05 về việc loại bỏ mức giảm 50% này. Nghị định mới này có hiệu lực vào tháng 07. Sự thay đổi này mang lại chi phí thuế không mong đợi cho các nhà đầu tư.

Đề xuất:

Chúng tôi yêu cầu chính phủ Việt Nam phải tuân thủ Điều 13.2 của luật đầu tư và xác nhận rằng các công ty được thành lập trước ngày của Nghị định có hiệu lực có thể tiếp tục được hưởng ưu đãi này.

15. Áp dụng phương pháp FCT khác nhau cho các hợp đồng khác nhau.

Vấn đề:

Thông tư 156/2013 / TT-BTC yêu cầu các nhà thầu nước ngoài áp dụng cùng một phương thức FCT cho các hợp đồng tiếp theo như hợp đồng hiện thời cho đến khi hợp đồng đầu tiên hoàn thành. Điều này là không thực tế vì nhiều lý do khác nhau. Nếu các nhà thầu có chuỗi hợp đồng liên tục, phương pháp chọn cho một hợp đồng có thể phải áp dụng trong nhiều năm tiếp theo, ngay cả khi phương pháp đó không phù hợp dựa trên các điều kiện của hợp đồng trong tương lai.

Đề xuất:

Chính phủ nên cho phép các nhà thầu áp dụng phương pháp FCT cho từng hợp đồng riêng lẻ.

16. Việc áp thuế đối với đồ uống có đường

Vấn đề:

Trong những năm gần đây, Chính Phủ đã xem xét việc đánh thuế đối với đồ uống có đường (“ĐUCĐ”) vì các lý do sức khỏe và để tăng nguồn thu thuế. Một đề xuất của Chính Phủ là thuế tiêu thụ đặc biệt đáng kể sẽ được áp dụng đối với ĐUCĐ. Kết quả của việc áp thuế có thể sẽ không hoàn toàn đạt được mục tiêu tăng doanh thu thuế và sẽ có nhiều hệ quả tiêu cực.

- Thực tiễn quốc tế cho thấy rằng thuế không là một cách thức phổ biến toàn cầu và khu vực để giải quyết bệnh béo phì.
- 86% các nước ASEAN không có thuế đối với ĐUCĐ, 97.8% các nước Châu Á nói chung cũng không có thuế đối với ĐUCĐ.
- Một số quốc gia có áp dụng thuế với ĐUCĐ sau đó đã thu hồi lại việc áp thuế này do không hiệu quả hoặc nặng nề.
- Trong chừng mực thuế được áp dụng, nhiều nhà sản xuất và nhà cung cấp nhỏ sẽ gặp khó khăn do họ sẽ ít có khả năng để cạnh tranh với những nhà sản xuất và cung cấp lớn.
- Thuế được đề xuất là lũy thoái. Có nghĩa là, người tiêu dùng có thu nhập thấp nhất sẽ trả một phần cao hơn trong thu nhập của mình cho thuế cao hơn so với những người có thu nhập cao. Vấn đề này cần được Chính Phủ quan tâm.

Đề xuất:

Chính Phủ nên khuyến khích giáo dục sức khỏe trong cộng đồng như một hướng dẫn cụ thể để cải thiện sức khỏe. Nên xem xét các nghiên cứu khác để xác định mức độ của bệnh béo phì ở Việt Nam và những nguyên nhân chính của bệnh béo phì ở Việt Nam. Việt Nam có thể học hỏi từ các quốc gia khác. Chúng tôi kiến nghị rằng để đạt được mục tiêu sức khỏe tốt, Chính Phủ xem xét việc giáo dục và dán nhãn dinh dưỡng.

ĐỀ XUẤT CHUNG CHO HẢI QUAN

- Ưu tiên triển khai hệ thống trái phiếu hải quan theo TFA Article 7.3.
- Thực hiện đầy đủ vào những ngày đầu các cam kết TFA về Quy định nâng cao để định giá cũng như phân loại.
- Thực hiện đầy đủ các cam kết TFA cho các nhà điều hành kinh tế được ủy quyền và thực hiện trên cơ sở rộng nhất có thể, mang lại lợi thế cho nhiều người chứ không phải là vài nhà khai thác kinh tế.
- Ký kết Thỏa thuận hỗ trợ lẫn nhau của Hải quan giữa CBP và GDVC của Hoa Kỳ, cam kết trong TFA, Sec. I, Điều 12. [1] Điều này sẽ cung cấp một khuôn khổ cho sự hỗ trợ kỹ thuật thương mại đáng kể của Hoa Kỳ trực tiếp từ CBP đến GDVC

V. PHỤ LỤC

CÁC BÁO CÁO KHÁC

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC NGÀNH Ô TÔ VÀ XE MÁY

*Chuẩn bị bởi
Nhóm Công tác Ô tô và Xe máy*

A. CÁC NỘI DUNG DO NGÀNH Ô TÔ ĐỀ XUẤT

I. Phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ

Trước tiên, chúng tôi xin được cảm ơn Chính phủ đã nỗ lực trong việc cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và hỗ trợ sự phát triển của doanh nghiệp thông qua nghị quyết số 19/2016/NQ-CP và nghị quyết số 35/2016/NQ-CP.

Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay do quy mô thị trường và trình độ phát triển ngành công nghiệp ô tô còn ở mức thấp, chúng tôi phải thừa nhận rằng xe sản xuất trong nước (CKD) khó có thể cạnh tranh được với xe nhập khẩu (CBU) từ các nước ASEAN. Bởi vậy, chúng tôi hoàn toàn ủng hộ chủ trương hỗ trợ của Chính phủ để phát triển ngành công nghiệp ô tô và ngành công nghiệp hỗ trợ tại Việt Nam. Để làm được điều đó, chúng tôi tin rằng một giải pháp đồng bộ cần được thực thi dựa trên:

- Thứ nhất, nhóm chính sách nhằm duy trì và thúc đẩy thị trường ô tô tăng trưởng ổn định và dài hạn, gồm cả việc hạn chế các tác động tiêu cực đến sự phát triển ổn định của thị trường. Các chính sách về thị trường cần đảm bảo đối xử công bằng, rõ ràng và có thời gian hợp lý để các doanh nghiệp kịp chuẩn bị kế hoạch kinh doanh.
- Thứ hai, nhóm chính sách hỗ trợ để giảm chênh lệch chi phí sản xuất giữa xe CKD và xe CBU dựa trên nguyên tắc đảm bảo đối xử công bằng, minh bạch với tất cả các hãng xe trong nước.
- Cuối cùng, cần có chính sách cho việc phát triển công nghiệp hỗ trợ nhằm phát triển sản xuất trong nước.

Cần nhắc bối cảnh đó, chúng tôi xin được nêu ra một vài vấn đề của ngành công nghiệp hỗ trợ ô tô Việt Nam như sau:

1. Năng lực đáp ứng yêu cầu về chất lượng/chi phí/giao hàng (QCD) của nhà cung cấp

Ngành công nghiệp ô tô có hệ thống cung cấp phức tạp và nhiều tầng (nhà cung cấp cấp 1, cấp 2, cấp 3 và nhà cung cấp nguyên vật liệu), trong đó mỗi tầng lại bao gồm rất nhiều nhà cung cấp khác nhau. Nhà cung cấp cấp 2 và cấp 3 cần phải tuân thủ chặt chẽ yêu cầu sản xuất như chất lượng/chi phí/giao hàng (QCD) trong khi nhà cung cấp cấp 1 cần thỏa mãn thêm yêu cầu về năng lực nghiên cứu và phát triển (R&D). Vì vậy, phát triển nhà cung cấp cần rất nhiều nỗ lực, thời gian & khả năng đầu tư. Tuy nhiên, không nhiều nhà cung cấp đáp ứng được tiêu chuẩn QCD để tham gia chuỗi cung cấp toàn cầu. Cũng như các nhà cung cấp Việt Nam cần có bản quyền hoặc chuyển giao công nghệ hoặc thỏa thuận cấp phép từ các nhà cung cấp chính hãng.

2. Các chính sách hiện hành đối với ngành công nghiệp hỗ trợ không thể giải quyết được vấn đề có tính hệ thống do quy mô sản lượng nhỏ và thuế nhập khẩu xe CBU về 0% từ năm 2018

Năm 2017, Chính phủ có ban hành quy định về một số điều kiện kinh doanh đối với xe nhập khẩu CBU (như Nghị định 116/2017/NĐ-CP...), nhưng chúng không thể giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của xe CKD trong dài hạn.

Bên cạnh đó, Mặc dù đã có một số Quyết định hoặc Nghị định để phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ đã được ban hành. Tuy nhiên thực tế không có quá nhiều nhà cung cấp có thể được hưởng theo chính sách vì không thể giải quyết được vấn đề có tính hệ thống do quy mô sản lượng nhỏ và thuế nhập khẩu xe CBU về 0% từ năm 2018. Đồng thời, thủ tục đăng ký khá phức tạp. Chúng tôi xin đề xuất như sau:

Đối với Chính phủ

- Chính phủ nên có ưu đãi đầu tư cho các nhà sản xuất và nhà cung cấp để họ có thể đầu tư máy móc, khuôn và đồ gá, nhằm nội địa hóa linh kiện, qua đó giúp giảm bớt tác động bất lợi của quy mô sản lượng thấp.
- Mời các nhà cung cấp chính tham gia vào các cuộc đối thoại về ngành ô tô và thường xuyên tổ chức các cuộc họp với các điểm thảo luận rõ ràng, sau đó cần báo cáo Thủ tướng thường xuyên hơn để cải thiện tính khả thi của chính sách ban hành.

Đối với các nhà cung cấp

- Chúng tôi cho rằng các nhà cung cấp cấp 2 và cấp 3 không nên đặt tham vọng “nhảy cóc” lên thành nhà cung cấp cấp 1 trong ngắn hạn mà nên tập trung đáp ứng các yêu cầu về QCD.
- Bên cạnh đó, các nhà cung cấp nên tham gia các chương trình kết nối cơ sở dữ liệu và kinh doanh, xây dựng thông tin giới thiệu công ty đầy đủ và hấp dẫn.

Đối với các nhà sản xuất ô tô

- Chúng tôi sẽ tiếp tục cung cấp các hướng dẫn về việc tuyển chọn nhà cung cấp, các điều kiện tuyển chọn và danh sách các linh kiện chúng tôi có kế hoạch nội địa hóa để các nhà cung cấp tiềm năng cân nhắc. Chúng tôi cũng mở rộng cơ hội tuyển chọn nhà cung cấp không phân biệt các nhà cung cấp có vốn đầu tư nước ngoài hay nhà cung cấp trong nước.
- Ngoài ra, chúng tôi có thể giúp đỡ các nhà cung cấp trong nước tiềm năng phát triển năng lực QCD và tiếp nhận chuyển giao công nghệ.

II. Kiến nghị về Nghị định 116/NĐ-CP và Dự thảo Thông tư “Quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô thuộc đối tượng của Nghị định 116/2017/NĐ-CP” về những yêu cầu với phụ tùng sản xuất xe CKD

Vừa qua chúng tôi đã nhận được công văn số 10345 ngày 13 tháng 9 năm 2018 về việc lấy ý kiến đối với Dự thảo Thông tư “Quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô thuộc đối tượng của Nghị định 116/2017/NĐ-CP” từ Bộ Giao thông vận tải (GTVT). Về cơ bản, chúng tôi luôn ủng hộ các quy định, chính sách của Chính phủ nhằm tăng cường quản lý về chất lượng xe cơ giới cũng như bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Sau khi nghiên cứu nội dung bản dự thảo Thông tư “Quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô thuộc đối tượng của Nghị định 116/2017/NĐ-CP”, tôi xin được góp ý như sau:

1. Về đối tượng áp dụng

Theo Nghị định 116, Điều 2, khoản 1 có quy định như sau: “Nghị định này áp dụng đối với doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô tại Việt Nam và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan”. Tuy nhiên, trong dự thảo Thông tư lại quy định đối tượng áp dụng bao gồm cả những doanh nghiệp nhập khẩu phụ tùng thay thế. Những doanh nghiệp nhập phụ tùng thay thế này không thuộc đối tượng quản lý của Nghị định 116. Do đó, chúng tôi đề nghị sửa đổi Điều 2 của Dự thảo Thông tư như sau: “Thông tư này áp dụng với các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô, các doanh nghiệp sản xuất hoặc nhập khẩu linh kiện cho mục đích sản xuất, lắp ráp ô tô và các tổ chức, cơ quan liên quan đến việc quản lý, kiểm tra, thử nghiệm ô tô và linh kiện ô tô cho mục đích sản xuất, lắp ráp”.

2. Về việc đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng sản phẩm (đánh giá COP)

2.1. Đề xuất chấp nhận chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 hoặc kết quả đánh giá COP được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cho các nhà máy sản xuất linh kiện ở nước ngoài.

Theo quy định hiện nay, doanh nghiệp sản xuất lắp ráp ô tô (SXLR) được phép lựa chọn giữa việc: Mời cơ quan Đăng kiểm tới các nhà máy sản xuất linh kiện đặt tại nước ngoài hoặc nộp chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 hoặc kết quả đánh giá COP được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền nước ngoài. Tuy nhiên, trong bản dự thảo Thông tư chỉ cho phép một lựa chọn duy nhất là phải mời Cơ quan Đăng kiểm Việt Nam đi tới nhà máy SX linh kiện ở nước ngoài để đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng. Trong khi đó, các nhà máy sản xuất linh kiện này để được phép hoạt động cũng đã được cơ quan có thẩm quyền nước ngoài đánh giá và cấp chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 hoặc kết quả đánh giá COP.

Vì vậy, để tránh lãng phí về thời gian, tiền bạc vì phải đánh giá cùng 1 nội dung 2 lần, đồng thời cắt giảm các thủ tục không cần thiết, ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất, chúng tôi đề nghị Bộ GTVT sửa đổi nội dung dự thảo Thông tư theo hướng Cơ quan đăng kiểm Việt Nam chấp nhận chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 hoặc kết quả đánh giá COP được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền nước ngoài.

2.2. Về phương thức kiểm tra đánh giá COP

Trong Nghị định 116/2017/NĐ-CP, Điều 13 khoản 3 quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất lắp ráp ô tô có nêu cụ thể: “Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015 hoặc tương đương vào quá trình sản xuất trong thời hạn 12 tháng kể từ khi doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô”. Tuy nhiên khi so sánh với nội dung của Dự thảo Thông tư (Điều 8, khoản 2), chúng tôi nhận thấy bản dự thảo Thông tư yêu cầu đánh giá COP phải dựa trên tiêu chuẩn ISO/TS 16949. Do đó, chúng tôi đề nghị Bộ GTVT sửa đổi nội dung về phương thức kiểm tra đánh giá COP theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 (Điều 8, khoản 2a của bản Dự thảo Thông tư) theo đúng quy định trong Nghị định 116 dựa trên tiêu chuẩn ISO/TS 16949 hoặc các tiêu chuẩn và hệ thống quản lý chất lượng tương đương.

3. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

Theo Nghị định 116/2017/NĐ-CP, các yêu cầu đối với doanh nghiệp SXLR ô tô được áp dụng từ ngày 17/04/2019. Thêm vào đó, các Giấy chứng nhận hiện nay được cấp trước thời điểm 17/04/2019 vẫn có giá trị 01 năm kể từ ngày cấp. Do đó, chúng tôi kiến nghị sửa đổi Điều 21, khoản 1 (Điều

khoản chuyển tiếp) như sau: “Giấy chứng nhận đã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực vẫn có giá trị sử dụng để sản xuất, lắp ráp trong vòng 12 tháng kể từ ngày 17 tháng 04 năm 2019.”

Khoản 3 điều 21 (Điều khoản chuyển tiếp): “Giấy chứng nhận đã cấp cho các kiểu loại linh kiện nhập khẩu chưa thực hiện kiểm tra, thử nghiệm theo quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tại Việt Nam sẽ hết hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 04 năm 2019”. Đề nghị sửa đổi như sau: “Giấy chứng nhận đã cấp cho các kiểu loại linh kiện nhập khẩu chưa thực hiện kiểm tra, thử nghiệm theo quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tại Việt Nam sẽ hết hiệu lực trong vòng 12 tháng kể từ ngày 17 tháng 04 năm 2019”.

III. Kiến nghị về Thông tư 41/2018/TT-BGTVT liên quan đến giấy chứng nhận

Vừa qua, BGTVT đã ban hành Thông tư 41/2018/TT-BGTVT (Thông tư 41) quy định danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông Vận tải, yêu cầu các sản phẩm trong danh mục sản phẩm hàng hóa thuộc Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này phải được chứng nhận hoặc công bố phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng sau khi thông quan và trước khi đưa ra thị trường và Thông tư này chính thức có hiệu lực vào ngày 15 tháng 9 năm 2018.

1. Các trung tâm kiểm định có thẩm quyền

Từ khi Thông tư 41 ban hành, các nhà nhập khẩu ô tô đã gửi yêu cầu nhận được hướng dẫn từ Bộ Giao thông vận tải và các trung tâm kiểm định phương tiện giao thông vận tải khác nhau như Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 (QUATEST 3), Trung tâm Giám định và Chứng nhận hợp chuẩn hợp quy VietCert, Trung tâm Phân tích và Thử nghiệm 2 và VINACONTROL HCM. Tuy nhiên, tính đến nay vẫn chưa có trung tâm kiểm định nào được chính thức bổ nhiệm hay công nhận đủ thẩm quyền tiến hành công bố hợp chuẩn, hợp quy cho các sản phẩm và hàng hóa trên. Thông báo chính thức của Bộ GTVT về những trung tâm kiểm định có thẩm quyền tiến hành kiểm nghiệm phương tiện giao thông theo các yêu cầu của Thông tư 41 sẽ hỗ trợ các nhà nhập khẩu rất nhiều khi thực hiện Thông tư 41.

Vì vậy, chúng tôi đề nghị Bộ GTVT hướng dẫn cụ thể cho nhà nhập khẩu về các trung tâm kiểm định chính thức trong nước có khả năng thực hiện các chứng nhận cần thiết.

2. Đối tượng áp dụng

Từ trước đến nay, chúng tôi luôn thực hiện nghiêm túc các quy định của chính phủ Việt Nam nói chung và BGTVT nói riêng, chúng tôi cũng đã tuân thủ chặt chẽ các quy định của Thông tư 41 cho các xe sản xuất lắp ráp và xe nhập khẩu và các linh kiện lắp ráp. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện Thông tư 41 cho các linh kiện thay thế với mục đích sửa chữa, bảo dưỡng, chúng tôi gặp phải một số vướng mắc, khó khăn. Cụ thể như sau:

i. Số lượng kiểu loại các linh kiện thay thế cho xe là rất lớn:

Đối với ngành công nghiệp ô tô, chúng tôi đảm bảo cung cấp linh kiện thay thế cho các mẫu xe lên đến 20 năm tuổi, theo thống kê, chỉ tính riêng số lượng mã linh kiện cho đèn chiếu sáng phía trước của một công ty thành viên VAMA là 1951 mã. Với số lượng kiểu loại phụ kiện, linh kiện lớn như vậy và tính thêm thời gian thực hiện quy trình chứng nhận, công bố hợp chuẩn, hợp quy, khách hàng phải đợi một thời gian dài trước khi xe của họ có thể được sửa chữa; ngoài ra, số lượng các bài thử nghiệm cần thiết phải thực hiện cũng là một vấn đề lớn cho các doanh nghiệp và Cục Đăng kiểm.

ii. **Giá thành sản phẩm:**

Khi khách hàng có nhu cầu về linh kiện sửa chữa, thay thế, để thực hiện chứng nhận, công bố hợp chuẩn, hợp quy đối với linh kiện thay thế cho khách hàng, doanh nghiệp phải chuẩn bị các mẫu thử phục vụ cho việc thử nghiệm. Ví dụ khi cần thay thế một thùng nhiên liệu dẻo cho khách hàng, doanh nghiệp cần chuẩn bị 8 thùng nhiên liệu dẻo, trong đó 7 thùng nhiên liệu sẽ được sử dụng cho việc chứng nhận theo QCVN 52:2013/BGTVT về kết cấu an toàn chống cháy của xe cơ giới. Việc này sẽ gây lãng phí cho doanh nghiệp, khiến cho giá sản phẩm bán cho khách hàng bị tăng lên cao.

Với 2 lý do trên, Chúng tôi đề xuất Bộ GTVT chỉnh sửa nội dung Thông tư 41 nhằm hỗ trợ doanh nghiệp cũng như ngành công nghiệp ô tô Việt Nam và khách hàng. Chúng tôi xin được đưa ra 2 gợi ý chỉnh sửa nội dung về đối tượng áp dụng như sau:

- Thông tư này không áp dụng cho các phụ kiện, linh kiện được sử dụng với mục đích sửa chữa, thay thế.
- Trong trường hợp Thông tư này vẫn áp dụng cho các phụ kiện, linh kiện sử dụng với mục đích sửa chữa, thay thế, chúng tôi đề xuất Bộ GTVT ban hành lộ trình áp dụng phù hợp và chỉ áp dụng thực hiện chứng nhận, công bố hợp chuẩn hợp quy đối với các kiểu loại phụ kiện, linh kiện được sản xuất sau ngày ban hành của thông tư này.

B. CÁC NỘI DUNG DO NGÀNH XE MÁY ĐỀ XUẤT

1. Giấy phép lái xe cho xe điện

Thời gian gần đây, việc sử dụng xe đạp điện, xe máy điện ngày càng trở nên phổ biến, đặc biệt với các em học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông. Chúng tôi nhận thấy rằng hiện tại các quy định cần thiết như đội mũ bảo hiểm, độ tuổi được phép lái xe vv. vẫn còn chưa chặt chẽ dẫn đến tình trạng mất an toàn cho người điều khiển xe cũng như người tham gia giao thông. Dự thảo đề cương Luật giao thông đường bộ sửa đổi 2018 đã đề cập đến việc xem xét độ tuổi cũng như đào tạo kiến thức pháp luật cần thiết cho người điều khiển xe điện. Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với dự thảo đề cương lần này và mong muốn các cơ quan liên quan nhanh chóng xem xét bổ sung để sớm ban hành chính thức quy định về độ tuổi thấp nhất được phép lái xe đạp điện, xe máy điện; cũng như quy định về giấy phép lái xe dành cho xe máy điện.

2. Quy định về kiểm soát khí thải xe máy

Xe máy hiện là phương tiện giao thông thiết yếu trong cuộc sống của người dân Việt Nam. Trong suốt quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, các doanh nghiệp sản xuất lắp ráp xe máy cũng không ngừng nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng các quy định ngày càng chặt chẽ của các cơ quan quản lý nhà nước về an toàn và tiêu chuẩn khí thải hướng tới những sản phẩm xanh hơn, sạch hơn. Từ năm 2017 Việt Nam đã áp dụng tiêu chuẩn khí thải Euro 3 cho xe máy mới sản xuất. Liên quan đến xe đang lưu hành, chúng ta mới chỉ áp dụng kiểm định định kỳ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe ô tô còn với xe máy thì chưa áp dụng. Theo nghiên cứu, các nước có sử dụng nhiều xe máy tương tự như Việt Nam cũng đưa vào lộ trình áp dụng những mức tiêu chuẩn khí thải cao hơn cho xe máy cũng như áp dụng việc kiểm định khí thải cho loại phương tiện này từ nhiều năm trước như Đài Loan, Thái Lan, Indonesia. Do đó, với nỗ lực không ngừng nhằm cải tiến sản phẩm, mang tới cho người tiêu dùng những sản phẩm sạch hơn, về các khung quy định của pháp luật, chúng tôi hoàn toàn đồng ý với dự thảo đề cương của Luật Giao thông đường bộ sửa đổi 2018, đề xuất áp

dụng kiểm định khí thải với xe mô tô, xe gắn máy đang lưu hành nhằm góp phần cải thiện môi trường không khí. Việc kiểm tra khí thải nên có quy trình đơn giản, với chi phí thấp, có thể xem xét xã hội hóa trong việc thành lập các trạm kiểm định khí thải để việc kiểm tra có thể tiến hành thuận tiện, hiệu quả, ít ảnh hưởng đến cuộc sống cũng như gây tốn kém cho người dân. Chúng tôi cũng mong muốn Chính phủ sớm đưa ra lộ trình áp dụng khí thải Euro 4 cho các mẫu xe mới để các Doanh nghiệp có hướng đầu tư, chuẩn bị, tạo nên những sản phẩm tốt hơn cho khách hàng, thân thiện hơn với môi trường.

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC QUẢN TRỊ & LIÊM CHÍNH VỀ DỰ THẢO LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG (SỬA ĐỔI)

*Chuẩn bị bởi
Nhóm Công tác Quản trị & Liêm chính VBF*

Nhóm Quản trị & Liêm chính (“GIWG”) gần đây đã dành nhiều nỗ lực để rà soát và góp ý cho Dự thảo Luật Phòng chống tham nhũng. Nhóm GIWG tập trung vào những quy định đối với các doanh nghiệp tư nhân, một điểm đặc biệt của Dự thảo so với Luật hiện hành. Mục tiêu của Nhóm Công tác là hỗ trợ Chính phủ thông qua luật công bằng, phù hợp và khả thi.

<i>Số</i>	<i>Vấn đề</i>	<i>Ý kiến</i>	<i>Khuyến nghị</i>	<i>Cập nhật bản dự thảo mới nhất¹</i>
1	Lần đầu tiên Luật đã đưa doanh nghiệp tư nhân vào và có nhiều quy định đối với doanh nghiệp tư nhân cần cân nhắc kỹ về mục đích và tác động của nó.	Điều 95.3 quy định “doanh nghiệp” và “hội doanh nghiệp” phải có quy tắc đạo đức trong công việc áp dụng cho nhân viên, hội viên. Theo dự thảo, quy định này sẽ áp dụng cho mọi doanh nghiệp và mọi loại hình hội doanh nghiệp. Nhưng có một điều chưa rõ ràng là quy định có liên quan như thế nào đến các nghĩa vụ tương tự nêu tại Điều 96.1 về việc doanh nghiệp phải có quy tắc ứng xử (xem phần dưới). Quy định các tổ chức nghề nghiệp phải có những bộ quy tắc này tuy có lý về mặt nào đó nhưng sẽ không phù hợp nếu quy định bắt buộc phải áp dụng cho mọi loại hình doanh nghiệp, hội	Bỏ Điều 95.3.	Số của điều đã được đổi thành 78.2. Tiêu đề của Mục cũng được sửa đổi từ “Xây Dựng Văn Hóa Kinh Doanh Lành Mạnh, Không Tham Nhũng” thành “Khuyến Khích Xây Dựng Văn Hóa Kinh Doanh Lành Mạnh, Không Tham Nhũng” Vấn đề chính ở đây hiện đã được giải quyết vì việc ban hành quy tắc đạo đức kinh doanh hiện nay đang “khuyến khích/lựa chọn” chứ không phải là một “nghĩa vụ” đối với các doanh nghiệp và hội doanh nghiệp (xem Điều 78.2)

¹ Bản dự thảo dường như không đề ngày tháng nhưng có sẵn kể từ ngày 8 tháng 11 năm 2018

		doanh nghiệp, ngoài việc yêu cầu phải có các loại quy tắc ứng xử khác. Về hội doanh nghiệp, chúng tôi thấy nhìn chung nội dung về các nghĩa vụ tại Điều 96.3 đã đầy đủ, phù hợp.		
2	Lần đầu tiên doanh nghiệp tư nhân được đưa vào trong Luật. Khu vực tư nhân cũng có nhiều quan điểm khác nhau nhưng đúng là doanh nghiệp tư nhân cần tham gia đấu tranh chống tham nhũng. Tuy nhiên việc áp dụng đồng loạt bắt tất cả các DN phải có quy tắc ứng xử và áp dụng cơ chế kiểm soát nội bộ là không hợp lý, không những không đạt được mục đích đề ra mà còn tạo ra mối quan ngại rằng doanh nghiệp tư nhân sẽ ngày càng bị chính quyền giám sát nhiều hơn.	Điều 96.1 quy định bắt buộc mọi doanh nghiệp, tổ chức kinh tế phải ban hành, thực hiện quy tắc ứng xử để xây dựng văn hóa doanh nghiệp bình đẳng, không tham nhũng. Điều 96.2 cũng quy định bắt buộc đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế phải đưa vào điều lệ quy định có cơ chế kiểm soát nội bộ để ngăn ngừa mâu thuẫn lợi ích, hành vi lạm quyền và các hành vi tham nhũng khác. Tuy nhiên, những nghĩa vụ này có phạm vi rất rộng, thiếu rõ ràng và sẽ tạo ra gánh nặng không cần thiết đối với các doanh nghiệp tư nhân, và kéo theo đó là yêu cầu phải có thêm các biện pháp giám sát, thanh kiểm tra của cơ quan nhà nước, trong khi không đạt được mục tiêu cụ thể nào. Doanh nghiệp tư nhân cần được khuyến khích áp dụng những quy định, quy trình này, và trên thực tế, nhiều doanh nghiệp đã tích cực, chủ động có những quy định, quy trình như vậy. Các công ty và cá nhân tất nhiên là có nghĩa vụ tuân thủ pháp luật và Luật	Chỉnh sửa bản dự thảo theo hướng khích thay vì bắt buộc doanh nghiệp tư nhân phải có quy tắc ứng xử, quy định, quy trình về phòng chống tham nhũng. Ban hành riêng một bộ quy tắc ứng xử tự nguyện, rõ ràng có thể coi là đủ đối với một tiêu chuẩn tối thiểu cho Việt Nam. Có thể căn cứ vào các thông lệ quốc tế tối ưu như ISO37001, điều chỉnh cho phù hợp với Việt Nam nếu cần và quy định chính thức đưa vào hệ thống tiêu chuẩn của Việt Nam. Một phương án khác là điều chỉnh bản dự thảo để làm rõ thêm (như trong phần khái niệm) về nội dung của quy tắc ứng xử cần những gì để bảo đảm một số tiêu chuẩn tối thiểu, tránh gây lúng túng. Đây cũng có thể là một cơ hội để giúp doanh nghiệp tư nhân có chính sách về khiếu nại, tố cáo, để từ đó khuyến khích các nhân tố tích cực cung cấp thông tin.	Các vấn đề vẫn còn mặc dù có sửa đổi về ngôn ngữ (hiện nay là Điều 79). Ngôn ngữ hiện được đánh số lại là Điều 79 tiếp tục chỉ ra rằng đây là một nghĩa vụ bắt buộc. Điều này hiện cũng cho thấy rằng quy tắc ứng xử phải bao gồm “kinh doanh lành mạnh” ngoài việc “ngăn ngừa xung đột nội bộ, ngăn chặn hành vi tham nhũng, và xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh, không tham nhũng”. Khuyến nghị sửa Điều 79.1 để làm rõ rằng đây là “khuyến khích” và không bắt buộc trong mọi trường hợp.

		Doanh nghiệp, các quy định điều lệ công ty cũng như các quy định về giải quyết giữa giao dịch với các bên liên quan có thể có những xung đột lợi ích vốn có. Thay vì quy định trong Luật này, tất cả các doanh nghiệp tư nhân áp dụng các quy tắc ứng xử và cơ chế có tính đến các giải pháp xem xét các tội do các hành động sai lầm có thể bị phát hiện hoặc điều tra ra. Điều này cũng gần giống với cách tiếp cận Đạo luật Hồi lộ của Vương quốc Anh, không bắt buộc đầy đủ các thủ tục nhưng có thể là một cách phòng vệ với những hành vi sai trái của các cá nhân làm việc cho các công ty. Điều này cũng phù hợp với quan điểm ở Việt Nam trong Bộ luật hình sự mới nhất ở đó chỉ các cá nhân chứ không phải công ti sẽ bị truy tố trách nhiệm hình sự vì hồi lộ.		
3	Luật đưa ra những quy định nghiêm ngặt áp lên doanh nghiệp tư nhân để thực hiện việc điều tra chống tham nhũng trong khi những quy định này trước hết phải áp dụng cho khu vực nhà nước.	Doanh nghiệp tư nhân nhận thức được vai trò của mình trong việc góp phần phát hiện, phòng chống tham nhũng ngay tại cơ sở. Tuy nhiên, nếu muốn quy định cụ thể nghĩa vụ phải để cơ quan quản lý tham gia vào quy trình nội bộ của doanh nghiệp thì phải có cơ sở rõ ràng, cụ thể để không xảy ra	Bỏ Điều 97.2. Bổ sung thêm quy định bảo đảm rằng doanh nghiệp sẽ không phải chịu hậu quả xấu nào khi chấp hành các nghĩa vụ quy định tại luật về việc tố cáo hành vi tham nhũng của công chức.	Bản sửa đổi của điều này (hiện là Điều 82.1) thì ít phức tạp hơn trước đây đối với các công ty tư nhân nhưng vẫn yêu cầu các doanh nghiệp “tự kiểm tra để xác định, giải quyết kịp thời, và kiến nghị các hành động cho cơ quan có thẩm quyền nhằm đối phó với các hành

		trường hợp tự tung, tự tác. Theo bản dự thảo hiện nay, Điều 97.2 quy định trong các “trường hợp phức tạp”, “người đứng đầu doanh nghiệp” phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền về các dấu hiệu tham nhũng. Những quy định này còn quá chung chung, thiếu rõ ràng để áp dụng. Hơn nữa, Bộ luật Hình sự cũng có quy định bắt buộc là người phát hiện thấy hành vi phạm tội phải khai báo, vì thế đưa thêm vào luật này sẽ là không cần thiết. Ngoài ra, ngưỡng áp dụng các nghĩa vụ trên đối với “người đứng đầu doanh nghiệp” (phát hiện “dấu hiệu tham nhũng”) còn: (i) thấp hơn ngưỡng đã quy định tại Điều 19, Bộ luật Hình sự (đòi hỏi phải biết rõ); (ii) thấp hơn ngưỡng quy định đối với công chức theo Điều 73, dự luật. Vì thế, áp đặt đối với người đứng đầu doanh nghiệp phải có trách nhiệm cao hơn so với công chức sẽ là thiếu nhất quán và không hợp lý. Về quy định tại Điều 97.3, nếu quy định bắt buộc phải khai báo hay tố cáo hành vi tham nhũng của công chức thì sẽ chỉ có thể có hiệu quả nếu doanh nghiệp yên tâm rằng làm như vậy sẽ không gây bất lợi cho hoạt động của mình.		vi tham nhũng tại doanh nghiệp của mình”. Trong khi việc sửa đổi làm giảm bớt các nghĩa vụ (và trách nhiệm cá nhân tiềm tàng) đối với người đứng đầu doanh nghiệp, Điều 82.2 dường như trao quyền cho cơ quan thanh tra (không rõ chính xác cơ quan nào) để áp đặt các nghĩa vụ cho doanh nghiệp không tuân thủ nghĩa vụ này. Phạt/biện pháp chế tài cho việc không tuân thủ thì không được quy định trong dự thảo. Quy định này không rõ ràng và không có tiêu chuẩn để doanh nghiệp tuân thủ đầy đủ. Chúng tôi khuyến nghị xóa quy định này.
--	--	---	--	---

4	Luật đưa các quy định mới về giám sát tài sản cá nhân của các lãnh đạo cấp cao thuộc DN tư nhân. Việc này cần tạo được sự công bằng và tránh xung đột lợi ích, cần có những mục tiêu rõ ràng, khả thi và phù hợp các luật hiện hành.	Quy định về yêu cầu kê khai, giám sát tài sản của người nắm giữ chức vụ trong tổ chức của họ không được thực tế. Liên quan đến yêu cầu kê khai, giám sát thu nhập của người nắm giữ chức vụ trong tổ chức của mình, quy định này bị lặp lại theo quy định của Luật thuế. Trách nhiệm của cá nhân là kê khai tổng thu nhập cho mục đích thuế thu nhập cá nhân. Yêu cầu Ban kiểm soát tại công ty đại chúng, tổ chức tín dụng giám sát tài sản và thu nhập của người giữ chức vụ tại tổ chức đó không được thực tế.	Có thể xóa điều này đi	Điều này được xóa khỏi bản dự thảo mới nhất do vậy vấn đề được giải quyết.
5	Luật tìm cách áp dụng các nghĩa vụ mới cho các công ty đại chúng và các tổ chức tín dụng. Trọng tâm chính của Luật liên quan đến công bố thông tin phải nằm trong khu vực Nhà nước. Trường hợp phạm vi được mở rộng cho khu vực tư nhân (đặc biệt là các công ty đại chúng), các quy định phải phù hợp với pháp luật hiện hành. Các	Theo Dự thảo, Luật chống tham nhũng sẽ chi phối khu vực tư nhân bằng cách áp đặt các nghĩa vụ công bố thông tin cho các công ty đại chúng và các tổ chức tín dụng nói chung. Tuy nhiên, điều này có thể không đầy đủ vì luật pháp nên tập trung vào các công ty nhà nước và các thực thể có vốn chủ sở hữu của các công ty nhà nước, đặc biệt là khi việc thực thi khai báo và tiết lộ các yêu cầu thông tin theo Luật chống tham nhũng vẫn chưa đạt hiệu quả đầy đủ. Ngoài ra, các công ty đại chúng phải tuân thủ các quy định chứng khoán liên	Loại bỏ các nghĩa vụ liên quan của công ty đại chúng và các tổ chức tín dụng	Điều này (hiện là Điều 80) hiện bắt buộc các tổ chức tín dụng và các công ty công phải chịu sự xử lý giống như (nghĩa vụ?) các cơ quan Nhà Nước. Hơn nữa, người đứng đầu và các phó của các tổ chức tín dụng và công ty công phải chịu trách nhiệm cá nhân giống như người đứng đầu các cơ quan công trong trường hợp tham nhũng. Điều này có phạm vi rất rộng và phức tạp vì không cần liên quan trực tiếp đến các hành động theo sự hiểu biết hoặc kiểm soát hoặc trách nhiệm trực tiếp của một

	công ty đại chúng phải tuân thủ các quy định chứng khoán liên quan để đảm bảo mức độ minh bạch thích hợp. Các biện pháp bổ sung được áp dụng bởi Luật sẽ chồng chéo và có thể gây nhầm lẫn và khó tuân thủ. Các công ty đại chúng quan ngại việc không rõ là sẽ phải tiết lộ những thông tin nào và theo cách nào.	quan trọng quản lý nội bộ để đảm bảo tính minh bạch. Các quy định của các biện pháp bổ sung đó theo Luật chống tham nhũng sẽ chồng chéo các luật khác, do đó ít hiệu quả hơn. Theo như hiện nay, Điều 98 dự luật quy định bắt buộc doanh nghiệp nhà nước và tổ chức tín dụng phải có “quy định về công khai, minh bạch”, “quy định về kiểm soát mâu thuẫn lợi ích”, và “quy định về trách nhiệm của người đứng đầu”. Các nội dung, nghĩa vụ tương tự cũng áp dụng cho các “tổ chức xã hội” quy định tại Điều 103 dự luật. Kể cả trong trường hợp luật khi ban hành chính thức quy định các đối tượng trên phải áp dụng bắt buộc thì những nghĩa vụ này cũng còn quá rộng, thiếu rõ ràng để bảo đảm khả thi. Về mặt nguyên tắc, các nghĩa vụ phải rõ ràng, hợp lý và không chồng chéo với luật định khác. Và đặc biệt là cần phải lưu ý đến cơ chế quản trị công ty hiện nay của doanh nghiệp nhà nước. Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho doanh nghiệp nhà nước nhằm tạo thuận lợi cho việc hình thành một môi trường quản trị tốt, trong đó có quy định về phòng tránh mâu thuẫn lợi ích, công khai v.v. IFC		cá nhân cụ thể. Quy định mới này rất phức tạp và phải được bỏ.
--	---	---	--	--

		hiện cũng đang nghiên cứu xây dựng Luật Quản trị Công ty và nhiều khả năng sẽ đưa vào đó những quy định theo thông lệ tối ưu về những vấn đề này cũng như các nội dung về liêm khiết, đạo đức. Vì thế dự luật cần lưu ý đến bối cảnh đó. Đặc biệt là về vấn đề xác định trách nhiệm giám sát, thực thi. Chẳng hạn, SSC và các sở giao dịch có thể sẽ là cơ quan phù hợp, hiệu quả hơn để làm chức năng giám sát, kiểm soát, thậm chí là cả thực thi, cưỡng chế về những vấn đề này ở doanh nghiệp nhà nước/công ty niêm yết so với Thanh tra Chính phủ.		
6	Điều 128 về Xử lý vi phạm trong quá trình thực hiện Luật Phòng chống Tham nhũng của doanh nghiệp nhà nước, tổ chức tín dụng và thành phần kinh tế ngoài nhà nước. Trong một số trường hợp luật áp đặt các quy định này lên khu vực tư nhân để chống lại các nhà quản lý.	Điều 128.2 quy định bắt buộc doanh nghiệp nhà nước, tổ chức tín dụng, quỹ đầu tư phải có biện pháp xử lý hành chính một số hành vi, ngoài việc chấp hành những chế tài hành chính đó, hoặc bằng cách cho thôi việc hay đình chỉ việc thực hiện quyền, trách nhiệm của một số cán bộ quản lý cấp cao (như Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng), "tùy vào tính chất, mức độ nghiêm trọng của vi phạm". Quy định như trên làm nảy sinh nhiều vấn đề lớn như sau: 1. Quy định chưa nêu rõ những vi phạm nào cần áp dụng các biện	Bỏ Điều 128.2 và 128.3. Tập trung bảo đảm các biện pháp xử phạt hành chính đối với trường hợp vi phạm quy định về quản trị, tuân thủ của doanh nghiệp nhà nước, tổ chức tín dụng được quy định rõ ràng, có đầy đủ hiệu lực, hiệu quả trong việc ngăn chặn, xử lý vi phạm. Trao quyền hạn, tạo công cụ để các cơ quan có thẩm quyền xử lý những đối tượng có vi phạm nghiêm trọng (hình sự) luật pháp, quy định, mà không áp đặt chế tài một cách chung chung đối với tất cả các nhân sự quản lý dù sự thật	Điều này được bỏ và tùy thuộc vào nghị định của Chính phủ Chưa có dự thảo nghị định để xem xét.

		pháp nêu tại Điều 128.2 [LƯU Ý: các dẫn chiếu đến những vi phạm nêu tại các Điều 108, 109, 128.1 dự luật có thể không chính xác]; 2. Quy định chưa nêu rõ “tùy vào tính chất, mức độ nghiêm trọng của vi phạm” nghĩa là gì. Mọi tiêu chuẩn đều cần phải rõ ràng, khách quan. 3. Quy định không nêu rõ khi nào cần áp dụng biện pháp bãi nhiệm (Điều 128.a, so với quy định về đình chỉ quyền, trách nhiệm (Điều 128.2.b)). Dù vậy, trong mọi trường hợp, cả 2 biện pháp này đều quá hà khắc và chưa có sự liên hệ đầy đủ đến những hành vi vi phạm cụ thể của các cá nhân liên quan. Cho thôi việc hay bãi nhiệm tất cả những người đó kể cả trong trường hợp họ không biết gì hay không thể kiểm soát hay tác động đến một số hành vi có thể xảy ra có thể gây hậu quả lớn cho doanh nghiệp và làm giảm sút nghiêm trọng sự tín nhiệm của ngân hàng, thị trường vốn. 4. Trong một số trường hợp, xử lý như vậy còn trái với luật lao động và/hoặc quyết định của cổ đông về việc xử lý như bãi nhiệm, đình chỉ các vị trí quản lý đó.	như thế nào.	
7	Chương X/Phần 2	Trong dự thảo luật, không thấy sự rõ ràng khi đề cập đến vấn đề nếu có bất kỳ trách nhiệm pháp lý hoặc truy tố		

		hành sự đối với "người đưa hối lộ". Luật pháp của một số nước châu Á như Singapore, Hàn Quốc và Ấn Độ đã truy tố tội phạm những người đưa hối lộ sau FCPA hoặc Luật Hối lộ của Anh, v.v.		
--	--	--	--	--

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC NGUỒN NHÂN LỰC

*Chuẩn bị bởi
NCT Nguồn Nhân lực*

TỔNG QUÁT VỀ TIẾN ĐỘ CÔNG VIỆC CỦA NHÓM

- Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự quan tâm của Chính phủ đến những ý kiến đề xuất của chúng tôi trong việc sửa đổi Bộ Luật Lao động và quá trình đàm phán rất hiệu quả về vấn đề tăng lương tối thiểu trong năm nay.
- Chúng tôi luôn quan tâm và sẵn sàng tham gia vào quá trình góp ý cho các điều khoản sắp được điều chỉnh trong Bộ Luật Lao động ngay khi bản thảo chính thức được ban hành.
- Chúng tôi luôn hỗ trợ cho việc triển khai thực hiện bảo hiểm xã hội cho lao động là người nước ngoài, đặc biệt luôn sẵn sàng chia sẻ các kinh nghiệm quốc tế và thông lệ tốt nhất liên quan đến các điều ước về thuế giữa Việt Nam và các nước khác. .
- Chúng tôi hoan nghênh Bộ LĐTB&XH đã làm rõ nội dung về giấy phép lao động cho người nước ngoài.

Trước tiên, như thường lệ, chúng tôi xin chân thành cảm ơn Bộ LĐTB&XH đã hợp tác hiệu quả với NCT Nguồn nhân lực cũng như cộng đồng doanh nghiệp. Các cuộc thảo luận/ tham vấn về mức lương tối thiểu vùng đã được tổ chức rất hiệu quả trong năm nay.

Mặc dù, NCT Nguồn nhân lực không trình bày phát biểu tại kỳ Diễn đàn này, chúng tôi nhân dịp này xin được đề xuất một số góp ý cho quá trình dự thảo một số quy định pháp lý sắp tới.

1. Dự thảo Bộ Luật Lao động 2019

Chúng tôi rất vinh hạnh được tham gia các buổi tham vấn về sửa đổi Bộ Luật Lao động và mong muốn được trao đổi, góp ý thêm. Trong chủ đề này, chúng tôi muốn trình bày một vài góp ý sơ bộ về một số điều, khoản:

- Điều 36: Quyền chấm dứt hợp đồng của người sử dụng lao động
 - ⇒ Nên điều chỉnh thành: “người sử dụng lao động chấm dứt hợp đồng lao động dựa trên tính chất công việc”
 - ⇒ Bỏ từ: “luôn luôn”
- Điều 103.c: Trừ lương
 - ⇒ Nên điều chỉnh thành: “nhân viên cố tình gây thiệt hại tài sản, tiết lộ thông tin mật của công ty,....”
- Điều 105: Chế độ thưởng
 - ⇒ Điều khoản về “chủ lao động phải công bố chế độ thưởng và được sự chấp thuận của công đoàn lao động” không thực tế.
 - ⇒ Nên điều chỉnh thành: “Về chế độ thưởng, quản lý có quyền công bố dựa trên kết quả đánh giá năng lực và thành tích lao động”.
- Điều 123: Quy định về các hình thức kỷ luật và bãi nhiệm, cách chức
 - ⇒ Nên điều chỉnh và bổ sung một điều kiện “trong trường hợp chủ lao động đã yêu cầu nhân viên trình diện trong buổi họp kỷ luật ba (3) lần và nhân viên vẫn không xuất hiện, chủ lao động có quyền chấm dứt hợp đồng lao động”.

Khi Dự thảo sửa đổi Bộ Luật Lao động chính thức được công bố, VBF mong muốn được chia sẻ đến các thành viên để thu thập góp ý. Sau đó, chúng tôi sẽ tổng hợp các ý kiến/ khuyến nghị và trình nộp Bộ LĐTB&XH. Chúng tôi mong muốn có cơ hội trình bày các đề xuất/khuyến nghị của chúng tôi trong cuộc họp với ban soạn thảo.

2. Bảo hiểm xã hội cho lao động nước ngoài tại Việt Nam – Nghị định số 143/2018/NĐ-CP

NCT Nguồn nhân lực trước đây đã trình nộp những góp ý cụ thể cho Dự thảo. Chúng tôi xin tóm tắt quan điểm như sau:

- Chúng tôi hoàn toàn nhất trí với Bộ LĐTB&XH rằng người lao động trong nước và người lao động nước ngoài cần được đối xử công bằng và bình đẳng.
- Trên quan điểm này, VBF rất quan tâm về việc đánh thuế “kép” đối với công dân nước ngoài sẽ không xảy ra, khi họ phải đóng bảo hiểm xã hội tại cả quốc gia sở tại và Việt Nam.
- Chúng tôi luôn sẵn sàng hỗ trợ trong việc xây dựng các thỏa thuận giữa Việt Nam với từng quốc gia để tránh việc đánh thuế “kép”.
- VBF sẽ phối hợp với các phòng thương mại trực thuộc để có thể cập nhật về các thỏa thuận song phương tại các quốc gia sở tại để tránh thuế “kép” và theo đó chia sẻ các thông lệ tốt nhất để quá trình thực hiện thuận lợi cho tất cả các bên liên quan.
- VBF luôn sẵn sàng hỗ trợ thông qua việc cung cấp khuyến nghị và chia sẻ những thực tiễn tốt nhất.

3. Giấy phép lao động cho người nước ngoài – Nghị định số 140/2018/NĐ-CP

- Chúng tôi cảm ơn Bộ LĐTB&XH đã ban hành công văn chính thức vào ngày 8/10/2018 làm rõ một số nội dung liên quan đến giấy phép lao động cho người nước ngoài được quy định tại Nghị định 11.
- Việc bãi bỏ quy định yêu cầu hủy giấy phép lao động trong hoặc cuối thời hạn làm việc cũng như việc chấp nhận bản sao hộ chiếu thường thay vì bản sao công chứng là rất hữu ích và phù hợp với tiêu chí đơn giản hóa thủ tục hành chính.
- Việc đăng kí giấy phép lao động trực tuyến tại một vài tỉnh thành là một bước cải thiện đáng kể và hy vọng chức năng này sẽ đi vào hoạt động ở tất cả các quận huyện, đặc biệt tại TP HCM.
- Chúng tôi hoan nghênh việc rút ngắn thời hạn giải quyết cấp giấy phép lao động từ 7 ngày làm việc xuống 5 ngày. Tuy nhiên, quá trình chuẩn bị vẫn còn khá rườm rà, đặc biệt về thủ tục kê khai lý lịch tư pháp.
- Chúng tôi mong muốn có cơ hội tiếp tục trao đổi và thảo luận cùng Bộ LĐTB&XH về những vấn đề còn tồn đọng để tiếp tục cải thiện hơn nữa các quy định về giấy phép lao động cho người nước ngoài và quá trình thực thi được đồng nhất tại tất cả các tỉnh, thành của Việt Nam.

GÓP Ý VỀ CÁC DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH MỚI BAN HÀNH CỦA BỘ LĐTBXH

Chuẩn bị bởi
Nhóm Công tác Nguồn nhân lực

Stt	Tham chiếu	Ý kiến	Khuyến nghị
I. Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động			
1.	Bổ sung Điều 14a như sau:	“trong vòng 7 ngày...” là không tuân theo kế hoạch chi trả bảo hiểm xã hội được hướng dẫn bởi cơ quan bảo hiểm (1644/BHXH-QLT) và kế hoạch trả lương của công ty. Vì vậy, nó tạo thêm gánh nặng cho doanh nghiệp để tính toán và trả lương/các khoản phụ cấp khác cho người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.	Nên quy định ngày đáo hạn cho việc chi trả đối với ngày đáo hạn của mỗi khoản chi trả và kế hoạch chi trả được quy định của công ty
2.	Điều 11. Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người lao động 2. Người lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động tại Điểm d Khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Lao động trong các trường hợp sau đây: b) Khi ra nước ngoài sinh sống hoặc làm việc;	Việc doanh nghiệp chấp nhận sự chấm dứt đơn phương hợp đồng lao động của người lao động vì những lý do như trường hợp người lao động tìm được công việc ở nước ngoài theo quyền lợi cá nhân của họ là không hợp lý.	Nên loại bỏ điều khoản này, hoặc nêu rõ trường hợp mà điều khoản được áp dụng như Chính phủ phân công người đó sinh sống và làm việc tại nước ngoài.
3.	Điều 29. Xử lý kỷ luật lao động đối với người lao	Nên loại bỏ điều khoản này. Điều khoản này tạo điều kiện cho người lao động có ý đồ xấu để thực hiện	Nên loại bỏ điều khoản này nhưng có thể xem xét việc đưa thêm một số lợi ích khác như tăng số ngày nghỉ

Stt	Tham chiếu	Ý kiến	Khuyến nghị
	động nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi	những hành vi sai trái trong thời hạn đó, sau đó rời bỏ chỗ làm trước khi thời hạn kết thúc.	phép hàng năm cho những người lao động đó.
II. Nghị định sửa đổi bổ sung một số điều nghị định số 60/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2013 của chính phủ quy định chi tiết khoản 3 điều 63 của bộ luật lao động về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.			
4.	“Điều 23a. Xây dựng, ban hành và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc 1. Doanh nghiệp có từ 10 lao động trở lên có trách nhiệm xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.	Cho tới nay không có người lao động nào của công ty mong muốn thành lập hay gia nhập công đoàn bởi không nhận được lợi ích nào nhưng lại cần phải trả phí. Đồng thời không có lý do thích đáng nào để công ty trả kinh phí công đoàn ngay cả khi họ không có công đoàn cơ sở.	Nên xem xét bản chất của công đoàn là một tổ chức tự nguyện và xem xét lại những lợi ích để người lao động sẵn sàng thành lập và gia nhập công đoàn hơn và công ty cũng sẵn sàng trả kinh phí công đoàn để giám sát công đoàn. Hoặc nên tăng số lượng người lao động tối thiểu lên 300 hoặc hơn. Trong trường hợp đó công ty cần tổ chức đại diện cho người lao động để bàn luận các vấn đề. Ở trường hợp 10 người lao động hiện tại, người sử dụng lao động có thể trực tiếp trao đổi với người lao động dễ dàng và điều đó linh hoạt hơn.
III. Nghị định Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng			
5.	Đối với tất cả các điều khoản	Không có thủ tục cho doanh nghiệp và người lao động để đòi tiền phạt được quy định bởi mỗi cơ quan có thẩm quyền. Sẽ có trường hợp mà các viên chức có thể hiểu sai hoặc cố ý “hy sinh” doanh nghiệp bằng việc áp đặt tiền phạt lên doanh nghiệp.	Nên có điều khoản mà nêu rõ thủ tục cho doanh nghiệp để yêu cầu thay đổi hoặc loại bỏ quyết định bởi các cơ quan có thẩm quyền. Cũng cần có yêu cầu để có sự chấp thuận từ doanh nghiệp trong việc đưa ra quyết định cuối cùng để áp dụng mỗi điều khoản.
IV. Nghị định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành			

Stt	Tham chiếu	Ý kiến	Khuyến nghị
một số điều của Bộ luật Lao động về tiền lương			
6.	Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7, Chương III như sau:	Vấn đề hiện nay không phải là tỷ lệ 5%. Mà vấn đề là quy định hiện hành nói rằng mức lương tối thiểu nên tuân theo bảng lương. Do đó, công ty không có cách nào để tăng lương ngoài việc thăng chức cho người lao động. Kết quả là, người lao động phải chờ đợi rất lâu cho tới khi được thăng chức.	Nên quy định rằng số trên bảng lương là mức lương cơ bản tối thiểu ở mức đó, và công ty có thể nâng mức lương cơ bản theo việc đánh giá người lao động của công ty.
7.	Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 7, Chương III	Vấn đề là việc bồi thường người lao động làm việc ở nơi độc hại, nguy hiểm bằng mức lương cao hơn. Không nên bồi thường bằng lương mà nên bằng khoản phụ cấp. Bởi vị trí công việc có thể thay đổi theo kế hoạch kinh doanh của công ty và môi trường độc hại, nguy hiểm sẽ được cải thiện sau sự đầu tư về kỹ thuật.	Nên quy định không phải bằng lương mà bằng khoản phụ cấp để công ty có thể bồi thường một cách linh hoạt cho người lao động làm những công việc đó.

BÁO CÁO CỦA NHÓM CÔNG TÁC KHOÁNG SẢN

KHẮC PHỤC NHỮNG BẤT CẬP VỀ QUẢN LÝ THUẾ VÀ THỦ TỤC HẢI QUAN GÂY TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC TỚI NGÀNH CÔNG NGHIỆP KHAI KHOÁNG TRONG NƯỚC ĐỂ TỪ ĐÓ KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI, ÁP DỤNG CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI THEO TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỚI THÔNG LỆ TIÊN TIẾN NHẤT, BIẾN NGÀNH CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN CÒN NHIỀU BẤT CẬP TRỞ THÀNH MỘT PHẦN QUAN TRỌNG TRONG TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM

*Chuẩn bị bởi
Nhóm công tác Khoáng sản*

1. GIỚI THIỆU

Việc thăm dò và khai thác những nguồn khoáng sản quý hiếm, chưa khai mở của Việt Nam, nếu được thực hiện với vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), sử dụng những công nghệ hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế một cách hiệu quả, có trách nhiệm với môi trường đảm bảo an toàn, sẽ tạo nên sự thay đổi quan trọng trong tăng trưởng kinh tế Việt Nam, giảm gánh nợ quốc gia.

Khai thác khoáng sản có trách nhiệm với môi trường, áp dụng công nghệ hiện đại, thường được áp dụng tại các vùng xa xôi hẻo lánh, những vùng chưa phát triển của đất nước, đã và đang được ghi nhận là một trong những nhân tố hiệu quả nhất cho việc phát triển cơ sở hạ tầng trên khắp thế giới. Những vùng có mỏ thường được phát hiện tại các khu vực miền núi, đồi sông kinh tế xã hội còn nhiều khó khăn, kém phát triển nhất, và chắc chắn Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ. Khai khoáng sử dụng công nghệ hiện đại không thể hoạt động hiệu quả nếu không có cơ sở hạ tầng và giao thông tốt, do đó các công ty khai khoáng có trách nhiệm bắt buộc phải đóng góp hoặc cung cấp cho việc phát triển hạ tầng đó. Một lợi ích khác mà việc khai khoáng có trách nhiệm đem lại là góp phần giảm bớt đói nghèo ở những vùng xa xôi hẻo lánh mà các công ty khai khoáng hoạt động, tạo cơ hội việc làm và sử dụng nguồn cung ứng hàng hóa dịch vụ địa phương.

Ngành khai khoáng trước đây đã từng là một trong những nhân tố động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển cơ sở hạ tầng ở nhiều quốc gia trên thế giới. Điều này cũng có thể xảy ra ở Việt Nam dựa trên nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú vẫn chưa được khai mở. Theo ước tính, cho đến nay, khoảng 10% nguồn tài nguyên kim loại thường và kim loại quý hiếm đã được phát hiện, tuy nhiên Việt Nam chưa thăm dò một cách có hệ thống, chưa sử dụng những công nghệ và phương pháp hiện đại để thăm dò, tìm ra những mỏ nằm sâu trong lòng đất, có trữ lượng lớn và giàu tài nguyên hơn. Ngành công nghiệp khai khoáng của Việt Nam, chủ yếu do các công ty nhà nước và tư nhân trong nước quản lý, hiện nay chỉ tập trung vào khai thác nguồn khoáng sản năng lượng lộ thiên, dễ thăm dò hoặc nằm gần bề mặt như than, các loại quặng khác như sắt, bôxít, cát, đá vôi.

Vinacomin là doanh nghiệp đầu tiên công nhận đây là thách thức mà họ, và hầu hết những doanh nghiệp khai thác khoáng sản khác ở Việt Nam hiện tại đang gặp phải, trong đó là thách thức phải đối mặt với “công nghệ lạc hậu, mức độ cơ giới hóa thấp, cơ sở hạ tầng yếu kém, nguồn nhân lực dồi dào nhưng năng suất thấp, sử dụng năng lượng quá mức, rủi ro an toàn vẫn ở mức cao và vấn nạn ô nhiễm môi trường”.

2. THÁCH THỨC

Mặc dù việc áp dụng công nghệ để hiện hóa ngành công nghiệp khai khoáng Việt Nam đã là một thách thức, tuy nhiên còn một thách thức lớn hơn trước đó, đó là việc thay đổi quan điểm của Cục Thuế, Cục Hải quan, của các cơ quan ban ngành từ cấp trung ương đến địa phương, thách thức trong việc nâng cao nhận thức để họ biết được tính phức tạp trước những biến động về giá cả hàng hóa, những bất cập khác trong ngành, có nguy cơ dẫn đến những tác động tiêu cực về lợi nhuận và sự sinh tồn của ngành khai khoáng theo chu kỳ. Việc tiếp cận xử lý công việc một cách cứng nhắc như hiện nay của các cơ quan ban ngành có thể dẫn đến việc đầu tư nước ngoài chấm dứt, các hoạt động khai thác chế biến khoáng sản ở địa phương đóng cửa, mặc dù hiện tại, các hoạt động khai thác khoáng sản vẫn đạt lợi nhuận do giá cả kim loại tăng cao, song, hệ quả vẫn là cơ quan Nhà nước Việt Nam và những người hưởng lợi trực tiếp từ ngành khai thác khoáng sản, bộ phận cung ứng dịch vụ địa phương sẽ mất quyền kiểm soát.

Chính Phủ Việt Nam hiện đã nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của FDI cũng như tầm quan trọng của công tác cải tổ và đổi mới khoa học công nghệ trong công cuộc phát triển kinh tế đất nước. Tuy nhiên, những công nghệ hiện đại, đổi mới công nghệ và những quy trình tốt nhất trên thế giới chỉ đến với Việt Nam thông qua FDI nếu như Chính phủ đưa ra những khuyến khích để thúc đẩy đầu tư, chứ không phải đưa ra những khó khăn, thách thức.

3. GIẢI PHÁP

Hiện nay vẫn còn sự thiếu nhất quán trong cách hiểu về thuế tài nguyên, thuế, phí bảo vệ môi trường, chất lượng sản phẩm và những vấn đề liên quan đến thuế khai khoáng giữa cơ quan có thẩm quyền cấp trung ương và địa phương, và giữa các bộ như Bộ Tài nguyên & Môi trường, Bộ Công thương và Bộ Tài chính. Cần có sự hỗ trợ cấp thiết từ Chính phủ trong việc định hướng ngành công nghiệp khai khoáng và sự phối hợp giữa các ban ngành của Chính phủ, để những nhà đầu tư FDI và những nhà đầu tư mạnh trong nước tin tưởng hơn với các chính sách khoáng sản của Việt Nam.

Nhóm Công tác Khoáng sản kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ và Văn phòng Chính phủ, với sự phối hợp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam để:

- Nghiên cứu sửa đổi quy định về khoáng sản để đưa ra chế độ tăng tính cạnh tranh, thân thiện với nhà đầu tư, bao gồm việc xây dựng các mức thuế hợp lý, công bằng cho cả Chính Phủ lẫn nhà đầu tư, đảm bảo tính nhất quán, ổn định lâu dài của các chính sách về khai thác khoáng sản.
- Tăng cường hợp tác hiệu quả hơn giữa các bộ và ban ngành của Bộ Tài nguyên Môi trường, Bộ Công thương và Bộ Tài chính cấp trung ương và địa phương để thống nhất cách hiểu về các quy định liên quan đến ngành khai khoáng tại Việt Nam, hiểu rõ ích lợi của FDI, các quy trình và điều kiện khuyến khích đầu tư để thu hút FDI.
- Đẩy mạnh cam kết của Việt Nam đối với cơ chế đầu tư trong lĩnh vực khoáng sản, ngừng việc ban hành các loại thuế xuất khẩu mới và loại bỏ các loại thuế xuất khẩu hiện hành, theo như cam kết tại Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).

CUỘC HỌP GIỮA TỔNG CỤC THUẾ VÀ NHÓM CÔNG TÁC THUẾ/HẢI QUAN

Thời gian: 9:00, ngày 30/8/2018

Địa điểm: Trụ sở Tổng Cục Thuế, 123 Lò Đúc, Hai Bà Trưng, Hà Nội

TÓM TẮT NỘI DUNG CUỘC HỌP

A – KHAI MẠC

Ông Nguyễn Đại Trí, Phó Tổng cục trưởng: nhân mạnh hợp tác với VBF là một nhiệm vụ đặt ra với GDT nhằm thực hiện chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Tài chính sau cuộc họp tháng 3/2018 và cũng là để tăng cường phối hợp hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết các vướng mắc, xây dựng chính sách thuế hiệu quả hơn phục vụ cộng đồng doanh nghiệp. Giới thiệu đại diện các cục, vụ liên quan tham dự cuộc họp. *(Có danh sách đính kèm)*

Ông Tomaso Andreatta, Đồng Chủ tịch VBF: VBF là đại diện cho một mạng lưới rộng rãi cộng đồng doanh nghiệp tư nhân, cả trong nước và nước ngoài. Một trong những nhiệm vụ quan trọng của VBF đó là tích cực phối hợp với phía Chính phủ để xây dựng chính sách đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp. Các vấn đề về thuế luôn là một chủ đề quan trọng trong hầu hết các diễn đàn của VBF. Phần lớn các doanh nghiệp phản ánh là hệ thống thuế ở Việt Nam khá phức tạp, quan niệm về mục đích của thuế là để tăng nguồn thu cần điều chỉnh, vấn đề thực thi không đồng bộ giữa các cấp và các địa phương gây khó khăn cho doanh nghiệp... Chính vì vậy rất cần sự trao đổi, hợp tác giữa hai bên. Giới thiệu đại diện phía VBF tham dự cuộc họp. *(Có danh sách đính kèm)*

B – TÓM TẮT NỘI DUNG THẢO LUẬN

1. Những vấn đề quan tâm của các thành viên VBF

Ông Mark Gillin:

- Việc thanh tra thuế cần phải hướng đến mục đích làm cho việc thu thuế chính xác chứ không phải mục đích thu thuế là để tăng nguồn thu, khiến cho việc thanh tra, kiểm tra không còn khách quan.
- Nhiều trường hợp cán bộ thanh tra chủ yếu hướng đến việc không chấp nhận các khoản được miễn trừ thuế - các quy định về khấu trừ cần rõ ràng, minh bạch.
- Thời gian thu thuế, quá trình kiểm tra, thanh tra kéo dài làm mất thời gian, chi phí của doanh nghiệp, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Đề xuất KPI chuyển từ trước thanh tra sang sau thanh tra – như vậy cũng tốt hơn cho cơ quan thuế không phải mất cả tuần làm việc tại DN để kiểm tra, thanh tra.

Ông Tetsu Funayama:

- Liên quan đến chuyển giá, hiện nay số doanh nghiệp được thực hiện API là rất ít. Một trong những nguyên nhân là vấn đề chuyển giá rất mới và phức tạp trong khi cơ quan thuế thiếu nguồn nhân lực có đủ trình độ để đánh giá. Ngành thuế cần được hỗ trợ để đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng việc xây dựng khung pháp lý và thực thi việc quản lý liên quan đến chuyển giá.
- Thời hạn nộp thuế thu nhập cá nhân: các hồ sơ yêu cầu ngày càng nhiều đòi hỏi Doanh nghiệp phải mất nhiều thời gian để chuẩn bị. Vì vậy thời gian 90 ngày là không đủ, cần đề dài ngày hơn để doanh nghiệp có thể kịp chuẩn bị.

Bà Hương Vũ:

- Có một thực tế là số lượng doanh nghiệp đưa cơ quan thuế ra khỏi kiện ngày càng nhiều hơn và áp lực thu thuế ở các địa phương là khá lớn. Các Doanh nghiệp không muốn đưa

các vụ việc ra tòa mà cần sự khách quan, cần các cơ quan thuế giải quyết một cách hợp lý, công tâm.

- Những vấn đề liên quan đến chính sách thuế, thời gian quan VBF không nhận được các yêu cầu đóng góp về chính sách của Tổng cục Thuế mà chủ yếu là góp ý qua VCCI.

Ông Nguyễn Đại Trí, Phó Tổng cục trưởng:

- Đồng ý những mong muốn chính đáng của doanh nghiệp về giảm chi phí thời gian thu thuế, thanh tra, kiểm tra thuế. Trên thực tế ngành thuế đã có những tiến bộ đáng kể để làm cho việc kê khai, đóng thuế thuận tiện hơn với doanh nghiệp. Trong đánh giá gần đây thì (CPI 8 lĩnh vực) thuế là một trong những lĩnh vực có nhiều tiến bộ nhất, kê khai điện tử đã được áp dụng từ khá lâu và liên tục được cải tiến để trở nên thuận lợi hơn.
- Thanh tra, kiểm tra là một trong 4 chức năng quan trọng của cơ quan thuế và mục đích là để kiểm tra quá trình thu thuế đúng hay không đúng, không có chỉ đạo thanh tra là để nhằm thu thuế.
- Để đảm bảo tính minh bạch hiện nay ngành thuế yêu cầu nhật ký thanh tra điện tử, sẽ ghi lại toàn bộ nội dung đánh giá, xem xét của thanh tra từng ngày trên hệ thống.
- Liên quan đến vấn đề chuyên giá, đây là một nội dung mới. Ngành thuế đang nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm của các nước và tích cực đào tạo nguồn nhân lực. Tổng cục Thuế hoan nghênh các sáng kiến và trợ giúp của VBF hoặc của Hiệp hội Nhật Bản giúp trong việc tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ thuế về vấn đề này.

Bà Lê Thị Thủy, Phó Vụ trưởng Vụ Tuyên truyền Hỗ trợ:

- Ngành thuế có các cơ quan tuyên truyền hỗ trợ ở tất cả các địa phương nên việc giải quyết các vướng mắc cụ thể của doanh nghiệp phải thực hiện từ Cục thuế địa phương. Chỉ những vấn đề ko giải quyết được ở địa phương mới đưa lên Tổng cục Thuế.
- Nhiều vấn đề của doanh nghiệp lại do doanh nghiệp chưa hiểu rõ về quy định, thủ tục nên Tổng cục Thuế rất mong thông qua VBF để thông tin, tuyên truyền đến các doanh nghiệp.
- Liên quan đến thời gian kê khai thuế thu nhập cá nhân: không phải tất cả các DN đều phải làm tất cả các mẫu biểu mà tùy vào đối tượng, nếu không có phát sinh ưu đãi, ko giao dịch chuyển nhượng thì ko phải khai các phụ lục này. Nhiều năm nay ngành thuế đã thực hiện kê khai thì không thấy DN hỏi nhiều và thắc mắc về việc khai thuế TNDN.
- Tổng cục Thuế mong nhận được các kiến nghị của VBF về những bất cập trong quá trình thực thi ví dụ như các thủ tục có khó khăn gì, cần cơ quan thuế hỗ trợ như thế nào...

2. Về cơ chế hợp tác: VBF và Tổng cục Thuế thống nhất các nội dung sau

- *3 nội dung hợp tác chính là:* (i) xây dựng chính sách thuế; (ii) giải quyết các vướng mắc của cộng đồng doanh nghiệp; (iii) thực hiện việc tuyên truyền, hướng dẫn về chính sách thuế cho doanh nghiệp.
- *Nguyên tắc phối hợp trong xây dựng chính sách:* Tổng cục Thuế sẽ chủ động động gửi các dự thảo văn bản pháp luật trực tiếp cho VBF đóng góp ý kiến. VBF cũng chủ động gửi các kiến nghị liên quan đến quá trình thực thi để xem xét việc chỉnh sửa và hoàn thiện các quy định, thủ tục.
- *Nguyên tắc trong giải quyết các vướng mắc của doanh nghiệp:*
 - ✓ Ưu tiên giải quyết những vướng mắc chung của các Hiệp hội hay của phần lớn các doanh nghiệp.
 - ✓ Chỉ giải quyết những vướng mắc cụ thể của doanh nghiệp khi vấn đề không giải quyết được tại Cục thuế địa phương.
 - ✓ Tổng cục Thuế có trách nhiệm chỉ đạo các Cục thuế địa phương giải quyết các vấn đề vướng mắc của doanh nghiệp.
- Cách thức hợp tác:

- ✓ Việc góp ý cho các văn bản pháp luật sẽ được VBF tổng hợp gửi cho Tổng cục Thuế thông qua email và văn bản.
- ✓ Với một số những vấn đề quan trọng và cần thiết, hai bên sẽ tổ chức các cuộc họp cấp chuyên viên hoặc cấp cao để trao đổi hoặc tổ chức các hội thảo chuyên đề mời các chuyên gia tham dự.
- ✓ Các vướng mắc của doanh nghiệp sẽ được tổng hợp 3 tháng 1 lần để gửi Tổng cục Thuế qua email và văn bản. Tổng cục Thuế sẽ gửi ý kiến trả lời dựa trên văn bản tổng hợp của VBF.
- ✓ Các thông tin trao đổi và sắp xếp các cuộc họp sẽ thực hiện thông qua 2 đầu mối là Vụ Hỗ trợ Tuyên truyền của Tổng cục thuế và Ban thư ký VBF

C – KẾT THÚC

Ông Nguyễn Đại Trí: đánh giá cao vai trò của VBF trong việc tập hợp những kiến nghị của doanh nghiệp giúp cho các chính sách pháp luật thực tiễn hơn, hiệu quả hơn. Nhấn mạnh nhiệm vụ hợp tác giữa Tổng cục Thuế và VBF nhằm cải thiện chính sách, môi trường đầu tư.

Ông Tomaso Andreatta: cảm ơn Tổng cục Thuế đã dành thời gian tiếp đoàn, ghi nhận và đánh giá cao những nỗ lực và sự phát triển tích cực của ngành thuế. VBF mong muốn hợp tác với Tổng cục Thuế ở nhiều cấp độ để 2 bên có thể lắng nghe tiếng nói của nhau.

DANH SÁCH ĐẠI BIỂU THAM GIA

TT	Tên	Chức danh	Cơ quan/Tổ chức
Tổng cục Thuế			
1	Ông Nguyễn Đại Trí	Phó Tổng cục trưởng	Tổng cục Thuế
2	Bà Lê Thị Thủy	Phó Vụ trưởng	Vụ Tuyên truyền Hỗ trợ NNT
3	Ông Nguyễn Duy Minh	Phó vụ trưởng	Vụ QL thuế TNCN
4	Ông Nguyễn Quý Trung	Phó vụ trưởng	Vụ chính sách
5	Bà Nguyễn Thu Trà	Phó Cục trưởng	Cục Công nghệ thông tin
6	Ông Vũ Văn Cường	Phó vụ trưởng	Vụ QL Doanh nghiệp lớn
7	Bà Nguyễn Lan Anh	Phó vụ trưởng	Vụ Thanh tra
Liên minh Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam			
8	Ông Tomaso Andreatta	Đồng Chủ tịch VBF	Phó Chủ tịch EuroCham
9	Ông Tetsu Funayama	Thành viên HĐQT VBF	Chủ tịch Mitsubishi Việt Nam
10	Ông Mark Gillin	Trưởng Nhóm Công tác Thuế & Hải quan	Giám đốc AIM Ltd
11	Bà Hương Vũ	Đồng trưởng Nhóm Công tác Thuế & Hải quan	Công ty Ernst & Young Vietnam
12	Bà Lê Thị Hoàng Anh	Điều phối Ban thư ký	Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam

TÓM TẮT NỘI DUNG TRAO ĐỔI TẠI CUỘC HỌP GIỮA TỔNG CỤC HẢI QUAN VÀ NHÓM CÔNG TÁC THUẾ/HẢI QUAN NGÀY 27/9/2018

STT	Khó khăn/Vướng mắc	Thực trạng Ảnh hưởng/Tác động	Đề xuất/Khuyến nghị	Nội dung trả lời của TCHQ
1	Thuế suất cho hàng xuất nhập khẩu tại chỗ của các doanh nghiệp nội địa Theo quy định hiện hành tại các Nghị định về biểu thuế nhập khẩu ưu đãi của Việt Nam để thực hiện các hiệp định thương mại tự do thì ngoài quy định về xuất xứ, hàng hóa có xuất xứ Việt Nam chỉ được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt nếu đáp ứng các điều kiện: - Hàng hóa từ khu phi thuế quan nhập khẩu vào thị trường trong nước; hoặc - Được vận chuyển trực tiếp từ nước xuất khẩu Theo Khoản 1, Điều 1 Dự thảo sửa đổi Nghị định 134/2016/NĐ-CP (bổ sung khoản 3b vào Điều 3) thì: <i>„b) Hàng hoá nhập khẩu tại chỗ quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP áp dụng mức thuế suất ưu đãi theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu nếu hàng hoá được sản xuất toàn bộ tại Việt Nam hoặc được thực hiện công đoạn chế biến cơ bản cuối cùng tại Việt Nam. Việc kiểm tra, xác định, xác minh xuất xứ của hàng hoá nhập khẩu tại chỗ được sản xuất tại Việt Nam để được áp dụng mức thuế suất MFN thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan.</i> <i>Hàng hoá nhập khẩu tại chỗ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP áp dụng mức thuế suất ưu đãi đặc biệt theo quy định</i>	Hiện nay rất nhiều doanh nghiệp nội địa khi nhập khẩu tại chỗ từ một doanh nghiệp nội địa khác theo chỉ định của thương nhân nước ngoài, mặc dù có Giấy chứng nhận xuất xứ ưu đãi cho hàng có xuất xứ Việt Nam do Bộ Công thương cấp, và đã được chấp nhận áp dụng thuế NK ưu đãi đặc biệt khi thông quan, lại đang bị cơ quan hải quan địa phương truy thu thuế theo thuế suất MFN hoặc thuế suất thông thường với các lô hàng từ ngày 1/9/2016 (ngày có hiệu lực của Luật thuế xuất nhập khẩu 2016). Tuy nhiên, Khoản 3a và 3b, Điều 5, Luật thuế xuất, nhập khẩu quy định như nhau cho hàng nhập khẩu áp dụng thuế suất MFN và thuế suất ưu đãi đặc biệt, không phân biệt nơi sản xuất hoặc nguồn cung cấp, miễn là đáp ứng yêu cầu về xuất xứ. Đây cũng cùng là xuất nhập khẩu tại chỗ theo Điều 35, Nghị định 08/2015/NĐ-CP, thủ tục hải quan như nhau (Điều 86,	Đề xuất cho doanh nghiệp nhập khẩu tại chỗ từ doanh nghiệp nội địa được áp dụng thuế suất MFN hoặc thuế suất ưu đãi đặc biệt với hình thức nhập khẩu tại chỗ nếu thỏa mãn các yêu cầu về xuất xứ tương ứng, tương tự như đối với hàng nhập khẩu từ khu phi thuế quan. Điều này vốn vẫn được áp dụng theo Luật thuế Xuất, nhập khẩu số 45/2005/QH11 trước đây.	- Về việc áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại chỗ: Ngày 05/9/2018, Tổng cục Hải quan có công văn số 5174/TCHQ-GSQL (<i>gửi kèm</i>) hướng dẫn Công ty TNHH nước giải khát Coca-Cola Việt Nam thực hiện. Hiện nay, Tổng cục Hải quan (Cục Giám sát quản lý) đang trình các cấp có thẩm quyền để xem xét xử lý theo quy định. Do vậy, trước mắt, khi chưa có hướng dẫn cụ thể, đề nghị Công ty thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 5174/TCHQ-GSQL ngày 05/9/2018 của Tổng cục Hải quan. - Về khuyến nghị sửa đổi, bổ sung Nghị định 134/2016/NĐ-CP, Tổng cục Hải quan ghi nhận để kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét trong quy trình sửa đổi Nghị định 134/2016/NĐ-CP.

STT	Khó khăn/Vướng mắc	Thực trạng Ảnh hưởng/Tác động	Đề xuất/Khuyến nghị	Nội dung trả lời của TCHQ
	<i>tại điểm b khoản 3 Điều 5 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Người nộp thuế phải có giấy chứng nhận xuất xứ của hàng hóa do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp nộp cho cơ quan hải quan khi làm thủ tục hải quan”</i>	Thông tư 38/2015/TT-BTC) nhưng lại có sự khác nhau về việc áp dụng thuế suất. Do đó, việc chỉ cho hàng nhập khẩu tại chỗ từ khu phi thuế quan được áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt là không phù hợp và không công bằng. Quy định này gây phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp cùng nằm trên lãnh thổ Việt Nam, mặc dù các hàng hóa này đều thỏa mãn điều kiện để được cấp chứng nhận xuất xứ từ Việt Nam (và trên thực tế vẫn được Bộ Công thương cấp). Đồng thời, việc kiểm tra, xác minh xuất xứ để được áp dụng thuế suất MFN cũng tạo thêm gánh nặng hành chính cho các doanh nghiệp nội địa.		
2	Điều chỉnh giá trên tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu Có những trường hợp giá của hàng hóa chưa được xác định khi xuất nhập khẩu hàng hóa do đó người khai hải quan phải kê khai giá tạm tính trên tờ khai hải quan. - Đối với trường hợp nhập khẩu: Thời hạn xác định số thuế chính thức phải nộp không quá 30 ngày kể từ ngày giải phóng hàng hóa (Điều 36, Luật hải quan) và người khai hải quan có thể sửa đổi, kê khai bổ sung tờ khai trong vòng 60 ngày kể từ ngày thông quan và trước thời điểm kiểm tra sau thông quan, thanh tra để không bị xử phạt vi	Theo quy định hiện hành thì việc khai bổ sung và tính lại thuế phải được thực hiện theo từng tờ khai. Với các doanh nghiệp có lượng hàng xuất nhập khẩu lớn thì đây là công việc tốn rất nhiều thời gian và chi phí, đặc biệt trong các trường hợp việc điều chỉnh giá không ảnh hưởng đến số thuế phải nộp. Thời hạn cho việc kê khai bổ sung cũng là khá ngắn và không phù hợp thực tiễn hoạt động	Đề xuất cho phép doanh nghiệp điều chỉnh chốt giá theo kỳ (tháng, quý, năm) theo mức trung bình cho các tờ khai. Chúng tôi hiểu rằng Cục Hải quan thành phố HCM đã có Công văn số 458/STQ-DDSTQ3 ngày 16/04/2013 cho phép NNT tính số thuế thiếu dựa trên mức thuế suất tính bình quân mỗi năm. Trên thực tế, cách làm này cũng được sự đồng thuận của hải quan địa phương và NNT trong nhiều lần KTSTQ vì tính thực tế, giảm chi phí hành chính mà	- Về thủ tục hải quan: Căn cứ quy định tại Điều 20 Thông tư 38/2015/TT-BTC được sửa đổi bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính thì việc khai bổ sung tờ khai hải quan được thực hiện trên từng tờ khai, do đó đề nghị doanh nghiệp căn cứ quy định trên để thực hiện. - Người khai hải quan khai giá chính thức trên tờ khai sửa đổi, bổ sung sau thông quan và nộp thuế chênh lệch (nếu có) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm có giá chính thức. Cơ quan Hải quan kiểm tra khai báo của người khai hải quan, thời điểm có giá chính thức, điều kiện chấp nhận thời điểm có

STT	Khó khăn/Vướng mắc	Thực trạng Ảnh hưởng/Tác động	Đề xuất/Khuyến nghị	Nội dung trả lời của TCHQ
	phạm hành chính (Khoản 9, Điều 1, Thông tư 39/2018/TT-BTC sửa đổi Điều 20 Thông tư 38/2015/TT-BTC). Trừ trường hợp đối với phí bản quyền, phí giấy phép và các khoản phải trả từ số tiền thu được sau khi bán lại, định đoạt, sử dụng hàng hóa nhập khẩu có thể được kê khai và tính thuế bổ sung trong vòng 5 ngày kể từ ngày thực trả (Điều 13, 14, Thông tư 39/2015/TT-BTC). - Đối với trường hợp xuất khẩu, doanh nghiệp phải khai sửa đổi, bổ sung giá chính thức trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm có giá chính thức nhưng không quá 90 ngày từ ngày đăng ký tờ khai, nếu quá 90 ngày thì Cục trưởng Cục hải quan sẽ chịu trách nhiệm kiểm tra, xem xét và quyết định chấp nhận thời điểm có giá chính thức (Khoản 1, Điều 17, Thông tư 39/2015/TT-BTC)	thương mại hiện nay. Vấn đề này đã từng được VBF trình bày và TCHQ đã ghi nhận tại các cuộc họp vào tháng 12/2017 và tháng 3/2018, tuy nhiên, Thông tư 39/2018/TT-BTC vẫn chưa có sửa đổi bổ sung. VBF cũng đã trình bày vấn đề tại cuộc họp tháng 6/2018 và TCHQ cũng một lần nữa ghi nhận vướng mắc này, nhưng dự thảo sửa đổi Nghị định 134/2015/NĐ-CP cũng chưa đề cập tới trường hợp này.	vẫn đảm bảo phản ánh đúng số thuế phải nộp của NNT. Kính mong TCHQ xem xét để cụ thể hóa đưa vào quy định, phù hợp với hoạt động thương mại hiện nay và tạo điều kiện cho doanh nghiệp.	giá chính thức theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của BTC. Do vậy, đề nghị doanh nghiệp căn cứ quy định trên để thực hiện.
3	Miễn thuế, hoàn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu gián tiếp, sản xuất hàng xuất khẩu tại chỗ, tái xuất theo hình thức xuất khẩu tại chỗ Có nhiều doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu gián tiếp như sau: Doanh nghiệp 1 nhập khẩu NVL để SX ra một sản phẩm/bán thành phẩm/linh kiện nào đó rồi bán cho Doanh nghiệp 2 (là Doanh nghiệp đăng ký nhập SXKK hoặc trực tiếp bán xuất khẩu) để tiếp tục sản xuất và/hoặc xuất khẩu thành phẩm ra nước ngoài. Theo quy định hiện hành (Nghị định 134/2016/NĐ-CP và Thông tư 39/2018/TT-BTC) thì Doanh nghiệp 1 không được hoàn thuế tương ứng phần NVL nhập	Xuất khẩu gián tiếp khá phổ biến của các doanh nghiệp sản xuất trong nước. Việc hoàn thuế sẽ giúp giảm bớt chi phí đầu vào cho doanh nghiệp, góp phần khuyến khích thúc đẩy và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động SXKK theo chủ trương của Nhà nước hiện nay. Trên thực tế hiện nay, các doanh	Đề nghị xem xét đưa lại quy định về hoàn thuế cho hoạt động SXKK gián tiếp và xuất khẩu tại chỗ như tại Điều 114, Thông tư 38/2015/TT-BTC, đồng thời bổ sung quy định về việc hoàn thuế cho việc tái xuất hàng đã nhập khẩu theo hình thức xuất khẩu tại chỗ vào Nghị định sửa đổi Nghị định 134 sẽ ban hành trong thời gian sắp tới.	Đề nghị xem xét đưa lại quy định về hoàn thuế cho hoạt động SXKK gián tiếp và XK tại chỗ như tại Điều 114 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính, đồng thời bổ sung quy định về việc hoàn thuế cho việc tái xuất hàng hóa đã nhập khẩu theo hình thức XK tại chỗ vào Nghị định sửa đổi Nghị định số 134/2016/NĐ-CP: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 19 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 thì người nộp thuế đã nộp thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất, kinh doanh nhưng đã đưa vào sản xuất hàng hóa xuất khẩu và đã xuất khẩu sản phẩm được hoàn thuế nhập khẩu. Căn cứ khoản 1 Điều 36 Nghị định số

STT	Khó khăn/Vướng mắc	Thực trạng Ảnh hưởng/Tác động	Đề xuất/Khuyến nghị	Nội dung trả lời của TCHQ
	khẩu cho hàng XK thực sự. - Tại điểm b khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 36 Nghị định 134 đều đang giới hạn các trường hợp miễn thuế, hoàn thuế chỉ áp dụng với nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu ra nước ngoài, xuất vào khu phi thuế quan mà không bao gồm trường hợp xuất khẩu tại chỗ (bán hàng cho thương nhân nước ngoài nhưng được chỉ định giao hàng cho bên thứ ba tại Việt Nam). Thực tế, trường hợp xuất khẩu tại chỗ đang được quy định tại Điều 35 Nghị định 08/2015/NĐ-CP và Điều 6 Nghị định 219/2013/NĐ-CP theo đúng bản chất là hoạt động xuất khẩu, cụ thể là doanh nghiệp phải làm thủ tục hải quan và thuộc đối tượng hưởng thuế suất GTGT 0%. Do người nhập khẩu tại chỗ khi nhận hàng phải mở tờ khai và nộp thuế nhập khẩu (hoàn toàn giống với nhập khẩu sản phẩm từ nước ngoài) nên nếu bên xuất khẩu tại chỗ không được miễn thuế/hoàn thuế với nguyên liệu đầu vào sẽ dẫn đến đánh thuế nhập khẩu hai lần trên cùng một đối tượng hàng hóa. - Tại khoản 23 Điều 1 Dự thảo sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 34 của Nghị định 134 chỉ quy định hoàn thuế nhập khẩu với trường hợp hàng hóa nhập khẩu nhưng phải xuất trả lại chủ hàng nước ngoài, xuất khẩu sang nước thứ ba hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan mà không bao gồm trường hợp xuất khẩu tại chỗ. Tương tự như trường hợp vướng mắc đối với nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng	ngành đều gia tăng chuyên môn hóa nhằm tiết giảm chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh, giúp doanh nghiệp có thể phát triển mạnh và hoạt động kinh doanh cốt lõi của mình. Theo đó, để một sản phẩm hoàn chỉnh xuất khẩu bán ra nước ngoài đòi hỏi phải qua nhiều công đoạn sản xuất với nhiều chi tiết khác nhau. Và đối với một số sản phẩm nhất định, một doanh nghiệp đơn lẻ sẽ không thể thực hiện hết tất cả các công đoạn, mà chỉ có thể là một hoặc một số công đoạn nhất định. Như vậy, rõ ràng là doanh nghiệp phải có sự liên kết với các doanh nghiệp khác để tạo ra chuỗi cung ứng sản xuất thì mới có thể sản xuất ra sản phẩm hoàn chỉnh đến tay người tiêu dùng. Một vấn đề khác cũng có thể nhận thấy là nếu chính sách thuế xuất khẩu nhập khẩu không cho phép doanh nghiệp xuất khẩu gián tiếp được hoàn thuế hoặc miễn thuế đối với nguyên liệu đầu vào thì chắc chắn giá thành		134/2016/NĐ-CP ngày 1/9/2016 của Chính phủ quy định người nộp thuế đã nộp thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất, kinh doanh nhưng đã đưa vào sản xuất hàng hóa xuất khẩu và đã <u>xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài, hoặc xuất khẩu vào khu phi thuế quan</u>, được hoàn thuế nhập khẩu đã nộp. Căn cứ khoản 3 Điều 36 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 1/9/2016 của Chính phủ quy định điều kiện để xác định hàng hóa được hoàn thuế: - Tổ chức, cá nhân sản xuất hàng hóa xuất khẩu phải có cơ sở sản xuất; - Sản phẩm xuất khẩu được làm thủ tục hải quan theo loại hình sản xuất xuất khẩu; - Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc ủy thác nhập khẩu hàng hóa, xuất khẩu sản phẩm. Căn cứ các quy định nêu trên, từ ngày 01/9/2016 đến nay doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa để sản xuất, kinh doanh đã đưa vào sản xuất hàng hóa xuất khẩu và đã xuất khẩu sản phẩm theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ (<u>không xuất khẩu ra nước ngoài, xuất khẩu vào khu phi thuế quan</u>) không đáp ứng quy định tại Điều 36 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP thì không được hoàn thuế nhập khẩu đã nộp. (1) Về đề nghị của doanh nghiệp được hoàn thuế cho hoạt động sản xuất xuất khẩu gián tiếp như tại Điều 114 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính, hiện nay, dự thảo Nghị định sửa đổi bổ sung Nghị định 134/2016/NĐ-CP đã bổ sung

STT	Khó khăn/Vướng mắc	Thực trạng Ảnh hưởng/Tác động	Đề xuất/Khuyến nghị	Nội dung trả lời của TCHQ
	hóa xuất khẩu tại chỗ, hệ quả là đánh thuế nhập khẩu hai lần trên cùng một hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam, làm tăng chi phí cho doanh nghiệp và không tạo thuận lợi cho thương mại Tuy nhiên, theo quy định trước đây thì hai trường hợp này vẫn được cho phép hoàn thuế theo Khoản 5, Điều 114, Thông tư 38/2015/TT-BTC: <i>„c.5) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu nguyên liệu, vật tư sản xuất sản phẩm sau đó bán sản phẩm (sản phẩm hoàn chỉnh hoặc sản phẩm chưa hoàn chỉnh) cho tổ chức, cá nhân khác để trực tiếp sản xuất, gia công hàng hoá xuất khẩu thì sau khi tổ chức, cá nhân sản xuất, gia công hàng hoá xuất khẩu đã xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài; tổ chức, cá nhân nhập khẩu nguyên liệu, vật tư được hoàn thuế nhập khẩu tương ứng với phần tổ chức, cá nhân khác dùng sản xuất sản phẩm và đã thực xuất khẩu, đồng thời đáp ứng điều kiện: tổ chức, cá nhân bán hàng, tổ chức, cá nhân mua hàng thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ; tổ chức, cá nhân đã đăng ký và được cấp mã số thuế; có hoá đơn bán hàng đối với việc mua bán hàng hoá giữa hai đơn vị;</i> ... <i>c.8) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng hoá bán cho thương nhân nước ngoài nhưng giao hàng hoá cho tổ chức, cá nhân khác tại Việt Nam theo chỉ định của thương nhân nước ngoài thì được hoàn thuế nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng hoá xuất khẩu:</i> <i>c.8.2) Trường hợp cơ quan hải quan đã thu thuế</i>	sản phẩm xuất khẩu cuối cùng sẽ tăng cao, rất khó để cạnh tranh với sản phẩm cùng loại sản xuất tại quốc gia khác. Do vậy, doanh nghiệp có thể dễ mất đơn hàng xuất khẩu vào tay doanh nghiệp khác ở thị trường khác. Khi đó, điều này không chỉ ảnh hưởng trực tiếp tới các doanh nghiệp tham gia vào việc sản xuất hàng hóa xuất khẩu mà còn ảnh hưởng đến mục tiêu của Chính phủ trong việc thúc đẩy hoạt động xuất khẩu, gia tăng kim ngạch xuất khẩu thu hút ngoại tệ ngầm tăng dự trữ ngoại hối và phát triển kinh tế đối ngoại. Với trường hợp xuất khẩu tại chỗ, trên thực tế, trường hợp doanh nghiệp mua bán hàng hóa với thương nhân nước ngoài nhưng được chỉ định giao hàng tại Việt Nam là hết sức phổ biến (theo ghi nhận từ một địa phương phía nam, ngay trong một khu công nghiệp đã có hơn 20 doanh nghiệp có áp dụng mô hình này). Nếu các chính sách về thuế xuất, nhập khẩu vẫn hạn chế quyền miễn thuế, hoàn thuế		nội dung này theo hướng doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất xuất khẩu sau đó thuê doanh nghiệp khác sản xuất một hoặc một số công đoạn sau đó nhận sản phẩm trở lại để xuất khẩu thì cũng được miễn thuế nhập khẩu. Tuy nhiên, không quy định hoàn thuế đối với hoạt động sản xuất xuất khẩu gián tiếp như quy định trước đây tại Điều 114 Thông tư 38/2015/TT-BTC. (2) Về đề nghị hoàn thuế đối với trường hợp tái xuất hàng hóa theo hình thức xuất khẩu tại chỗ vào khu phi thuế quan đáp ứng khoản 1 Điều 4 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 thì đủ điều kiện hoàn thuế. Trường hợp xuất nhập khẩu tại chỗ giữa 02 doanh nghiệp nội địa thì không đáp ứng điều kiện hoàn thuế. <i>(Liên quan đến nội dung này, Tổng cục Hải quan đã có công văn số 4532/TCHQ-TXNK ngày 01/8/2018 để hướng dẫn Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai thực hiện).</i> Về khuyến nghị sửa đổi, bổ sung Nghị định 134/2016/NĐ-CP, Tổng cục Hải quan ghi nhận để kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét trong quy trình sửa đổi Nghị định 134/2016/NĐ-CP.

STT	Khó khăn/Vướng mắc	Thực trạng Ảnh hưởng/Tác động	Đề xuất/Khuyến nghị	Nội dung trả lời của TCHQ
	nhập khẩu khi tổ chức, cá nhân nhập khẩu nguyên liệu, vật tư từ nước ngoài vào Việt Nam và thu tiếp thuế nhập khẩu sản phẩm khi xuất nhập khẩu tại chỗ đối với tổ chức, cá nhân nhập khẩu nguyên liệu, vật tư để sản xuất hàng hóa xuất khẩu được xét hoàn lại thuế nhập khẩu nguyên liệu, vật tư đã nộp sau khi tổ chức, cá nhân nhập khẩu tại chỗ đã nộp thuế nhập khẩu cho sản phẩm nhập khẩu tại chỗ (trừ điều kiện quy định tại điểm c.8.1.1 khoản này)."	như hiện tại sẽ ảnh hưởng đến một số lượng lớn doanh nghiệp. Hệ quả là doanh nghiệp phải gánh chịu thêm một lần chi phí thuế nhập khẩu hoặc phải tiến hành vận tải hàng hóa ra nước ngoài sau đó nhập nguyên trạng trở lại Việt Nam để được miễn thuế/hoàn thuế. Đây là điều rất bất hợp lý và trong nhiều trường hợp là không thể thực hiện được do ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng. Hơn nữa, thực tế, tại điểm 2c, khoản 4 Điều 1 Dự thảo hiện tại (sửa đổi bổ sung Điều 10 Nghị định 134) vẫn đang quy định nguyên liệu nhập khẩu để thực hiện hợp đồng gia công và xuất khẩu theo hình thức xuất khẩu tại chỗ thuộc đối tượng miễn thuế nhập khẩu . Vì vậy, với chỉ đạo tại Công văn 4765/VPCP-KSTT của Chính phủ nhằm bình đẳng giữa hai loại hình thì sẽ rất không phù hợp nếu Nghị định sửa đổi vẫn còn sự phân biệt đối xử: miễn thuế cho mô hình gia công, thu thuế với mô hình sản xuất .		
4	Cơ chế khai bổ sung tờ khai khi phát hiện sai sót Có trường hợp doanh nghiệp phát hiện ra sai sót	Doanh nghiệp nhận thức được sai sót và muốn chủ động mở tờ	Đề nghị TCHQ đưa ra hướng xử lý cho các trường hợp như đã nêu .	1. Đối với trường hợp DN mua hàng từ nước ngoài theo hình thức xách tay: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 25

STT	Khó khăn/Vướng mắc	Thực trạng Ảnh hưởng/Tác động	Đề xuất/Khuyến nghị	Nội dung trả lời của TCHQ
	trong việc khai hải quan nhưng đã quá thời hạn mở tờ khai hoặc khai bổ sung, ví dụ: - Doanh nghiệp có mua từ nước ngoài hàng hóa theo hình thức xách tay, do đó chưa mở tờ khai hải quan. Khi phát hiện ra, doanh nghiệp muốn mở tờ khai bổ sung, nhưng theo khoản 8b, điều 18, Thông tư 38/2015/TT-BTC thì đã quá thời hạn nộp tờ khai hải quan nên không thể bổ sung tờ khai được: „<i>Đối với hàng hóa nhập khẩu, việc nộp tờ khai hải quan được thực hiện trước ngày hàng hóa đến cửa khẩu hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hàng hóa đến cửa khẩu.</i>” - Trong quá trình sử dụng quản lý nguyên vật liệu, vật tư phục vụ cho SXKK của Công ty có một số lượng lớn bị thất thoát, bị hao hụt do kiểm kê sai, hay hàng hỏng (NG) quá lớn nhưng không có dữ liệu để chứng minh hao hụt này, dẫn đến chênh lệch lớn giữa tỷ lệ hao hụt thực tế với tỷ lệ hao hụt tiêu chuẩn theo hệ thống của Công ty. Doanh nghiệp muốn chủ động kê khai, nộp thuế bổ sung cho phần nguyên vật liệu, vật tư bị hao hụt do quản lý không tốt này, tránh trường hợp bị ấn định thuế khi kiểm tra báo cáo quyết toán hoặc kiểm tra sau thông quan nhưng hải quan địa phương cũng như TCHQ không đưa ra được hướng xử lý cho Công ty.	khai bổ sung hoặc sửa tờ khai, trước khi có quyết định thanh tra, kiểm tra, chấp nhận nộp bổ sung thuế, tiền phạt và chậm nộp nếu có phát sinh đến thời điểm sửa đổi. Tuy nhiên, hiện theo quy định hiện hành thì chưa có cơ chế để khai bổ sung trong các trường hợp này. Doanh nghiệp phải chịu chờ đến lúc có thanh tra, kiểm tra và tới lúc đó, số tiền thuế và tiền phạt sẽ lớn hơn, đồng thời ảnh hưởng đến việc tuân thủ của Công ty.		Luật Hải quan năm 2014 quy định về thời hạn nộp hồ sơ hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu quy định: “<i>Đối với hàng hóa nhập khẩu, nộp trước ngày hàng hóa đến cửa khẩu hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hàng hóa đến cửa khẩu.</i>” Căn cứ quy định trên thì trong 30 ngày kể từ ngày hàng hóa đến cửa khẩu người khai hải quan phải khai báo làm thủ tục hải quan, trường hợp quá 30 ngày người khai hải quan mới khai báo làm thủ tục hải quan thì bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật. Do nội dung câu hỏi doanh nghiệp không nêu rõ hình thức nhập khẩu hàng hóa và không có hồ sơ cụ thể nên cơ quan hải quan chưa đủ cơ sở để hướng dẫn. Đề nghị doanh nghiệp cung cấp hồ sơ cụ thể để cơ quan hải quan xem xét hướng dẫn thực hiện. Mặt khác: - Khoản 4 Điều 60 Nghị định 08/2015/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định 59/2018/NĐ-CP quy định “Người nhập cảnh thực hiện thủ tục hải quan đối với hành lý gửi trước hoặc gửi sau chuyển đi trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày hành lý về đến cửa khẩu”. - Điều 4 Thông tư 120/2015/TT-BTC ngày 14/8/2015 của Bộ Tài chính quy định về mẫu, chế độ in, phát hành, quản lý và sử dụng tờ khai hải quan dùng cho người xuất cảnh, nhập cảnh (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 52/2017/TT-BTC ngày 19/5/2017) có quy định việc khai trên Tờ khai Hải quan như sau: “1. Người xuất cảnh,

STT	Khó khăn/Vướng mắc	Thực trạng Ảnh hưởng/Tác động	Đề xuất/Khuyến nghị	Nội dung trả lời của TCHQ
	(Shindengen)			nhập cảnh phải khai Tờ khai Hải quan khi xuất cảnh, nhập cảnh nếu thuộc các đối tượng sau: a) Có hành lý ký gửi trước hoặc sau chuyến đi; b) Có hàng hóa tạm nhập - tái xuất hoặc tạm xuất - tái nhập; c) Có hàng hóa phải nộp thuế: rượu từ 20 độ trở lên vượt trên 1,5 lít hoặc rượu dưới 20 độ vượt trên 2 lít hoặc đồ uống có cồn, bia vượt trên 3 lít; thuốc lá điều vượt trên 200 điếu hoặc xì gà vượt trên 20 điếu hoặc thuốc lá sợi vượt trên 250 gam; các vật phẩm khác có tổng trị giá trên 10.000.000 đồng Việt Nam...". - Điều 59 Nghị định 08/2015/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung tại Nghị định 59/2018/NĐ-CP quy định: + Người xuất cảnh, nhập cảnh được tạm gửi hành lý vào kho của Hải quan cửa khẩu và được nhận lại khi nhập cảnh, xuất cảnh. Thời gian tạm gửi hành lý không quá 180 ngày, kể từ ngày hành lý được gửi vào kho của Hải quan (khoản 5). + Người xuất cảnh, nhập cảnh mang hàng hóa vượt định mức hành lý miễn thuế qua khu vực kiểm tra hải quan mà không khai hải quan đều coi là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bất hợp pháp và bị xử lý theo quy định của pháp luật (khoản 2). Do vậy, đối với vướng mắc này cần xác định rõ hành lý được mang vào như thế nào? cùng chuyến hay ký gửi? đã mang ra khỏi địa bàn hoạt động hải quan hay chưa? bởi cảnh khai

STT	Khó khăn/Vướng mắc	Thực trạng Ảnh hưởng/Tác động	Đề xuất/Khuyến nghị	Nội dung trả lời của TCHQ
				bổ sung... từ đó mới có thể xác định hành vi vi phạm để xử lý theo quy định của pháp luật. 2. Về kiến nghị đối với nội dung kê khai, nộp thuế bổ sung cho phần nguyên liệu, vật tư hao hụt trong trường hợp do kiểm kê sai, hay hàng hư hỏng quá lớn nhưng không có dữ liệu để chứng minh hao hụt này dẫn đến chênh lệch lớn giữa tỷ lệ hao hụt thực tế với tỷ lệ hao hụt tiêu chuẩn theo hệ thống của doanh nghiệp: Căn cứ quy định tại Điều 55 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 35 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính quy định: - Định mức thực tế sản xuất là lượng nguyên liệu, vật tư thực tế đã sử dụng để gia công, sản xuất một đơn vị sản phẩm xuất khẩu; - Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm lưu trữ dữ liệu, chứng từ, tài liệu liên quan đến việc xác định định mức thực tế và thông báo định mức thực tế của lượng sản phẩm đã sản xuất theo năm tài chính cho cơ quan hải quan khi báo cáo quyết toán theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Thông tư 39/2018/TT-BTC; - Riêng đối với những sản phẩm sản xuất mà khi kết thúc năm tài chính vẫn chưa có sản phẩm hoàn chỉnh thì tổ chức, cá nhân chưa phải nộp định mức thực tế khi nộp báo cáo quyết toán (Ví dụ: gia công, sản xuất xuất khẩu tàu biển có thời gian dự kiến hoàn thành trong 3 năm thì đến năm tài chính thứ 3 mới phải nộp định mức thực tế); Vật tư không xây dựng được định mức theo sản phẩm thì tổ chức, cá nhân phải lưu trữ các chứng từ liên

STT	Khó khăn/Vướng mắc	Thực trạng Ảnh hưởng/Tác động	Đề xuất/Khuyến nghị	Nội dung trả lời của TCHQ
				quan đến việc sử dụng vật tư và thể hiện trong báo cáo quyết toán về tình hình xuất - nhập - tồn kho của vật tư này. Căn cứ khoản 39 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC thì doanh nghiệp nộp báo cáo quyết toán cho cơ quan hải quan chậm nhất là ngày thứ 90 kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nộp báo cáo quyết toán nếu số sai sót doanh nghiệp được sửa đổi, bổ sung báo cáo quyết toán để nộp cho cơ quan hải quan. Căn cứ các quy định nêu trên thì số liệu nguyên liệu, vật tư nhập kho, xuất kho, tồn kho được xác định trên định mức thực tế sản xuất của doanh nghiệp. Số liệu này được báo cáo với cơ quan hải quan theo năm tài chính. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nộp báo cáo quyết toán nhưng trước thời điểm cơ quan ban hành quyết định kiểm tra báo cáo quyết toán, doanh nghiệp phát hiện sai sót thì được sửa đổi bổ sung báo cáo quyết toán và nộp lại cho cơ quan hải quan. Như vậy, kể từ khi ngày 05/6/2018 khi Thông tư 39/2018/TT-BTC có hiệu lực thì không còn phát sinh vướng mắc về chênh lệch nguyên liệu, vật tư giữa thực tế sản xuất với số liệu báo cáo cơ quan. Đề nghị doanh nghiệp nghiên cứu thực hiện.
5	Đề nghị miễn xử phạt với các trường hợp truy thu bổ sung do chính sách không thống nhất của cơ quan hải quan Chính sách và hướng dẫn thực hiện của cơ quan hải quan từng thời kỳ có thể không thống nhất,	Với trường hợp Công ty đã khai đúng tên hàng và mã HS, có	Nghĩa vụ thuế phát sinh do hướng dẫn thiếu nhất quán của cơ quan hải	Vụ việc trên đã có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 3263/VPCP-KTT ngày 10/4/2018 đề nghị thực hiện truy thu thuế theo văn bản trên. Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11

STT	Khó khăn/Vướng mắc	Thực trạng Ảnh hưởng/Tác động	Đề xuất/Khuyến nghị	Nội dung trả lời của TCHQ
	dẫn đến việc doanh nghiệp đã tuân thủ đúng các hướng dẫn, nhưng sau đó lại bị truy thu hồi và nộp phạt. Cụ thể, Công ty Coca-Cola áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định ATIGA cho các lô hàng nhập khẩu tại chỗ có C/O mẫu D và các tờ khai vẫn được hải quan chấp nhận, đóng dấu mà không có chất vấn gì trong quá trình thông quan. Do có sự thay đổi về quy định, cơ quan hải quan sau đó lại cho rằng Công ty không được áp dụng thuế suất FTA từ 1/9/2016, dẫn tới việc phát sinh thêm nghĩa vụ thuế. Ngoài việc truy thu bổ sung thuế nhập khẩu, Công ty còn bị yêu cầu nộp tiền phạt và chậm nộp,	C/O hợp lệ, và hải quan đã đóng dấu kiểm tra, cho thông quan đồng nghĩa với việc mức thuế suất mà Công ty áp dụng đã được chấp nhận. Sau đó khi phát hiện có sai sót trong việc áp dụng thuế suất, Công ty đã chấp nhận nộp thuế bổ sung. Tuy nhiên, việc xử phạt trong trường hợp này là không hợp lý vì việc phát sinh nghĩa vụ thuế là do cơ quan hải quan đã không hướng dẫn doanh nghiệp từ khi mở tờ khai, và đã chấp nhận với mức thuế suất doanh nghiệp khai báo, không phải do lỗi khai sai của Công ty.	quan, đề nghị Tổng cục hải quan không thực hiện truy thu tiền phạt và chậm nộp với trường hợp này.	ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012; Luật số 106/2016/QH13 ngày 16/4/2016 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Thuế giá trị gia tăng; Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính 15/2012/QH13; Nghị định 45/2016/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 127/2013/NĐ-CP về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan thì việc truy thu tiền thuế, tiền chậm nộp và xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định. - Ngày 05/9/2018, Tổng cục Hải quan có công văn số 5174/TCHQ-GSQL (gửi kèm) hướng dẫn Công ty TNHH nước giải khát Coca-Cola Việt Nam thực hiện. Hiện nay, Tổng cục Hải quan (Cục Giám sát quản lý) đang trình các cấp có thẩm quyền để xem xét xử lý theo quy định. Do vậy, trước mắt, khi chưa có hướng dẫn cụ thể, đề nghị Công ty thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 5174/TCHQ-GSQL ngày 05/9/2018 của Tổng cục Hải quan. - Về nguyên tắc pháp lý: + Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 18 Luật Hải quan thì người khai hải quan phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự xác thực của nội dung đã khai và các chứng từ đã nộp, xuất trình. + Khoản 2 Điều 19 Luật Hải quan quy định công chức hải quan có nhiệm vụ hướng dẫn người khai hải quan, tổ chức cá nhân có liên quan khi có yêu cầu. Do đó, công chức hải

STT	Khó khăn/Vướng mắc	Thực trạng Ảnh hưởng/Tác động	Đề xuất/Khuyến nghị	Nội dung trả lời của TCHQ
				quan chỉ hướng dẫn khi người khai hải quan yêu cầu mà không phải là một khâu bắt buộc trong thủ tục hải quan. Mặt khác, trên cơ sở quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan thì việc yêu cầu cơ quan hải quan hướng dẫn cần thực hiện trước khi khai hải quan. + Điều 7 Luật Quản lý thuế quy định một số nghĩa vụ của người nộp thuế. Theo đó, khoản 2 Điều 7 quy định: “<i>Khai thuế chính xác, trung thực, đầy đủ và nộp hồ sơ thuế đúng thời hạn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ thuế</i>”; khoản 3 quy định: “<i>Nộp tiền thuế đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm</i>”. Do vậy, trường hợp người nộp thuế không thực hiện đúng các nghĩa vụ nêu trên mà dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu hoặc trốn thuế, gian lận thuế thì phải bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định tại Điều 8 hoặc Điều 13 Nghị định 127/2013/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 45/2016/NĐ-CP.
6	Miễn thuế bảo vệ môi trường (BVMT) với hàng sản xuất xuất khẩu tương tự như hàng gia công xuất khẩu Theo khoản 2.4, Điều 2, Thông tư 152/2011/TT-BTC: <i>„2.4. Hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài do cơ sở sản xuất (bao gồm cả gia công) trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác cho cơ sở kinh doanh xuất khẩu để xuất khẩu, trừ trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân mua hàng hóa thuộc đối tượng chịu</i>	Quy định phân biệt việc miễn thuế BVMT giữa hàng sản xuất xuất khẩu và gia công xuất khẩu là không phù hợp với thực tế, tạo ra sự bất bình đẳng giữa hai hình thức sản xuất như trên trong khi cả hai hình thức này về bản chất đều:	Đề xuất xem xét sửa đổi chính sách thuế Bảo vệ Môi trường đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công hàng xuất khẩu và hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu tương đồng nhau	<i>Về đề xuất xem xét sửa đổi chính sách bảo vệ môi trường đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu tương đồng nhau:</i> Đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công doanh nghiệp không phải nộp thuế bảo vệ môi trường theo quy định tại điểm 2.4 Điều 2 Thông tư 152/2011/TT-BTC, Điều 2 Thông tư 159/2012/TT-BTC, công văn số 1199/BTC-TCT ngày 30/1/2012 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, hàng hóa nhập khẩu để sản

STT	Khó khăn/Vướng mắc	Thực trạng Ảnh hưởng/Tác động	Đề xuất/Khuyến nghị	Nội dung trả lời của TCHQ
	<i>thuế bảo vệ môi trường để xuất khẩu.</i>” Quy định này đã được sửa đổi tại Điều 2, Thông tư 159/2012/TT-BTC như sau: <i>“2.4. Hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài (bao gồm cả hàng hoá xuất khẩu được gia công từ nguyên liệu, vật tư nhập khẩu) do cơ sở sản xuất (bao gồm cả gia công) trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác cho cơ sở kinh doanh xuất khẩu để xuất khẩu thì cơ quan hải quan không thu thuế bảo vệ môi trường đối với hàng hoá xuất khẩu và nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công sau đó xuất khẩu ra nước ngoài khi nhập khẩu.</i> <i>Trường hợp hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường được tổ chức, hộ gia đình, cá nhân mua để xuất khẩu thì cơ sở sản xuất hàng hoá phải kê khai, nộp thuế bảo vệ môi trường khi bán hàng hoá.”</i> Theo đó thì: - Hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu (được miễn thuế nhập khẩu) thuộc đối tượng phải nộp thuế BVMT - Hàng hóa nhập khẩu để gia công sau đó xuất khẩu ra nước ngoài lại thuộc đối tượng không phải nộp thuế BVMT	- Thuộc đối tượng miễn thuế nhập khẩu và thuế GTGT khâu nhập khẩu - Quá trình sản xuất thực hiện tại Việt Nam và thành phẩm được xuất khẩu ra nước ngoài		xuất xuất khẩu (được miễn thuế nhập khẩu) nhưng phải nộp thuế Bảo vệ môi trường. Như vậy, đối với thuế bảo vệ môi trường giữa hàng hóa nhập khẩu để gia công với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu hiện nay có sự khác khác nhau. Tổng cục Hải quan ghi nhận vướng mắc nêu trên của doanh nghiệp để báo cáo Bộ Tài chính nghiên cứu, xem xét sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật về thuế bảo vệ môi trường. Trước mắt đề nghị các doanh nghiệp thực hiện đúng theo quy định hiện hành.

ĐỐI THOẠI GIỮA BỘ CÔNG AN/ CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN VÀ DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM VỀ LUẬT AN NINH MẠNG

Thời gian: 14:00, Thứ Năm, ngày 13/9/2018

Địa điểm: Trụ sở Bộ Kế hoạch & Đầu tư, 6B Hoàng Diệu, Ba Đình, Hà Nội

TÓM TẮT NỘI DUNG THẢO LUẬN

CÁC KHÁI NIỆM

Một số thuật ngữ viết tắt được sử dụng trong văn bản này:

VBF	: Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam
Bộ KH&ĐT	: Bộ Kế hoạch & Đầu tư
NHNNVN	: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
BCA	: Bộ Công an
Luật	: Luật An ninh mạng, được Quốc hội thông qua vào ngày 12/6/2018.

1. THÀNH PHẦN THAM DỰ

Đại diện phía Chính phủ

Bộ Công an

- Đại tá Đỗ Anh Tuấn, Phó Cục trưởng Cục An ninh mạng & phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao (A05)

Bộ Kế hoạch & Đầu tư

- Ông Vũ Văn Chung, Phó Cục trưởng Cục Đầu tư nước ngoài

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- Ông Phạm Tiến Dũng, Vụ trưởng Vụ Thanh toán
- Ông Nguyễn Quang Hưng, Phó Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin

Và đại diện các Cục/Vụ khác liên quan.

Đại diện VBF

- Ông Fred Burke, Trưởng Nhóm Công tác Đầu tư & Thương mại, Giám đốc điều hành Baker & McKenzie Việt Nam;
 - Ông Đặng Thanh Sơn, Luật sư thành viên, Baker & McKenzie Việt Nam;
- Và hơn 50 thành viên là đại diện từ các doanh nghiệp.*

2. NỘI DUNG THẢO LUẬN CHÍNH

2.1 Giới thiệu đại biểu và chương trình nghị sự

- Ông Vũ Văn Chung giới thiệu đại diện của các cơ quan chính phủ tham dự;
- Ông Fred Burke giới thiệu VBF và các thành viên tham dự.

2.2 Các vấn đề và khuyến nghị của VBF

- Ông Đặng Thanh Sơn trình bày về các vấn đề, ý kiến của VBF về Luật. Chi tiết góp ý, khuyến nghị của VBF đã được gửi cho Bộ KH&ĐT, BCA, NHNNVN và các cơ quan liên quan trước cuộc họp. Ông Đặng Thanh Sơn nêu ý kiến tập trung vào những vấn đề chính đang gây hoang mang cho các thành viên VBF và đưa ra các khuyến nghị theo từng vấn đề.
- Ông Jake Jennings, Giám đốc Chính sách thương mại toàn cầu, Công ty AT&T, có phần thuyết trình về các vấn đề an ninh mạng và kinh nghiệm của các nước khác.

2.3 Bộ CA trình bày ý kiến vắn tắt về thực trạng quá trình soạn thảo nghị định, thông tư

- BCA hiện đang nghiên cứu và đang trong giai đoạn soạn thảo các nghị định, thông tư hướng dẫn Luật. Mục tiêu của BCA là tạo môi trường và khung pháp lý thuận lợi để doanh nghiệp kinh doanh, hoạt động, nhưng đồng thời doanh nghiệp cũng phải bảo đảm tuân thủ luật pháp Việt Nam. Trong quá trình soạn thảo, BCA có tham khảo luật tại các quốc gia khác, xem xét thực trạng các loại tội phạm trên mạng Internet và tội phạm công nghệ cao hiện nay.
- BCA rất chú trọng vấn đề thực thi các nghị định, thông tư. Bộ cũng đã tổ chức nhiều phiên làm việc, thảo luận nội bộ trong đó có nhiều ý kiến tranh luận đã được nêu ra.
- Bộ sẽ tổ chức nhiều hội thảo bàn về Luật này và các văn bản hướng dẫn thực thi Luật, và mong muốn nhận được ý kiến đóng góp từ các hiệp hội và doanh nghiệp. Bộ sẽ có các nghiên cứu chi tiết để soạn thảo các văn bản hướng dẫn nhằm tránh tình trạng không rõ ràng hay có những quy định thiếu thực tế khiến doanh nghiệp không thể thực hiện trong khi cơ quan quản lý cũng không thể cưỡng chế.
- Các nghị định, thông tư sẽ sớm được công bố để lấy ý kiến rộng rãi. Các nghị định hướng dẫn luật sẽ không hạn chế quyền của các tổ chức quốc tế, tổ chức ở nước ngoài có hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.

2.4 Trả lời của Bộ CA về ba (3) vấn đề nổi cộm nhất trong Luật

- **Vấn đề 1:** Khái niệm về “doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng internet, dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng” tại các Điều 2.5(a), 2.5(b), 16.8, 19.3, 21.2(b), 26.2, 26.3, 29.2, 38.3 và 41.2.

Phản hồi của BCA: Trong dự thảo nghị định hướng dẫn thực thi Luật, BCA muốn đưa vào khái niệm về “doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng internet, các dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng”, bao gồm:

- Những đơn vị kinh doanh dịch vụ viễn thông;
 - Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên mạng internet theo quy định của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP;
 - Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng.
- **Vấn đề 2:** Đề nghị xác nhận cách hiểu của VBF về khái niệm hệ thống thông tin có tầm quan trọng đối với an ninh quốc gia.

Phản hồi của BCA: BCA sẽ có hướng dẫn chi tiết trong nghị định hướng dẫn thực thi sắp tới. Nhìn chung, các Hệ thống thông tin có tầm quan trọng đối với an ninh quốc gia sẽ chỉ gồm có các hệ thống thông tin của nhà nước và ít khả năng quy định cả các hệ thống thông tin của tư nhân.

- **Vấn đề 3:** quy định về lưu dữ liệu tại chỗ tại Điều 26.
Phản hồi của BCA: Đây là một vấn đề quan trọng và hiện vẫn đang thảo luận nội bộ. BCA đang nghiên cứu làm rõ những thông tin nào phải lưu trữ tại Việt Nam. Nếu quy định mọi thông tin đều phải lưu trữ tại Việt Nam thì sẽ phải đầu tư lớn về hạ tầng. BCA đang xem xét quy định chỉ những thông tin mà Chính phủ Việt Nam cần cho mục đích xác minh điều tra (như điều tra tội phạm) thì mới phải lưu trữ tại Việt Nam. Bộ đang nghiên cứu và tham khảo luật của Đức trong quá trình soạn thảo. Một trong những vấn đề chính còn tồn tại là những thông tin nào cần phải lưu trữ tại Việt Nam.

2.5 Thảo luận mở giữa các thành viên VBF và đại diện Bộ CA

- **Câu hỏi 1 (của ông Phạm Quang Hưng - HSBC và bà Đặng Vinh - Allens):** Như đã nêu trong tài liệu tổng hợp các góp ý, đối với những doanh nghiệp phải lưu trữ dữ liệu tại chỗ theo quy định tại Điều 26, quy định này chưa nêu rõ các doanh nghiệp liên quan có phải:
 - Lưu một bản sao các dữ liệu liên quan tại Việt Nam trong một thời hạn nhất định (nghĩa là có thể lưu dữ liệu tại nước ngoài, với điều kiện có một bản sao lưu tại Việt Nam. Những doanh nghiệp phải thực hiện quy định này có thể xóa các thông tin lưu tại Việt Nam sau khi hết thời hạn lưu trữ bắt buộc); HOẶC
 - Doanh nghiệp chỉ được lưu dữ liệu tại Việt Nam trong thời hạn quy định (nghĩa là việc lưu những dữ liệu đó ở nước ngoài trong thời hạn lưu trữ bắt buộc bị cấm).

Phản hồi của BCA:

- Khi soạn thảo luật có tham chiếu đến các luật khác của Việt Nam. Như đã nêu, đây là một vấn đề chính và vẫn đang được bàn bạc trong nội bộ BCA.
 - BCA đề nghị doanh nghiệp, các hiệp hội doanh nghiệp tập trung ý kiến, kiến nghị gửi BCA để tổng hợp, tham khảo. Bộ CA quan tâm đến cách làm ở các nước, vùng lãnh thổ khác. Bộ hy vọng các khuyến nghị đưa ra sẽ rõ ràng và kèm theo giải pháp.
 - Bộ sẽ **không** cấm đoán sự lưu chuyển tự do của thông tin. Nếu doanh nghiệp cần chia sẻ thông tin để phục vụ mục đích kinh doanh thì BCA và chính phủ sẽ không bao giờ cấm việc đó. Như đã nêu, chỉ có một số thông tin sẽ cần phải lưu trữ tại Việt Nam, và trong các nghị định hướng dẫn thực thi sẽ có hướng dẫn chi tiết. Việt Nam sẽ tuân thủ đúng các tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế.
- **Câu hỏi 2 (của ông Seck Yee Chung, Baker & McKenzie):** Về xử lý các nội dung bất hợp pháp. Việt Nam có nhiều luật định về vấn đề nội dung thông tin như Nghị định 72 và Thông tư 38 hướng dẫn nghị định. Có thể nói, Luật đã mở rộng phạm vi của những loại thông tin bị coi là bất hợp pháp. Đề nghị Bộ CA làm rõ khái niệm thế nào là nội dung bất hợp pháp và đưa vào luật.
 - Đề nghị Bộ làm rõ quy trình, thủ tục để thông báo cho doanh nghiệp những thông tin nào bị chặn, thông tin nào sẽ phải gỡ xuống.

BCA trả lời:

- Khái niệm và quy trình xử lý nội dung thông tin bất hợp pháp đã được quy định rõ trong Luật Hình sự.

3. Ông Vũ Văn Chung và ông Fred Burke phát biểu kết thúc đối thoại.***Phụ lục: Danh sách các thành viên chính phủ tham dự***

Stt	Họ và tên	Đơn vị
1.	Ông Vũ Văn Chung	Phó Cục trưởng Cục Đầu tư Nước ngoài, Bộ KHĐT
2.	Đại tá Đỗ Anh Tuấn	Phó Cục trưởng Cục A05, Bộ Công An
3.	Ông Phạm Tiến Dũng	Vụ trưởng Vụ Thanh toán – Ngân hàng Nhà nước VN
4.	Ông Nguyễn Quang Hưng	Phó cục trưởng Cục Công nghệ thông tin – Ngân hàng Nhà nước VN
5.	Ông Trần Việt Cường	Phó trưởng phòng Cục A05, Bộ Công An
6.	Ông Đào Đức Triệu	Cán bộ Cục A05, Bộ Công An
7.	Ông Hoàng Minh Tiến	Trưởng phòng, Cục Công nghệ thông tin – Ngân hàng Nhà nước VN
8.	Ông Vũ Minh Châu	Trưởng phòng Vụ Hợp tác quốc tế – Ngân hàng Nhà nước VN
9.	Ông Nguyễn Thanh Trọng	Cán bộ Vụ Hợp tác quốc tế – Ngân hàng Nhà nước VN
10.	Ông Nguyễn Quang Minh	Cán bộ Vụ Hợp tác quốc tế – Ngân hàng Nhà nước VN
11.	Ông Nguyễn Đức Cang	Trưởng phòng Vụ Thanh toán – Ngân hàng Nhà nước VN
12.	Bà Đặng Thị Thanh	Cán bộ Vụ Thanh toán – Ngân hàng Nhà nước VN
13.	Ông Nguyễn Quang Thắng	Chuyên viên Cục An toàn thông tin – Bộ Thông tin & Truyền thông
14.	Ông Vũ Xuân Hương	Cán bộ Phòng Chính sách, Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ KHĐT

CUỘC HỌP GIỮA ĐẠI DIỆN BỘ CÔNG THƯƠNG VÀ NHÓM CÔNG TÁC ĐIỆN & NĂNG LƯỢNG VBF

Thời gian: 14:00, Thứ Năm, ngày 15/11/2018

Địa điểm: Trụ sở Bộ KH&ĐT, 6B Hoàng Diệu, Hà Nội

TÓM TẮT NỘI DUNG THẢO LUẬN

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ

Đại diện Chính phủ:

- Ông Nguyễn Nội, Phó Cục trưởng Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch & Đầu tư
- Ông Lê Anh Đức – Giám đốc Trung tâm Phát triển thị trường điện và Đào tạo nguồn nhân lực, Cục Điều tiết điện lực, Bộ Công thương
- Ông Lê Đồng Hải, Cục Điều tiết Điện lực, Bộ Công thương

Và đại diện các Cục/Vụ khác liên quan.

Đại diện VBF:

- Ông John Rockhold, Trưởng NCT Điện & Năng lượng VBF
- Ông Tomaso Andreatta, Đồng Chủ tịch VBF
- Ông Gavin Smith, Giám đốc Phát triển năng lượng sạch, Dragon Capital
- Ông Nguyễn Thanh Hải, Luật sư, Baker & McKenzie Việt Nam

Và hơn 15 thành viên khác là đại diện từ các doanh nghiệp.

II. NỘI DUNG THẢO LUẬN CHÍNH

Giới thiệu đại biểu và chương trình nghị sự

- Ông Nguyễn Nội giới thiệu đại diện của các cơ quan chính phủ tham dự;
- Ông John Rockhold giới thiệu VBF và các thành viên tham dự.

Tóm tắt các vấn đề về Hợp đồng mua bán điện trực tiếp (“DPPA”)

Ông Gavin Smith, Giám đốc Phát triển năng lượng sạch, Dragon Capital

Ông Nguyễn Thanh Hải, Luật sư, Baker & McKenzie Việt Nam

- VBF hoan nghênh những nỗ lực của Cục Điều tiết điện lực (“ĐTĐL”) trong việc thiết kế mô hình thí điểm DPPA để đưa vào triển khai trên thực tế. Các thành viên VBF đã có cơ hội trao đổi với tư vấn của VLEEP (Chương trình Năng lượng Phát thải thấp Việt Nam) và Deloitte, cung cấp những phản hồi từ các đối tượng sử dụng điện trên thị trường để hỗ trợ quá trình phát triển DPPA.
- Trong tương lai, cần có những hoạt động tham vấn cộng đồng, ví dụ thông qua các hội thảo ở Hà Nội và TP HCM, để giới thiệu tới khách hàng sử dụng về triển vọng rõ ràng của cơ chế này.
- Về đề xuất 2 mô hình của VLEEP: Sleeved DPPA và Synthetic DPPA, từ quan điểm thực tế, chúng tôi đề xuất lựa chọn cơ chế Sleeved DPPA bởi tính khả thi cao đối với DPPA.
- Sleeved DPPA: Cần có một khuôn khổ rõ ràng
 - ✓ Thời hạn hợp đồng DPPA mà ERAV và tư vấn đề xuất là bao lâu?
 - ✓ Cần xem xét đầy đủ những rủi ro trong quá trình xây dựng, đặc biệt là phân bổ và chia sẻ rủi ro và chi phí giữa các bên liên quan.

- Chúng tôi Năng lượng Xanh/ Tái tạo: vấn đề này có liên quan cả đến thẩm quyền của Bộ Tài nguyên & Môi trường; hiện chưa chính thức có thị trường. Vui lòng cập nhật thông tin về việc phối hợp của Bộ Công thương với Bộ Tài nguyên và Môi trường trong vấn đề này.
- Chuyển tiếp sang Thị trường bán buôn điện cạnh tranh: Tác động tiềm ẩn đối với DPPA.
 - ✓ Theo Thông tư số 36/2018/TT-BCT ngày 16/10/2018 mới được ban hành (có hiệu lực kể từ ngày 6/12/2018) về giấy phép hoạt động điện lực, nội dung mẫu giấy phép hoạt động điện lực có đưa vào nội dung yêu cầu đơn vị điện lực được cấp giấy phép (các công ty phát điện) có nghĩa vụ tham gia thị trường điện cạnh tranh theo quy định về vận hành thị trường điện.
 - ✓ Đề nghị làm rõ liệu đơn vị phát điện có quyền lựa chọn (TỰ Ý) hay có nghĩa vụ BẮT BUỘC phải tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh. Theo các hợp đồng mua bán điện mẫu ký với EVN hiện tại cho các dự án năng lượng tái tạo, các đơn vị phát điện (tức bên bán điện) có quyền lựa chọn tham gia thị trường điện trên cơ sở tự nguyện, chứ không phải là nghĩa vụ bắt buộc.
- Ngưỡng công suất được miễn giấy phép hoạt động điện lực/ giấy phép phát điện áp dụng cho điện mặt trời trên mái nhà: Theo Thông tư mới nói trên số 36/2018/TT-BCT, ngưỡng công suất 1MW vẫn duy trì chưa thay đổi. Như chúng tôi đã đề xuất, nên tăng ngưỡng này lên mức 3MW để thu hút nhiều nhà đầu tư tư nhân hơn tham gia vào thị trường điện mặt trời trên mái nhà.

Phản hồi của Ông Lê Anh Đức – Giám đốc Trung tâm Phát triển thị trường điện và Đào tạo nguồn nhân lực, Cục Điều tiết điện lực

- Tư vấn của Cục Điều tiết Điện lực đưa ra 2 mô hình DPPA: Sleeved DPPA và Synthetic DPPA với những ưu nhược điểm khác nhau. Việc so sánh, đánh giá từng mô hình sẽ dựa trên 4 nhóm tiêu chí:
 - ✓ *Phù hợp với bối cảnh, cơ cấu và định hướng, lộ trình phát triển thị trường điện Việt Nam*; đồng thời phù hợp với kinh nghiệm quốc tế áp dụng cơ chế DPPA.
 - ✓ *Ảnh hưởng về mặt kinh tế*: Mô hình được đề xuất cần phải hài hòa về lợi ích kinh tế của các bên tham gia DPPA. Trước tiên, cần đảm bảo lợi ích của các đơn vị phát điện năng lượng tái tạo, ít nhất phải tương đương so với các cơ chế khuyến khích hiện đang được áp dụng, như FiT. Ngoài ra, các đơn vị cung cấp dịch vụ cũng phải được bù đắp các chi phí phát sinh một cách đầy đủ trong các giao dịch của DPPA.
 - ✓ *Về mặt vận hành*: Mô hình được đề xuất phải đơn giản, dễ khả thi trong bối cảnh thực tế của ngành điện Việt Nam, và không phát sinh khối lượng công việc lớn, ảnh hưởng đến tình hình vận hành của các đơn vị trong ngành điện khi thực hiện cơ chế này.
 - ✓ *Về mặt pháp lý*: Cơ chế được đề xuất phải phù hợp về mặt pháp lý. Trường hợp phải sửa đổi, bổ sung mới các quy định pháp lý liên quan, tư vấn của Cục Điều tiết Điện lực sẽ phải xem xét để đưa ra lộ trình cụ thể, chứ không thể thay đổi toàn bộ các quy định ngay lập tức.
- Mô hình nào đáp ứng được các tiêu chí trên ở mức độ cao hơn sẽ được lựa chọn. Về đề xuất lựa chọn mô hình Sleeved DPPA của VBF, Cục ĐTĐL sẽ cân nhắc trong quá trình làm việc với tư vấn của Cục ĐTĐL.

Quy trình thí điểm mô hình DPPA

Ông Gavin Smith, Giám đốc Phát triển năng lượng sạch, Dragon Capital

- Cần cụ thể hóa một cách chi tiết hơn về kế hoạch thực hiện thí điểm:
 - ✓ Nhóm khách hàng nào (ví dụ: KH thương mại, KH công nghiệp,...) có thể tham gia vào quy trình DPPA.

- ✓ Rủi ro; quy mô; và tiêu chí tham gia (cả về năng lực và tiềm lực tài chính) đối với các đơn vị phát điện tham gia thí điểm.
- ✓ Đơn vị nào ra quyết định về nội dung của chương trình thí điểm.
- ✓ Các đơn vị tham gia vào cơ chế DPPA có thể sẵn sàng chi trả các chi phí phân phối và truyền tải điện từ khâu của nhà sản xuất điện đến người tiêu dùng điện cuối cùng, nhưng sẽ không sẵn sàng bồi thường cho EVN phần lợi nhuận bị mất nào nếu có của EVN. Xét về nguyên tắc chung, cả nhà sản xuất điện lẫn người tiêu dùng điện cuối cùng không có nghĩa vụ bồi thường cho EVN phần lợi nhuận nào bị mất.
- VBF muốn nhấn mạnh các tác động tích cực của DPPA: bù đắp một phần chi phí vốn cho phát điện, thu hút dòng vốn đầu tư và cấp tài chính mới vào thị trường, tạo ra thêm các dự án phát điện, v.v. những điều này sẽ giúp mang lại nhiều tác động tích cực cho toàn bộ nền kinh tế.
- Một số vấn đề cần nêu trong quá trình tham vấn rộng rãi:
 - ✓ Mô hình Sleeved DPPA: cần làm rõ hơn các thành phần và phân bổ các loại chi phí cho DPPA và các thuật ngữ được dùng để định nghĩa cho các thành phần chi phí DPPA đó.
 - ✓ Phí ngoài lưới nếu ở mức 305 đồng là mức khá cao. Người sử dụng điện cuối cùng sẽ mong muốn mức giá năng lượng xanh ngang bằng hoặc thấp hơn giá hiện tại.
 - ✓ Phí ngoài lưới được cố định trong thời gian bao lâu? Tần suất điều chỉnh mức giá và phí này như thế nào? Về đề xuất rằng người sử dụng điện cuối cùng phải cam kết theo các hợp đồng dài hạn (10 - 15 năm) để mua điện, điều này cũng có thể những phức tạp nhất định khi người sử dụng điện cuối cùng không được biết các chi phí sẽ thay đổi như thế nào trong thời gian dài đó.
 - ✓ Về quyết định đầu tư, người sử dụng điện cuối cùng sẽ phải cân nhắc liệu có mua điện theo hợp đồng DPPA hay sẽ tiếp tục mua theo hợp đồng cung cấp điện hiện tại của EVN? Chi phí cấp điện của EVN cho 10 năm tới là bao nhiêu.
 - ✓ VBF hiểu rằng Thủ tướng Chính phủ đã ban hành và công bố khung giá của mức bán lẻ điện trong năm 2017. Tuy nhiên, người tiêu dùng không có bất kỳ thông tin nào về biến động giá điện bán lẻ trong tương lai. Chúng ta cần minh bạch xu hướng biến động trong giá điện bán lẻ này cho khoảng thời gian 5 - 10 năm.

Phản hồi của Ông Lê Anh Đức – Giám đốc Trung tâm Phát triển thị trường điện và Đào tạo nguồn nhân lực, Cục Điều tiết điện lực

Về nhóm khách hàng tham gia chương trình DPPA:

- Mục tiêu dài hạn là thiết kế một mô hình DPPA để đảm bảo cả khách hàng sản xuất (tức khách hàng sản xuất hàng hóa và khách hàng cung cấp dịch vụ) có thể lựa chọn để sử dụng nguồn năng lượng sạch. Theo chủ trương của Chính phủ, đến giai đoạn 2021-2022, khách hàng sử dụng điện lớn, bao gồm cả công nghiệp và thương mại, đều có khả năng tham gia vào thị trường điện để có giao dịch trực tiếp với đơn vị cung cấp. Cũng tại giai đoạn đó, khách hàng có nhiều lựa chọn để mua điện: từ nhà sản xuất điện trực tiếp, hoặc từ các đơn vị bán lẻ.
- Mục tiêu của giai đoạn thí điểm là xem mô hình được đề xuất có khả thi, hiệu quả, và ảnh hưởng đến cấu trúc ngành điện của Việt Nam cũng như các đơn vị liên quan như thế nào. Hiện tại, tư vấn của Cục ĐTĐL khuyến nghị nên hạn chế các nhóm khách hàng trong giai đoạn thí điểm. Một khi đánh giá được mô hình khả thi trong giai đoạn thí điểm và có thể nhân rộng, Cục sẽ mở rộng nhóm đối tượng khách hàng tham gia vào cơ chế này. Hiện tại, theo phân tích hiện tại, Tư vấn của Cục ĐTĐL đang tập trung vào nhóm đối tượng là khách hàng công nghiệp.

Về quy mô giai đoạn thí điểm:

- Hiện tại, Cục đang tập trung vào lựa chọn mô hình trước, chưa nghiên cứu sâu về chương trình thí điểm.

- Về quy mô dự kiến thử nghiệm khoảng 300MW như được nêu trong tài liệu của VBF, đây chưa phải là quyết định cuối cùng của Cục vì cần phải dựa vào kết quả khảo sát thị trường của tư vấn.
- Về đề xuất của VBF trong việc sẵn sàng tham gia vào quá trình khảo sát nghiên cứu thị trường, Cục sẽ trao đổi với tư vấn và VLEEP liên hệ trực tiếp với VBF để mở rộng đối tượng tham gia khảo sát.

Về việc cơ quan nào sẽ là đơn vị quyết định và các tiêu chí lựa chọn nhà máy năng lượng tái tạo (“NLTT”) tham gia chương trình DPPA:

- Tư vấn đang nghiên cứu và chưa đưa ra tiêu chí cụ thể. Cục đang trao đổi với Tư vấn về việc lựa chọn nhà máy công suất từ 30 MW trở lên có phù hợp không.
- Các cơ chế mới như DPPA cần sự cho phép thực hiện của cấp có thẩm quyền. Dựa trên báo cáo của tư vấn, Cục sẽ báo cáo lãnh đạo Bộ Công thương xem xét. Nếu vượt ngoài thẩm quyền của Bộ Công Thương thì sẽ phải trình lên Thủ tướng Chính phủ.

Vấn đề liên quan đến đấu thầu nguồn NLTT thuộc chức năng, nhiệm vụ của Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo.

Về việc thực hiện tham vấn cộng đồng: Cục đang phối hợp với tư vấn hoàn thiện các báo cáo trong tháng 11 hoặc tháng 12 năm 2018. Tùy thuộc vào chất lượng báo cáo, Cục sẽ báo cáo lãnh đạo Bộ Công Thương tổ chức Hội thảo lấy ý kiến rộng rãi.

Về giá và phí: Tổng giá và phí tư vấn các thành phần chi phí DPPA sử dụng trong tính toán về mô hình là 305 đồng – đây chỉ là giả định. Cục đang yêu cầu tư vấn phải có nguyên tắc tính toán rõ ràng, minh bạch.

DPPA charge:

- Bao gồm nhiều loại giá và phí khác nhau: phí truyền tải và phân phối (network cost – chi phí lưới), phí về dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, chi phí điều độ hệ thống điện/ vận hành thị trường điện, chi phí quản lý khác,...
- Ngoại trừ giá phân phối – chưa có cơ sở pháp lý để ban hành một cách riêng biệt, các loại giá và phí khác đều đã có cơ sở pháp lý. Tuy nhiên, trên thực tế mới chỉ ban hành khung pháp lý cho giá truyền tải điện hàng năm.

Về thời hạn cố định giá, theo đề xuất của VBF, là 5 năm: hiện tại các loại giá và phí đều được xác định và công bố hàng năm. Việc xác định mức giá dài 5 năm cần nghiên cứu kỹ lưỡng vì hiện tại chưa phù hợp với các quy định hiện hành.

Về giá truyền tải điện: Hiện tại đang áp dụng giá điện thống nhất toàn quốc, chứ chưa có giá theo nút, để đảm bảo không phân biệt đối xử đối với tất cả các nguồn điện đấu nối vào hệ thống điện tại bất cứ vị trí nào trên lãnh thổ Việt Nam.

Giá vốn và mức tổn thất

Vấn đề thứ nhất

Ông Gavin Smith, Giám đốc Phát triển năng lượng sạch, Dragon Capital

Giá truyền tải điện quốc gia có liên quan đến việc truyền tải điện diễn ra chủ yếu chỉ trong các công ty điện lực miền Nam. Có vẻ không công bằng nếu tính chi phí truyền tải điện là toàn bộ chi phí bao gồm cả chi phí truyền tải liên miền là giá truyền tải quốc gia.

Phản hồi của Ông Lê Anh Đức – Giám đốc Trung tâm Phát triển thị trường điện và Đào tạo nguồn nhân lực, Cục Điều tiết điện lực

- Cục về cơ bản đồng ý rằng, về mặt lý thuyết, cần tính toán đúng bản chất các chi phí phát sinh cho từng giao dịch trên đường truyền tải, tương tự như phương pháp tính giá truyền tải theo nút hoặc theo chiều dài.
- Hiện tại Việt Nam đang áp dụng cơ chế giá thống nhất. Về lâu dài, Cục sẽ xem xét có nên chuyển đổi cơ chế này không. Để vận hành ổn định các lưới truyền tải cũng như phân phối, hiện tại chưa thể rõ được việc đấu nối các nguồn năng lượng tái tạo có ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực. Nguồn NLTT là các nguồn không ổn định. Do đó, để đảm bảo vận hành lưới ổn định, cần có hệ thống lưới phân phối mạnh và dịch vụ phụ trợ cho hệ thống điện về mặt dự Phòng tốt. EVN đang có nghiên cứu cụ thể về ảnh hưởng của việc đấu nối các nguồn NLTT vào lưới.

Vấn đề thứ hai***Ông Gavin Smith, Giám đốc Phát triển năng lượng sạch, Dragon Capital***

Về quy trình phê duyệt đối tượng tham gia DPPA, chúng tôi đề xuất cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện là Bộ Công thương. Đề án thí điểm mô hình DPPA nên đặt ra một quy mô cho thí điểm với mục tiêu thực hiện rõ ràng, nên ít nhất là 300 MW, mức này hiện chưa đạt đến một nửa tổng công suất lắp đặt trong nước đối với năng lượng tái tạo.

Phản hồi của Ông Lê Anh Đức – Giám đốc Trung tâm Phát triển thị trường điện và Đào tạo nguồn nhân lực, Cục Điều tiết điện lực

- 300 MW chỉ là quy mô trong chương trình thí điểm, không phải là mục tiêu của việc thí điểm.
- Về kiến nghị của VBF rằng giá phí 305 đồng/kWh hoặc 1,7 cent là khá cao, như đã đề cập, giá này phải bù đắp được các chi phí phát sinh. Ví dụ:
 - Singapore: giá bán lẻ khoảng 19 cent, trong đó tổng chi phí truyền tải phân phối chiếm 23,5%.
 - Úc: giá bán lẻ 23 cent, thì phí truyền tải phân phối chiếm 40%.➔ Hiện tại chưa thể khẳng định phí 1,7 cent là cao, mà quan trọng phải phản ánh đúng chi phí phát sinh trong hệ thống.

Vấn đề thứ ba***Ông Gavin Smith, Giám đốc Phát triển năng lượng sạch, Dragon Capital***

- Về lộ trình giá điện bán lẻ, có một số điểm không hợp lý trong cấu trúc giá. Phân bổ mức tăng trung bình giữa các nhóm khách hàng sử dụng điện khác nhau (khách hàng sử dụng điện sinh hoạt, Khách Hàng thương mại và Khách Hàng công nghiệp) dường như chưa phù hợp.
- Mức giá áp dụng cho giờ cao điểm trong một ngày cũng có vẻ chưa phù hợp. Nhu cầu cao điểm về sử dụng điện là trước và sau giờ ăn trưa. Nhưng vào buổi chiều, không có giá giờ cao điểm cho bán lẻ điện. Cơ cấu giá điện theo giờ cao điểm hàng ngày có vẻ chưa phù hợp với các điều kiện kinh tế của thị trường hiện tại.

Phản hồi của Ông Lê Anh Đức – Giám đốc Trung tâm Phát triển thị trường điện và Đào tạo nguồn nhân lực, Cục Điều tiết điện lực

Về cấu trúc biểu giá, Cục ĐTĐL ghi nhận góp ý trong quá trình nghiên cứu, sửa đổi cấu trúc biểu giá bán lẻ điện phù hợp giữa các nhóm khách hàng.

Vấn đề thuế***Ông Nguyễn Thanh Hải, Luật sư, Baker & McKenzie Việt Nam***

Khi áp dụng mô hình DPPA thì chính thuế và những vấn đề về thuế cũng nên được xem xét, trong đó có cơ cấu thành phần chi phí và giá DPPA. Cục ĐTĐLVN cũng nên cân nhắc tham vấn Bộ Tài chính về vấn đề thuế trong giai đoạn nghiên cứu mô hình DPPA để tránh những khó khăn, bất cập, rào cản xử lý những vấn đề thuế khi triển khai. Cơ chế bù trừ điện năng (net-metering) cho điện mặt trời trên mái nhà đã được phê duyệt vào năm ngoái (theo Quyết định 11 của Thủ tướng Chính phủ), song lại có vướng mắc về thuế và hiện việc thanh toán tiền điện dư cho các bên phát điện theo cơ chế net-metering cho điện mặt trời trên mái nhà vẫn chưa thanh, quyết toán trên thực tế.

Phản hồi của Ông Lê Anh Đức – Giám đốc Trung tâm Phát triển thị trường điện và Đào tạo nguồn nhân lực, Cục Điều tiết điện lực

- Cục Điện lực & Năng lượng tái tạo chủ trì và đang phối hợp với Cục ĐTĐL tiến hành nghiên cứu điều chỉnh cơ chế bù trừ điện năng (net-metering scheme). VBF có thể trao đổi trực tiếp với Phòng Năng Lượng Tái Tạo – Cục Điện Lực & Năng Lượng Tái Tạo để biết chi tiết.
- Về Chứng chỉ Năng lượng Xanh/ Tái tạo, hiện Cục Điện Lực & Năng Lượng Tái Tạo đang trong quá trình nghiên cứu.
- Về thời hạn của hợp đồng DPPA, tư vấn của Cục ĐTĐL đang thu thập một số hợp đồng mua bán điện mẫu từ các nước để nghiên cứu và đưa ra khung cho DPPA tại Việt Nam. Nếu VBF có những kinh nghiệm và các mẫu DPPA, vui lòng cung cấp cho Cục tham khảo.
- Về việc Thông tư số 36/2018/TT-BCT vẫn giữ nguyên ngưỡng công suất miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực ở mức 1 MW: Trước năm 2017, việc miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực cho lĩnh vực phát điện chỉ áp dụng cho các dự án có quy mô công suất dưới 50 kW. Tuy nhiên, do yêu cầu từ thực tiễn và theo nghiên cứu kinh nghiệm của các nước xung quanh, Cục đã nâng mức miễn trừ lên 1 MW theo quy định tại Thông tư 12.

Thảo luận chung**Vấn đề thứ nhất*****Ông Gavin Smith, Giám đốc Phát triển năng lượng sạch, Dragon Capital***

- Quy định hiện hành về điện mặt trời trên mái nhà yêu cầu trước khi lắp đặt công tơ hai chiều, phải có sự kiểm tra an toàn của EVN. Bằng cách này, EVN có một chốt kiểm soát an toàn đối với việc lắp đặt hệ thống điện mặt trời trên mái nhà có tiếp xúc với lưới truyền tải điện.
- Trong Diễn đàn VBF lần trước, VBF đã đề xuất áp dụng một cơ chế kiểm soát tiếp theo để đảm bảo EVN và các nhóm địa phương không bị ảnh hưởng tiêu cực bởi chính sách miễn trừ giấy phép điện lực cho điện mặt trời ở ngưỡng 3MW, ví dụ như thông báo cho EVN về quy mô của hệ thống lắp đặt, mức tiêu thụ điện hiện tại, hoặc mức sản lượng điện thực tế phát dư lên lưới - giúp EVN tin tưởng hơn vào việc lắp đặt hệ thống điện trên mái nhà lớn hơn mà không cần giấy phép hoạt động điện lực cho lĩnh vực phát điện.
- Cơ quan nào chịu trách nhiệm xem xét ngưỡng miễn trừ giấy phép?

Phản hồi của Ông Lê Anh Đức – Giám đốc Trung tâm Phát triển thị trường điện và Đào tạo nguồn nhân lực, Cục Điều tiết điện lực

- Thông tư 36 do Cục ĐTĐL chủ trì và phối hợp với các đơn vị như EVN, các đơn vị liên quan để nghiên cứu và trình lãnh đạo Bộ xem xét ban hành. Như đã trao đổi, trong quá trình sửa đổi Thông tư 12 để ban hành Thông tư 36, Cục ĐTĐL đã tổ chức nhiều cuộc họp với EVN/ các đơn vị liên quan để rà soát toàn bộ các điều kiện cấp phép hoạt động cũng như các ngưỡng.
- Vấn đề thuế liên quan đến Cơ chế bù trừ điện năng thuộc thẩm quyền và chức năng của Bộ Tài chính.
- Việc điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân được thực hiện theo cơ chế giá bán lẻ điện bình quân theo thị trường - theo Quyết định số 24/2017/QĐ-TTg. Việc đánh giá, rà soát chi phí được thực hiện hàng năm, đảm bảo giá bán lẻ điện phản ánh đúng chi phí của thị trường.

Vấn đề thứ hai***Bà Virginia Foote, Chủ tịch, Bay Global Strategies***

Cục ĐTĐL có lộ trình cụ thể cho việc hoàn thành thiết kế DPPA tiếp theo để đưa ra tham vấn cộng đồng hay không?

Phản hồi của Ông Lê Anh Đức – Giám đốc Trung tâm Phát triển thị trường điện và Đào tạo nguồn nhân lực, Cục Điều tiết điện lực

- Dự kiến cuối năm 2018 sẽ hoàn thiện mô hình DPPA cho Việt Nam. Đến thời điểm đó, tư vấn sẽ phải hoàn thiện dự thảo về chương trình thử nghiệm mô hình DPPA; các công việc cần phải chuẩn bị cho việc thử nghiệm và các mốc thời gian.
- Dựa trên đề xuất của tư vấn, Cục sẽ thực hiện các công tác chuẩn bị (VD: xác định những quy định liên quan cần điều chỉnh, bổ sung,...), báo cáo lãnh đạo Bộ và sẽ báo cáo Thủ tướng Chính phủ nếu cần.

Vấn đề thứ ba***Ông Vũ Toàn Thắng, Phụ trách phát triển thị trường điện, AES***

- Cơ chế mua bán điện giữa bên mua điện và bên bán điện trong thị trường bán buôn điện cạnh tranh và hợp đồng DPPA khác nhau như thế nào?
- Luật Điện lực hiện tại chưa đề cập đến phí phân phối. Vậy để thực hiện cơ chế mua bán điện trực tiếp, có cần sửa đổi về Luật Điện lực trước không? Hoặc trong lúc chưa sửa đổi Luật Điện lực, liệu có thể đưa ra một hình thức nào đó để vẫn có thể thực hiện cơ chế mua bán điện trực tiếp khi chưa có phí phân phối điện?

Phản hồi của Ông Lê Anh Đức – Giám đốc Trung tâm Phát triển thị trường điện và Đào tạo nguồn nhân lực, Cục Điều tiết điện lực

- Cả 2 mô hình Sleeved DPPA và Synthetic DPPA đều có liên quan đến thị trường điện giao ngay, nhưng mức độ liên quan khác nhau.
- Thứ nhất, theo cơ chế Sleeved DPPA, phần điện dư của đơn vị phát điện năng lượng tái tạo sẽ được bán qua thị trường điện giao ngay và hưởng theo giá bán điện theo thị trường. Việc này mà theo Cục đánh giá, không phù hợp với thiết kế thị trường điện hiện tại của Việt Nam.

- Theo mô hình Synthetic DPPA, 100% sản lượng điện của đơn vị NLTT sẽ được bán thông qua thị trường. Việc xử lý giữa khách hàng và đơn vị NLTT (Hợp đồng DPPA) sẽ thông qua một hợp đồng tài chính (CfD). Hợp đồng CfD sẽ đưa ra quy định mức giá cố định trong một khoảng thời gian nhất định, sản lượng mua bán giữa hai bên khách hàng và đơn vị NLTT là bao nhiêu. Hai thông số này đều do 2 bên thỏa thuận, còn việc thanh toán cho hợp đồng CfD chỉ là sự sai khác giữa giá trong hợp đồng và giá trên thị trường giao ngay.
- Theo đó, mô hình Synthetic DPPA phù hợp và hoàn toàn giống với thiết kế thị trường bán buôn điện Việt Nam hiện tại. Theo cơ chế này, công việc phát sinh và các vấn đề cần giải quyết cũng sẽ giảm bớt đi.

Phản hồi của Ông Lê Đông Hải, Cục Điều tiết Điện lực

- Hiệu quả tài chính của đơn vị phát điện NLTT trong 2 cơ chế trên là tương đương nhau. Khi triển khai công thức toán học thì đều cho thấy sự đảm bảo về mặt tài chính cho đơn vị phát điện cũng như chi phí nguồn điện của bên mua điện.
- Như trình bày, việc áp dụng mô hình Synthetic DPPA hoàn toàn phù hợp với mô hình hiện tại của Việt Nam. Về cơ bản, Cục đang ủng hộ cơ chế Synthetic DPPA.
- Liên quan đến tình hình phát triển thị trường điện, Bộ Công Thương đã hoàn thiện Dự thảo Thông tư quy định vận hành thị trường mua bán điện cạnh tranh, trong đó cho phép nguồn NLTT được quyền lựa chọn tham gia thị trường điện. Thông tư dự kiến được áp dụng từ 01/01/2019.

Ông Nguyễn Nội và Ông John Rockhold phát biểu kết thúc cuộc họp

DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM GIỮA KỲ 2018

Hà Nội, 4/7/2018

LIÊN KẾT DOANH NGHIỆP TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI HƯỚNG TỚI LỢI ÍCH CHUNG

TÓM TẮT

PHÁT BIỂU KHAI MẠC

Chính phủ Việt Nam – Ngài Nguyễn Chí Dũng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Năm 2018, Chính phủ kỷ niệm 30 năm thu hút và quản lý đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, để nhìn lại những thành tựu đã đạt được với nỗ lực của cả nhà nước từ trung ương đến địa phương và các cộng đồng doanh nghiệp nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh Việt Nam, trong đó Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam đã có 21 năm đồng hành và đóng góp tích cực. Nhiều văn bản quy pháp pháp luật đã được ban hành, nhiều chính sách đã được cập nhật kịp thời và bổ sung cho phù hợp, nhiều khó khăn vướng mắc trong quá trình thực thi đã được tháo gỡ và xử lý, từ đó tạo ra được một môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, thuận lợi, ngày càng thu hút được nhiều đầu tư kinh doanh cho phát triển. Cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam bao gồm trong nước và nước ngoài đã ngày càng trưởng thành, đông thêm về số lượng, mạnh về tiềm lực, đưa nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng ở mức cao. GDP của Việt Nam năm 2017 đạt 220 tỉ USD, cao gấp 8 lần năm 1997, phấn đấu đến 1998 đạt 300 tỉ USD.

Doanh nghiệp FDI đã có những đóng góp quan trọng. Đến nay đã có 128 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư ở Việt Nam, khoảng 26000 dự án FDI và với tổng số vốn đăng ký là 326 tỉ USD, tổng vốn thực hiện trên 180 tỉ USD, khu vực FDI ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam, đóng góp 25% tổng vốn đầu tư toàn xã hội và 20% GDP. Trong đó 58% vốn FDI tập trung vào các lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo và tạo ra 50% giá trị sản xuất công nghiệp, đóng góp 72.6% tổng kim ngạch xuất khẩu, tạo công ăn việc làm cho 3.6 triệu lao động trực tiếp và 5-6tr lao động gián tiếp.

Khu vực FDI đã có những hiệu ứng lan tỏa thông qua việc tiếp cận những công nghệ tiên tiến, áp dụng các chuẩn mực quốc tế, phát triển kỹ năng của lực lượng lao động cũng như tạo ra việc làm nhiều lĩnh vực của nền kinh tế. Tuy nhiên sự liên kết giữa khu vực FDI và khu vực doanh nghiệp trong nước để cùng tham gia chuỗi giá trị thì chưa đạt được như kỳ vọng; phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ và chuyển giao công nghệ thì vẫn còn ở mức thấp và hết sức hạn chế. Bối cảnh toàn cầu hóa và xu hướng công nghệ 4.0 sẽ là động lực cho sự phát triển của doanh nghiệp, đồng thời tạo tiền đề để thay đổi tư duy quản lý của chính phủ nhằm tạo dựng một môi trường kinh doanh thuận lợi, khơi nguồn sáng tạo và mang lại tính cạnh tranh cao.

Với chủ đề của diễn đàn năm nay, tôi đề nghị các tham luận sẽ tập trung đi sâu, đánh giá những khó khăn, nguyên nhân, bài học và đề xuất ra những giải pháp nhằm tăng cường môi liên kết doanh nghiệp trong nước và FDI. Các doanh nghiệp nước ngoài cần chủ động tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Việt Nam có cơ hội từng bước tham gia vào chuỗi giá trị. Doanh nghiệp trong nước phải nỗ lực thay đổi tư duy quản trị doanh nghiệp theo hướng hiện đại, tiếp cận công nghệ tiên tiến, nâng cao kỹ năng và trình độ lao động, tăng năng xuất, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh. Chính phủ phải có những biện pháp thiết thực nhằm tạo điều kiện và hỗ trợ cho sự liên kết giữa doanh nghiệp trong nước và nước ngoài. MPI đánh giá cao các kiến nghị hợp lý, mang tính xây dựng của cộng đồng doanh nghiệp cũng như tinh thần hợp tác, có trách nhiệm của các bộ, ngành, trong việc xem xét, giải quyết các khuyến nghị nhằm xây dựng môi trường đầu tư

kinh doanh ngày càng cạnh tranh, hấp dẫn, an toàn, minh bạch, xây dựng môi liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước một cách hiệu quả, hướng tới lợi ích chung. Với tư cách là cơ quan đầu mối của chính phủ trong việc tổ chức diễn đàn doanh nghiệp, MPI sẽ tổng hợp các kiến nghị của cộng đồng doanh nghiệp, báo cáo chính phủ, thủ tướng chính phủ để đề nghị các cấp có thẩm quyền nghiên cứu, xem xét, sửa đổi luật pháp, chính sách, đồng thời chỉ đạo các bộ ngành địa phương xem xét giải quyết các khó khăn vướng mắc hiện nay.

Tổ chức Tài chính Quốc tế - Ông Kyle Kelhofer, Giám đốc quốc gia tại Việt Nam

Việt Nam hiện đang kỷ niệm 30 năm mở cửa thu hút đầu tư FDI – một động lực lớn cho phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế. Tuy vậy, Việt Nam cũng đang phải đối mặt với một thách thức đặc biệt, đó là dù dòng vốn FDI thu hút cao kỷ lục nhưng hiệu quả ‘lan tỏa’ và giá trị gia tăng đem lại vẫn còn hạn chế. Đầu tư FDI và theo sau là sự xuất hiện của các tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam tuy đã đem lại những lợi ích to lớn cho Việt Nam về tăng trưởng, xuất khẩu, việc làm, nhưng thành quả đạt được về xây dựng các mối liên kết của nền kinh tế trong nước vẫn chưa nhiều.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy liên kết yếu thường là hậu quả của những vấn đề liên quan đến khả năng lan tỏa của đầu tư FDI và năng lực thẩm thấu của doanh nghiệp trong nước. Trong thời gian tới, điều này sẽ có nghĩa là nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước và thúc đẩy mối liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước để phát triển các chuỗi giá trị toàn cầu (CGTTC) cũng như nâng cao sức cạnh tranh cho các lĩnh vực xuất khẩu, chế tạo chế biến, nông nghiệp của Việt Nam.

Vào tháng 5, Bộ Công thương (BCT) đã lần đầu khởi động chương trình quốc gia về phát triển nhà cung cấp tại Việt Nam – một sáng kiến chung hợp tác cùng thành phần kinh tế tư nhân của IFC/NHTG. Chương trình này sẽ góp phần nâng cao năng lực của các nhà cung cấp trong nước để tăng cường năng lực cạnh tranh và xây dựng những mối liên kết rất cần thiết với các tập đoàn đa quốc gia. Trong thời gian tới dự kiến sẽ có nhiều sáng kiến tương tự được hình thành nhằm tạo dựng mối liên kết, tăng năng suất, tăng cường đổi mới, mà mục tiêu cuối cùng là nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Các xu hướng lớn toàn cầu (Cách mạng công nghiệp 4.0 – Tự động hóa, AI và các Hiệp định thương mại tự do (FTA)) đang tái định hình các CGTTC và cán cân thương mại. Để tạo thuận lợi cho thành phần kinh tế tư nhân tham gia vào các CGTTC, chính phủ cần cải thiện môi trường đầu tư cho kinh tế tư nhân.

Liên minh Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam - Ông Tomaso Andreatta, Đồng Chủ tịch

Năm nay đã chứng kiến sự tăng trưởng nhanh chóng liên tục và xu hướng kinh tế tích cực rất đáng hoan nghênh. Tuy nhiên, còn nhiều yếu tố có thể ảnh hưởng đến xu hướng này - đặc biệt là bong bóng bất động sản và các tác động tới hệ thống ngân hàng, tăng tính bảo hộ từ các quốc gia và khu vực kinh tế quan trọng đối với thương mại của Việt Nam.

Chủ đề ngày hôm nay về môi liên hệ giữa FDI và FDI gia tăng nhiều vấn đề về cơ cấu doanh nghiệp trong nước, thường thiếu quy mô, bí quyết và kiến thức giới hạn việc thâm nhập thị trường toàn cầu và sản xuất các sản phẩm chất lượng hàng đầu với giá cả hợp lý.

Đáp lại, chính phủ đang thiết lập các chính sách tích cực cho các doanh nghiệp trong nước để xuất khẩu, tập trung vào chi phí sản xuất và chất lượng để đảm bảo doanh nghiệp trong nước có tính cạnh tranh. Các giải pháp khác sẽ hướng dẫn các công ty lớn hơn trong nước di chuyển ra

khởi bất động sản, tăng cường quản lý và đặt nền tảng cho các công ty trong các ngành công nghiệp hiện đại và công nghệ. Mặt khác, giảm thuế và gánh nặng thuế quan đối với các công ty sẽ giải phóng nguồn lực trong các công ty địa phương để đầu tư vào kiến thức và công nghệ, thu hút các công ty quốc tế sản xuất cho thị trường nội địa, mở cửa hợp tác giữa FDI và doanh nghiệp trong nước. Các tổ chức trong nước hạn chế trong thị trường vốn, luật về tái cơ cấu công ty và M&A, cùng quy mô của các nhà đầu tư tổ chức địa phương cần giải quyết. Hơn nữa, Việt Nam cần cơ sở hạ tầng mới và tốt hơn về năng lượng và giao thông để cân bằng rủi ro và các thủ tục minh bạch cho các hồ sơ dự thầu và nhượng bộ sẽ cho phép các đối tác công-tư (PPP) mang lại nguồn lực mà đất nước cần. Những lo ngại về ô nhiễm đã tăng lên, sự tăng trưởng công nghiệp và đô thị tiếp theo sẽ làm tăng các yếu tố gây ra biến đổi khí hậu và người tiêu dùng trên toàn cầu không muốn mua sản phẩm từ các quốc gia có tình trạng khẩn cấp về môi trường.

VBF và các hiệp hội thành viên cam kết sẽ hợp tác chặt chẽ với Chính phủ và Quốc hội trong việc hoàn thiện và cải cách luật cũng như các quy định, nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế của Việt Nam nói chung và tạo đà phát triển cho các doanh nghiệp nói riêng.

PHÁT BIỂU CỦA CÁC HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam (VCCI) - Ông Vũ Tiến Lộc, Chủ tịch

Mặc dù thương mại thế giới nửa đầu năm 2018 tiếp tục có diễn biến phức tạp ngày càng căng thẳng nhưng thương mại và đầu tư của Việt Nam khá ổn định, phần lớn là do hành động hết sức chủ động của chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp trong nước. Tuy nhiên, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam đang gặp một số trở ngại mới ở các thị trường lớn và cả trong nước mặc dù Chính phủ đã có những biện pháp quyết liệt để cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, nhưng không phải tất cả các bộ ngành địa phương đều có các biện pháp cụ thể và thiết thực.

Trước thực trạng này thì cộng đồng doanh nghiệp đề nghị chính phủ thực hiện các giải pháp sau đây.

Nhóm giải pháp 1:

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện các cải cách hành chính đặc biệt là các thủ tục xuất nhập khẩu, cơ chế mở cửa quốc gia và kiểm tra chuyên ngành hàng hóa xuất nhập khẩu
- Tăng cường các biện pháp tạo thuận lợi thương mại theo hiệp định tạo thuận lợi thương mại ký kết với WTO.
- Tận dụng tối đa các cơ hội rà soát phê duyệt và thực thi Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiên bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) để tạo ra đột phá trong cải cách toàn diện theo pháp luật và thể chế kinh tế. Đề nghị chính phủ chỉ đạo các bộ ngành thường xuyên tham gia thông tin, tham vấn với cộng đồng doanh nghiệp, yêu cầu báo cáo, đánh giá hiệu quả thực hiện trước khi trình chính phủ cần có ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp.

Nhóm giải pháp 2:

- Tăng cường các nỗ lực mở các con đường cho doanh nghiệp xuất khẩu thông qua các Hiệp định thương mại tự do (FTA)
- Đề xuất với chính phủ tiến hành các thủ tục phê chuẩn CPTPP tốt nhất là vào kỳ họp quốc hội cuối năm nay để hiệp định này sớm có hiệu lực đối với Việt Nam
- Tiếp tục thúc đẩy hiệp định tự do thương mại Việt Nam - EU, cố gắng cùng các đối tác hoàn tất rà soát pháp lý để tiến tới ký kết phê chuẩn Hiệp định này. Đề nghị Phái đoàn Liên minh Châu Âu tại Việt Nam, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam hỗ trợ, thúc đẩy việc phê chuẩn hiệp định diễn ra trong thời gian sớm nhất.

- Thúc đẩy việc thực thi một cách hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do khác để tạo cơ hội tốt cho lĩnh vực xuất nhập khẩu của Việt Nam.

Vấn đề nhập siêu đang ngày càng gia tăng đối với các thị trường mà Việt Nam đang có FTA cho thấy Việt Nam chưa tận dụng tốt các cơ hội mở ra từ các FTA. Cần phải nỗ lực hơn nữa để tiếp sức, hỗ trợ cho các cộng đồng doanh nghiệp của mình, đặc biệt là cần rà soát loại bỏ các bất cập trong thực tiễn đang cản trở các doanh nghiệp tận dụng các ưu đãi mở ra thông qua các FTA.

Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản (JCCI) – Ông Koji Ito, Chủ tịch

Dựa trên quan điểm của các nhà đầu tư, JCCI tập trung vào ba mục chính: 1) cải cách thủ tục hành chính, 2) vấn đề nợ công và 3) các vấn đề môi trường.

Thứ nhất, về “cải cách thủ tục hành chính”. Tại Diễn đàn VBF Thường niên năm 2017, JCCI đã đưa ra 2 khuyến nghị: (1) thành lập một ủy ban mới có đầy đủ quyền hạn tiếp nhận, xử lý mọi vấn đề phát sinh, đứng đầu là Thủ tướng Chính phủ; (2) có quy định thống nhất về việc sử dụng các “Công văn” hướng dẫn thực thi luật.

Thứ hai, về “vấn đề nợ công”. Năm ngoái, JCCI cũng đã nêu ra quan ngại của doanh nghiệp rằng nếu Chính phủ quy định chính sách tài khóa quá chặt chẽ, cụ thể là hạn chế quy mô nợ công dưới 65% GDP, thì sẽ cản trở đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, trong khi Việt Nam đang rất cần những khoản đầu tư này để bảo đảm tăng trưởng kinh tế trong trung hạn và dài hạn. Cơ sở hạ tầng lạc hậu sẽ làm giảm sức hút đầu tư của Việt Nam đối với nhà đầu tư nước ngoài, và hơn nữa cũng làm mất đi cơ hội để kết nối doanh nghiệp Việt Nam với doanh nghiệp nước ngoài.

Thứ ba, về “vấn đề môi trường”, tình hình môi trường của Việt Nam có thể nói ngày càng trở nên nghiêm trọng hơn, nhưng chúng tôi muốn nhìn nhận vấn đề này như là một cơ hội mới cho những doanh nghiệp nước ngoài có công nghệ môi trường tiên tiến và doanh nghiệp Việt Nam thực sự mong muốn giải quyết vấn đề này. Nhật Bản có kinh nghiệm phải đối mặt với những vấn đề môi trường nghiêm trọng trong giai đoạn tăng trưởng nhanh, khi quy mô sản xuất, tiêu dùng, lượng rác thải lớn gây ô nhiễm. Vì vậy JCCI mong muốn sẽ tiếp tục thắt chặt hơn nữa quan hệ hợp tác giữa doanh nghiệp Việt Nam và Nhật Bản trong các vấn đề môi trường.

Hiệp hội Doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam (KoCham) - Ông Kim Heung Soo, Chủ tịch

Chính phủ Việt Nam đang nỗ lực để phát triển ngành công nghiệp phụ trợ và nuôi dưỡng các doanh nghiệp vừa và nhỏ ngành chế tạo. Trong bản ghi nhớ được thảo luận tại Hội nghị thượng đỉnh Việt Nam – Hàn Quốc vào tháng 3 năm nay cũng nhấn mạnh vào sự hợp tác song phương trong lĩnh vực công nghiệp phụ trợ.

Tuy nhiên thực tế là đại đa số các doanh nghiệp địa phương ở Việt Nam vẫn chưa thể sản xuất các sản phẩm phụ trợ đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp FDI. Do đó, chính phủ Việt Nam và các doanh nghiệp FDI cần nỗ lực để cải thiện tình hình này. **Dù đã có những nỗ lực như vậy nhưng vẫn còn có một vài điểm đáng tiếc do các quyết định hành chính của Chính phủ Việt Nam:**

Đầu tiên là vấn đề liên quan đến miễn và hoàn thuế hải quan đối với hàng xuất khẩu sản xuất bằng thuê ngoài: Mặc dù đây là phương thức xuất khẩu phổ biến nhất, Tổng cục Hải quan vừa công bố rằng **“trường hợp các công ty nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu sản xuất thành phẩm bằng thuê ngoài toàn bộ hay một phần thì không thuộc đối tượng miễn thuế”**. **Từ trước tới nay**, dù sản xuất thành phẩm bằng thuê ngoài toàn bộ hay một phần thì sau khi xuất khẩu xong chỉ cần chứng minh phần nguyên liệu nhập khẩu đã tiêu thụ theo thủ tục thanh lý thì có thể được miễn thuế hoặc hoàn thuế. Tuy nhiên, nếu như quy định này được thực thi thì việc này sẽ có nhiều tác động tiêu cực tới các doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam.

Do đó, để các doanh nghiệp xuất khẩu không gặp bất lợi thì chúng tôi hi vọng rằng chính phủ Việt Nam ban hành quy định nêu rõ “miễn thuế đối với cả trường hợp sản xuất bằng thuê ngoài”. Nhờ đó sẽ góp phần phát triển các doanh nghiệp phụ trợ và các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Việt Nam, đồng thời thúc đẩy thương mại, hỗ trợ phát triển kinh tế Việt Nam.

Các trường hợp khác là ví dụ: POSCO, một công ty thép thành lập liên doanh với các công ty Việt Nam vào năm 1994. Vào tháng 6 năm 2017, mặc dù chưa hết thời hạn liên doanh nhưng Chính phủ Việt Nam đã cấp mới quyền sử dụng đất cho một doanh nghiệp Việt Nam ở Hải Phòng cũng thuộc liên doanh khiến việc liên doanh không thể tiếp tục và phải kết thúc trước hạn. Doanh nghiệp Vina Pioneer ở tỉnh Hưng Yên vẫn còn thời hạn ưu đãi được bảo đảm trong Luật đầu tư nhưng đã nhận được thông báo về việc chấm dứt ưu đãi một cách đơn phương. **Nhiều nhà đầu tư lo ngại về cách thức các ưu đãi đầu tư bất ngờ bị cắt giảm.**

Những trường hợp này không phải là vấn đề của riêng một doanh nghiệp nào. Những quyết định hành chính không thể dự đoán trước như trên đây là vấn đề rất quan trọng, làm thu hẹp hoạt động của các doanh nghiệp nước ngoài ở Việt Nam và ảnh hưởng đến ý định hợp tác với doanh nghiệp địa phương. Hi vọng rằng Chính phủ Việt Nam tích cực phản ánh những kiến nghị của KOCHAM. Các doanh nghiệp Hàn Quốc sẽ vẫn tiếp tục nỗ lực hết sức mình để cùng phát triển với các doanh nghiệp Việt Nam.

Hiệp hội Doanh nghiệp Anh Quốc tại Việt Nam (BBGV) - Ông Richard Leech, Ủy viên

Các vấn đề mà BBGV mong muốn nhận được sự quan tâm từ Chính phủ là:

15 ngày miễn thị thực cho du khách Anh: Việt Nam đã đạt được 13 triệu lượt khách nước ngoài, nhưng để đạt được mục tiêu năm 2020 về chỉ tiêu trung bình của mỗi du khách là 1,080 đô la Mỹ, Việt Nam cần thu hút du khách ở lại lâu hơn và coi Việt Nam như là trung tâm du lịch ở Đông Dương. Vì vậy, chúng tôi đề xuất kéo dài thời gian miễn thị thực cho công dân Anh lên **30 ngày** thay vì 15 ngày, và cho phép khách truy cập miễn thị thực trở lại trong vòng 30 ngày.

Vấn đề hạn chế việc làm thêm giờ trong vòng 200 đến 300 giờ làm mỗi năm: Theo điều 106 được nêu ra trong bộ Luật Lao Động Việt Nam đề cập đến việc giới hạn thời gian làm thêm giờ trong vòng 200 tiếng một năm và ở Nghị định số 43/2013/NĐ-CP đã tăng thêm giới hạn thời gian làm thêm giờ lên 300 tiếng mỗi năm đối với các ngành công nghiệp sản xuất hàng hoá xuất nhập khẩu. Giới hạn này thấp hơn nhiều so với các nước láng giềng và cản trở các mục tiêu sản xuất của nhiều công ty sản xuất tại Việt Nam.

Vấn đề quan liêu trong tuyển dụng và tiêu chuẩn sa thải: Bộ luật Lao động Việt Nam hiện hành quy định người lao động có 6 ngày để thử việc trước khi được làm chính thức, việc này đã gây nên khó khăn cho nhà tuyển dụng trong việc đánh giá và chọn lựa nhân viên tiềm năng. Ngoài ra, quy trình nghiêm ngặt trong việc sa thải những nhân viên vô kỉ luật đã trở thành điều cản trở cho người sử dụng lao động trong việc duy trì môi trường làm việc kỉ luật. Nhiều công ty đã gặp phải việc chấm dứt hợp đồng một cách hợp pháp đối với những người lao động nghỉ quá năm ngày mà không báo trước. BBGV đề xuất: Thời gian thử việc cho lao động trực tiếp tăng lên ít nhất là 1 tháng.

Thuế và Hải quan: Cán bộ thanh tra và kiểm toán của cục thuế và hải quan gần đây có biểu hiện gây cản trở và làm khó dễ doanh nghiệp thành viên thậm chí sử dụng hình thức đe dọa trong một số trường hợp, làm gia tăng mối lo ngại từ các nhà đầu tư nước ngoài về các chính sách và tính minh bạch trong việc kiểm toán và thanh tra. Vì vậy, BBGV đề xuất Chính phủ thành lập một ban ngành độc lập xem xét và xử lý các đơn kháng cáo từ các đơn vị nộp thuế trong trường hợp xảy ra bất đồng quan điểm giữa các cán bộ thuế, hải quan với các đơn vị đóng thuế. Đồng thời, ban ngành này cần được cấp phép thẩm quyền cao hơn cục thuế và hải quan.

Hiệp hội Doanh nghiệp Hoa Kỳ tại Việt Nam (AmCham) - Ông Michael Kelly, Chủ tịch

Các vấn đề mà AmCham mong muốn nhận được sự quan tâm của Chính phủ là:

Khuyến khích một môi trường trong sạch và an toàn: Các quyết định đúng đắn được ban hành kịp thời cùng với công nghệ mới có thể giúp Việt Nam giải quyết và giảm thiểu các vấn đề về môi trường mà những quốc gia như Hoa Kỳ hay Trung Quốc phải đối mặt trong suốt thời kỳ tăng trưởng nóng của những nước này. Sự gia tăng các mối quan ngại về môi trường thể hiện tầm quan trọng và sự cần thiết của việc kết nối giữa các hoạt động kinh doanh và xã hội, tầm quan trọng của việc xây dựng môi trường kinh doanh theo cách tạo ra giá trị kinh tế và xã hội trong dài hạn.

Năng lượng là sức mạnh cho tương lai Việt Nam: Nhu cầu về năng lượng hiện nay đã rất cấp thiết nhằm giải quyết nguồn cung eo hẹp so với cầu về năng lượng điện. Các công ty thành viên của AmCham là các công ty dẫn đầu toàn cầu trong lĩnh vực này và muốn hỗ trợ nhằm đảm bảo việc phát triển năng lượng của Việt Nam đáp ứng được nhu cầu về an ninh địa chính trị, kinh tế, y tế và môi trường của đất nước.

Đổi xử công bằng và bình đẳng: Cho dù hệ lụy của tham nhũng, chủ nghĩa bảo hộ, việc thu thuế vẫn tồn tại sự bất bình đẳng, thiếu hiệu quả và thiếu nhất quán. Chúng tôi tin tưởng rằng vấn đề sống còn chính là việc luật pháp phải được thiết kế để đảm bảo thực thi công bằng và bình đẳng.

Loại bỏ các rào cản để tiếp sức cho khu vực tư nhân: Sản phẩm nhập khẩu vào thị trường Việt Nam vẫn rất đắt đỏ về giá và phức tạp về thủ tục, trong bối cảnh Việt Nam xuất siêu vào thị trường Hoa Kỳ ngày càng tăng, do vậy Việt Nam cần phải xem xét giải quyết các rào cản kỹ thuật trong thương mại/ các rào cản phi thuế gây ảnh hưởng đến xuất khẩu của Hoa Kỳ vào Việt Nam. Các thành viên của AmCham vẫn rất lạc quan về triển vọng kinh doanh tại Việt Nam. Tuy nhiên, chúng tôi cũng quan ngại về những sự thay đổi chính sách gần đây không phù hợp với thông lệ quốc tế. Những thay đổi này khiến nhiều nhà đầu tư nước ngoài gặp nhiều rủi ro và trở ngại trong việc đầu tư.

Luật an ninh mạng: Luật Bảo vệ an ninh mạng mang lại gánh nặng không cần thiết và tốn kém. AmCham ủng hộ mạnh mẽ mục tiêu và nỗ lực của Việt Nam trong việc tạo ra một khung pháp lý về an ninh mạng. Tuy nhiên, các công ty thành viên của AmCham đặc biệt lo ngại về yêu cầu phải có văn phòng đại diện, các quy định liên quan đến dữ liệu người dùng và việc lưu trữ dữ liệu tại nước sở tại cũng như một loạt những cản trở gây tổn kém không cần thiết khác sẽ làm tổn thương doanh nghiệp mà không hề giúp cải thiện môi trường an ninh mạng tại Việt Nam.

Nhập khẩu ô tô: Nghị định số 116/2017/NĐ-CP về việc nhập khẩu ô tô đã tạo ra những rào cản kỹ thuật không mong muốn đối với các công ty hoạt động trong lĩnh vực này. Các quy định mới tại Nghị định này thể hiện một sự chuyển biến quan trọng trong chính sách của Việt Nam đối với ô tô nhập khẩu. Chúng tôi đề nghị Chính phủ tạm hoãn thi hành Nghị định này trong thời hạn 18 tháng. Trong thời gian đó, các công ty của chúng tôi rất mong muốn được trao đổi với Chính phủ nhằm tìm ra giải pháp sửa đổi Nghị định số 116.

Kiểm tra sau thông quan: Việt Nam đã có những cải thiện đáng kể trong thủ tục thông quan. Tuy nhiên, việc hậu kiểm thường xuyên trên diện rộng và không cần thiết đã và đang gây trở ngại cho các công ty, có công ty đã phải chịu hậu kiểm 10 lần trong 2 tháng. Cơ quan Hải quan nên đưa ra cách tiếp cận tập trung hơn để có thể nhận ra và kiểm tra những doanh nghiệp nhập khẩu có nguy cơ cao, không phải những công ty luôn chấp hành luật pháp. Điều này cũng bao gồm đề ra những khác biệt trong thủ tục thông quan, kiểm tra hải quan, kiểm tra giá cả và kiểm tra sau thông quan giữa những doanh nghiệp ưu tiên (AEO) và nhà nhập khẩu thông thường.

Tăng cường tiềm năng du lịch và du lịch: Chúng tôi mong muốn Chính phủ đảm bảo một sân chơi bình đẳng cho các dự án đầu tư nước ngoài đang hoạt động trong lĩnh vực sông bạc tại Việt Nam trong quá trình lựa chọn địa điểm đầu tư thí điểm một số trò chơi. Mặc dù trên ngành du lịch đã được xác định là một ngành trọng điểm trong quá trình phát triển kinh tế Việt Nam, nhưng dường như vẫn thiếu một lộ trình và một chiến lược chặt chẽ có sức thuyết phục. Việt Nam có tiềm năng thực sự để trở thành một điểm đến du lịch, nghỉ dưỡng, hội nghị và sự kiện hàng đầu châu Á, tuy nhiên cần phải xây dựng một hệ thống chính sách thông minh, đồng bộ và phù hợp.

Nâng cao môi trường kinh doanh: Việt Nam - trong mối quan hệ đối tác với các công ty và nhà đầu tư Hoa Kỳ - có thể phát triển kinh tế hơn nữa bằng cách tận dụng các yếu tố đầu vào và công nghệ tốt nhất, và bằng cách ứng dụng các tiêu chuẩn quốc tế tốt nhất. Chúng tôi ủng hộ các nỗ lực của Việt Nam để quá trình cổ phần hóa được minh bạch và cạnh tranh. Môi trường kinh doanh có thể được cải thiện tốt nhất bằng các hành động giúp tăng năng suất, giảm chi phí và rủi ro kinh doanh tại Việt Nam, cũng như mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp Việt Nam.

Hiệp hội Doanh nghiệp Châu Âu (EuroCham) - Ông Nicolas Audier, Đồng chủ tịch

Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – EU, FTA EU-Việt Nam (EVFTA) sẽ mở rộng cánh cửa của hai thị trường và mang đến nhiều cơ hội cho các công ty, người tiêu dùng ở cả hai bên

Chăm sóc sức khỏe: Các công ty châu Âu mang đến Việt Nam không chỉ các sản phẩm dược phẩm và các thiết bị y tế an toàn, chất lượng tốt, mà còn cả những giá trị, tiêu chuẩn chuyên nghiệp, mang tính đạo đức cao. Các thành viên của EuroCham mong muốn hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước phát huy tiềm năng, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và công nghệ quốc tế.

An toàn thực phẩm: Các doanh nghiệp châu Âu đã làm việc với chính phủ và các doanh nghiệp địa phương để giúp nâng cao tiêu chuẩn. EVFTA sẽ mang lại lợi ích to lớn cho ngành nông nghiệp của Việt Nam trong thời gian dài. Nhưng chìa khóa để thành công và tận hưởng các lợi ích này là ngành nông nghiệp Việt Nam cần đạt được những tiêu chuẩn về vệ sinh và kiểm dịch động thực vật của EU và tuân thủ các quy định về đánh bắt của IUU.

Bảo vệ môi trường: EuroCham đã đưa ra một số khuyến nghị để giảm thiểu ô nhiễm và thiệt hại về môi trường. Những khuyến nghị này bao gồm việc sửa đổi với hợp đồng mua bán điện mặt trời, gió, sinh khối, và năng lượng từ rác thải, đầu tư vào khí đốt và khí hóa lỏng như một biện pháp thay thế hiệu quả cho điện than. Đầu tư và chuyên môn, kinh nghiệm của các doanh nghiệp châu Âu có thể giúp mang lại những lựa chọn bền vững hơn cho thị trường.

Lao động: Chính phủ được khuyến khích tuân thủ các nghĩa vụ theo các Công ước của ILO và các doanh nghiệp được khuyến khích để đáp ứng các tiêu chuẩn này để làm cho Việt Nam hấp dẫn đối với FDI mới. Số trường học và số lượng sinh viên quốc tế tăng lên sẽ tăng cường lực lượng lao động của Việt Nam và hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu.

Để tiếp tục hỗ trợ kinh doanh, chính phủ được khuyến khích tiếp tục cắt giảm thủ tục hành chính, hỗ trợ hướng dẫn thêm về chính sách cho các doanh nghiệp tư nhân, bảo đảm cơ chế bảo hộ đầu tư hiệu quả cải thiện các cơ chế giải quyết tranh chấp và thực hiện Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp một cách nhất quán. Tiến trình khác về Quyền sở hữu trí tuệ là cần thiết, đặc biệt là Luật Chuyển giao Công nghệ. Về thuế chính sách, thay đổi trong pháp luật có thể mang lại FDI lớn hơn và hợp tác quốc tế, chẳng hạn như việc cải cách trong cách tính Thuế tiêu thụ đặc biệt trong ngành ô tô.

PHIÊN 1 – TIẾN TỚI CHUỖI GIÁ TRỊ

Nhóm Công tác Đầu tư & Thương mại - Bà Orsolya Grove, Đại diện

Để Việt Nam tiếp tục tăng cường vai trò của mình trong chuỗi cung ứng toàn cầu, các cơ quan hành chính phải giảm nhẹ gánh nặng đối với việc tuân thủ, bằng cách cung cấp các quy định rõ ràng, hướng dẫn đơn giản và thực thi thống nhất.

Các vấn đề chính là:

CPTPP (“TPP-11”) và các hiệp định thương mại quan trọng khác: ủng hộ Việt Nam sớm phê chuẩn CPTPP cũng như Hiệp định Đối tác Kinh Tế Toàn diện Khu vực.

EVFTA: Trong khi Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU sẽ nằm trong Chương trình nghị sự của Nghị viện châu Âu vào giữa năm 2018, công chúng đang tăng cường quan tâm/đặt câu hỏi về tự do hóa thương mại. Trong bối cảnh này, mối quan tâm của Nghị viện Châu Âu về các quy định Chính phủ Việt Nam gần đây đã thông qua cần được dự đoán trước và tiếp tục chủ động giải quyết.

Điều kiện Đầu tư và Thương mại: Đối với các ngành, phân ngành dịch vụ chưa cam kết hoặc không được quy định tại Biểu cam kết của Việt Nam trong WTO và điều ước quốc tế về đầu tư khác mà pháp luật Việt Nam chưa có quy định về điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài, mà theo quy định thì Cơ quan đăng ký đầu tư lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ quản lý ngành để xem xét, quyết định. Trên thực tế, bất kỳ ý kiến nào từ các Bộ ngành như “đề nghị các Sở KHĐT xem xét cấp phép” đều không được xem là “chấp thuận”. Chúng tôi kiến

ngợi khi Bộ, ngành quản lý không phản đối thì Sở KHĐT nên cấp phép. Khi văn bản ý kiến của các Bộ thể hiện sự đồng ý, không nhất thiết phải sử dụng từ “chấp thuận”, thì Sở KHĐT nên thực hiện cấp giấy phép.

Nghị định 09: Bất kỳ doanh nghiệp trong nước nào **dù chỉ nhận 1% vốn nước ngoài đều phải tuân thủ yêu cầu phải xin Giấy phép kinh doanh và Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho từng cơ sở bán lẻ thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp**. Chúng tôi đề nghị **việc cấp phép lại chỉ áp dụng với doanh nghiệp mà nhà đầu tư nước ngoài góp vốn ít nhất 51% vốn điều lệ** trong doanh nghiệp. Bộ Công Thương không tuân thủ nghiêm ngặt **thời hạn pháp lý đối với quy trình lấy ý kiến** theo Nghị định 09 dẫn đến việc **quy trình chấp thuận bị trì hoãn**. Theo khuyến nghị, thủ tục lấy ý kiến BCT nên được hạn chế chỉ đối với một số lĩnh vực hoạt động kinh doanh nhạy cảm vì thủ tục lấy ý kiến này dường như là dư thừa theo các cam kết WTO rõ ràng.

Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về mức giới hạn hàm lượng formaldehyt và các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may: Có một số vấn đề nghiêm trọng phát sinh của Thông tư 21, được gia hạn hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2018 sang ngày 01 tháng 01 năm 2019. Chúng tôi hy vọng Bộ Công Thương sẽ cân nhắc một giải pháp để vừa giải quyết vấn đề sức khỏe cộng đồng, vừa giảm thiểu thời gian và chi phí đối với các doanh nghiệp chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường.

Thuế thương mại điện tử: Một chương mới trong đề xuất sửa đổi Luật quản lý thuế ("LQLT") đề điều chỉnh hoạt động thương mại điện tử gồm: 1) chuyển nghĩa vụ khai và nộp thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") và thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") từ các doanh nghiệp Việt Nam sang cho các công ty nước ngoài cung cấp dịch vụ trực tuyến; và 2) xem xét yêu cầu các công ty nước ngoài cung cấp dịch vụ cho khách hàng Việt Nam thiết lập đầu mối như mở văn phòng đại diện ở Việt Nam cho mục đích kê khai và nộp thuế. Chúng tôi kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét lại dự thảo tờ trình liên quan đến quản lý thuế đối với lĩnh vực thương mại điện tử, không thay đổi cơ chế khấu trừ thuế, tiếp tục để các doanh nghiệp Việt Nam khấu trừ và trả thuế phát sinh tại Việt Nam, không chuyển nghĩa vụ này sang cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nước ngoài.

Cổng thanh toán duy nhất: Bộ Tài chính đã đề xuất bắt buộc điều hướng các giao dịch xuyên biên giới phải thanh toán qua một cổng thanh toán duy nhất là Công Ty Cổ Phần Thanh Toán Quốc Gia (NAPAS) cho mục đích thu thuế hoặc mục đích khác. Chúng tôi lo ngại rằng điều này sẽ làm suy yếu đi tính an toàn, hạn chế đổi mới, giảm trải nghiệm tích cực của người tiêu dùng và giảm cạnh tranh trong thị trường thương mại điện tử.

Kiểm tra Nhu cầu Kinh tế (ENT): Nghị định 09 áp dụng ENT và mở rộng phạm vi các cơ sở bán lẻ phải thực hiện ENT. Thủ tục, thời hạn, nghĩa vụ của từng cơ quan chức năng trong quá trình kiểm tra ENT nên được quy định rõ nhằm giảm chi phí thời gian và chi phí không chính thức cho doanh nghiệp. ENT chỉ nên áp dụng cho những cơ sở từ thứ hai trở đi.

Nhập khẩu máy móc, thiết bị đã qua sử dụng/cải tạo - Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 23: Nhiều khía cạnh của các quy định hiện hành về việc nhập khẩu thiết bị đã qua sử dụng và cải tạo cho thấy sự bất hợp lý đối với các doanh nghiệp. Chúng tôi đã nêu chi tiết về những vấn đề này trong tài liệu tham luận.

Phát triển thị trường cho năng lượng điện mặt trời trên mái nhà / hộ gia đình: Việc chưa có hướng dẫn của Bộ Tài Chính và Bộ Công Thương đang tiếp tục dẫn đến việc EVN trì hoãn việc các cơ chế thanh toán đối với các điện mặt trời trên mái nhà, đặc biệt là việc ký kết chính thức hợp đồng mua bán điện dự án điện mặt trời trên mái nhà, cũng như việc tính toán và thanh toán, quyết toán sản lượng điện dư mà khách hàng phát lên lưới điện của các đơn vị điện lực thuộc

EVN theo cơ chế bù trừ điện năng (net-metering) đang được quy định tại Quyết định 11 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư 16 của Bộ Công thương.

Công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài tại Việt Nam: Tòa án Việt Nam thường ban hành các quyết định từ chối yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam vì các lý do không phù hợp với Công ước New York. Chúng tôi kiến nghị có cơ chế để đảm bảo Tòa án Việt Nam áp dụng và tuân thủ Công ước New York 1958 nghiêm túc, phù hợp với Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Phản hồi của ông Trần Quốc Khánh, Thứ trưởng Bộ Công thương

Hiệp định TPP 11 và tên gọi chính thức là CPTPP đã được ký kết vào tháng 3 năm 2018 và hiện nay Chính phủ Việt Nam đang hết sức nỗ lực để chuẩn bị hồ sơ của Hiệp định hướng đến việc báo cáo Chủ tịch nước và sau đó là trình Quốc Hội Việt Nam xem xét và phê chuẩn tại kỳ họp tháng 10 năm 2018. Về FTA giữa Việt Nam và Liên Minh Châu Âu, đàm phán đã kết thúc vào tháng 12 năm 2015. Quá trình rà soát pháp lý đáng lẽ ra đã hoàn tất vào đầu năm 2017. Tuy nhiên đã có một số thay đổi về quy trình phê chuẩn các Hiệp định Thương mại Tự do (“HĐTMTD”) tại Liên Minh Châu Âu dẫn đến việc Việt Nam và Liên Minh Châu Âu phải tách Hiệp định trước đây thành hai Hiệp định riêng biệt. Quá trình này tương đối phức tạp, tuy nhiên tin vui là sau một thời gian trao đổi tích cực thì ngày 26 tháng 6 vừa qua hai bên đã chính thức hoàn tất quá trình này và trong thời gian tới thì hai bên sẽ triển khai dịch hai Hiệp định sang Tiếng Việt và 24 ngôn ngữ của Liên Minh Châu Âu. Liên quan đến Nghị định 09, Việt Nam lại có nhu cầu bảo vệ các doanh nghiệp bán lẻ còn rất nhỏ bé của mình trước các nhà bán lẻ có tiềm lực tài chính khổng lồ đến từ nước ngoài. Nhu cầu này được WTO thừa nhận và cho phép trong cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO. Bởi lẽ đó, xin khẳng định lại Nghị định 09 của Việt Nam không trái với các cam kết WTO của Việt Nam (kể cả trong vấn đề kiểm tra nhu cầu kinh tế) và không trông đợi có sự thay đổi nào về nội dung của Nghị định 09 trong thời gian tới.. Tuy nhiên về vấn đề thủ tục hành chính, Bộ Công thương xin ghi nhận nghiêm túc các kiến nghị của nhóm.

Phản hồi của ông Đỗ Nhất Hoàng, Cục trưởng Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch Đầu tư

Liên quan đến việc cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư xử lý như thế nào khi hỏi các bộ ngành liên quan thì văn bản trả lời của bộ ngành rất chung chung, không nói rõ là chấp nhận hay không. Thứ nhất, theo điều 6 khoản 4 của Nghị định 118 quy định là nếu các cơ quan được hỏi mà không trả lời trong thời hạn quy định thì coi như là đồng ý với những nội dung thuộc lĩnh vực mình quản lý. Thứ hai là những nội dung trả lời chung chung mà không có quan điểm rõ ràng (không ghi chấp nhận) thì cơ quan cấp chứng nhận đầu tư căn cứ theo luật mà quyết định theo thẩm quyền.

Liên quan đến những điều kiện đầu tư kinh doanh mà không quy định theo WTO nhưng đã từng cấp cho các quốc gia khác rồi đề nghị cập nhật trên cổng thông tin điện tử quốc gia về đầu tư nước ngoài để các cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư căn cứ vào những điều kiện đã công bố trên cổng thông tin điện tử để xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư. Về việc này, Bộ Kế hoạch Đầu tư cùng các Bộ các ngành các địa phương đang rà soát lại việc đã cấp giấy chứng nhận đầu tư cho một số ngành lĩnh vực mà không có trong cam kết WTO mà thị trường Việt Nam có nhu cầu, sẽ tổng hợp lại và cập nhật trên cổng thông tin điện tử chính phủ.

Nhóm Công tác Thuế & Hải quan - Ông Mark Gillin, Trưởng nhóm

Năng suất và khả năng tiên liệu là hai yếu tố quan trọng để nâng cao lợi ích về Thương mại và đầu tư FDI, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam. Tổng thuế suất trên lợi nhuận chính thức của Việt Nam là 38%, cao nhất trong Châu Á. Các cơ quan thuế địa phương thường ấn định chỉ tiêu nộp ngân sách cho từng doanh nghiệp trong quá trình thanh kiểm tra và cố tình tìm kiếm dấu hiệu vi phạm, mà thực chất có thể nói là sách nhiễu doanh nghiệp cho đến khi nộp đủ “chỉ tiêu”. Thêm vào đó còn có cả chi phí về thời gian. Theo báo cáo *Môi trường kinh doanh* của Ngân hàng Thế giới, thời gian cần để thực hiện các quy định về kê khai nộp thuế ở Việt Nam là 498 giờ. Thanh kiểm tra về thuế của Việt Nam không phải là kiểm tra mà thực chất là thẩm định lại. Thay vì tập trung vào kiểm tra, cán bộ thuế thường tập trung vào việc điều chỉnh căn cứ tính thuế của doanh nghiệp bằng cách loại bỏ khoản mục được khấu trừ, thay đổi mức giá, mà thường dựa trên cách hiểu khác về quy định hay những lỗi không cố tình do chưa hiểu đúng hay thiếu hiểu biết về luật.

Một số điều chỉnh căn bản về chính sách thuế được đề xuất:

- *Thay đổi nếp nghĩ*: Đảm bảo chất lượng cao trong quản lý thuế, như giảm gánh nặng thủ tục cho doanh nghiệp, nâng cao trách nhiệm giải trình, minh bạch từ phía cơ quan thuế mới thực sự là yếu tố giúp tăng nguồn thu.
- *Mở rộng các khái niệm về Nhiệm vụ/Định hướng/Giá trị*: Nhiệm vụ chung của Tổng cục Thuế (TCT) cần có sự cập nhật ngoài quản lý thu thuế, có sự liên hệ giữa quản lý thuế và các mục tiêu kinh tế-xã hội rộng lớn hơn. Chúng tôi đề xuất Việt Nam bổ sung “nâng cao năng suất và lòng tin vào nền kinh tế” và “nâng cao tín nhiệm” vào các quy định về nhiệm vụ/định hướng/giá trị của TCT
- *Luật định phải được kiểm chứng về mặt lô-gích*: Nền tảng của cơ chế quản lý thuế hiệu quả là từ luật pháp phải cho ra một kết luận duy nhất, khách quan, căn cứ trên cùng một hệ dữ kiện. Lưu đồ phù hợp cần có trong quy trình soạn thảo luật.

Phản hồi của Bà Vũ Thị Mai – Thứ trưởng Bộ Tài chính

Vấn đề thứ nhất là tái cơ cấu nợ công và tái cơ cấu thu chi ngân sách: Cần xem xét giữa thất chặt tài khóa với nhu cầu đầu tư hạ tầng ngày càng tăng. Hiện nay Chính phủ và Bộ Tài chính đang thực hiện Nghị quyết số 07 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 25 của Quốc hội về tái cơ cấu thu chi ngân sách nhà nước gắn với tái cơ cấu nợ công, đảm bảo xây dựng một nền tài chính quốc gia an toàn bền vững và đảm bảo an toàn nợ công. Chính phủ cũng như Bộ Tài chính cũng tính đến việc thu hút những nguồn lực từ xã hội để đầu tư cơ sở hạ tầng.

Vấn đề thứ hai liên quan đến cải cách hành chính của thuế và hải quan: Bộ Tài chính rất ủng hộ cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa hai ngành thuế hải quan mạnh mẽ. Tính đến nay đã có 99.8% số doanh nghiệp đã kê khai thuế điện tử và 97.8% doanh nghiệp đã nộp thuế điện tử. Năm 2018 này đặc biệt Bộ Tài chính đã chỉ đạo đẩy mạnh hoàn thuế điện tử và cho đến nay đã có 90.8% số doanh nghiệp đã tham gia hoàn thuế điện tử. Bộ Tài chính đang trình Chính phủ Nghị định về hóa đơn điện tử. Đối với cải cách thủ tục thuế và hải quan, hiện nay chúng tôi cũng đang xây dựng Nghị định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực tài chính và dự kiến Nghị định này cũng sẽ được trình trong Quý 4 của năm nay. Nghị định này sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho các doanh nghiệp trong giao dịch điện tử cũng như trong kinh doanh.

Hải quan: Năm 2018 sẽ đang và sẽ cơ bản cải cách quản lý hải quan tự động tại cảng biển với hi vọng sẽ tạo thuận lợi rất lớn cho cả doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, doanh nghiệp cảng, doanh nghiệp kinh doanh kho bãi. Hiện nay Bộ Tài chính đang chuẩn bị hội nghị một cửa

trình chính phủ và hội nghị của toàn quốc do thủ tướng chính phủ chủ trì về một quốc gia một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành. Sau hội nghị này Bộ Tài chính sẽ trình chính phủ một chương trình hành động thực hiện cải cách quốc gia một cửa, ban hành nghị định về 1 cửa quốc gia.

Nhận xét chung: Bộ Tài chính cũng đã có văn bản trả lời một số kiến nghị mà các đại biểu đã nêu. Đối với thương mại hay việc miễn thuế hoàn thuế đối với hàng nhập khẩu sau đó xuất khẩu hay về ưu đãi của doanh nghiệp thì những nội dung này Bộ tài chính cũng đã có văn bản trả lời và đề nghị các doanh nghiệp thực hiện theo quy định. Một số kiến nghị mà các doanh nghiệp đã nêu chúng tôi xin được ghi nhận và tiếp thu để nghiên cứu trong quá trình nghiên cứu sửa đổi chính sách, bao gồm kiến nghị về giá tính thuế lại phí trước bạ, về biến động 20% hay là cập nhật bảng giá, kiến nghị liên quan đến các vấn đề về quản lý thuế trong luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn, v.v. Hiện nay Bộ cũng đang nghiên cứu và dự thảo nghị định sửa đổi về nghị định Lệ phí trước bạ và dự thảo luật Quản lý thuế để trình Quốc Hội vào kỳ họp cuối năm nay.

Về các kiến nghị đề nghị tiếp tục nâng cao chất lượng quản lý thuế và hải quan, chúng tôi xin được ghi nhận tiếp thu các ý kiến này. Bộ cũng có đường dây nóng để các doanh nghiệp có thể phản ánh những hiện tượng hoặc là những những nhiều của cán bộ gây khó khăn. Bộ Tài chính cũng chỉ đạo Tổng cục thuế tổng cục hải quan xử lý nghiêm những cán bộ vi phạm.

Nhóm Công tác Ô tô & Xe máy - Ông Toru Kinoshita, Trưởng nhóm

Một thị trường tăng trưởng ổn định nên cần bao gồm cả sự cân bằng hợp lý của cả xe CKD và xe CBU. Để thực hiện và duy trì sự cân bằng, chúng ta nên cần tăng cường khả năng cạnh tranh của xe CKD và phân khúc xe mà thị trường nhỏ hơn có thể cũng được đáp ứng với các sửa đổi trong Nghị định 116. Nghị định này gần như đã ngừng toàn bộ việc kinh doanh xe nhập khẩu CBU của các nước phát triển trong 6 tháng vừa qua. Để phát triển công nghiệp ô tô và công nghiệp hỗ trợ ô tô cần thực hiện giải pháp đồng bộ dựa trên 3 nhóm chính sách trụ cột chính: 1) chính sách nhằm duy trì thị trường tăng trưởng ổn định và dài hạn, gồm cả việc hạn chế các tác động tiêu cực đến sự phát triển ổn định của thị trường (loại bỏ các quy định bất hợp lý trong Nghị định 116 và 140 của thuế sở hữu); 2) chính sách hỗ trợ để giảm chênh lệch chi phí sản xuất giữa xe CKD và xe CBU; và 3) chính sách và cơ chế phù hợp thực tiễn hơn nhằm thúc đẩy sự phát triển của các nhà cung cấp.

Để phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ, có một số vấn đề then chốt như sau:

- Thị trường hiện tại của Việt Nam là nhỏ và khối lượng sản xuất xe hơi thấp. Bên cạnh đó, thị trường biến động và lộ trình rõ ràng về thuế nhập khẩu 0% đối với xe CBU từ các nước châu Á từ năm 2018, rất khó cho các nhà cung cấp sản xuất các bộ phận cần đầu tư lớn.
- Chất lượng/chi phí/giao hàng (QCD) là vấn đề rất lớn đối với các nhà cung cấp của Việt Nam. Trên thực tế rất ít nhà cung cấp Việt Nam đáp ứng được tiêu chuẩn QCD để tham gia chuỗi cung cấp toàn cầu.
- Để phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ và tăng cường mối liên kết giữa các nhà sản xuất và nhà cung cấp CKD, các đề xuất chính như sau:

Đối với Chính phủ:

- Nên có ưu đãi đầu tư cho các nhà sản xuất và nhà cung cấp để họ có thể đầu tư máy móc nhằm nội địa hóa linh kiện, qua đó giúp giảm bớt tác động bất lợi của quy mô sản lượng thấp.
- Mời các nhà cung cấp linh kiện lớn tham gia vào các cuộc đối thoại về ngành ô tô và thường xuyên tổ chức các cuộc họp, sau đó cần báo cáo Thủ tướng thường xuyên hơn để cải thiện tính khả thi của chính sách ban hành.

Đối với các nhà cung cấp:

- Các nhà cung cấp cấp 2 và cấp 3 không nên đặt tham vọng “nhảy cóc” lên thành nhà cung cấp cấp 1 trong ngắn hạn mà nên tập trung đáp ứng các yêu cầu về QCD.
- Nên tham gia các chương trình kết nối cơ sở dữ liệu và kinh doanh, xây dựng thông tin giới thiệu công ty đầy đủ và hấp dẫn.

Đối với các nhà sản xuất ô tô:

- Giảm chi phí sản xuất của xe và nhà cung cấp. Hướng dẫn về việc tuyển chọn nhà cung cấp, các điều kiện tuyển chọn và danh sách các linh kiện sẽ nội địa hóa để các nhà cung cấp tiềm năng cân nhắc.
- Các nhà cung cấp trong nước có tiềm năng được giúp để nâng cao năng lực QCD như trình bày ở trên.

Phản hồi của Ông Nguyễn Văn Công – Thứ trưởng Bộ Giao thông Vận tải

Nghị định 116 và Thông tư số 03: Khi kiểm tra xe theo từng lô nhập khẩu, theo Nghị định số 116 và thông tư 03, mỗi lô hàng ô tô nhập khẩu phải kiểm tra thử nghiệm và mẫu ô tô đại diện cho từng kiểu loại ô tô trong lô xe nhập khẩu phải kiểm tra thử nghiệm. Việc kiểm tra thử nghiệm theo lô nhằm quản lý chặt chẽ chất lượng ô tô nhập khẩu, bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng. Trường hợp không thực hiện kiểm soát theo lô như quy định hiện nay sẽ có những bất cập:

Thử nghiệm an toàn và khí thải: Nếu chỉ thử nghiệm an toàn và khí thải ở lô hàng đầu tiên và các lô sau đó không phải kiểm tra thử nghiệm sẽ tạo ra kẽ hở để những các nhà nhập khẩu đưa hàng hoá kém chất lượng so với lô hàng đã thử nghiệm đạt chất lượng ở lần đầu tiên. Trong trường hợp, tỷ lệ mẫu xe không đạt là 5% nên buộc phải tái xuất ra nước ngoài theo quy định của Nghị định 116.

Nhập khẩu ô tô: Việc một doanh nghiệp nhập khẩu tiến hành nhập khẩu hàng loạt xe về và chỉ đăng ký kiểm tra cho 1 lô đại diện có thể là 1 xe duy nhất đã được doanh nghiệp chuẩn bị trước lựa chọn xe tốt nhất để cơ quan chức năng kiểm tra cấp giấy chứng nhận, sau đó doanh nghiệp tiếp tục đăng ký kiểm tra cho các lô nhập khẩu sau đó với số lượng không giới hạn trong một thời gian dài đến cả năm. Trường hợp này các cơ quan chức năng sẽ không kiểm soát được chất lượng khí thải an toàn và chất lượng linh kiện và các hệ thống trên xe của những xe nhập khẩu tiếp theo trong khoảng thời gian dài và đây chính là lỗ hổng lớn trong việc quản lý chất lượng xe nhập khẩu ảnh hưởng đến an toàn và quyền lợi của người tiêu dùng.

Giấy phép lái xe cho xe điện: Theo quy định pháp luật Việt Nam, không cần phải cấp giấy phép lái xe và các đối tác nước ngoài thì khuyến cáo chúng tôi là cần phải có bằng lái xe thì Bộ GTVT xin tiếp thu và sẽ nghiên cứu bổ sung khi sửa đổi Luật giao thông đường bộ 2008.

Xe ba bánh: Nhằm đảm bảo an toàn giao thông, Chính phủ cấm sản xuất và lưu hành xe ba bánh tại Việt Nam, ở đây chúng tôi muốn nói đến xe công nông và xe lam ba bánh. Đối với câu hỏi đề cập đến xe máy có bánh kép, bánh trước hai bánh hoặc bánh sau hai bánh kép, thể giới quy chung là xe máy thì Bộ GTVT xin tiếp thu xem xét khi sửa đổi quy chuẩn kỹ thuật về mô tô xe máy.

Thời gian chuyển tiếp khi nhập khẩu xe nguyên chiếc: Nghị định 116 đã nêu rất rõ ràng. Cho đến ngày 12 tháng 6 đã có 200 bộ hồ sơ nhập khẩu cho 103 kiểu loại ô tô và 7226 xe ô tô đã được cấp giấy chứng nhận ra thị trường tiêu thụ. Gần đây trên cơ sở kiến nghị của các bên, thường trực

chính phủ đã họp với các bộ ngành và Bộ GTVT đã kiểm điểm lại rất kỹ về tình hình thực hiện Nghị định này và cho rằng không phát sinh bất cứ một vướng mắc nào cả.

Nhóm Công tác Nông nghiệp – Ông David John Whitehead, Trưởng nhóm

Việc áp dụng Công nghệ thông tin (CNTT) và các giải pháp Công nghệ cao vào nông nghiệp là hữu ích, hiệu quả và hợp lý, vì nông nghiệp bền vững phải song hành cùng an toàn thực phẩm, môi trường bền vững và các cơ hội kinh tế. Để có thể đạt được những mục tiêu này, cần có sự thay đổi trong ngành nông nghiệp của các bên liên quan. Các yếu tố thành công chủ chốt trong sự thay đổi của ngành nông nghiệp trên toàn quốc bao gồm: lãnh đạo hiệu quả, các mô hình chiến lược và đầu tư, cũng như việc thay đổi các cấu phần như: tài chính, cơ sở vật chất, thể chế và giám sát.

Cách mạng Công nghiệp 4.0 (CMCN 4.0) là kỷ nguyên hội tụ của trí thông minh nhân tạo và công nghệ dữ liệu. CMCN 4.0 sẽ mang đến các thay đổi sâu sắc cho ngành nông nghiệp vốn là ngành thâm dụng lao động. Kết hợp trí thông minh nhân tạo và dữ liệu lớn (big data) sẽ giúp ngành nông nghiệp trở thành một ngành công nghệ cao có thể tự vận hành. Cụ thể hơn, Internet Vạn vật (IoT) sẽ đo độ ẩm, nhiệt độ và thời lượng nắng tại các trại, có thể kiểm soát từ xa thông qua các thiết bị cầm tay. Điều này không chỉ tăng sản lượng của trang trại, và còn gia tăng thêm giá trị sản phẩm. Việc quản lý và kiểm soát dịch bệnh trên heo là hiệu quả là điều cốt yếu để các sản phẩm thịt lợn của Việt Nam được chứng nhận xuất khẩu và được chấp nhận trên thị trường quốc tế. Bằng cách này, có thể sản xuất các sản phẩm tùy chỉnh để tối ưu hóa cung và cầu. Chúng tôi cần sự hỗ trợ của chính phủ trong việc thay đổi ngành nông nghiệp để thúc đẩy Việt Nam trở thành điểm sáng về ngành nông nghiệp, dựa trên Nông nghiệp – Nông dân thông minh.

Phản hồi của Ông Trần Kim Long, Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đồng ý với quan điểm nâng cao năng suất thông qua việc áp dụng khoa học công nghệ và kết hợp với các tiêu chuẩn quốc tế là các biện pháp quan trọng then chốt xuyên suốt trong quá trình phát triển nông nghiệp Việt Nam. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý đa ngành đa lĩnh vực gồm nhiều ngành đặc thù, các ngành đều được quản lý thực hiện theo các luật, theo các chiến lược, theo các định hướng dài hạn, kế hoạch ngắn hạn của từng ngành, và mỗi ngành cũng đều có các chương trình cụ thể để triển khai thực hiện. Cụ thể, mỗi ngành có 5 chương trình bao gồm 3 chương trình phát triển và 2 chương trình hỗ trợ.

Khoa học công nghệ và các tiêu chuẩn quốc tế đều được lồng ghép một cách bắt buộc vào cả năm chương trình này. Khoa học công nghệ cao đã được ứng dụng tạo ra các giống mới, năng suất cao. Thời gian qua Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn đã phối hợp chặt chẽ với các đối tác nước ngoài cùng nhau xây dựng các phương pháp cho đầu tư chuỗi giá trị ngành hàng, các mô hình sản xuất công nghệ cao và ứng dụng công nghệ tự động, bán tự động trong sản xuất. Nhiều doanh nghiệp đã đầu tư các dự án nông nghiệp công nghệ cao, trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và cách mạng công nghệ 4.0 đang tạo ra một cơ hội rất lớn cho việc nâng cao năng lực cạnh tranh, tái cơ cấu ngành năng lực phát triển nông thôn, nâng cao giá trị gia tăng cho ngành. Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn hiện đang được giao việc xây dựng và đưa ra các chính sách phù hợp đối với các lĩnh vực áp dụng cuộc cách mạng 4.0 này. Đối với những vấn đề do Hiệp hội thương mại Châu Âu và Nhóm Công tác Nông nghiệp đề ra như kháng kháng sinh, áp dụng đăng ký rủi ro trong việc đăng ký và sử dụng sản phẩm hay thiết lập hệ thống nhận diện và theo dõi vật nuôi cho phép truy xuất nguồn gốc, v.v, Bộ xin được ghi nhận các kiến nghị này và chúng tôi sẽ chuyển cho các cơ quan chức năng có liên quan để xử lý và sớm có phản hồi.

Phản hồi của Ông Trần Văn Tùng, Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

Quan điểm chỉ đạo của Chính phủ phải lấy doanh nghiệp làm trung tâm và phục vụ cho việc đổi mới công nghệ tại doanh nghiệp. Bộ Khoa học và Công nghệ cùng các bộ ngành lĩnh vực đưa ra nhiệm vụ đổi mới công nghệ tại doanh nghiệp và đặt hàng các viện nghiên cứu, trường đại học và các nhà khoa học trong cả nước. Kết quả sẽ giúp các doanh nghiệp đổi mới công nghệ tạo ra năng suất tạo ra chất lượng và sản phẩm có thể cạnh tranh ở trên thị trường trong nước và thế giới. Về việc sử dụng các kết quả của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, có rất nhiều công nghệ mới có thể ứng dụng được cho phát triển một nền công nghiệp sạch, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ. Ứng dụng các công nghệ đó vừa giúp sản xuất ra được các sản phẩm có năng suất chất lượng đảm bảo yêu cầu của thị trường trong nước, nhưng đồng thời đáp ứng các tiêu chuẩn để xuất khẩu. Việc này phải được thực hiện theo chuỗi để làm sao có thể kiểm tra đánh giá và có thể khẳng định được chất lượng đạt các tiêu chuẩn để xuất khẩu.

Sửa đổi thông tư 23 liên quan đến việc nhập khẩu máy móc thiết bị dây chuyền cũ đã qua sử dụng: Quan điểm của Đảng và Chính phủ khẳng định rằng Việt Nam không phải là một bãi thải công nghệ của thế giới. Việt Nam mong muốn tận dụng được những thế mạnh và những công nghệ mới, công nghệ hiện đại, công nghệ xanh, công nghệ thân thiện với môi trường giúp cho phát triển kinh tế của Việt Nam. Văn bản sửa đổi Thông tư 23 sắp tới sẽ ủng hộ các nhà sản xuất có thể nhập các dây chuyền phù hợp với mình về. Với điều kiện như vậy, các nhà sản xuất hoàn toàn có thể yên tâm có thể di chuyển các nhà máy và đầu tư vào Việt Nam giúp phát triển sản xuất của các ngành tại Việt Nam.

PHIÊN 2: GIẢI QUYẾT NHỮNG THÁCH THỨC VỀ CÔNG NGHỆ

Nhóm Công tác Giáo dục & Đào tạo - Ông Brian O'Reilly, Trưởng nhóm

Cách mạng công nghiệp 4.0 (CMCN 4.0) và những ảnh hưởng của công nghệ mới sẽ mang lại cả cơ hội lẫn thách thức tới vấn đề việc làm ở Việt Nam. Việc chuẩn bị nguồn nhân lực có hiệu quả trong môi trường mới này cần được thảo luận để giúp Việt Nam đạt được thành công về cả mặt xã hội và kinh tế. Một mặt sẽ có nhiều cơ hội hơn cho những lao động có trình độ cao nhưng đồng thời nhiều công việc đòi hỏi trình độ thấp sẽ bị loại bỏ. Vì vậy lực lượng lao động Việt Nam trong tương lai cần được cung cấp những kiến thức và kỹ năng cần thiết để có thể thành công trong môi trường mới này.

Nghị định 86: Nghị định 86 là một bước tiến lớn và giúp thúc đẩy đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực giáo dục và đưa những kiến thức và kỹ năng cần thiết vào Việt Nam để sẵn sàng với CMCN 4.0.

Giáo dục Hướng nghiệp và Dạy nghề: Dạy nghề và nâng cao cơ hội việc làm là một nội dung trọng tâm trong các mục tiêu phát triển của Chính phủ Việt Nam. Chính phủ cũng muốn điều chỉnh mạng lưới dạy nghề cho phù hợp hơn với nhu cầu của doanh nghiệp, công nghệ mới, cũng như tập trung hơn vào những kỹ năng cần thiết để đáp ứng hiệu quả nhu cầu của CMCN 4.0.

Nghị định dự thảo thay thế Nghị định 48: Đề nghị chính phủ có biện pháp huy động sự tham gia của không chỉ các doanh nghiệp lớn mà cả các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong và ngoài nước hiện chiếm đại đa số các doanh nghiệp. Việc thúc đẩy quá trình học hỏi lẫn nhau về các mô hình tốt trong việc hợp tác giữa các doanh nghiệp và cơ sở đào tạo nghề nên được khuyến khích. Bất kể vấn đề nào liên quan đến quá trình chuyển giao từ Bộ Giáo dục và Đào tạo sang Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội nên được thảo luận để đảm bảo quá trình chuyển giao nhịp nhàng và hiệu quả. Chính phủ Việt Nam nhận thức được yêu cầu phải tăng cường vai trò của khu vực kinh tế tư

nhân trong đào tạo nghề. Một giải pháp khả thi để huy động doanh nghiệp tham gia là thông qua việc khởi xướng những biện pháp hợp tác tích cực bởi các cơ sở đào tạo nghề.

Phản hồi của Ông Phạm Quang Hùng, Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Đào tạo công nghệ kỹ năng hướng tới công nghiệp hóa: Bộ GD & ĐT đã chỉ đạo đưa vào chương trình giáo dục phổ thông hiện hành. Xây dựng các chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh trong đó thì giáo dục STEM được chú trọng; Triển khai đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng giáo dục phổ thông từ 2018 đến 2025 và đã được chính phủ ký ban hành 14/5/2018.

Nâng cao chất lượng giáo dục đại học để chuẩn bị tốt nguồn nhân lực cho cuộc cách mạng 4.0: Hoàn thiện cơ chế chính sách phát triển giáo dục đại học trình chính phủ ban hành luật sửa đổi bổ sung một số điều luật giáo dục đại học theo hướng đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả tự chủ đại học, đổi mới quản trị và quản lý và đào tạo theo hướng tiệm cận chuẩn quốc tế, đổi mới quản lý nhà nước.

Nghị quyết 14 của Chính phủ về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục đại học năm 2016 – 2020: Bộ GD & ĐT đang rất tích cực đẩy mạnh việc kết nối các trường đại học với các doanh nghiệp. Trong đó Bộ phối hợp với các doanh nghiệp thực hiện rất nhiều các dự án chương trình tài trợ của nước ngoài và đề kết nối các doanh nghiệp với các trường đại học. Qua đây bộ giáo dục và đào tạo mong muốn có sự hỗ trợ giúp đỡ của cộng đồng doanh nghiệp, trong quá trình triển khai có vướng mắc gì chúng tôi rất mong muốn phối hợp với cả các cộng đồng doanh nghiệp để cùng tháo gỡ.

Nghị định 86 về cộng tác đầu tư với nước ngoài trong giáo dục: Rất cảm ơn Nhóm Công tác Giáo dục cộng và đồng doanh nghiệp, các nhà đầu tư, các chuyên gia giáo dục đã có đóng góp và phối hợp rất tích cực. Nghị định 86 tạo điều kiện cho các nhà đầu tư nước ngoài, mở rộng các hình thức hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục: cho phép liên kết giáo dục trực tuyến hoặc kết hợp giữa đào tạo trực tuyến và đào tạo trực tiếp; cho phép liên kết giáo dục với cơ sở giáo dục phổ thông tư thục của Việt Nam, và cho phép liên kết thi cấp chứng chỉ ngoại ngữ; cho phép các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài được thuê cơ sở vật chất ổn định và lâu dài; quy định về tỷ lệ sinh viên học sinh Việt Nam học chương trình giáo dục của nước ngoài trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông của đơn vị có vốn đầu tư nước ngoài từ 10 đến 20 % lên mức thấp hơn 50 % tổng số học sinh; quy định về số năm với giảng viên giảng dạy đại học, giảng dạy ngoại ngữ, trình độ giảng viên với các ngành đào tạo đặc thù. Cuối cùng là các thủ tục đầu tư đã được đơn giản hóa rất nhiều, trong đó có việc cho phép ứng dụng công nghệ thông tin để làm báo cáo với các cơ sở đầu tư từ nước ngoài.

Nhóm Công tác Nhân sự - Ông Colin Blackwell, Trưởng nhóm

Tốc độ thay đổi của công nghệ có tác động lớn đến lực lượng lao động. Tự động hoá nhanh chóng loại bỏ bất kỳ vai trò nào liên quan đến các quy trình lặp lại. Do đó, giáo dục và đào tạo là rất quan trọng để nâng cao kỹ năng đáp ứng các yêu cầu năng suất cao hơn mới này. Nếu bộ phận Nhân sự chỉ lấp đầy một chức năng quản trị thì hai điều sẽ xảy ra: họ sẽ bị thay thế bởi máy tính và sẽ không thể giúp đồng nghiệp của họ nâng cao năng suất lao động.

Một bộ phận Nhân sự hiện đại sẽ liên tục theo dõi các kỹ năng của nhân viên theo yêu cầu của công ty họ và đưa ra các chương trình để nâng cao kỹ năng của nhân viên. Nghề nhân sự nói chung đang được cải thiện tại Việt Nam thông qua việc chia sẻ các thực hành tốt nhất tại các câu

lạc bộ & hiệp hội nhân sự. Sự hỗ trợ của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội trong việc áp dụng thêm cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ thông qua việc thành lập Hiệp hội Nhân sự Quốc gia. Khối doanh nghiệp đầu tư nước ngoài thường đã & đang thực hiện việc nâng cao kỹ năng cho lực lượng lao động tốt nhất, nhưng Sở Kế hoạch và Đầu tư địa phương có thể hỗ trợ bằng cách cung cấp các tài liệu hướng dẫn và đào tạo có sẵn bằng tiếng Việt mà các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nước có thể sử dụng. Đào tạo nghề cũng rất cần thiết và cộng đồng doanh nghiệp hoan nghênh những cải cách gần đây của Bộ LĐTBXH trong lĩnh vực này. Chính phủ có thể hỗ trợ thêm bằng cách khuyến khích văn hoá và thói quen liên tục phát triển kỹ năng để nâng cao năng suất.

Phản hồi của Ông Lê Quân, Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Liên quan đến bốn sáng kiến đề cải thiện dạy nghề, thì đây chính là bốn vấn đề trọng tâm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang triển khai chỉ đạo và đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp:

- *Cho phép các trường chủ động trong thiết kế chương trình đào tạo theo đặt hàng của doanh nghiệp:* Hiện nay theo chương trình đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ quản lý và yêu cầu các trường tổ chức bốn môn giáo dục đại cương chung trong đó cả ngoại ngữ tin học là sáu môn. Phần còn lại của chương trình, Trường được chủ động liên kết và xác định chương trình đào tạo với doanh nghiệp, trong đó cho phép 70 % chương trình được đào tạo thực hành và có 40 % chương trình có thể do doanh nghiệp đảm nhận. Bộ cũng đã ký kết với VCCI, với một loạt các hiệp hội bán lẻ, hiệp hội logistics và ký kết với 15 tập đoàn lớn của Việt Nam, các tập đoàn tư nhân của Việt Nam để đào tạo đặt hàng cho doanh nghiệp khoảng 150,000 chỉ tiêu.
- *Cải thiện quy trình tuyển sinh và đảm bảo chất lượng:* Năm nay Bộ vừa ra mắt ứng dụng trên điện thoại di động cho phép kết nối 800 trường nghề và hơn 800 nghề cho phép người học có thể phân tích lựa chọn từng nghề và có thể đăng ký học tập trực tuyến. Để đảm bảo chất lượng theo quy trình, Nghị định 49 đã được ban hành về kiểm định chất lượng giáo dục và đây là nghị định đầu tiên của Việt Nam về kiểm định chất lượng giáo dục. Ngoài ra, Bộ cũng đã ban hành thông tư 28 về đảm bảo chất lượng để triển khai làm tốt quy trình về đảm bảo chất lượng của các trường.
- *Khung trình độ quốc gia:* Bộ đã đàm phán triển khai chương trình 9+3, 9+4, 9+5 cho phép học sinh học hết cấp II có thể liên thông lên đến đại học. Chương trình này liên kết giữa Bộ LĐTBXH và Bộ Giáo dục để trình Chính phủ và cũng sẽ liên thông với ASEAN+4, ASEAN và các nước OECD. Bộ triển khai các chương trình hợp tác quốc tế để chuẩn hóa các chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.
- *Lĩnh vực nhân sự:* Bộ rất quan tâm đến các Hiệp hội nhân sự và hỗ trợ các công ty tư vấn nhân sự để tổ chức rất nhiều các hoạt động như là xếp hạng các doanh nghiệp có môi trường làm việc tốt nhất, xếp hạng các doanh nghiệp có công tác đãi ngộ tốt nhất.

Nhóm Công tác Y tế - Ông Ngô Văn Huy, Đại diện

Trong bối cảnh ngành Y tế thế giới đang thay đổi nhanh chóng và tích hợp công nghệ kỹ thuật số và trí tuệ nhân tạo (AI), điều này đã tạo ra những cơ hội lớn lao cho những cải cách và đổi mới trong tất cả khía cạnh của chuỗi giá trị của ngành Y tế. Việt Nam có tiềm năng để phát triển ngành khoa học đời sống giá trị cao và tự vận hành một cách bền vững tạo điều kiện cho người bệnh tại Việt Nam có thể tiếp cận một cách nhanh chóng và bền vững những phương pháp điều trị an toàn và chất lượng cao bằng sự hợp tác chặt chẽ giữa khu vực công và khu vực tư nhân. Sự

hợp tác này cũng gửi một thông điệp mạnh mẽ để thu hút nguồn vốn FDI và các dự án theo mô hình Hợp tác Công-Tư (PPP), và điều này, sẽ đem lại những cơ hội để phát triển năng lực tại các địa phương. Việt Nam cần tập trung vào mô hình chăm sóc chuyên nghiệp tại nhà, không chỉ tạo điều kiện cho người bệnh tiếp cận phương pháp điều trị, mà còn giúp giải quyết tình trạng quá tải của các bệnh viện và giảm mức chi tiêu công cho việc điều trị các bệnh mãn tính

Thông qua những buổi đối thoại với Chính phủ, một hệ sinh thái bền vững giá trị cao trong ngành y tế phù hợp với định hướng chiến lược trong dài hạn của Chính phủ Việt Nam. Các doanh nghiệp đa quốc gia trong ngành có thể tạo ra giá trị và tăng trưởng của Việt Nam thông qua các dự án PPP trong nghiên cứu, giải pháp sáng tạo, sản xuất, và chuyển giao công nghệ. Điều này đòi hỏi phải có sự hiện diện mạnh mẽ của ngành Y tế quốc tế tại Việt Nam, với một khung pháp lý rõ ràng và có tính đoán định, những ưu đãi khuyến khích sự tự tin của khu vực tư nhân và các nhà đầu tư tiềm năng. Hơn nữa, hướng đến việc người bệnh tại Việt Nam có thể tiếp cận một cách nhanh chóng và bền vững những phương pháp điều trị an toàn và chất lượng cao, chúng tôi đề xuất và ủng hộ mạnh mẽ việc Chính phủ Việt Nam tối ưu hóa các thủ tục hành chính cũng như có một lộ trình phát triển ngành rõ ràng dưới sự chỉ đạo của Nhóm Công Tác Liên Bộ Cấp Cao. Thêm vào đó, với tầm nhìn về một ngành Y tế Việt Nam phát triển nhanh chóng, những tiêu chuẩn đạo đức và việc tuân thủ các quy định pháp luật cần được bảo đảm. Chúng tôi kiến nghị Bộ Y tế hỗ trợ trong việc thúc đẩy quảng bá việc hợp tác về các tiêu chuẩn đạo đức giữa các doanh nghiệp trong ngành, đặc biệt là các công ty đa quốc gia, trong việc tuân thủ và thực hiện theo bộ quy tắc quốc tế của ngành y tế tại Việt Nam cũng như trong các hoạt động tương tác với cơ quan liên quan đến Chính phủ.

Phản hồi của Ông Trương Quốc Cường, Thứ trưởng Bộ Y tế

Bộ Y tế ghi nhận kiến nghị phát triển ngành công nghiệp sức khỏe giá trị cao và bền vững, chăm sóc sức khỏe tại nhà giúp giảm tải bệnh viện và chăm sóc tốt hơn các bệnh nhân mãn tính, các tiêu chuẩn đạo đức cũng như bộ quy tắc ứng xử của y tế.

Thứ hai, việc kiến nghị liên quan đến Nghị định 09 về tăng cường vi chất dinh dưỡng và thực phẩm: với đề nghị bỏ cụm từ “muối iốt phải được sử dụng trong quá trình chế biến thực phẩm”, Bộ Y tế đang đánh giá nghiên cứu dựa trên các bằng chứng khoa học và cũng như khuyến cáo của Tổ chức y tế thế giới dự kiến sẽ trình vào quý 3 năm 2018.

Thứ ba, các kiến nghị liên quan đến lĩnh vực dự phòng và các quy định của nghị định 54 Hướng dẫn của dược, Bộ y tế ghi nhận và tiếp tục xem xét. Việc bảo lưu quyền phân phối dược phẩm trong lĩnh vực phân phối là phù hợp với cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO. Kể cả nội dung về vận chuyển cũng như nhận bảo quản về dược phẩm. Về kiến nghị cho phép tăng cường tiếp cận thị trường, Bộ Y tế sẽ nghiên cứu cụ thể trong nhóm nội dung của luật dược và Nghị định 54. Hiện nay Bộ y tế cũng đã báo cáo với Bộ tư pháp để trình chính phủ.

Thứ tư, các kiến nghị liên quan đến dự thảo luật phòng chống tác dụng, tác hại của rượu bia: Bộ Y tế và các cơ quan sẽ ghi nhận để xử lý trong quá trình dự thảo và trình Quốc Hội vào 10/2018.

Thứ năm, các kiến nghị về tăng cường vận hành các mô hình PPP của Nhóm công tác y tế, hiện nay chính phủ đã ban hành nghị định 63/2018 về đầu tư theo hình thức PPP và Bộ y tế đang xây dựng hướng dẫn để triển khai mô hình này trong lĩnh vực y tế. Hiện nay hệ thống y tế của Việt Nam chủ yếu là công lập, cho nên cần quan tâm môi trường đầu tư kinh doanh để phát triển khu vực tư nhân để tạo tiền đề cho các mô hình PPP trong tương lai. Đồng thời hiện nay Bộ Y tế đang rà soát sửa đổi nghị định 85 của Chính phủ về quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp y tế công lập và thúc đẩy thực hiện các chính sách xã hội hóa.

Nhóm Công tác Khoáng sản - Ông Bill Howell, Trưởng nhóm

Những thách thức mà hầu hết tất cả các doanh nghiệp khai khoáng Việt Nam hiện đối mặt bao gồm “công nghệ lạc hậu, mức độ cơ giới hóa thấp, cơ sở hạ tầng yếu kém, nguồn nhân lực dồi dào nhưng năng suất thấp, sử dụng năng lượng quá mức, rủi ro an toàn vẫn ở mức cao và vấn nạn ô nhiễm môi trường”. Để giúp cho ngành khai khoáng trở nên hiệu quả hơn, năng suất cao hơn, an toàn hơn và thân thiện, bền vững với môi trường hơn, cần thúc đẩy việc giới thiệu các công nghệ hiện đại, các đổi mới công nghệ và các thông lệ tốt nhất trên thế giới thông qua đầu tư nước ngoài và liên doanh.

Tuy nhiên, các quy định về khoáng sản chưa ổn định tại Việt Nam và thuế suất, thuế xuất khẩu và các chi phí khác quá cao so với các nước khác, là tác nhân lớn làm giảm đầu tư, dẫn tới việc phần lớn các hoạt động khai khoáng hiện hiện tại Việt Nam không sinh lời hoặc rất ít lợi nhuận. Hệ lụy kéo theo là sự gia tăng các hoạt động khai thác khoáng sản kém hiệu quả, lãng phí và sự xuống cấp của các nguồn tài nguyên khoáng sản cũng như môi trường tại Việt Nam, tăng tình trạng khai thác và xuất khẩu khoáng sản trái phép, trốn thuế. Mặc dù mục tiêu cuối cùng của bất kỳ hệ thống thuế khai khoáng nào là đảm bảo lợi ích tốt nhất có thể cho Chính phủ và người dân Việt Nam, điều này không thể đạt được nếu các mỏ bị buộc phải đóng cửa vì chúng không thể hoạt động sinh lời theo một cách bền vững, thân thiện với môi trường và có trách nhiệm.

Để giải quyết các vấn đề này, Nhóm Công tác Khoáng sản kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ và Văn phòng Chính phủ, với sự phối hợp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đề:

- Nghiên cứu sửa đổi quy định về khoáng sản để đưa ra chế độ tăng tính cạnh tranh, thân thiện với nhà đầu tư, bao gồm việc xây dựng các mức thuế hợp lý, công bằng cho cả Chính phủ lẫn nhà đầu tư, đảm bảo tính nhất quán, ổn định lâu dài của các chính sách về khai thác khoáng sản.
- Tăng cường hợp tác hiệu quả hơn giữa các bộ và ban ngành của Bộ Tài nguyên Môi trường, Bộ Công thương và Bộ Tài chính cấp trung ương và địa phương để thống nhất cách hiểu về các quy định liên quan đến ngành khai khoáng tại Việt Nam, hiểu rõ ích lợi của FDI, các quy trình và điều kiện khuyến khích đầu tư để thu hút FDI.

Phản hồi của Ông Mai Thế Toàn, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Thanh tra, Cục Môi trường Việt Nam - Bộ Tài nguyên và Môi trường

Các công cụ quản lý về môi trường, an toàn xã hội, kinh tế trong lĩnh vực khai khoáng còn chưa đồng bộ, thống nhất trong hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam. Về kiến nghị về các chính sách về thuế, phí trong ngành khai khoáng, Bộ Tài chính sẽ có nghiên cứu và trả lời theo đúng chức năng. Về kiến nghị tăng cường sự hiểu biết, thống nhất quan điểm, khái niệm, ... giữa các bộ ngành, giữa trung ương và địa phương, Bộ Tài nguyên và Môi trường xin ghi nhận sẽ có trách nhiệm báo cáo và xem xét những văn bản nào cần thiết phải báo cáo lên Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ và Quốc hội để sửa đổi, hài hòa hóa sân chơi này theo kinh nghiệm chung của quốc tế.

Đối với lĩnh vực khai khoáng, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang chịu trách nhiệm rất nhiều lĩnh vực có liên quan, trong đó có hai luật quan trọng: Luật Khoáng sản và Luật Bảo vệ môi trường. Riêng về lĩnh vực bảo vệ môi trường, hiện nay Bộ đã có kế hoạch xây dựng và sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường 2014 theo xu hướng phát triển đảm bảo hài hòa lợi ích giữa nhà đầu tư và Chính phủ, cộng đồng dân cư nơi có hoạt động khoáng sản. Trong thời gian tới, Bộ sẽ có kiến nghị để hình thành bộ tiêu chí phát triển bền vững cho từng dự án mỏ cụ thể và ưu tiên khuyến khích những dự án có công nghệ khai thác chế biến sâu, hiện đại, thân thiện môi trường. Theo chủ trương, ngành khai khoáng không hạn chế nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là các nhà đầu tư có

kinh nghiệm, có tiềm lực trong vấn đề chế biến sâu và xử lý môi trường, kể cả chất thải phát sinh từ ngành khai khoáng. Bộ cũng mong muốn các nhà đầu tư, các tổ chức quốc tế hỗ trợ về mặt kỹ thuật cho Việt Nam xây dựng một mô hình quản lý khai thác bền vững trong lĩnh vực khoáng sản, trong đó tập trung vào công tác an toàn, bảo vệ môi trường, an sinh xã hội để có thể thực hiện thí điểm cho một dự án nào đó ở Việt Nam.

PHIÊN 3 – TĂNG TRƯỞNG TÀI CHÍNH BỀN VỮNG

Nhóm Công tác Ngân hàng - Ông Nirukt Sapru, Trưởng nhóm

Để thúc đẩy tăng trưởng bền vững của nền kinh tế Việt Nam, cung cấp vốn tín dụng và dịch vụ tài chính tốt, Nhóm công tác ngân hàng (NCTNH) kính đề nghị Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) tiếp tục áp dụng chính sách phân bổ tăng trưởng tín dụng theo lĩnh vực và phân bổ tăng trưởng tín dụng căn cứ trên các thể mạnh, năng lực của từng tổ chức tín dụng, trong đó có Hệ số bảo đảm an toàn vốn, thay vì áp dụng một hạn mức cho toàn hệ thống. NCTNH cũng hỗ trợ Chính phủ và NHNN tiếp tục tập trung vào việc điều chỉnh cơ cấu vốn và củng cố ngành tài chính để giảm quy mô ngành về một số ít các ngân hàng có chất lượng.

NCTNH mong chính phủ tiếp tục quan tâm đến các vấn đề về số hóa nền kinh tế trong nước và chủ động, đồng bộ xây dựng khung pháp lý để hỗ trợ nền kinh tế công nghệ số phát triển, trong đó có vấn đề về hệ thống nhận diện sinh trắc học quốc gia. Có bốn vấn đề lớn còn tồn đọng liên quan đến nhiều bộ ngành. Tại diễn đàn VBF hôm nay, chúng tôi đề nghị chính phủ hỗ trợ trong việc tăng cường phối hợp hoạt động để nhanh chóng tìm ra giải pháp.

- Vấn đề thứ nhất là yêu cầu phải có chữ ký ‘tươi’, chữ ký và nhận xét của Kế toán trưởng trên các chứng từ kế toán. Đây là quy định của Chế độ kế toán và có ảnh hưởng lớn đến quan hệ giữa chủ thể với chủ thể và giải pháp sử dụng cổng thông tin điện tử giữa khách hàng và ngân hàng. NCTNH đề nghị Bộ Tài chính xem xét, cập nhật về vấn đề này để hỗ trợ quá trình số hóa nền kinh tế.
- Vấn đề thứ hai là đồng bộ giữa luật ngân hàng và các luật khác. NCTNH hiểu rằng các luật định về ngân hàng được ban hành dựa trên các luật cơ sở như Luật dân sự. Nhưng điều này lại gây khó khăn khi thực hiện việc mở tài khoản cho đối tượng không phải là pháp nhân. Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét và đưa ra hướng dẫn về vấn đề này theo các điều khoản của Bộ luật dân sự, để theo đó NHNN sửa đổi Thông tư 32.
- Vấn đề thứ ba là sửa đổi các điều khoản về bù trừ xử lý nợ của Luật Phá sản để tạo điều kiện cho Việt Nam trở thành một đầu mối thực hiện bù trừ cho các giao dịch tài chính. Như vậy sẽ giảm được chi phí vốn, tăng cường quản trị rủi ro cũng như giúp chính phủ đẩy nhanh việc thực hiện định hướng phát triển thị trường phái sinh của Việt Nam. NCTNH mong nhận được sự hỗ trợ của NHNN để hướng dẫn những bộ ngành liên quan khẩn trương giải quyết vấn đề này và NCTNH sẽ sẵn sàng chia sẻ những thông lệ quốc tế và hỗ trợ khi cần thiết.
- Cuối cùng, một giải pháp về điều chuyển vốn nội bộ để bảo đảm quản lý vốn lưu động và các giải pháp về thanh khoản đối với đầu tư FDI. NCTNH đã tổ chức hai cuộc hội thảo với NHNN về vấn đề này và nhân đây xin đề nghị Chính phủ giao cho các bộ liên quan như Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, và Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành các quy định cần thiết để thực hiện những giải pháp này.

Phản hồi của Ông Nguyễn Kim Anh, Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã phối hợp chặt chẽ với Nhóm Công Ngân hàng nhằm xử lý các vấn đề được nêu ra. Tuy nhiên, có những vấn đề, từ góc độ quản lý ngành ngân hàng, cần phải xem xét và cân nhắc nhiều yếu tố khác nhau để đảm bảo mục tiêu an toàn hệ thống. Có những vấn đề đòi hỏi sự hợp tác với các bộ, ngành liên quan nên cần có thời gian để xử lý. Đối với 4

vấn đề mà NCT Ngân hàng đã nêu: 1) phát triển các sản phẩm quản lý dòng tiền, điều chuyển vốn của các tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam, 2) quy định về nội dung chữ ký trên chứng từ điện tử, 3) chủ thể của các đối tượng mở tài khoản thanh toán theo Bộ luật Dân sự Việt Nam, 4) quy định về bù trừ nghĩa vụ trong Luật phá sản. Các vướng mắc này liên quan đến các quy định của Bộ Luật Dân sự, Luật Kế toán, Luật Phá sản, v.v. NHNN đã trao đổi và làm việc kỹ thuật với NCT Ngân hàng và cũng đã thống nhất trong thời gian tới, Nhóm sẽ trao đổi, làm việc với các cơ quan, bộ, ngành liên quan để giải quyết các vướng mắc, làm rõ trách nhiệm của các bên. Qua đó, NHNNVN sẽ có cơ sở phối hợp với Nhóm để giải quyết dứt điểm các nội dung mà Nhóm đã nêu. Đối với một số vấn đề khác được nêu trong diễn đàn cũng như trong tài liệu của diễn đàn, NHNN xin ghi nhận và tích cực phối hợp với các bộ, ngành chức năng để nghiên cứu và xử lý.

Nhóm Công tác Thị trường Vốn - Ông Dominic Scriven, Trưởng nhóm

Nhiều nhà đầu tư trong nước lo ngại trước rủi ro các nhà đầu tư nước ngoài tháo chạy. Trong 6 tháng đầu năm, các nhà đầu tư nước ngoài rút 5,6 tỉ USD khỏi thị trường Thái Lan, 3,7 tỉ USD khỏi Indonesia, 1,6 tỉ USD khỏi Philipin, nhưng lại đổ 1,5 tỉ USD đầu tư vào Việt Nam. Điều này cho thấy nhà đầu tư nước ngoài vẫn còn lòng tin vào Việt Nam. Xét về giá trị doanh nghiệp của Việt Nam thì theo chúng tôi chỉ số PE của năm nay sẽ vào khoảng 10, 11 hay 12 lần, và khả năng gia tăng lợi nhuận của doanh nghiệp (EPS) là trên 25%. Mặt bằng giá chung của các công ty niêm yết tại Việt Nam vẫn khá hấp dẫn. Thị trường vốn Việt Nam đã tăng trưởng đáng kể trong mấy năm qua, cả về tổng giá trị vốn hóa của thị trường trái phiếu và thị trường cổ phiếu, từ 70 tỉ USD lên 200 tỉ USD. Thứ hai, tổng giá trị giao dịch hàng ngày của hai thị trường này tính đến cuối năm hay đầu năm sau sẽ có thể vượt 1 tỉ USD/ngày. Tổng số vốn huy động được cho các đơn vị phát hành/doanh nghiệp trong nước đạt 5-10 tỉ USD/năm, trong đó tính từ đầu năm đến nay, số vốn mới đã huy động được đạt 4 tỉ USD.

Nhóm Công tác có bốn khuyến nghị:

- *Luật chứng khoán mới*: Cần công bố bản dự thảo để các thành viên thị trường cho ý kiến, đóng góp. Luật Chứng khoán mới cần khẳng định đây là luật chính điều tiết các công ty niêm yết, và cần sửa luật để giải quyết một số quy định mâu thuẫn giữa Luật Chứng khoán và Luật Đầu tư, như cơ chế room cho nhà đầu tư nước ngoài, cũng như xác định rõ quyền hạn điều tra vi phạm của UBCKNN.
- *Xây dựng hệ sinh thái cho các nhà đầu tư tổ chức trong nước*: Ngân hàng Nhà nước nên xem xét lại quy định đối với ngân hàng liên quan đến các hoạt động giám sát và lưu ký theo hướng linh hoạt hơn, mở rộng đối tượng những sản phẩm tài chính để có thể phân phối đến lượng nhà đầu tư nhiều hơn, cho phép ngân hàng thương mại đăng ký thực hiện một dịch vụ mới là phân phối sản phẩm tài chính cho nhà đầu tư.
- *Thời gian quan tâm đến IPO của doanh nghiệp nhà nước*: Chẳng hạn, trong kế hoạch IPO của Công ty Kiểm định Dầu khí, đã thực hiện định giá năm 2015, đấu giá vào đầu năm 2018, nhà đầu tư đã thanh toán tiền mua cổ phần vào tháng 2/2018, nhưng mãi đến tháng 7/2018 mới tổ chức đại hội cổ đông lần đầu. Có nghĩa là nhà đầu tư đã trả tiền mua cổ phần từ tháng 2 nhưng đến tháng 7 mới được công nhận là cổ đông.
- *Thị trường trái phiếu doanh nghiệp*: Để phát triển thị trường này cần sớm thành lập tổ chức xếp hạng tín nhiệm đầu tiên của Việt Nam nhằm tạo thuận lợi cho việc chào bán ra công chúng cũng như chào bán riêng lẻ khi phát hành trái phiếu.

Phản hồi của Ông Phạm Hồng Sơn, Phó Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Dưới sự chỉ đạo của Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã trực tiếp làm việc với Nhóm Công tác Thị trường Vốn qua các cuộc họp và đã có sự thống nhất cao về các vấn đề được nêu

Với 4 kiến nghị của Nhóm, UBCKNN xin phản hồi như sau:

- Về Luật Chứng khoán, hiện nay đang trong quá trình soạn thảo. Theo chương trình của Quốc Hội, tháng 5/2019 UBCKNN sẽ trình xin ý kiến Quốc Hội và Quý 3/2018 Bộ Tài chính sẽ trình Chính phủ. Hiện nay, UBCKNN đang cùng các chuyên gia trong và ngoài nước dự thảo và có thể đầu tháng 8/2018 sẽ công bố để lấy ý kiến rộng rãi từ cộng đồng doanh nghiệp.
- Đối với những nội dung về luật, mặc dù dự thảo chưa công bố nhưng UBCKNN và Nhóm Công tác Thị trường Vốn đã có những trao đổi về mặt kỹ thuật của dự thảo sơ bộ.
- Về vấn đề IPO, UBCKNN ghi nhận và sẽ xem xét thêm. Các doanh nghiệp thực hiện IPO xong, theo quy định của Luật Chứng khoán, thì cần phải đăng ký niêm yết và giao dịch luôn. UBCKNN sẽ cố gắng để áp dụng quy định này tốt nhất để tránh thiệt hại cho nhà đầu tư góp vốn mua.
- Về nâng hạng thị trường, Chính phủ Việt Nam cam kết đối với việc thu hút dòng vốn nước ngoài, đặc biệt là dòng vốn nước ngoài vào thị trường chứng khoán. Những tiêu chí chính về nâng hạng thị trường như quy mô, tính minh bạch của thị trường, các chỉ tiêu về công bố thông tin, về mặt cơ bản thị trường chứng khoán của Việt Nam đã đáp ứng. Trong thời gian tới, UBCKNN sẽ cải thiện thêm một số tiêu chí mang tính định tính để đưa thị trường chứng khoán Việt Nam từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi, qua đó làm tăng tính hấp dẫn và thu hút dòng vốn ngoại.
- Liên quan đến phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp, hiện nay, Bộ Tài chính đang giao các đơn vị trong Bộ để thực hiện. UBCKNN sẽ trình Chính phủ để ban hành nghị định trái phiếu doanh nghiệp. Về vấn đề công ty tổ chức định mức tín nhiệm, hiện nay, Bộ Tài chính đã cấp phép cho 01 công ty định mức tín nhiệm để từ đó phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp.

Nhóm Công tác Điện và Năng lượng – Ông John Rockhold, Trưởng nhóm

VBF mong muốn tham gia vào quá trình phân tích, đóng góp cho việc xây dựng Tổng sơ đồ điện quốc gia 8 (Power Master Plan 8 – PMP8). Một vấn đề chính trong phát triển PMP8 là việc khuyến khích và thiết lập liên kết giữa nguồn tài chính/ công nghệ quốc tế với kinh nghiệm của các ngân hàng/doanh nghiệp trong nước, và phát triển một thị trường thu hút các tập đoàn lớn cũng như các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Tại Hội nghị Năng lượng Châu Á-Thái Bình Dương năm 2018, Việt Nam được đánh giá là đứng đầu trong khu vực về tiềm năng đầu tư trong tương lai, nhưng cũng đứng đầu trong việc các Hợp đồng Mua bán Điện và Năng lượng và Mô hình Hợp tác Công-Tư (PPP) không có khả năng vay vốn theo đánh giá của các nhà đầu tư Việt Nam và quốc tế với lý do như sau:

- Không có một khuôn khổ rõ ràng trong việc phân bổ rủi ro giữa chính phủ và khu vực tư nhân và quản lý các khoản nợ tiềm ẩn liên quan
- Sự miễn cưỡng của Chính phủ trong việc hỗ trợ pháp lý đầy đủ đặc biệt đối với quy đổi ngoại tệ, các điều khoản về chấm dứt và cắt giảm, tính tin cậy của tín dụng
- Việc mua và thương thảo của PPP
- Việt Nam chưa phát triển thành công các chính sách đầu tư sản xuất điện tương tự đã được áp dụng ở các nước ASEAN khác về sự tham gia của Khu vực Tư nhân.

Nhóm Công tác có thể đóng góp vào quá trình quy hoạch điện và năng lượng:

- Phân tích chính xác về tình hình thị trường điện hiện nay tại Việt Nam/ASEAN.
- Định lượng các Nguồn tài chính: những gì hiện có và những điều kiện gì đang áp dụng.

- Một đối tác trong việc đảm bảo an ninh năng lượng tại một thị trường điện cần thu hút 56 tỉ đô-la Mỹ đầu tư sản xuất điện trước 2030.

Những cơ hội đã bỏ lỡ:

- Nhóm Đối tác Năng Lượng Việt Nam: không có đối tác khu vực tư nhân
- Nhóm Công tác về Hợp đồng Mua bán Điện Trực tiếp: không có đại diện khu vực tư nhân; doanh nghiệp tư nhân tại Việt Nam có khả năng đầu tư, phát triển, thực thi và vận hành không được tham gia quá trình phát triển chính sách Việt Nam.
- Sự sẵn sàng trong Hỗ trợ Tài chính Khí hậu: không có vai trò rõ ràng cho khu vực tư nhân.
- Tổng sơ đồ điện 8: sự đóng góp của khu vực tư nhân vào việc thiết kế và thực thi kế hoạch là rất cần thiết.

Kiến nghị: tạo điều kiện cho VBF và các nhóm đại diện khu vực tư nhân trong nước và nước ngoài tham gia vào quá trình xây dựng chính sách và bắt đầu sự Phát triển thông qua Quan hệ Đối tác Khu vực Tư Nhân.

PHIÊN 4 – BẾ MẠC

World Bank – Mr. Ousmane Dione, Country Director

Bốn thách thức mà thế giới đang phải đối mặt, trong đó Việt Nam cũng có phần chịu ảnh hưởng, có thể nêu vắn tắt bằng 4 từ chính viết tắt tiếng Anh là ‘VUCA’ sau đây:

- *Có chỗ yếu:* có thể thấy qua chính sách bảo hộ và dân tộc chủ nghĩa
- *Thiếu ổn định:* thương mại toàn cầu đang đứng trước thử thách lớn
- *Phức tạp:* chính trị đang định hình thế giới và môi trường kinh doanh ra sao
- *Thiếu rõ ràng:* quy trình ra quyết định có thể thay đổi như thế nào.

Là một nền kinh tế mở, Việt Nam không được phép đánh giá thấp 4 yếu tố này. Thay vào đó, Việt Nam cần mạnh mẽ và tiếp tục nâng cao năng suất, năng lực cạnh tranh trong một chính thể. Mỗi liên kết giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI có thể coi là các bộ phận của một cơ thể, tập trung vào 3 bộ phận: đầu, trái tim và cánh tay. Có 3 loại liên kết sau đây:

- *Đầu*, tức là *Sự lãnh đạo*: Việt Nam cần tiếp tục tăng cường cải cách để cải thiện thể chế, tháo gỡ những vướng mắc chính, quản lý, phân bổ rủi ro tốt hơn, nhằm tiếp tục nâng cao sức hấp dẫn và năng lực cạnh tranh, đồng thời chú trọng hiệu quả thực thi, giám sát.
- *Trái tim*, nghĩa là *Đi trước đón đầu*: Đây là điểm trọng tâm của các mối liên kết. Đổi mới, tri thức, chất lượng doanh nghiệp trong nước sẽ là những yếu tố quan trọng. Công nghệ, tự động hóa sẽ là những động lực cần thiết. Doanh nghiệp trong nước phải tìm cách nâng cao năng lực cạnh tranh.
- *Cánh tay*, nghĩa là *Tận dụng nguồn lực*: Đây là cơ hội để tận dụng nguồn vốn con người, làm thế nào để xây dựng những kỹ năng phù hợp cho những doanh nghiệp phù hợp. Tận dụng nguồn lực cũng có nghĩa là huy động vốn cho các đơn vị liên kết, nhất là trong tình hình cơ sở vật chất không đổi và sự tham gia của thành phần kinh tế tư nhân đóng vai trò quan trọng. Tận dụng nguồn lực còn là kết nối các lĩnh vực trong nước như năng lượng, giao thông vận tải, nông nghiệp, kinh doanh nông phẩm.

Cần phải có quy hoạch cụ thể, có lộ trình trong đó xác định rõ các vướng mắc và chính sách tháo gỡ, dự kiến quả đạt cần đạt được, kết quả đó là gì. Cần có lộ trình triển khai. Đây cũng là nội dung mà VBF và chính phủ cần phối hợp, kết nối để cùng nhau giải quyết.

Liên minh Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam – Ông Vũ Tiến Lộc, Đồng Chủ tịch

Chúng tôi mong muốn Chính phủ tiếp tục cải cách, như đối với Nghị quyết 01, 19, 35 để phấn đấu đưa Việt Nam trở thành một trong 4 nước có năng lực cạnh tranh tốt nhất trong khu vực ASEAN. Chúng tôi rất mong muốn Chính phủ sẽ tiếp tục đẩy mạnh chương trình hội nhập mạnh mẽ, đặc biệt là thực hiện CP TPP cũng như Hiệp định Thương mại Việt Nam tự do Việt Nam - EU (EV-FTA), tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của doanh nghiệp và tạo động mới cho nền kinh tế. Chúng tôi đề nghị các bộ, ngành sẽ tiếp tục phối hợp với các nhóm công tác và các phòng thương mại để tiếp tục đối thoại và giải quyết những vấn đề được nêu tại hội nghị này và những vấn đề được tiếp tục nêu trong thời gian tới. VBF không phải chỉ là diễn đàn mỗi năm 2 lần, mà VBF là diễn đàn hoạt động trong cả 365 ngày trong năm.

Để hình thành được các chuỗi giá trị có trách nhiệm của các FDI tại Việt Nam với các doanh nghiệp tư nhân trong nước, chúng tôi đề nghị Chính phủ tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của Việt Nam và năng lực cạnh tranh theo các xếp hạng của Ngân hàng Thế giới và Diễn đàn Kinh tế Thế giới. Để tăng cường sự kết nối giữa FDI với các doanh nghiệp nội địa, chúng tôi đề nghị chính phủ chú trọng chỉ đạo để cải thiện các chỉ số của liên quan trực tiếp: năng lực cạnh tranh nói chung với xếp thứ 55, năng lực hấp thụ công nghệ mới xếp thứ 93, chuyển giao công nghệ từ FDI sang doanh nghiệp nội địa xếp thứ 89, độ sâu của chuỗi giá trị tại Việt Nam xếp thứ 106, giáo dục đào tạo sau phổ thông xếp thứ 68. Cần cố gắng vươn tới chỉ số trung bình là 50 và thấp hơn trong thời gian tới thì mới tăng cường được kết nối giữa hai khu vực này. VCCI, các phòng thương mại và Liên minh Diễn Đàn Doanh nghiệp Việt Nam sẽ cố gắng xây dựng một chương trình để lựa chọn và hỗ trợ một nhóm các doanh nghiệp của Việt Nam có tiềm năng (local potential enterprises) kết nối với các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Chúng ta có thể chọn ra những lực lượng tiêu biểu nhất để tập trung các các biện pháp hỗ trợ, nâng cấp về quản trị công nghệ, để có thể kết nối với FDI.

Nhân kỷ niệm 30 năm ngày FDI có mặt tại Việt Nam và 20 năm vận hành Diễn đàn VBF, những động năng mới, cơ bản của nền kinh tế trong thời gian tới là: i/ tiếp tục đẩy mạnh cải cách thể chế, ii/ thực hiện tốt các FTAs, iii/ ứng dụng công nghệ 4.0, iv/ phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân; và v/ kết nối FDI với khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư – Ông Nguyễn Chí Dũng, Bộ trưởng

Chúng ta đều thống nhất rằng kinh tế Việt Nam trong nhiều năm qua đã đạt được những thành tựu hết sức quan trọng. Chúng ta cũng đánh giá cao nỗ lực của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành, đặc biệt là của cộng đồng doanh nghiệp trong việc cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế. Bên cạnh đó, chúng ta cũng nhận định nhiều cơ hội và thách thức, khó khăn trong thời gian tới và làm thế nào để có thể tận dụng được các cơ hội. Ví dụ:

- *Các hiệp định thương mại tự do mở ra một không gian phát triển mới, một thị trường mới. Vậy, cần nhìn nhận vấn đề hợp tác thế nào trong thời gian tới để tận dụng các hiệp định thương mại tự do này, vừa cạnh tranh nhưng vừa hợp tác với nhau, vừa bổ sung, hỗ trợ cho nhau để tranh thủ tận dụng cơ hội này.*

- *Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0*: đây là cơ hội để nền kinh tế có thể tăng tốc, rút ngắn khoảng cách phát triển với các nước. Doanh nghiệp FDI vẫn là khu vực tiên phong, dẫn dắt trong việc tận dụng cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.
- *Thách thức còn rất nhiều*: những căng thẳng thương mại, chủ nghĩa bảo hộ và ảnh hưởng của tăng trưởng kinh tế toàn cầu, những cái yếu kém nội tại của nền kinh tế, thách thức về đói nghèo, khoảng cách phát triển, biến đổi khí hậu.

Diễn đàn hôm nay tập trung nhiều vào chủ đề tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước. Mấu chốt của vấn đề là do yếu tố công nghệ. Các chỉ số liên quan đến khả năng hấp thụ công nghệ, khả năng nắm giữ công nghệ, phát triển công nghệ của các doanh nghiệp Việt Nam đang còn hạn chế, nên chưa đủ khả năng để kết nối với doanh nghiệp FDI. Vậy, doanh nghiệp FDI phải làm gì, hỗ trợ gì và tương tác gì và kết nối gì để thúc đẩy doanh nghiệp trong nước phát triển. Doanh nghiệp trong nước phải làm gì để nâng cao trình độ, khả năng hấp thụ công nghệ và Chính phủ cần hỗ trợ gì cho việc kết nối hai khối doanh nghiệp?

Diễn đàn cũng nêu ra nhiều vấn đề khác: thực thi pháp luật, cách hiểu, áp dụng các quy định pháp luật chưa được thống nhất, môi trường chuyển giao công nghệ, chứng khoán, năng lượng, các vấn đề về thuế về hải quan. Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Kế hoạch & Đầu tư đang nghiên cứu xây dựng Luật về Hợp tác Đối tác Công - tư (PPP). Dự kiến, Bộ sẽ trình quốc hội ban hành vào năm 2019. Bộ đề nghị cộng đồng doanh nghiệp FDI và tất cả các tổ chức hỗ trợ tham gia đóng góp ý kiến để bộ luật này được xây dựng một cách chất lượng nhất.

Về nông nghiệp công nghệ cao: nên tiếp cận theo cách hiểu là nông nghiệp hiệu quả cao, tức là phải gắn với chuỗi giá trị, thị trường tiêu thụ. Công nghệ cao là một công cụ để chúng ta thực hiện được “hiệu quả cao”.

Về Cách mạng Công nghiệp 4.0, Bộ Kế hoạch & Đầu tư đang được giao nhiệm vụ xây dựng chiến lược quốc gia về 4.0. Từ đó sẽ xây dựng các định hướng, giải pháp tái cơ cấu nền kinh tế trong các ngành, các lĩnh vực. Bộ đã trình bày báo cáo với Thủ tướng Chính phủ về xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia để hấp thụ, lan tỏa các công nghệ cho nghiên cứu phát triển, hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận; trong đó, sẽ thực hiện cơ chế đặt hàng nghiên cứu, sau đó chuyển giao lại cho các doanh nghiệp.

Bộ cũng đang xây dựng một mạng lưới để kết nối với các nhân tài người Việt Nam mà đang học tập và làm việc ở các cơ sở nghiên cứu, doanh nghiệp, tập đoàn ở nước ngoài. Các ý kiến thảo luận ngày hôm nay sẽ được Bộ Kế hoạch & Đầu tư tổng hợp, báo cáo Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ để phân công các bộ, ngành nghiên cứu và đề xuất để sửa đổi cơ chế chính sách.

Thủ Tướng Chính Phủ đã quyết định ngày mừng 4/10 sẽ tổ chức tổng kết 30 năm về thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Bộ mong muốn cộng đồng doanh nghiệp cùng tham gia với Bộ trong quá trình tổng kết, đánh giá các kết quả đạt được, cũng như là những vướng mắc khó khăn, những định hướng hợp tác trong thời gian tới, cùng tham gia tổ chức các sự kiện một cách thật là ý nghĩa, hiệu quả.